

TIN 21 VĂN

thông tin-nghị luận-sáng tác-văn học nghệ thuật



Văn Bút Nam Hoa Kỳ
Chủ Trương

TIN VĂN

Thông tin*nhị luận*sáng tác*văn học*nghệ thuật



VBVNH/Vùng Nam Hoa Kỳ chủ trương
8011 Findlay st. Houston, TX 77017
Email: vbtinvan@yahoo.com
tuyha81@yahoo.com

Phụ Trách Tổng Quát: Túy Hà
Thư Ký Tòa Soạn: Phạm Tương Như
Quản Lý: Mây Ngàn

Ban Biên Tập:

Nguyễn Đức Nhơn - Phạm Ngũ Yên - Huỳnh Quang Thế - Lê Thị Hoài Niệm - Vĩnh Tuấn - Yên Sơn - Huỳnh Vũ - Huỳnh Công Ánh - Lan Cao - Lưu Thái Dzo - Lê Hữu Minh Toán - Lê Hữu Liệu - Linh Phương - Nguyễn Thế Giác - Phan Đình Minh - Thu Nga - Trương Sĩ Lương - Vô Tình - Diễm Nghi - Cù Hòa Phong - Mây Ngàn - Lưu Nguyễn Từ Thúc - Nguyễn Tuấn Chương - Dương Phước Luyện - Dương Thượng Trúc - Song An Châu - Võ Thạnh Văn - Như Phong - Nguyễn Mạnh An Dân - Phạm Tương Như - Túy Hà.

Cộng Tác:

Tô Thùy Yên - Trần Hồng Văn - Vũ Tiến Lập - Nguyên Nhung - Quan Dương - Trọng Đạt - Phạm Thu Liễu - Đoàn Thy Vân - Cái Trọng Ty - Nguyễn Minh Triết - Trần Bang Thạch - S.E.Trần - Tiểu Thu. Nguyễn Lập Đông - Nguyễn Thị Thanh Dương - Thy Lan Thảo - SongThy - Dạ Dung Vũ - Ngô Thu Hồng - Kim Oanh - Trần Minh Hiền - Ngọc Anh - Trần Việt Cường - Nguyễn Phạm Thái - Chu Thụy Nguyên - Trần Yên Thụy - Như Ly - Văn Nguyên Đường - Châm Hồ - Văn Ngọc Thy - Vương Hồng Ngọc - Hoàng Thị Thanh Nga - Thy Lan Thảo - Nguyễn Bá Thận. Minh Xuân 538. Phạm Tín An Ninh - Linh Vang - Hoàng Lan. Mai Thanh Truyết.

Phụ trách trang Web: BBT Tin Văn

Trình bày bản văn: Cung Bảo Bình

Hình bìa số này: Tranh sơn dầu của họa sĩ Dương Phước Tấn



[http:// www.vanbutnamhoaky.com](http://www.vanbutnamhoaky.com)

2 Tin Vaên



Lời vào tập

Đầu năm thử tự nói về mình, về chân diện mục của một tập chí thiên về sáng tác văn học, dù khách quan hay chủ quan thì vẫn là một hiện hữu không chối cãi. Đã nhìn người với những khởi đầu rộn ràng như Xuân mới và hạ màn trong lặng lẽ chiều Đông. Vậy thử nhìn lại mình.

Tin văn từ nguyên ủy là một bản tin nội bộ vồn vện có 6 trang giấy khổ viết thư, gấp làm đôi dùng 2 mặt thành 24 trang kể cả bìa và dĩ nhiên chỉ có mỗi một màu mực đen cổ điển. Ba tháng một lần chủ yếu đưa tin nội bộ và gói ghém thêm vài sáng tác ngắn cho có, cho vui, như thêm chút gia vị vậy thôi.

Nhưng đã là người cầm bút sáng tác dù bất kỳ thể loại nào, chắc chắn ai cũng muốn những gì mình tạo ra từ tim óc, phải có người thưởng ngoạn bình phẩm, vì đó chính là thước đo khả năng và sự thăng tiến của chính mình. Một nhu cầu lặng lẽ hình thành qua những sáng tác gởi về trong đó ngắn dài cũng mang hàm ý muốn trang trải những những con chữ đã thành câu, những lời thơ đã thành cảm cho tự thân về những hoài niệm xa xôi, tiếc nuối cho miền Nam 20 năm văn học, khác gì:

*...Lá cũng mất như một lần đã lỡ
Trời đã xanh như tuổi ngọc đã xanh
Trời còn đỏ giữa tháng ngày lỡ dở
Hồn nguyên tiêu ai kiếm lại cho mình...**

Những câu thơ đầy cảm khái ấy trở thành một ám ảnh không nguôi ngoai trong lòng những người cầm bút còn muốn cống

hiến, chia sẻ cho đời những suy tư về thân phận, những viễn kiến cho tương lai, những nỗi dành bù trừ cho mất mát. Và còn xa hơn thế nữa là dẫn thân góp bút tranh đấu cho một thế giới tốt đẹp hơn. Đời lưu vong xa xứ ai ai cũng có lúc cảm hoài. Và dĩ nhiên còn rừng là còn củi, còn người viết là còn người đọc dưới bất kỳ hình thức nào.

Từ suy nghĩ thâm kín ấy, Bản tin Văn Bút Nam Hoa Kỳ dần dần thêm da chấp cốt. Đón nhận những hy sinh đóng góp trong âm thầm nội bộ để thoát xác trở thành Tạp chí Văn Học Tin Văn phổ biến rộng rãi khắp nơi. Bạn đọc, bạn viết mỗi lúc mỗi đông vui, không còn giới hạn trong nội bộ mà đã là chấp cánh bay xa bay cao vào bầu trời Văn học Hải ngoại. Thời gian trôi qua, ba tháng một lần vẫn đứng vững trên đôi chân khiêm tốn của chính mình. Với 21 số báo tạm định vị 250 trang, không kể những số đặc biệt kỷ niệm một sự kiện, một cột mốc cần ghi nhớ nào đó đã là một bằng chứng cụ thể cho thấy: có chủ trương đúng có hy sinh tận tình, có ưu tư chân thật có ước mơ đổi mới và nhất là có đồng tâm hiệp lực thì việc gì cũng có thể vượt qua khó khăn để vươn tới thành công.

Hiện thời đại kỹ thuật số đã xâm nhập vào mọi lãnh vực, mạng lưới thông tin toàn cầu dù là ảo hay thực cũng rộng thênh thang là một quan ngại cho những đời báo giấy. Vì vậy, sách báo thuần túy sống được chưa hẳn là do sự hy sinh riêng tư của người viết mà còn cần, rất cần sự ủng hộ vật chất cũng như tinh thần từ người đọc. Sẽ có một câu hỏi được nêu ra là duy trì sách báo giấy có cần thiết hay không. Câu trả lời xin để dành cho người đọc còn quan tâm đến vận nước của chính mình, vì chữ chính là hồn nước.

Tin văn số này ra đúng vào đầu Xuân nước Mỹ như một lời chúc An Bình Hạnh Lợi gửi đến bạn viết, bạn đọc và những đời Việt Nam ly xứ chưa vui.

**Trân trọng
Ban Biên Tập**

**thơ Bùi Giáng*

4 Tin Vaên



Lưu Nguyễn Từ Thúc



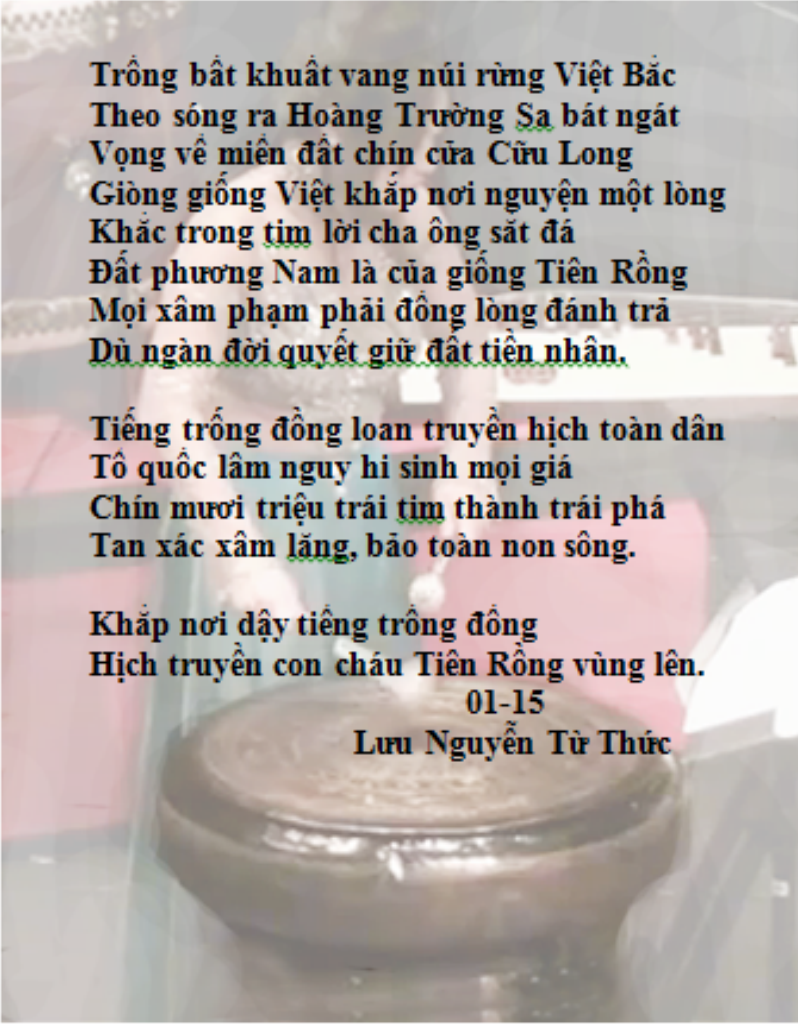
LỜI HỊCH TRỐNG ĐỒNG

Trong sông gió tiếng trống đồng vang vọng
Thúc dục toàn dân mau cứu non sông
Đất cha ông từ Trường Sơn biên rộng
Đang mất dân vào giặc Hán cuồng nông.

Tiếng trống vang vang như lời nhắn nhủ
Gương người xưa chống lũ giặc bá quyền
Trống Trưng Triệu đập sóng kinh rùa hận
Trống Chi Linh Lê Lợi quyết rền quân
Giết giặc Minh thoát gông cùm phương Bắc.

Trống Hùng Đạo với lời thề sắt thép
Cọc Bạch Đằng phơi xác giặc Nguyên Mông
Anh hùng Nguyên Huệ quân dân một lòng
Trống trận Đống Đa đoàn quân dũng liệt
Phá giặc Thanh giữa mừng vui pháo Tết.

Tiếng trống đồng vang vọng hồn dân Việt
Thôi thúc thanh niên đứng dậy kiên cường
Viết trang sử mới Phù Đổng Thiên Vương
Lòng yêu nước là lửa thân ngựa sắt
Thiên đót giặc thù gìn giữ biên cương.



Trông bắt khuất vang núi rừng Việt Bắc
Theo sóng ra Hoàng Trường Sa bát ngát
Vọng về miền đất chín cửa Cửu Long
Giòng giống Việt khắp nơi nguyện một lòng
Khắc trong tim lời cha ông sắt đá
Đất phương Nam là cửa giống Tiên Rồng
Mọi xâm phạm phải đồng lòng đánh trả
Dù ngàn đời quyết giữ đất tiền nhân.

Tiếng trống đồng loan truyền hịch toàn dân
Tô quốc lâm nguy hi sinh mọi giá
Chín mươi triệu trái tim thành trái phá
Tan xác xâm lăng, bảo toàn non sông.

Khắp nơi dậy tiếng trống đồng
Hịch truyền con cháu Tiên Rồng vùng lên.

01-15

Lưu Nguyễn Từ Thức



Tsl/Lão Gà tre 40 năm nhìn lại

Từ Xuân Ất Mão đến Xuân Ất Mùi -- đúng 40 năm. Bốn mươi năm dài lắm! Hai thế hệ 40 và 20 tuổi, thế hệ rường cột của dân tộc Việt, đã và đang trưởng thành từ quốc nội ra tới hải ngoại. Ở trong nước hai thế hệ ấy đã và đang làm gì? Thừa, đại đa số lo học hành, hay bỏ học vì hoàn cảnh nhiều khê, phải lăn vào các ngành nghề mưu sinh trong xã hội để chạy gạo, kiếm com hàng ngày cũng đủ hút hơi. Dù rất khó khăn với một xã hội ngày càng băng hoại, diên loạn, trộm cướp như rươi, ảnh hưởng nặng nề tới tuổi mới lớn, nhất là trên lãnh vực tâm lý. Thế nhưng thời nào cũng có anh hùng, một số nhỏ, phải nói là rất ít, có ý thức chính trị, có ưu tư về đất nước rất chín chắn. Đó là dân tộc phải sinh tồn, giới lãnh đạo quốc gia cần phải thay đổi để tiến tới Tự Do Dân Chủ Nhân Quyền như người dân của các quốc gia văn minh trên thế giới đã và đang hưởng thụ từ tinh thần tới vật chất, nếu không

biến thể thì phải thay thế. Do đó, những năm gần đây, những con người của thời đại đó, đã xuống đường đấu tranh rất hùng dũng, quyết liệt mà chúng ta đã thấy.

Họ biết gì? Thưa, họ cũng đã biết rất nhiều. Biết qua các mạng xã hội trên Internet, rằng người dân thế giới được quyền sống và hưởng mọi thứ tự do căn bản của con người. Nhưng sao người dân Việt phải sống mãi trong bóng đêm bao phủ bằng rình rập, lo sợ? Không! Ngày nay, trước đà văn minh tin học của nhân loại ở thế kỷ 21, và trước trào lưu dân chủ hóa toàn cầu, chế độ cộng sản đã không thể tiếp tục bùng bít, cô lập người dân trong bóng tối được nữa. Ánh sáng tự do đã lóe lên cuối con đường hầm mong đợi. Vì thế tuổi trẻ quốc nội đã, đang bật dậy như lò xo, dấn thân vào con đường đấu tranh đầy khó khăn, gian khổ, dứt khoát chống lại chế độ độc tài cộng sản; một chế độ dị hợm, tàn bạo, láo lùng, gât găm, xảo trá... thiết nghĩ không còn từ ngữ nào khác để diễn tả hết cái xấu xa của giai cấp thống trị cộng sản Việt Nam. Điều vô cùng quan trọng đã làm cho chúng ta hứng khởi là họ đang dần dần hết sợ bọn công an của bạo quyền luôn thì hành bắt bớ, đàn áp, bạo lực, theo dõi... như thể hệ cha ông của họ từng sợ cộng sản.

Họ đang đứng lên đòi lại quyền làm người trước tập đoàn “thái thú” CSVN – hèn với giặc, ác với dân; đồng thời họ chống chính sách Hán hóa của Trung Cộng (TC), bởi nó đã như tấm ăn dâu mấy chục năm qua, và đang tiến tới thời kỳ nguy hiểm cho tiền đồ tổ quốc Việt Nam, đó là đất nước thân yêu của chúng ta sắp lọt vào tay TC ngày càng lộ rõ, không thể chối cãi.

Còn thế hệ 40, 20 và thế hệ lớn hơn 5, 10 tuổi ở hải ngoại đang làm gì? Nghĩ gì về đất nước Việt Nam đang khổ đau dưới sự thống trị của bạo quyền CSVN?

Sau 40 năm được sinh ra, hoặc lớn lên trên đất người, họ đã thành công về mọi mặt, mọi ngành nghề trong xã hội, nơi những mảnh đất, xã hội mà cha ông họ đã gầy dựng bằng mồ hôi nước mắt trong suốt 40 năm qua. Ngày nay họ là giáo sư, là kỹ sư, bác sĩ, luật sư, chánh án, là khoa học gia, là dân biểu, nghị sĩ, là sĩ quan cấp tá, cấp tướng trong quân đội, là diễn viên điện ảnh, là triệu phú, tỷ phú v.v...lãnh vực nào họ có cũng đều có mặt, trường học nào cũng thấy con em người Việt đậu Thủ khoa, Á khoa. Vâng! Họ đã thật sự trưởng thành và đạt được những thành quả mà người dân bản xứ mơ ước cũng không có.

8 Tin Vaên

Thành công vượt bậc như vậy, nhưng tuổi trẻ Việt hải ngoại có nghĩ tới quê nhà và góp bàn tay tranh đấu, hoặc tiếp tay cho thể hệ trẻ quốc nội có thêm nghị lực để họ hoàn thành sứ mạng dựng nước và giữ nước không? Thừa có! Đã mang dòng máu Việt tộc, dù ở phương trời nào đi nữa, họ vẫn luôn nhớ tới cội nguồn, nhớ tới bốn phận phải làm rạng danh con Hồng cháu Lạc, hãnh diện dân Việt có người thông minh, hiếu học như thế. Ngược lại, họ cũng ưu tư, đau buồn, nếu không muốn nói là nhục nhã, khi nghe dân Việt, ở đâu đó tại châu Á, bị tai tiếng trộm cắp; và cũng ở đâu đó, có người làm ăn những thứ phi pháp hàng loạt ở châu Âu...

Khi nghe dân tộc có một lịch sử dựng và giữ nước oai hùng như thế trong mấy ngàn năm qua, nhưng ngày hôm nay dân tộc lại bị đội số nghèo đói, lạc hậu nhất thế giới. Tự ái lắm chứ! Và họ tự hỏi tại sao? Nhưng rồi... chính họ đã có câu trả lời từ trong đáy lòng mình: *“Chế độ CS đã tạo nên cảnh đói nghèo. Bần cùng sinh đạo tặc. Đói nghèo thì phải ăn cắp. Ăn cắp riết rồi trở thành quán tính. Đó là hệ lụy sau 70 trông người của đảng CSVN. Nếu không có họ Hồ cướp chính quyền vào năm 1945 thì nước Việt Nam cũng sẽ giành được độc lập và thoát khỏi ách đô hộ bạo tàn (hơn 80 năm) của bọn thực dân Pháp.”*

Thế nhưng, tránh vô đưa lại đập vô dũa, những gì Hồ chí Minh, người sáng lập chế độ toàn trị từng lên án rất nghiêm khắc về sự tàn bạo, bóc lột và bắt công dưới chế độ thực dân Pháp bao nhiêu, thì dưới chế độ toàn trị của đảng CSVN còn tồi tệ và dã man hơn sau 70 năm họ chính thức nắm quyền cai trị đất nước. Vâng! Họ không những đã xé tan tành, vùi dập một dân tộc thông minh, cần cù, năng động, đầy nhân bản... mà còn dâng biển, bán đất cho ngoại bang Tàu cộng để vinh thân phì gia. Đó là tội bá đạo, tội Đất không dung, Trời không tha!

•40 Năm Qua Chúng Ta Đã

Làm Được Gì?

Phải tự trách mình trước, làm thì ít nhưng phá thì nhiều. Có lòng, có dũng, có chí khí, nhưng thiếu tổ chức chặt chẽ nên bị địch vận làm tan tành đoàn thể đấu tranh. Có lòng, nhưng cái tôi quá lớn; có dũng nhưng thiếu kiên trì; có chí khí, nhưng thiếu chịu đựng và có can đảm nhưng thiếu hy sinh, dù là hy sinh việc nhỏ, chứ chưa nói tới việc lớn, lắm khi phải hy sinh cả tánh mạng.

Làm chính trị mà thiếu tình báo để biết địch, biết mình, thiếu nhận diện, thiếu nghiên cứu, thiếu phân tích dữ kiện chính xác v.v... nên luôn bị địch cây người vào và áp dụng chiêu ly gián mà ngay cả những người nắm giữ tổ chức đoàn thể cũng không hề biết. Cho nên khi biết thì đã quá muộn!

Nói thì nói, nhưng bản lão cũng xin được tự nguyện biện đề an ủi: *“Ngay cả dưới thời Cụ Diệm và Cụ Thiệu của chính thể VNCH đều bị địch vận. Mặc dầu có mật vụ, có an ninh dày đặc mà còn bị vc nằm vùng, nằm chính inh ngay trong dinh Độc Lập như hai tên Trần Xuân Ẩn, Huỳnh Văn Trọng và nhiều tên nữa... thì tổ chức chính trị lỏng lẻo của người Việt hải ngoại nổi lên như lửa rom, rồi cháy tàn theo gió thoảng mây bay chỉ là chuyện rất dễ xảy ra”*. Nói đi thì phải nói lại. Đa số thành viên, hay đoàn viên của hầu hết các tổ chức chính trị đều chỉ làm việc bán thời gian, làm công tác tình nguyện, không hề có bổng lộc, không hề có công tác phí nên dễ bị chán nản và bất mãn khi gặp những trạng huống khó khăn về vấn đề cá nhân, gia đình, hoặc những tự ái cá nhân không cần thiết. Thế nhưng, dù bị địch cây người vào tổ chức chánh trị rất kín, rất tinh vi như trong phim ảnh gián điệp; mặc dù bị NQ-36 của CSVN tung hoành, mua chuộc bằng tiền, bằng mỹ nhân kế và bằng sinh tử phù v.v... nhưng phải thành thật công nhận lớp người, từ sau khi thất thủ miền Nam vào 30-4-75 cho đến 20 năm sau, tức thời điểm của năm 1995, đã làm được nhiều việc lắm! Nhiều anh hùng tên tuổi đã lên đường quay về phục quốc và phải hy sinh khi bị sa cơ thất bại. Lớp này đi lớp khác tiếp nối không hề sừng lờn, nản chí. Đó là sự thật! Người ta tin rằng những người hy sinh vì đại cuộc, chết mà tâm nguyện chưa thành, nên họ sẽ trở thành quí nhân để phù hộ cho lớp người nối tiếp bằng tấm lòng sắt son với tổ tiên dân tộc. Từ đó, có thể luận rằng thành phần phản bội, bán đứng anh em, bán đứng thành viên chắc chắn sẽ phải trả giá + với tiền lời. Một mình chứng rất rõ ràng là thành phần theo thực dân Tây, công rắn cắn gà nhà; thành phần theo cộng sản hăm hại tập thể dân tộc Việt Nam. Cả hai thành phần này đều tạo nghiệp và tác động vào Cộng Nghiệp nặng nề, do đó, trước sau vẫn là phi dân tộc thì sẽ không bao giờ được nằm trong lòng dân tộc. Sớm muộn cũng sẽ bị đào thải.

•CSVN Thò Tay Ra Hải Ngoại

Làm Gì?

Đó là câu hỏi rất dễ trả lời?

10 Tin Vaen

1) Cộng sản phải cố nắm hơn 3 triệu người Việt hải ngoại để dẹp những mầm mống chống đối liên tục từ 40 năm qua. Phải xé nát các tổ chức đấu tranh chính trị mọi giá, bằng cách gây chia rẽ, quấy phá, mạnh nhất là tung NQ-36 vào năm 2003.

2) Để dẹp thế lực nguy hiểm này, phải nắm, hoặc tung tiền làm chủ cơ sở truyền thông, văn nghệ, văn hóa, giải trí, các cơ sở thương mại từ tiểu thương tới các công ty đại quy mô khác để gây ảnh hưởng trong sinh hoạt của các hội đoàn, cộng đồng.

3) Tung công an mạng lên các diễn đàn để tạo mâu thuẫn, đâm bên này, thọc bên kia, khai thác triệt để, tạo nghi kỵ trong tập thể hội đoàn, cộng đồng và mục tiêu cuối cùng của CSVN là làm cho không còn ai tin ai nữa. Trong đó, công an mạng và những tên tay sai đã tạo ra những mâu thuẫn trong nội bộ các tôn giáo; đồng thời khai thác kẻ hở giữa những tranh cãi về tôn giáo để tạo thêm chia rẽ hận thù cho CSVN hưởng lợi.

•Đám Chóp Bu CSVN Đang

Tranh Nhau Ra Mặt

Tình hình VN hiện nay rất sôi nổi, chính giới đều có nhận xét khá rõ: Nội bộ Đảng CSVN đang tranh nhau để nắm vị trí số 1 của đảng CSVN, vì đầu năm 2016 sẽ bầu Đại Hội đảng lần thứ XII. Ai cũng biết, trước đại hội đảng, cứ 5 năm tổ chức 1 lần, không ít thì nhiều, đều có vấn đề tranh nhau giành chức vị, nhất là chức Tổng Bí Thư đảng.

Hiện nay ai cũng thấy rõ nội tình của đảng CSVN đã chia làm hai phe trầm trọng. Qua hội nghị Trung ương 10, kẻ thù của TBT Nguyễn Phú Trọng đã chính thức lộ diện, đó là TT Nguyễn Tấn Dũng, người đã một lần làm cho Trọng (lú) ngán lệ trực tiếp trên đài truyền hình, khi ông đòi kỷ luật Thủ Dũng mà không được BCH Trung Ương đồng thuận.

Biết được tâm ý của TBT Trọng theo Trung Cộng (TC), ông Dũng không từ bỏ cơ hội nào để khai thác trước dư luận đảng viên và quần chúng, bằng những lời tuyên bố rất lạ, không hề sợ mất lòng TC:

1) Không thể đánh đổi chủ quyền quốc gia lấy tình hữu nghị viễn vông.

2) Không có chuyện nhà anh cũng là nhà tôi.

3) Đầu năm 2015 ra lệnh chuẩn bị bảo vệ đất nước từ Trung ương đến làng xã địa phương.

4) Đưa Hoàng Sa, Trường Sa vào chương trình giáo dục.

5) Cho Bộ trưởng Đinh La Thăng phê bình công khai nhà thầu TC vô trách nhiệm gây ra tai nạn chết người tại công trường xây dựng ở Hà Nội.

6) Người dân được làm tất cả những gì luật pháp không cấm.

7) Công khai đề nghị phải có luật biểu tình.

8) Không thể cấm thông tin trên mạng xã hội.

9) Tôn trọng quyền được biết của dân

10) Phải thay đổi thể chế.

Theo cây bút Nguyễn Trung Chính (quốc nội): “Từ đầu năm 2015, cuộc chiến đến hồi ngoạn mục: Hai bên đều có đầy đủ hồ sơ tham nhũng do các trưởng ban phòng chống tham nhũng của chính phủ, rồi của Đảng, cung cấp; đã có trang “Chân Dung Quyền Lực” bươi ra mọi chuyện; đã có những bức thư nặc danh chống nhau, tố nhau là theo Tàu, đòi xin nhau tí huyết, gửi đến các trang mạng xã hội lề... không theo đảng.

•Hiện nay chỉ có hai yếu tố

có thể đổi đời:

1) Một là một số lãnh đạo Đảng trở cò, làm cho đảng trong sạch, trở về với dân tộc để đưa đất nước tiến lên. Trong bối cảnh còn độc tài, độc đảng hiện nay con đường này có lẽ là tối ưu(!). Người ta hay nói lập đảng này, đảng nọ để đấu tranh nhưng tất cả đều, tôi không biết dùng chữ gì nên cứ tạm gọi là “hữu danh vô thực”, vì không thể nhảy vào sân chơi độc tài bằng cách đưa đầu ra cho nó đập, tức là áp dụng luật chơi dân chủ đa đảng như ở các nước dân chủ. Các đảng thành lập ở trong nước như Đảng dân chủ 21 của cụ Hoàng Minh Chính rồi cũng vượt biên ra hải ngoại, các đảng thành lập ở hải ngoại để “đưa lửa” vào trong nước thì hiện nay nếu không tan thì cũng còn trong tình trạng “Đốt lò”. 40 năm Saigon thất thủ, 40 năm đảng cộng sản toàn trị trên cả nước rồi chứ có ít ỏi gì nữa.

2)Yếu tố thứ hai là toàn dân nổi dậy dẹp đảng cộng sản để cứu đất nước. Điều này có thể xảy ra. Có ai đoán trước được Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, có ai đoán trước được các dân tộc Trung Đông nổi lên tiêu diệt các tay độc tài?”

Trong trường hợp nếu đảng viên và quần chúng không làm áp lực mạnh thêm lên để tạo thế mạnh thì khó còn hy vọng nào nữa. Nếu không có những hành động mạnh hơn, cao hơn để quần chúng và đảng viên đi theo thì e rằng đến cuối năm nay quần chúng và ngay cả đảng viên tiến bộ cũng sẽ thất vọng. Và nếu ông Thủ Dũng có

thật lòng muốn thay đổi đảng của ông để trở về với dân tộc thì những đảng viên cùng trí thức tiến bộ sau khi kêu gọi mọi người ký tên trong các kiến nghị rồi dừng ở đó thì lịch sử rồi cũng chỉ nằm trong tay một cá nhân, vượt hẳn khỏi tầm tay quần chúng. Nếu thế tương lai đất nước chỉ còn là việc trông trời trông đất trông mưa...

Trong khi đó, ông Lê Anh Hùng, một blogger (quốc nội) cho rằng “những phát biểu hùng hồn của ông Dũng nhắm vào TC và những lời “cảnh cáo” mà Hoàn Cầu Thời Báo nhắm vào ông Dũng chẳng qua chỉ là trò loè bịp dư luận do Trung Nam Hải giật dây, hòng tạo điều kiện cho con bài đắc dụng nhất của họ “ghi điểm” trong mắt công chúng Việt Nam hầu tiến tới thâm tóm ngôi vị tối cao tại kỳ Đại hội Đảng thứ XII sắp đến. Mặc dù đứng ở vị trí thứ ba, hệ thống “ngôi thứ” của bộ máy đảng, nhưng ông Dũng vẫn được đánh giá là nhân vật quyền lực nhất Việt Nam nhiều năm qua.

Ông Nguyễn Tấn Dũng đã khẳng định trước Quốc hội hôm 19/11/2014 rằng quan điểm của ông ta trong quan hệ với TC là “vừa hợp tác, vừa đấu tranh”. Vậy ông ta sẽ “vừa hợp tác, vừa đấu tranh” với TC như thế nào một khi trở thành nhà lãnh đạo tối cao của Việt Nam? Xin thưa, quá trình “Hán hoá” Việt Nam sẽ còn diễn ra nhanh hơn so với thời kỳ ông ta làm Thủ tướng, bởi lúc này chẳng còn thế lực nào ở Việt Nam đủ sức thách thức quyền lực với ông ta cả.

Hãy nhìn lại 9 năm dưới “triều đại” của Thủ Dũng xem Việt Nam đã bị “Hán hoá” đến thế nào để hình dung ra bộ mặt Việt Nam 10 năm tới dưới “triều đại” của Tổng Bí thư/Tổng thống Nguyễn Tấn Dũng.”

•Lời Kết:

Xem ra năm nay Ất Mùi, Ất là một trong số 10 can: Theo thứ tự: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý của Thiên can. Ất là thiên can thứ hai, đứng trước nó là Giáp và đứng sau nó là Bính, Kết hợp với Mùi của 1 trong 12 con giáp: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu Tuất, Hợi.

Năm Ất Mùi 2015 là mệnh Kim hay Sa Trung Kim, tức "vàng trong cát", dễ có gió bão phát sinh, thời tiết có khí âm u, sương mù do bụi ô nhiễm ẩm đậm, mưa tuyết lạnh, rét buốt kéo dài vì Ất là Âm mà Mùi cũng là Âm, hai Âm xấp lại nên lạnh lẽo, rét mướt là

phải. Đó là chưa nói tới chiến tranh lung tung từ Âu châu, Trung Đông, Á châu...

Theo Dương lịch, ứng với can Ất kết thúc là số 5. Ví dụ 1925 (Ất Sửu), 1935 (Ất Hợi) 1945 (Ất Dậu), 1955 (Ất Mùi), 1965 (Ất Tỵ), 1975 (Ất Mão), 1985 (Ất Sửu), 1995 (Ất Hợi), 2005 (Ất Dậu), 2015 (Ất Mùi) v.v... Mỗi Ất cứ thế mà lập lại 10 năm 1 lần, nhưng không gặp lại giống con giáp vì địa chi có 12 con giáp.

Theo lịch sử nước nhà, trận đói năm Ất Dậu (1945) miền Bắc Việt Nam chết hơn 2 triệu người. Cũng mùa Thu năm ấy, Hồ Chí Minh cướp chính quyền. Sau đó qua Hiệp Định Geneve 1954 chia đôi VN thành hai nước, lấy sông Bến Hải, vĩ tuyến 17 làm biên giới ngăn chia hai miền Nam Bắc. Miền Bắc, gọi là Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa, theo chủ thuyết Cộng Sản quốc tế, thân Nga Tàu, do Hồ Chí Minh lãnh đạo. Miền Nam là Việt Nam Cộng Hòa, do TT Ngô Đình Diệm lãnh đạo, thuộc thế giới tự do, được Hoa Kỳ và các nước đồng minh trong khối Tự Do yểm trợ, chống lại CS Bắc Việt xâm lăng miền Nam từ đầu thập niên 1960, lấy danh nghĩa “giải phóng miền Nam”.

Năm Ất Mão (1975), CSBV vi phạm Hiệp Định Ngưng Bắn Paris, xua đại quân cưỡng chiếm miền Nam vì Hoa Kỳ giảm và cúp viện trợ quân sự. Năm Ất Mão cũng cả triệu người chết sông, chết biển, chết núi, chết rừng khi chạy trốn cộng sản, tìm tự do. Trong năm Ất Mão hơn chục triệu người dân vô tội khác đã sống trong cuộc đời đời khổ cùng cực, sau khi CSBV đặt nền đô hộ lên miền Nam Việt Nam với một từ ngữ nghe “êm tai” là thống nhất đất nước!

Sau hơn 70 năm qua, đảng CSVN đã mang lại quá nhiều đau khổ, bất hạnh, nghiệt ngã cho dân tộc VN. Những dối gian, phỉnh gạt, tẩy não... đã không còn hiệu nghiệm nữa. Chiếc mặt nạ của chủ nghĩa CS đã bị người dân kéo xuống, vứt vào sọt rác. Ngay cả đảng viên CS cũng đã chán nản, ghê tởm trò bịp bợm này. Đã đến lúc con người cộng sản phải biết sám hối trước hồn thiêng sông núi, tổ tiên để còn đường quay về với dân tộc.

Lão Gà Tre



Dương Thượng Trúc **Bất chợt mùa Xuân**

Bất chợt mùa Xuân đến lạnh lùng
Như đàn gieo nốt nhạc ngang cung.
Tơ lòng ai khấy mà rung phím
Vang những thanh âm thật náo nùng.

Bất chợt mùa xuân đến hững hờ
Cho sầu thương nhuộm tím hồn thơ.
Mai đào đâu nhỉ! Mà Xuân đến.
Chỉ thấy lá vàng rơi xác xơ

Bất chợt mùa Xuân đến âm thầm.
Khơi nguồn bao ký ức xa xăm
Đâu những mùa Xuân ngày xưa ấy.
Phai nhạt ước nguyện theo tháng năm

Bất chợt mùa Xuân đến xót xa
Nhân thế bao người hiểu lòng ta.
Mai Xuân trở gót ta về đất.
Nâng chén quan hà ta tiễn ta.

Thủy gia trang 1/ 2015



Mai Thanh Truyết **Thư gửi Tuổi Trẻ Việt Nam**

Thưa Các Bạn trẻ Việt Nam,
Hàng năm, mỗi lần gió Đông về gợi nhớ lại những ngày của tháng chạp, tháng chuẩn bị cho cái Tết cổ truyền Việt Nam mà dư luận ở Việt Nam (có thể qua gợi ý của CS Bắc Việt) đang cố sùs phong trào hủy bỏ những ngày truyền thống thiêng liêng này, những dòng chữ sau đây xin gửi vài lời chia sẻ cùng với các Bạn Trẻ trong nước.

Thưa Các Bạn,
Một điều chắc chắn là, chúng tôi, những người tha hương khắp nơi trên thế giới sẽ không quên và sẽ không bao giờ quên nỗi đau khổ của những người con Việt ngày nào còn dấu chân của cường quyền trên quê hương. Lại thêm một năm qua đi, bà con càng chịu thêm nhiều áp bức, gia đình phải ly tán vì miếng cơm manh áo, vì bị cướp đất, dời nhà, thậm chí phải chịu lao tù vì đã can đảm đứng lên nói tiếng nói dân chủ nhân quyền cho Việt Nam.

Thưa Các Bạn,
Câu chuyện Việt Nam vẫn là mối ưu tư hàng đầu của mỗi người trong chúng ta. Nó chiếm trọn vẹn quỹ thời gian của chúng ta, trong những lúc ăn uống, lúc làm việc kiếm cơm, ngay cả những lúc trà dư tửu hậu nữa.

Vì sao?

Vì đó miền đất tổ của cha ông ngàn đời để lại. Vì đó là nơi trên 90 triệu bà con mình còn quần hoai đau khổ trước gọng kềm của chế độ. Chúng ta không thể vui trong hoàn cảnh như thế. Chúng ta không thể quên, dù là trong giây phút, tiếng kêu thương tuyệt vọng của những người cùng khổ trên quê hương. *Do đó, người Việt ở hải ngoại luôn luôn đứng bên cạnh cùng Các Bạn Trẻ Việt Nam.*

Chúng ta đang sống trong thời đại toàn cầu hóa, trong một thế giới đa cực, ***chúng ta không còn dựa theo một chủ thuyết tư bản hay chủ nghĩa xã hội để làm nền cho sự phát triển đất nước.*** Ngày hôm nay chúng ta không còn thì giờ để chiêm nghiệm và "lập thuyết" nữa.

Thế kỷ 21 hôm nay cho chúng ta thấy một thế giới **MỞ**, mở cho mỗi cá nhân và mở cho tập thể, thậm chí cũng mở cho những người quản lý đất nước. ***Thế giới ngày hôm nay không còn chỗ đứng cho chủ nghĩa độc tôn, độc đảng.*** Quan niệm lãnh tụ phải được thay thế bằng cung cách làm việc tập thể (team work). Kinh nghiệm Việt Nam cho chúng ta thấy chính sách quản lý của 16 Ủy viên Bộ Chính trị Việt Nam hiện tại đã đưa đất nước vào chỗ bế tắc và nghèo đói.

Vì vậy, giải quyết câu chuyện Việt Nam chỉ là cố gắng động não về những phương cách ngõ hầu mang lại trong tương lai những phúc lợi về y tế tối thiểu cho bà con Việt, cải thiện hệ thống giáo dục đã bị ô nhiễm và hủy hoại sau thời gian dài chịu sự áp đặt của chế độ, cũng như giải quyết những vấn nạn môi trường mà chế độ đã phát triển quốc gia trong chiều hướng hủy diệt môi trường thay vì bảo vệ.

Đảng và Nhà Nước Việt Nam hiện tại không giải quyết được những vấn đề dân sinh dân trí cho người dân, thậm chí còn làm cho vấn đề ngày càng trầm trọng thêm lên. Đã phải đến lúc ***chính người dân trong nước phải tự trang bị hành trang để tự cứu mình như những thông tin, những hiểu biết trong cuộc sống hàng ngày đối mặt với nguy cơ ô nhiễm nguồn nước, không khí, và trong đất, nguy cơ trước mắt trong thực phẩm và nhất là nguy cơ trước những vi phạm quyền của con người đã ghi rõ trong Bản tuyên ngôn quốc tế nhân quyền của Liên Hiệp Quốc mà chế độ hiện hành đã phê chuẩn.***

Thưa Các Bạn Trẻ,

Muốn thực hiện những suy nghĩ tích cực trên, và trong điều kiện hạn hẹp của một người con Việt sống xa quê hương, những gì người Việt hải ngoại cần phải làm ngày hôm nay là ***chuyển tải những thông tin khoa học, những biến chuyển thực sự đang xảy ra trên đất nước mà người dân quốc nội không hề biết qua chính sách thông tin một chiều của chế độ.*** Những tin tức cập nhật nhứt về nguy cơ Hán hóa, về nguy cơ diệt chủng của Trung

Cộng dù ít dù nhiều cũng có thể làm bà con càng cảnh giác thêm nữa.

Lại thêm một năm qua, Quý bà con, nhứt là Tuổi Trẻ Việt Nam đã vượt qua sự sợ hãi do chế độ đã cấy sinh tử phù vào lòng dân tộc từ những ngày đầu tiên dày xéo miền Nam thân yêu của chúng ta. Nhưng hôm nay, mọi sự đã xoay ngược 180 độ. ***Chính những người cộng sản Việt đã bị chính sinh tử phù của họ xâm nhập vào não trạng. Càng đàn áp, càng trấn lột người dân, càng phát biểu những lời đánh thép, cao ngạo, chính là lúc người cộng sản ...đang sợ.***

Họ sợ người dân, họ sợ Tuổi Trẻ và họ sợ với chính những đảng viên đang cùng chung một việc là áp dụng chuyên chính vô sản với dân. Sự đoàn kết chung quanh đảng dưới lá cờ chủ nghĩa Mác Lê chỉ còn là những tiếng vọng từ đáy vực, một chuẩn bị cho hiện tượng Big Bang của đảng cộng sản Việt Nam trong những ngày sắp tới mà thôi.

Thưa các Bạn Trẻ,

Hy vọng từ nay cho đến cuối năm Giáp Ngọ, mỗi khi vọng về cố hương, với tư cách một người con Việt, xin thành tâm chúc lành đến các bạn Trẻ và mong sao các **Bạn vẫn còn giữ vững niềm tin, vẫn chân cứng đá mềm để có thể vượt qua quốc nạn do cường quyền áp đặt lên đất nước suốt gần 40 năm qua.**

Và từ niềm tin đó, chúng ta không tuyệt vọng cho tương lai của dân tộc. và chúng tôi, những người con Việt hải ngoại luôn luôn đứng bên cạnh các Bạn.

Mai Thanh Truyết

Một ngày mới, rạng đông cho năm ...2015



TẠI SAO TÔI VIẾT

Alexander Solzhenitsyn

The Nobel Prize in Literature 1970

TÔI KHÔNG THỂ NÓI RẰNG TÔI VIẾT RA CÁC TÁC PHẨM CỦA MÌNH ĐỂ MỞ MẮT CHO PHƯƠNG TÂY. THẤY NHỮNG GÌ ĐÃ DIỄN RA Ở PHƯƠNG ĐÔNG. TRƯỚC TIÊN, TÔI VIẾT TẤT CẢ CÁC TÁC PHẨM NÀY VÌ LỢI ÍCH CỦA CHÍNH NHÂN DÂN TÔI, VÌ NHỮNG NGƯỜI NGA, BỞI VÌ CHÍNH CHÚNG TÔI KHÔNG BIẾT LỊCH SỬ CỦA CHÍNH MÌNH.

KHÔNG CHỈ PHƯƠNG TÂY KHÔNG BIẾT LỊCH SỬ CỦA CHÚNG TÔI, CHÍNH CHÚNG TÔI ĐÃ MẤT LỊCH SỬ...

NHỮNG SỰ KIỆN GẦN ĐÂY, CẢ TRƯỚC VÀ SAU CÁC MANG ĐÃ BỊ XÓA SẠCH. CÁC TÀI LIỆU ĐÃ BỊ THIÊU ĐỐT. CÁC NHÂN CHỨNG ĐÃ BỊ GIẾT CHẾT. VÌ THẾ TÔI ĐÃ VÀ ĐANG NỖ LỰC ĐỂ TÁI TẠO LẠI SỰ THẬT, TẤT CẢ SỰ THẬT VỀ NƯỚC TÔI, VÀ TÔI ĐÃ LÀM ĐIỀU NÀY CHỦ YẾU VÌ LỢI ÍCH CỦA CHÍNH NHÂN DÂN TÔI.

ALEXANDER SOLZHENITSYN

SOURCER :BBC NEW/EUROPE/TRẦN QUỐC VIỆT DỊCH.



“Je suis Charlie!” (“Ta là Charlie Hebdo đây!”)

Ngày 7 tháng 1 năm 2015, Ngày Thứ Tư Đen của thế kỷ 21; Ngay tại kinh đô ánh sáng Paris, bọn khủng bố man rợ đã xả súng tiểu liên AK Kalachnikov nã những viên đạn oan nghiệt vào toà soạn tuần báo trào phúng Charlie Hebdo.

Tất cả các nhà báo, nhà hí hoạ của tuần báo này đều bị giết.

Ngày 7 tháng 1 năm 2015, Ngày Thứ Tư Đen của thế kỷ thứ 21; Ngay tại kinh đô ánh sáng Paris, bọn khủng bố cuồng tín man rợ đã xả súng bắn vào bản “Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền” trong đó có những quyền tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng là những quyền quan trọng nhất mà loài người đã phải tranh đấu mấy ngàn năm mới đạt tới kết quả.

“Je suis Charlie!”(*Ta là Charlie Hebdo đây!*) cũng có thể hiểu là *“Chúng ta sẽ bảo vệ quyền tự do ngôn luận bằng mọi giá”*.

Lời tuyên bố trên đây đã trở thành hiện thực khi vào ngày 11 tháng 1 năm 2015 vừa qua, hàng triệu người gồm cả những vị lãnh đạo quốc gia đã xuống đường trong một cuộc tuần hành vĩ đại tại kinh đô ánh sáng Paris và trên toàn nước Pháp.

Theo tin tức trên các diễn đàn điện tử, *“tuần báo Charlie Hebdo sẽ tiếp tục xuất bản đủ nói lên sự can trường của những chiến sĩ quyết tâm chống lại bạo lực chỉ bằng ngòi bút, vừa vinh danh những người đã chết vừa chứng tỏ quân khủng bố không thể giết chết được quyền tự do phát biểu.*

Những người vừa nằm xuống hôm qua đã đưa tiếng cười vào giữa lòng cuộc sống của chúng ta đã nằm xuống để sống mãi với thiên thu; bởi bọn khủng bố man rợ không thể giết hết những người cầm bút với mục đích “đưa tiếng cười vào giữa lòng cuộc sống, để chúng ta được tự do hơn. Hơn bao giờ hết, tự do tư tưởng, tự do ngôn luận là động lực trong đời sống hàng ngày của mỗi chúng ta”

(Trích từ “911 Paris: Khủng bố hồi giáo và khủng bố VN” - ***Nguyễn Thị Cổ May***)

LIÊN HỘI NHÂN QUYỀN VIỆT NAM (THỤY SĨ)

Jan 17 -2015

Đôi lời kính gửi

Quý bạn đọc và Quý diễn đàn trước khi vào Bản Tin :

*Cuộc tấn công dã man nhằm sát hại toàn ban biên tập viết và vẽ **Charlie Hebdo**, luôn cả quyền tự do phát biểu và thể hiện quan điểm ở giữa Paris, thủ đô nước Pháp, càng làm chúng tôi nhớ đến Hà Nội, Huế, Sài Gòn bị tạm chiếm, nhớ đến Việt Nam bị đầy đọa khổ nhục, mất hết nhân phẩm và nhân quyền. Chúng tôi nói **“Chúng ta đều là Charlie”** vì Anh Chị Em, thay vì cầm bút, lại đang đeo còng số 88 nổi tiếng thế giới của đảng xã hội đen mang cờ đỏ sao vàng và búa liềm. Anh Chị Em bị đánh đập tàn nhẫn giữa ban ngày, bị bắt cóc, bị biệt giam hãm tối, bị bịt miệng, bị tước đoạt tiếng nói ngay trên quê hương thân yêu của mình. (LTS LHNQVN-TS)*

@

Bản Tin

Chúng ta đều là Charlie

Hãy đem tiếng nói của các bạn góp vào tiếng nói của chúng tôi *

Chúng ta đều là Charlie, những người bạn và đồng nghiệp của chúng ta đã bị ám sát. Các nhà văn và nhà báo của chúng ta đang bị bắt làm con tin khắp nơi trên thế giới. Đừng quên mà hãy nhớ đến Anh Chị Em đó. Họ là những người chuyên chở ước mơ và phiêu lưu của chúng ta, họ còn là nhân chứng cho những thực trạng nhân loại. Họ bị gây hấn, tra tấn, cầm tù, bị bắt cóc, ám sát hoặc bị đầy ải, bắt buộc lưu vong chỉ vì họ đã viết thành văn hoặc nói nên lời. Họ bị bịt miệng, tước đoạt tiếng nói. Và một loại kiểm duyệt tối hậu : giết chết tác giả nào mà ngôn ngữ, bài ca tiếng hát và các tranh vẽ đã gây tỉnh thức xã hội. Theo Văn Bút Quốc Tế, trong vòng một năm, có hơn ba mươi vụ ám sát nhà văn và nhà báo. Chúng ta vẫn nhớ rằng ngày 2 tháng Mười Một năm 2013, tại nước Mali, lòng dạ thiếu khoan dung và đầu óc cuồng tín mù quáng đã gây ra cái chết bi thảm và đau đớn cho hai bạn đồng nghiệp của chúng ta, bà Ghislaine Dupont và ông Claude Verlon, phóng viên cộng tác với đài phát thanh Pháp quốc tế (RFI). Từ

Tin Vaên 21

ngày hai nhà báo bị sát hại, máu không ngừng đổ, cái chết vẫn xảy đến cho các đồng nghiệp khác. Và các cây viết, đủ loại và bút chì tiếp tục bị tịch thu, bị bẻ gãy và bị đầy ải. Nhà văn và nhà báo, nhút lả phóng viên, bị giết chết nhưng thủ phạm sát nhân không bị trừng phạt trong rất nhiều trường hợp.

Vì vậy chúng ta hãy phần nộ, hãy biểu tỏ sự đoàn kết với tuần báo Charlie, với các nhà văn và nhà báo – những người mang ánh sáng thông tin chống lại bóng tối của bạo lực đe dọa, của bọn đồng lõa và kẻ đón hèn. Chúng ta hãy cùng nhau cất cao tiếng nói, dù có thể uất nghẹn, thấp lên một ngọn nến, dù mong manh, để xua đi màn đêm băng giá của tính thờ ơ vô cảm, nỗi im lặng sợ hãi và thói đời quên lãng.

Chúng ta hãy góp lời cầu nguyện cho tất cả nạn nhân của cuộc tấn công dã man và tội ác nhằm sát hại tuần báo Charlie, luôn cả quyền tự do phát biểu và thể hiện quan điểm. Chúng ta hãy bày tỏ niềm thương cảm và thành thật chia buồn với thân nhân tang quyến, cùng bạn hữu và những đồng nghiệp sống sót trong cuộc thảm sát này.

Genève ngày 8 tháng Giêng năm 2015

Nguyễn Hoàng Bảo Việt

Phó chủ tịch Trung tâm Văn Bút Thụy Sĩ Pháp thoại (Ủy Ban Nhà Văn bị cầm tù).

***Văn Bút Quốc Tế** <http://www.pen->

[international.org/centresnews/pen-suisse-romand-joignez-vos-voix-aux-notres-nous-sommes-tous-charlie/?lang=fr](http://www.international.org/centresnews/pen-suisse-romand-joignez-vos-voix-aux-notres-nous-sommes-tous-charlie/?lang=fr) 9 janvier 2015

***Nhật báo Tribune de Genève** <http://www.tdg.ch/monde/> 13 janvier 2015

[http://epaper.tamedia.ch/?product=TDG&edition=\(on paper and online\).](http://epaper.tamedia.ch/?product=TDG&edition=(on+paper+and+online))

***Tuần báo Le Point** http://www.lepoint.fr/monde/hommages-le-monde-est-charlie-hebdo-08-01-2015-1894932_24.php

***Tạp chí Các Nền Văn Hóa Phi Châu . Revue de Référence des**

Cultures Africaines

<http://www.africcultures.com/php/index.php?nav=article&no=12699#sthash.6vrBRyg5.dpuf> 14 janvier 2015 .

* Đài Vô tuyến Truyền thanh Pháp Quốc tế . **Radio France Internationale** . http://www.rfi.fr/contenu/ticker/attentat-charlie-hebdo-dizaines-milliers-personnes-rassemblees-france/?ns_mchannel=fidelisation&ns_source=newsletter_rfi_fr_alerte_-_urgent&aef_campaign_date=2015-01-07

* Nhựt Ký điện

từ <http://jeffikapi.mondoblog.org/2015/01/07/sommes-charlie/#comment-1462>

Nous sommes tous Charlie. Joignez vos voix aux nôtres *.

Naufragés de la Liberté d'expression et survivants des enfers, nous continuons à rejoindre Charlie Hebdo, à nous lever à leur place.

Nous sommes tous Charlie, nos Amis et Collègues assassinés. Nos écrivains, poètes et journalistes sont pris en otage partout dans le monde. Ne les oublions pas. Ils sont nos porteurs de rêves et d'aventures, témoins des réalités humaines. Ils ont été agressés, torturés, emprisonnés, portés disparus ou contraints à l'exil à cause de leurs écrits ou leurs paroles. Ils ont été bâillonnés, réduits en silence. Ultime forme de censure: tuer l'auteur dont les mots, les paroles, les chants et les dessins dérangent, avec une trentaine d'assassinats durant une année, selon PEN International. On se souvient que le 2 novembre 2013, l'intolérance et le fanatisme ont causé la mort tragique et douloureuse de notre consœur Ghislaine Dupont et de notre confrère Claude Verlon de Radio France Internationale (RFI) au Mali. Depuis leur mort, le sang ne cesse de couler pour d'autres collègues. Et la plume et le crayon continuent d'être confisqués, brisés, bannis. Des auteurs et des reporters surtout ont été mis à mort en toute impunité pour la plupart des cas.

Exprimons donc notre indignation, écrivons notre solidarité avec Charlie Hebdo, avec les écrivains et les professionnels de l'information contre l'ombre du menace, de la complicité et de la complaisance. Elevons notre voix même brisée, pour allumer une bougie, si fragile soit-elle, contre la nuit glaciale de l'indifférence, du silence et de l'oubli. Prions pour toutes les victimes de cette attaque barbare et criminelle contre Charlie Hebdo, contre la liberté d'expression et de la presse.

Exprimons notre profonde sympathie, nos sincères condoléances à leurs proches, leurs amis et collègues rescapés du massacre.

Nguyễn Hoàng Bao Việt (Comité des Ecrivains en prison du Centre Suisse Romand de PEN International).

Genève le 8 janvier 2015.

We are all Charlie. Please join your voices to ours.*

As castaways from Freedom of expression and survivors of many hells, we continue to join Charlie Hebdo, to stand up in their stead.

We are all Charlie, our murdered friends and colleagues. Around the world, our writers, poets and journalists are held hostage. Let us not forget them. They are bearers of our dreams and adventures, witnesses of human realities. They have been attacked, tortured, imprisoned, reported missing or forced into exile. They were gagged and reduced to silence. The ultimate form of censorship is to kill those whose words, speeches, songs and even drawings disturb. In the last 12 months, PEN International has recorded thirty murders. Remember: on the November 2, 2013, in Mali, intolerance and fanaticism killed our two colleagues Ghislaine Dupont and Claude Verlon who worked for Radio France Internationale (RFI). Since they died, blood has constantly flowed from other colleagues. And pens and pencils of all kinds continue to be confiscated, broken, or banished. Writers and reporters notably have been shot with impunity.

Let us express our indignation, write our solidarity with Charlie Hebdo, with all the writers and information professionals working against the shadow of threats, complicity and connivance. Let us raise our voice, even it is broken, to light a candle against the iceberg-cold night of indifference, silence and oblivion.

Let us pray for all the victims of this barbaric attack against Charlie Hebdo, against freedom of expression and freedom of the press. Let us express our deepest sympathy, our sincere condolences to their families, their friends and colleagues who are survivors of their massacre.

Nguyễn Hoàng Bảo Việt (Writers in Prison

Committee of PEN Suisse Romand Centre)

Geneva 8 January 2015. English translation by Mavis Guinar



Trần Văn Tích **Hết Bên thắng cuộc** **lại đến Đền cù**

Tôi chưa đọc Bên thắng cuộc của Huy Đức nhưng đã đọc một phần Đền cù của Trần Đình. Tuy nhiên nhờ có người đưa một đoạn trích từ sách của Huy Đức lên mạng lưới nên tôi đã ghé mắt đọc qua. Trong đoạn sách đó, Huy Đức kể rằng bà Lê Duẩn đã nói với anh ta như vậy như vậy, rằng Tổ Hữu từng bảo thế nọ thế kia. Còn cuốn sách của Trần Đình thì kể lẽ rất chi tiết về đời sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa xoay quanh những nhân vật chớp bu Hồ Chí Minh, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp v.v..bên cạnh những nhân vật hạng hai hạng ba như Hoàng Tùng, Nguyễn Sáng, Trần Đức Thảo v.v..

Cảm tưởng chung của tôi về hai tài liệu được xem là phát hiện các chuyện “thâm cung bí sử” Việt cộng là : 1) người ta công khai kể về cái tàn ác, cái tệ tiệt của Vixi nhưng là Vixi thời tiền kiếp 2) người ta muốn ngấm ngấm bảo rằng Vixi hiện thời thì không phải như vậy đâu. Hai bản biện minh trạng rất khôn khéo thâm trầm!

Này nhé : thủa mờ ma Lê Đức Thọ-Trần Quốc Hoàn, cán bộ từng hoạt động nội thành Phạm Viết vì can tội “xét lại chống đảng, lật đổ, tay sai nước ngoài” nên bị giam ở nhà tù Phú Sơn. Anh chết trong tù vì bệnh tim quá nặng. Vợ anh tên Nguyễn Thị Ngọc Lan cũng từng hoạt động nội thành, từng được cử ra nước ngoài tham dự các hội nghị của Hội đồng Hoà bình Thế giới tại Helsinki, Stockholm. Bà bị bắt khi đang dạy học, không được căn dặn hai đứa con thơ đại lời nào. Bà ngồi tù hai năm rưỡi tại Hoả Lò và tại Trại giam Quân pháp Bất Bạt. Hằng năm đằng đẳng không được thư cho chồng con, không được gặp mặt họ. Ra tù bà vẫn không được viết thư, tiếp tế cho chồng. Vân vân, vân vân, nhiều chi tiết nữa. Nhận xét tổng quát, bà Ngọc Lan xác nhận rằng “chúng tôi đã bị đối xử hà khắc hơn nhà tù đế quốc.” (À thì ra thế, eureka! TVT chú).

Chuyện cách đây lâu lắm rồi là vậy. Còn chuyện bây giờ? Nhân vật chống đối ở tù được tiếp tế không hạn chế, được ăn theo thực đơn riêng, được xem tivi, được dùng điện thoại, được tiếp người Mỹ, và cuối cùng được sang luôn Mỹ (để chữa bệnh?) cùng

với vợ trong khi con trai thì đang du học ở nước ngoài! Đấy nhé, rõ ràng đấy nhé. Nguyễn Phú Trọng, Trương Tấn Sang, Nguyễn Tấn Dũng khác xa Hồ Chí Minh, Lê Đức Thọ, Trần Quốc Hoàn một trời một vực, phải không nào? Có thể, có vậy thì Huy Đức mới không bị làm khó dễ và Trần Đĩnh thì vẫn cứ sống ung dung! Đảng ta được biểu dương tuy gián tiếp nhưng công khai.

Ngày 06.02.2015 vừa qua, ông Nguyễn Minh Cần phổ biến trên mạng bài viết nhan đề Bàn chuyện rời bỏ đảng. Bài viết dài quá là dài, dài ơi là dài. Ông Cần nêu ra năm điều (để lên án cộng đảng Việt Nam). Điều thứ nhất : coi khinh mạng người. Điều thứ hai : vô cùng gian dối. Điều thứ ba : độc tài toàn trị. Điều thứ tư : đã làm được gì cho dân cho nước? Điều thứ năm : rất bảo thủ. Mục đích chính của bài viết, theo tôi hiểu, là giải thích cho các đảng viên cộng đảng Việt và khuyến khích họ nên rời bỏ đảng. Nhưng đọc xong bài và nếu tôi hiện đang ở trong nước là một, nếu tôi còn trẻ là hai thì tôi sẽ...xin tuyên thệ gia nhập đảng ta. Tôi có anh bạn Bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc là đảng viên đảng cộng sản (trước khi rời nước năm 1984, tôi đã được Đỗ Hồng Ngọc cho xem thẻ đảng khi chúng tôi ngừng xe đạp ở đường Nguyễn Cư Trinh, Sài Gòn, để khảo chuyện “ninh tinh“.); vậy nếu tôi nhờ vả, chắc Đỗ Hồng Ngọc sẽ giới thiệu tôi vào đảng! Hình như phải có hai đảng viên giới thiệu, Đỗ Hồng Ngọc kiếm thêm một đảng viên nữa chắc cũng không khó lắm. Tại sao tôi lại muốn vào đảng sau khi đọc ông Nguyễn Minh Cần thay vì rời bỏ đảng như ông Nguyễn Minh Cần khuyên? Tại vì hầu hết, gần như tất cả, những điều ông Nguyễn Minh Cần viết trong cáo trạng kết tội cộng đảng Việt Nam đều thuộc quá khứ tương đối xa xôi, đều do bọn đầu sỏ tội đồ Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh v.v..phạm phải. Chứ bọn Nguyễn Phú Trọng, Trương Tấn Sang, Nguyễn Tấn Dũng thì...coi như vô can! Muốn khuyên đảng viên rời bỏ đảng, theo tôi nghĩ, phải kể những tội khác, những tội đang xảy ra, mà những tội này thì đâu có thiếu. Những tội đó Huy Đức và nhất là Trần Đĩnh không kể. Còn Nguyễn Minh Cần thì có kể nhưng chỉ kể một chút xiu xiu xiu. Kể rằng : "BCT (Bộ Chính Trị, TVT chủ) chủ trương “đổi mới nhưng không được đổi màu“. Bộ Chính Trị mà chủ trương như vậy, tại sao tôi không theo Bộ Chính Trị để hy vọng có ngày trở thành Ủy viên Bộ Chính Trị?



Triều Dương nlt Khai bút Xuân Ất Mùi

Tháng nhuận, hoa Mai sớm đón Xuân,
Tết về, lác đác rụng đầy sân.
Giao thừa, tiếng pháo ran ngoài phố,
Nguyên đán, thiêu quang phủ mấy tầng.
Mưa nắng theo mùa, cây trở lộc,
Trẻ già ngày tháng, cuộc phong trần.
Lá xanh mơn mớn, chim về tổ,
Những cánh Đào tươi đáng ngại ngần.

Một sáng mùa Xuân nắng trước sân,
Trong nhà lạnh lạnh chỗ ta nằm.
Mùa Đông chưa hết, trời còn giá,
Mành trúc lung lay, gió chuyển âm.
Riu riu mắt như còn ngái ngủ,
Dùng dằng chân duỗi, vẫn trùn chần.
Mơ màng giấc điệp chưa tan giấc,
Bướm trắng về đâu, hết nợ nần.

Ta nghe tấp nập chuyển đồ ngang,
Một chuyến đồ ngang quá vội vàng.
Chưa hết mùa Xuân mà lỗi hẹn,
Được tin tháng Hạ, em theo chàng.
Lụa hồng em mặc thêm cho thắm,
Chấn mòng anh mang, cũng rõ ràng.
Sờ sờ như còn say giấc điệp,
Gió qua song cửa, rẽ đôi đường.

Ta ở trời Tây, em chốn Đông,
Nhà xưa mỗi sáng có mây hồng.
Ta mơ một chuyến về bên ấy,
Ngày tháng còn đây, em nhớ không?

Thân em lưu lạc chốn quê người,
Mấy chục năm rồi, nhớ mãi thôi.
Quê cũ nghìn trùng, qua biển rộng,
Núi non cách trở, cánh bèo trôi.

Triệu Dương NLT

lytuongnquyen@yahoo.com

Đêm Giao Thừa

Mừng Một Tết Ất Mùi (19/2/2015)



*Giving someone all your love is never an assurance
that they'll love you back!*

Don't expect love in return;

*Just wait for it to throw into their heart, but if it
doesn't, be content it grew in yours.*

***Trao ai hết tình yêu thương của bạn không có nghĩa
rằng chắc chắn họ cũng sẽ thương yêu bạn!***

***Đừng trông đợi tình yêu như một sự đáp trả; Hãy chỉ
đợi cho nó lớn lên trong tim họ. Nhưng nếu không
được như vậy, thì hãy vui vì nó đã lớn lên trong tim
bạn.***



Nguyễn Hoàng Bảo Việt **Thắp nén hương lòng tưởng nhớ**

Cựu Chủ tịch Tổng hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris, ông Trần Văn Bá bị bắt đêm 11 tháng Chín năm 1984 tại vùng An Xuyên và Bạc Liêu (hai tỉnh Nam Phần Việt Nam Cộng Hòa). Ngày 18 tháng Mười Hai, cộng sản kết án tử hình 5 tù nhân yêu nước Trần Văn Bá, Lê Quốc Quân, Hồ Thái Bạch, Mai Văn Hạnh và Huỳnh Vĩnh Sanh. Ông Trần Văn Bá từ chối ký tên xin ân xá. Cộng sản cải án tử hình ra tù chung thân cho hai ông Mai Văn Hạnh và Huỳnh Vĩnh Sanh có quốc tịch Pháp.

Do cuộc vận động của cộng đồng người Việt tị nạn, các tổ chức quốc tế bênh vực Nhân Quyền và nhiều nước dân chủ trên thế giới, cùng chính phủ Thụy Sĩ, đã đồng thanh phản đối các bản án tử hình bất công và vô nhân đạo. Sự công luận bất lợi có thể lan ra trên thế giới, các lãnhchúa bạo quyền Hà Nội đã ra lệnh khẩn cấp hạ sát ba tù tử Trần Văn Bá, Lê Quốc Quân và Hồ Thái Bạch trước binh minh ngày 8 tháng Giêng năm 1985 :

Sài Gòn của chúng ta
Nặng trĩu những vàng mây tang
Dưới vòm trời Yên Bái
Nửa thế kỷ sắt máu trôi qua
Tù thực dân tới cộng sản
Đem súng đạn Trung Sô
Thay cho máy chém

Nhắm bắn Anh Em
Quân cuồng tin nhắm bắn
Trái tim linh hồn
Miền Nam Việt Nam bắt khuất
Giặc bao giờ hiểu được vì sao
Khủng bố chẳng làm nao núng
Niềm Tin của chúng ta
Ở ngày mai
Nơi tương lai đất nước (...)*

Đó là một biến cố đau thương, một ngày phản uất, không thể nào quên đối với Người Việt tị nạn cộng sản. Từ ấy, cứ đến Ngày 8 tháng Giêng mỗi năm, nhớ lại Ước Mơ của Anh Em, Ước Mơ của những người Việt Nam yêu Nước thương Dân, biết xót thương và biết can trường.

Ước Mơ với lòng tin nơi con người và đất nước. Lòng tin như những ngọn nến nhỏ, những vì sao long lanh trong đêm tối lịch sử dân tộc. Nhưng sẽ soi đường cho hàng hàng lớp lớp những người nô lệ cùng đứng lên và đi tới. Ước Mơ được “*sống một mùa Xuân – Xuân Việt Nam*” lúc chồi non lá biếc trên những nhánh cành mặt trời Tự Do đua nhau mọc lại. Ước Mơ với những em bé chần trâu phất cờ lau thay “*cờ sao vàng chìm giữa biển máu*”. Ước mơ với những người chị những người em gái “*không còn quên mái tóc thề*”, “*Giấu nhan sắc giấu hồn quê trong lòng*”. Ước mơ vì đồng bào không muốn thấy nữa “*Vô duyên cờ đỏ búa liềm*”, “*Ai treo rũ xuống trước thềm nhà ta*”. Ước mơ với hàng triệu người vượt biển đã quay nhìn lại lần cuối :

Mặt trời vừa lặn trên biển Đông
Ta quay nhìn lại phút sau cùng
Việt Nam một chút dung nhan ấy
Dấu xa ngàn năm còn đứng trông

Em vẫn đợi anh, bạn đợi ta
Nuôi trong lòng nỗi nhớ vô bờ
Niềm tin địa chấn nào lay chuyển
Đổi diện tay trần với chiến xa

Giặc cướp được đâu chiếm được đâu
Ta mang theo đi khắp tỉnh cầu
Quê hương tình cảm trung trinh ấy
Xa nhau để tìm thấy gần nhau (...)

Mẹ yêu thương ơi không khóc nữa
Nước mắt dành cho mùa đoàn viên
Đau khổ nẩy mầm thành cây lúa
Các con về vàng chói cánh đồng (...)

Ước Mơ ngay cả trước khi bức tường ô nhục Bá Linh bị xô ngã, kéo theo sự sụp đổ của Khối Liên Xô – Đông Âu, thành trì phe xã hội chủ nghĩa của đảng xã hội đen Hà Nội. Ước Mơ của Anh Em, những người hậu sinh dân thân, nung nấu tinh thần Yên Thế và Yên Bái, Kiên Giang và Nhứt Tảo, tinh thần Hoàng Sa 19 tháng Giêng năm 1974, trước khi tuần tiết :

“VIỆT NAM MUÔN NĂM”

Những tiếng hô sau chót
Dù máu tươi thuốc súng đã quánh khô
Ngực cháy bỏng lửa đạn
Vẫn còn âm vang...

Chúng tôi, những người đến sau, xin được nói lên và viết ra, sẽ làm chứng cho Anh Em trong chuyến hành hương trên quê hương không còn bị cộng sản áp bức, đầy dọa khổ nhục :

Ước Mơ của Anh Em
Đẩy lùi tội ác
Soi thấu đêm đen
Đang phủ trùm thiên đường chết
Quê hương tù ngục lưu đầy
Biết bao oán thù chờ cởi bỏ

Biết bao vết thương sâu chưa khâu vá
Ước mơ của Anh Em
Nhỏ bật rể bất công
Vun bón mầm Nhân Ái
Tâm sự không còn dây leo sợ hãi
Cây Hòa bình thơm nức trái Tự do.

Cho Bình minh của chúng ta
Hân hoan xòe cánh
Cho bầy bồ câu trắng
Đến đậu bờ vai đàn trẻ thơ
Khoan thai gỡ nhíp
Cho đôi chim sơn ca
Thôi rụt rè cất tiếng hót
Cho những búp sen thanh khiết

Vươn lên từ đầm lầy
Giữa ngút ngàn điệp trùng bông lúa
Nở rộ thành những gương mặt Người. *

**Niềm Tin của chúng ta-Đêm Vượt Biển-Con Đường Ta Đi (thơ Nhbv)*

**Ngày 8 tháng Giêng năm 2015, chúng tôi thắp Nén Hương Lòng
Tưởng Nhớ ba liệt sĩ Trần Văn Bá, Lê Quốc Quân, Hồ Thái
Bạch và tất cả những Người Yêu Nước đã hy sinh hay mất
tích, được biết tên hay còn vô danh.**

**Và xin được gửi đến quý bạn đọc bài thơ Hồn Thiêng Sông
Núi của thi hữu Nguyễn Hoàng Bảo Việt, như Nén Hương
Lòng Tưởng Nhớ...**

Hồn Thiêng Sông Núi

Tưởng nhớ Trần Văn Bá và các Liệt Sĩ

Núi mãi trầm tư ngó xuống đồng
Bạn về thành phố bên kia sông
Trao giùm lá thư mình chép vội
Nội ngoại bà con đỡ nhớ mong

Giữa trái tim ương hạt ước mơ
Bông lúa chen bông lau dựng cờ
Ngày lên đường hẹn ngày sẽ đến
Nước Việt của người Việt tự do

Niềm tin nào đem so gang thép
Đường xa dần bước chí không sờn
Giặc thờ Trung Sô quên tổ quốc
Ta giữ nguyên tình nghĩa sắt son

Khói trắng vườn cau ai đốt lá
Bâng khuâng hương lửa tối gia đình
Thao thức người đi tìm lịch sử
Sao trên rừng vì sao long lanh

Kín đáo bờ tre nhìn trứu mển
Giọng nói như che giấu ngậm ngùi
Qua mấy nhịp cầu vùng tạm chiếm
Gần nhau mà tưởng quá xa xôi

Thương cảm hai triệu người bỏ nước
Vượt bình yên hay chết hãi hùng
Ở lại sống cuộc đời súc vật
Khổ sai tập thể tù tập trung

Sáng tháng giêng gió lùa buốt lạnh
Tin cầm tay nửa muốn hồ nghi
Ác mộng thấy sơn ca gãy cánh
Không gian đầy đặc khối mây chì

Giặc say tra tấn - quân cuồng tín
Trói siết anh em sát bức tường
Đứng trước mũi súng vẫn điềm tĩnh
Thiên đường đỏ đâu bằng quê hương

Mùa tang núi cũng tan thành lệ
Sông quận đau lòng Mẹ Việt Nam
Bay từ Yên Bái về Yên Thế
Sài Gòn nghe tiếng Chim gọi Đàn.

Nguyễn Hoàng Bảo Việt (1985)

*Genève tháng giêng 2015 / Liên Hội Nhân Quyền Việt
Nam ở Thụy Sĩ*

*Ligue vietnamienne des Droits de l'Homme en Suisse
Vietnamese League for Human Rights in Switzerland*



Diễm Nghi

Trầm mặc

Thoát tục, trần tục- khoảng cách
Như đường tơ kẽ tóc
Ta ngồi ngơ ngẩn ngấm mây bay
Giữa phố thị xôn xao
Một con chim- hái lượm hạt miên trường
Hồn vật vờ - nú trang kinh
Nghe từng tế bào da thịt
Vỡ tung rung rúc nhớ!
Câu thơ – con chữ - cạn chén trà khuya
Cứ tự tình như thác đổ đầu ghềnh
Ấn hiện nổi sâu vạn cổ
Xoáy vào lòng
Những đợt sóng lao xao.

Giấc Cô Liêu

Ai đi lên đỉnh non ngàn
Bỏ ta ở lại miên man thở dài
Trăm năm cuộc lữ phôi phai
Giơ tay nú mộng đêm dài tịch liêu.

Hồ Như

Trăng khuya ru giấc chập chờn
Tay ôm gối mộng tay vờn sắc không
Sương đêm rũ hạt mệnh mông
Mà nghe như thể đôi dòng lệ sa.



Nguyễn Hữu Nghĩa **Bài hát chúc Tết ngày xưa**

Nói là “ngày xưa”, nhưng thực ra chỉ mới mấy mươi năm xa quê. Hôm nay đã gần tháng chạp, sắp tết, nhìn chung quanh tuyết trắng mịn mù, lòng chợt băng khuâng chạnh nghĩ tới những bài hát dân gian có tính cách chúc tụng.

Trẻ con miền Bắc vào tối giao thừa tụ tập nhau từng đám đi tới từng nhà hát chúc lấy thưởng. Đứa dẫn đầu cầm giấy tiền xu xâu lại, róc lên từng tiếng “xúc xắc xúc xê” và cả bọn đồng thanh hát:

Xúc xắc xúc xê

Năm mới năm mới

Nhà nào còn đèn còn lửa

Mở cửa cho chúng tôi vào?

lên giường cao

Thấy đôi rồng ấp

Bước xuống giường thấp

Thấy đôi rồng châu

Bước ra đằng sau

Thấy nhà ngói lợp

Voi ông còn buộc

Ngựa ông còn cầm

Ông sống một trăm

linh năm tuổi lẻ

Vợ ông sinh đẻ

Những con tốt lành

có con như tranh

có con như rối...

“Có con như tranh” là con đẹp như hình vẽ trong tranh; “có con như rối” là con đẹp như con rối.

Rối là những hình nhân trong trò múa rối, được tổ vẽ rất màu mè...

Lần bước vào trong Nam, để hát chúc tụng, có những hội ca cầm bốn năm người, cũng tới từng nhà mà hát:

Là hội ca cầm Là hội ca cầm

Chúc cậu với mợ giàu sang

Giàu sang giàu sang phú quí
Trên thì ô tô dưới thì ca nô
Nằm thì nằm giường Lèo
Đắp thì đắp nệm gấm
đi đôi giày Gia Định
Ngồi cái ghế phượng loan
Cậu bịt thêm cái răng vàng
Trên đầu cậu xịt dầu thơm dầu thơm...

“Giường Lèo” là giường bằng gỗ gụ (cây gõ), bốn bên có bốn trụ cao, nệm bọc lụa, trên có màn với giây kéo. “Giày Gia Định” là giày da đen bóng, hờ gót.

So sánh hai bài hát chúc tụng của hai miền, người miền Nam thực tế hơn, chỉ chúc những điều có thể có được: ô tô, ca nô, giường lèo, nệm gấm, giày Gia Định, ghế phượng loan, bịt răng vàng, xịt dầu thơm.

Không có những thứ trong tưởng tượng: rồng ấp, rồng châu, sống lâu 105 tuổi,...

Ngày nay nhìn về đất nước với bốn phần năm dân số sống khổ, biết chúc gì đây! “Độc lập” trong bàn tay đại Hán, “Tự do” nghèo đói không được mở miệng thở than, hay “Hạnh phúc” chỉ thấy trên giấy tờ!

Mừng năm mới

Nguyễn Hữu Nghĩa/ Xương

Thăm bác

Bảy mấy sao như vẫn chưa già
Lái xe thăm bác quãng đường xa
Sáu trăm cây số rồi mà đến
Bảy tiếng đồng hồ thế cũng qua
Tình bạn an nhiên giây chỉ buộc
Văn thơ quần quýt hạt mưa sa
Mai này trời có dành chia cách
Nhớ chén rượu này bác với ta

lý thảo yên/ Họa

Gửi anh LTY:

Bảy mây, ông ui, tuổi chưa già
Anh hùng tay bánh ngai chi xa
Trước mặt bạn bè mong lão tới
Sau lưng gia quyến đợi chàng qua
Dặm thẳm chớ lo cơn bão táp
Lối mù đừng ngại đám mưa sa
Về đây, rượu ấm chia nhau rót
Trần thế vẫn còn ta với ta...

Cung Vũ

Hay nhỉ?

Bút tích truyền thông ngấm đã già
Cam đành lặng tiếng... ngõ trời xa
Sao người bằng hữu chào tâm đắc...



***Mười mấy năm xưa ngọn bút lông
Xác xơ chẳng bợn chút hơi đồng
Bây giờ anh đổi lông ra sắt
Cách kiếm ăn đời có nhọc không***

Tản Đà



Huỳnh Công Ánh **Bình Mai đón Tết**

Em nắm ngón vành mai thon tay nhỏ
Nhật cảnh khô sắp xếp hóa bình Xuân
Thổi hương sắc ánh lên màu rực rỡ
Đón Tết về khuây nỗi nhớ băng khuâng

Cánh én khuất quê người từ độ ấy
Đâu Ông đồ, câu đối đỏ, áo the thâm?
Trầm hương thoảng rộn ràng thơm gió mới
Tà áo bay tóc xỏa mượt vai mềm

Yêu dấu vẫn, vẫn hương Xuân đang độ
Tổ Quốc dấu xa vẫn mãi trong hồn
Đường như bờ chuối, lũy tre làng vẫn đó
Quê Hương in hình lên khóe mắt, nụ hôn.

A bouquet of pink and yellow roses with text overlay.

Chúc Mừng Năm Mới 2015

Đón Tết- nghinh Xuân - Xin chúc mừng:
Văn nhân-Thi hữu - khắp muôn phương
Hân hoan - hạnh phúc-toàn thôn xóm
Thoải mái - An vui - khắp phố phường
Văn bút – Houston – ta kết nghĩa..
Giao lưu văn hóa – trọn niềm thương...!
Ất mùi vang vọng nguồn tin mới
Dân chủ nảy mầm tại cố hương?!

Vô Tình
Tặng VBNHK và Túy Hà



Thu Nga

Năm "DÊ" nói chuyện "DỊCH"



Qua năm Ất Mùi này, chắc chắn có nhiều người lại đem câu sấm nổi tiếng của Trạng Trình ra bàn tán, mà hy vọng thái bình cho Việt Nam đã gần kề:

"Long vĩ xà đầu khởi chiến tranh

Càn qua xừ xừ khởi đao binh

Mã dê Dương cước anh hùng tận

Thân dậu niên lai kiến thái bình"

Tuy nhiên trước khi nói về câu sấm bắt hủ này, ta hãy bàn qua tán vào một ít chuyện "dê" và chuyện "dịch". Thật ra cũng không ai biết từ lúc nào mà người ta lại đặt cho những người có tính hảo ngọt, lẳng lơ, háo sắc, thấy đàn bà, con gái là con mắt híp lại với danh từ "dê" hoặc "35"?! Dê có khi đồng nghĩa với "dịch" vì "già dê" còn được gọi là "già dịch" hay "thứ mắc dịch".

Từ cổ chí kim thì chuyện "dê" hay "dịch" rất nhiều. Chuyện điển hình là "Đồng Trác hí Điêu Thuyền". Quan Tư Đồ Vương Doãn thấy vận nước Hán đến hồi suy vi, Đồng Trác chuyên quyền, Lữ Bố là con nuôi Đồng Trác lộng hành nên đã nghĩ ra một cách để cứu nước. Vương Doãn tâm sự cùng con gái nuôi, Điêu Thuyền: *"Con ơi! hiện nay nhân dân trăm họ đang bị cái nạn treo ngược, nguy khốn lắm rồi. Vua tôi đều không chắc có ngày mai, ôm nhau*

40 Tin Vaên

chờ chết. Ngoài con ra không ai cứu nổi. Tặc thần Đồng Trác sắp cướp ngôi Thiên Tử. Các quan văn võ trong triều chệch tay không có kế gì. Đồng Trác có đứa con nuôi tên là Lữ Bố, kiêu dũng lạ thường, mà ta được biết hai cha con nó đều háo sắc. Nay ta muốn dùng kế “liên hoàn”, trước đem con hứa gả cho Lữ Bố rồi sau đó lại đem gả cho Đồng Trác. Lúc bấy giờ, con hãy tùy cơ lập kế ly gián cho cha con nó giết hại lẫn nhau. Rồi con xui khiến làm sao cho Lữ Bố giết chết Đồng Trác. Nếu trừ được tên đại ác mà phò dựng lại xã tắc, tái lập gian san, ấy là nhờ công đức của con.” Điều Thuyền đã lập được “công đức” to tát ấy là biết cách dùng tài sắc của mình làm cho máu “dịch” của Đồng Trác và máu “dê” của Lữ Bố nổi lên không có gì có thể dập tắt được.

Trong chuyện Tam Quốc Chí, Khổng Minh chọc tức Chu Công Cần để Công Cần nổi giận đánh Tào Tháo bằng cách tố Tào Tháo có ý “dê” hai nàng Kiều (Nhị Kiều) trong bài thơ vịnh “Đồng Tước Đài” (thật ra Khổng Minh đã sửa một câu thơ của Tào Tháo trong câu thứ 7, nguyên văn được dịch: “Bắc hai cầu Tây Đông nối lại, như cầu vòng sáng chói không gian”. Khổng Minh sửa lại là: “Tìm hai Kiều Nam phương về sống, vui cùng nhau giấc mộng hồi xuân”) mà một nàng kiều (Đại Kiều) ở đây là vợ của Tôn Kiên và nàng kiều kia (Tiểu Kiều) là vợ của Chu Du. Vì nghĩ Tào Tháo muốn dê vợ người và vợ mình nên Chu Du thay vì tính đầu hàng Tào Tháo đã dốc lòng đánh báo thù.

Không phải chỉ có loài người mới có máu dê, mà loài vật cũng có chuyện “dê” nữa, như chuyện “Trình Thử” của Trần Triều xử sĩ Hồ Huyền Qui tiên sinh. Chuyện kể có một con chuột đực có máu “dê” cổ quynh rữ con chuột bạch góa chồng. Góa phụ chuột Bạch đi kiếm mồi nuôi con, chợt gặp con chó đuôi, phải chạy vào ẩn náu trong một cái hang. Không ngờ trong hang đã có một con chuột đực, con chuột đực này đã có vợ, và mẹ vợ này nổi tiếng là sư tử Hà Đông. Nhân khi vợ đi vắng, thấy chuột bạch than van nỗi cơ cực của một kẻ góa chồng:

“...Đêm hôm cũng dần mình đi
Sang đây kiếm ít đem về làm lưng
Ai ngờ gặp đứa gió trắng
Cho nên khuất nẻo lạc chừng, khôn thay!”

Chuột mừng quá, đây là cơ hội ngàn vàng để anh chàng buông câu tán tỉnh:

“...Đã hay trong đạo vợ chồng

*Nghĩa sâu tình nặng, há lòng chẳng thương?
Kính quyền đôi lẽ là thường
Được nơi nương tựa ngọc nương vàng thì thôi
Chẳng lo mẹ góa con cô
Sớm khuya loan phụng no đôi đường nào
Chẳng lo liễu cợt hoa chào
Bướm gìn ong giữ làm sao cho tuyền?
Và nàng là gái thuyền quyên
Phóng khi gặp kẻ vô duyên khôn dè
Vi mà dốc tâm lòng què*

Giữ sao cho được trọn bề hướng dương”

Chuột bạch thấy chuột đực “dê” không chịu nổi nên cự tuyệt và nói quyết liều chết để bảo toàn trinh tiết. Chuột đực thấy vậy, phải nói chống chế cho đỡ xấu hổ. Mà trên đời này hình như có một định luật bất di, bất dịch là khi một anh chàng “dịch” ưa nổi máu “dê” thì bên cạnh anh lúc nào cũng có một con sư tử Hà Đông canh giữ. Tuy sư tử canh giữ nghiêm nhặt nhưng hễ lơ dểnh một cái là con dê của chàng dịch sỏ chuồng. Khi anh chàng chuột đực giở thói dê ra thì chuột cái về. Sư tử chuột lại tưởng lầm chuột bạch dê chồng mình nên mắng chửi chuột bạch. Chuột bạch phải từ tốn phân trần rồi đi về, nhưng chuột cái không tin lời phân giải của chuột bạch, tới nhà chuột bạch tính đánh ghen, nỡ chừng một con mèo xuất hiện. Chuột cái sợ hãi tìm đường chạy trốn, không ngờ xui xẻo rơi xuống ao. Một kẻ thư sinh là Hồ Sinh, người được trời phú cho biệt tài là nghe được tiếng súc vật nói chuyện với nhau nên đã biết hết tự sự, đã đuổi được con mèo đúng lúc, vớt chuột cái lên và khuyên giải. Hồ Sinh khuyên chuột cái nên về nhốt con dê của chồng lại và nói rõ sự trinh tiết của chuột bạch.

Có nhiều trường hợp cho thấy, không phải chỉ có phái đàn ông tức là phái nam mới có máu dê, đàn bà, phái nữ cũng có cái máu 35 này. Câu chuyện “Thị Kính Thị Mẫu” cho thấy điều này là đúng. Khi Thị Kính thấy râu của chồng là Thiện Sĩ mọc ngược, bà cầm con dao tính cắt đi mấy sợi râu ngứa mắt. Bỗng ông chồng bà mở mắt thức dậy, tưởng vợ sắp “murder” mình, ông hốt hoảng tri hô, bà mẹ chồng chạy vào tru tréo là con dâu muốn giết con trai rồi tức giận giao trả con dâu về nhà cha mẹ ruột. Bà Thị Kính không làm sao giải nổi oan tình nên vào chùa xin thí phát, quy y có pháp danh là Kính Tâm. Nhưng nợ trần chưa dứt, nguyên nhân gần chùa, có một người con gái tên Thị Mẫu đương kén chồng, thường

đến lễ chùa thấy Kính Tâm đẹp trai sinh lòng tương tư. Kính Tâm thì vẫn hững hờ nhưng con dê trong lòng Thị Mầu thì không chịu nằm yên, mơ tưởng Kính Tâm mãi, rồi thông dâm với một đứa đầy tớ mang thai. Khi làng biết, đem ra hạch hỏi, Thị Mầu đổ tội cho Kính Tâm là tác giả của cái bào thai. Kính Tâm bị đánh đập trị tội và bị tòa xử phải “child support” và phải nuôi luôn đứa bé. Sau Kính Tâm chết đi, sư sãi liệm Kính Tâm mới biết là Kính Tâm tức Thị Kính mắc oan. Bà được Đức Phật xét rằng bà quả là người tu đắc đạo, cho bà được siêu thăng làm Phật Quan Âm.

Tính dê của Thị Mầu thật tai hại cũng như cái dê của Kim Liên đối với Võ Tòng. Kim Liên có chồng là Võ Đại Lang nhưng lại mơ tưởng tới Võ Tòng là em chồng nên đã bỏ thuốc độc giết Võ Đại Lang. Con dê của Kim Liên thật hùng dũng hết chỗ chê.

Truyện Tây Du Ký, người nổi tiếng 35 là Trư Bát Giới với gương mặt heo nhưng con lợn lòng lại mang tên là con dê, tới đâu thấy gái đẹp là híp cả con mắt lợn lại, không cần biết đó là ma hay quỷ, cho tới khi bị bắt nhốt để làm món nhậu của mấy con yêu tinh mới mở mắt ra. Trong khi đó thì Tam Tạng lại bị mấy con yêu nữ dê hoài mà lòng không hề lay chuyển.

Đàn ông mà có máu dê thật tình cũng chỉ là tự nhiên và chiếm đa số. Tuy nhiên cũng có những trường hợp ngoại lệ như Tam Tạng hoặc như Quan Công Vân Trường mà thôi. Ông này tài cao, đức trọng, uy nghi lắm liệt. Đọc truyện Tam Quốc Chí ai cũng phải nể phục tính tình cương trực của ông. Bao nhiêu phen Tào Tháo cố gắng mua chuộc, thuyết phục ông bằng rượu ngon, gái đẹp, ba ngày tiệc nhỏ, bảy ngày tiệc to, may cả bao đựng râu cho râu ông khỏi lạnh về mùa đông v.v... mà ông cũng chẳng màng. Khi Lưu Bị bị thua và thất lạc, ông không muốn nhận cả đến cầm bào quý giá của Tào Tháo tặng, quyết chí đi tìm Lưu Bị. Quan Công đã phò hai người vợ của Lưu Bị một cách cung kính, nghiêm trang. Ngày ngày ông đứng vòng tay ngoài cửa chờ hai chị dạy bảo, không một tà ý.

Một đoạn chuyện trong Lục Vân Tiên cũng có một người bị người ta như dê con dê hiện ra nhưng không được, đó là đoạn Từ Trục hồi hương vào nhà họ Vũ thăm Vân Tiên, nhưng Lục Vân Tiên đã ra người thiên cổ. Vũ Công là cha của Vũ Thái Loan, vợ của Vân Tiên mới tìm lời mớm đường cho dê của Từ Trục:

*“...Mắt rồi không lẽ tái hoàn
Lão đà sớm tính một đường tiện ngay*

Tôi đây thì ở lại đây
 Cùng con gái lão, sum vầy thất gia
 Phòng khi sớm tối vào ra
 Thấy Vương Tử Trực, cũng là thấy Tiên".
 Tử Trực đã khẳng khái thưa rằng:
 "....Trực rằng "cùng bạn bút nghiên
 Anh em trước đã kết nguyên cùng nhau
 Vợ Tiên là Trực chị dâu
 Chị dâu, em bạn, có đâu lỗi nghi?...
 Chẳng hay người học sách gì
 Nói ra những chuyện dị kỳ khó nghe?
 Hay là học thói nước Tề?
 Vợ người Tử Củ đưa về Hoàn Công?
 Hay là học thói Đường Cung?
 Vợ người Tiểu Lạc sánh cùng Thề Dân?
 Hay là học thói nhà Tần?
 Bất Vi gả vợ, Dị Nhân lấy nhảm?
 Nói sao chẳng biết hổ thân?
 Người ta há phải loài cầm thú sao?..."
 Thế nhưng Vũ Thái Loan lại từ trong trường bước ra, nhon nhon
 nói không biết mắc cỡ:
 "...Thiếp nay lỗi đạo xướng tùy
 Lỡ đường sửa túi, lỡ bẽ nâng khăn
 Uống thay dạ thỏ kháng kháng
 Đêm đêm chờ đợi bóng trăng bấy chầy
 Chẳng ưng thì cũng làm khuấy
 Nỡ đem chuyện sách mà bày chẳng kiêng?"
 Tử Trực lại càng nổi nóng hơn:
 "Trực rằng ai Lã Phụng Tiên
 Mà toan đem thói Diêu Thuyền trên người?
 Mồ chồng ngọn cỏ còn tươi
 Lòng nào mà nỡ buông lời nguyệt hoa?
 Hổ thay mặt ngọc da ngà
 So loài cầm thú, dễ mà khác chi?..."
 Chữ "cầm thú" đây có lẽ Tử Trực ám chỉ con dê chẳng?
 Chuyện của các bậc tai to mặt lớn bị tan gia, bại sản, danh vọng
 tiêu tán, sự nghiệp lộn tung phèo thời đại này vì đã để con dê đi
 hoang không thiếu như vụ Cựu Tổng Thống Bill Clinton để đời
 không biết nhốt con dê cho kín để nó đi làm chuyện mắc "dịch"

với cô Lewinsky nên cả thế giới phải một phen ồn ào. Những ông dân biểu, nghị sĩ cũng vì cái con vật mang số 35 làm thất điên bát đảo, thân bại danh liệt thời nào, trào nào cũng có. Ngay cả những vị tu hành trong năm vừa qua cũng đã mang tai mang tiếng rất nhiều với những vụ “dê” không thể tưởng tượng được!

Chuyện “dê” hay chuyện “dịch” còn rất nhiều, nói hoài vẫn chưa hết, tuy nhiên dê là một trong các loại gia súc giúp ích cho người rất nhiều kể cả làm việc lẫn cung cấp những món thực phẩm ngon. Hầu hết các bộ phận của con dê đều được dùng để ăn hay làm thuốc chữa bệnh. Xương dê dùng nấu cốt. Có lẽ vì thịt dê ngon nên cả người lẫn thần thánh đều thích chẳng, vì vậy nên có những tôn giáo, hay các bộ lạc, trong các dịp lễ lớn người ta làm thịt dê để tế thần. “Dê Tế Thần” hay “Con Vật Tế Thần” còn được hiểu theo nghĩa là một người nào đó bị người khác dùng làm “Con Vật Hy Sinh” cho một âm mưu đen tối; ví dụ như mỗi lần ra chiêu đấu tố tham nhũng để giảm bớt sự phẫn nộ của người dân, nhà nước Cộng Sản hay đưa vài tên tham nhũng các kè để làm con dê tế thần, chạy tội cho các tên tham nhũng gộc như đồng chí “X” là Nguyễn Tấn Dũng chẳng hạn. Tệ hơn hết là để củng cố cho quyền lực, đảng Cộng Sản đã dùng ngay chính sinh mạng của người dân làm con vật hy sinh để mỗi lần gặp gỡ với các tên lãnh đạo Trung Cộng như món quà triều cống. Điều đó cho thấy, chỉ có Cộng Sản mới có chiến lược dã man là giết chính người dân của họ, tế thần giặc xâm lăng bằng kẻ cùng chung huyết thống.

@

Mới đó mà đã 40 năm trôi qua, kể từ khi sảy đàn, tan ghé từ tháng 4-1975. Một lần nữa, chúng ta lại nghe tiếng “be he” reo vang trước cửa. Ai ai trong chúng ta, kể cả trong và ngoài nước lại không đặt niềm hy vọng vào con Dê này?! Phải chăng nó chính là con Dê trong câu sấm Trạng Trình :

“Long vĩ xà đầu khởi chiến tranh

Can qua xừ xừ khởi đao binh

Mã đề Dương cước anh hùng tận

Thân dậu niên lai kiến thái bình”

Năm con rồng, con rắn với những cuộc chiến dai dẳng giữa các nước Palestine, Israel, cùng với các nước có nhiều tham vọng chế tạo nguyên tử như Iran, Bắc Hàn làm thế giới kinh sợ... rồi loạn lạc, phân ly càng ngày càng nhiều trong năm con ngựa tại Syria, Iraq, Ukraine, người chết vô số kẻ. Kinh khủng nhất là nhóm tự

xung Nhà Nước Hồi Giáo (ISIS) đã gieo rắc kinh hoàng cho toàn quả địa cầu với cách giết người vô cùng dã man là cắt cổ hay tàn sát tập thể những người không cùng tôn giáo, hay khác chủng tộc tại Iraq, Syria. Lại thêm dịch bệnh Ebola hoành hành giết chết vài ngàn người ở Tây Phi. Biển Đông sóng vẫn tiếp tục dâng tràn với sự xâm lăng trắng trợn của Trung Cộng, nhà cầm quyền Cộng Sản lại không dám có một hành động chống lại thực tế nào, bỏ mặc ngư dân chết oan. Quả thật chiến tranh đang lan tràn khắp nơi, khắp chốn.

@

Người ta sống là luyện tiếc dĩ vãng, chán ghét hiện tại và mơ đến một tương lai sáng lạn hơn. Tuy nhiên chúng ta không phải ngồi nhớ về dĩ vãng để luyện tiếc, nhưng chúng ta dùng những kinh nghiệm của dĩ vãng để không tái phạm những lỗi lầm, hướng tới một tương lai tốt đẹp hơn. Với phong trào đấu tranh đòi hỏi dân chủ, với sự nổi dậy của những kẻ bị áp bức bằng những cuộc biểu tình công khai, đồng thời lên tiếng phản đối sự xâm lăng của Trung Cộng, là đàn anh của đảng Cộng Sản Việt Nam bằng nhiều hình thức khác nhau. Từ Nam tới Bắc ai ai cũng đã thấy đảng Cộng Sản là đảng hèn với giặc, ác với dân.

Chỉ khi nào chế độ “Mắc Dịch” Cộng Sản cáo chung mới không có cảnh dùng dân để tế thần nữa. Và đó là nỗi ước mơ, niềm hy vọng của tất cả người dân trong và ngoài nước. Cứ mỗi lần năm mới đến, niềm ước mơ, hy vọng đó lại càng lớn mạnh hơn

Lại một lần nữa con ngựa đã phi xa, con dê đang cất tiếng “be be” đến, giấc mơ đánh đổ được chế độ buôn dân bán nước chắc chắn sẽ được xảy ra trong một ngày không xa. Năm con dê này phải là một gạch nối để đưa giấc mơ của những người Việt tha hương của chúng ta trở thành sự thật!

Thu Nga



.NGƯỜI ĐI THƠ NGÁT HƯƠNG ĐỜI



TẾ HANH Quê hương

*Chim bay dọc biển đem tin cá**

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới:
Nước bao vây cách biển nửa ngày sông
Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá
Chiếc thuyền nhẹ băng như con tuấn mã
Phăng mái chèo vô tận vượt trường giang
Cánh buồm trương, to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...
Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.
Nhờ ơn trời, biển lặng cá đầy ghe
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.
Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, cánh buồm vôi,
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá.

*1939 *thơ của thân phụ tôi(TH)*



LƯU QUANG VŨ
*Tôi chẳng muốn kỷ niệm
về tôi là một điệu hát buồn*

Bao bài ca xáo trộn trong tôi
Có tiếng khóc của con chim gãy cánh
Tiếng đau rên của ngôi nhà đổ sập
Tiếng con thuyền không về được bờ quen
Tiếng mưa rơi trên ngọn cỏ yếu mềm...
Nhưng đêm hội này, chỉ một lần tôi được hát
Chỉ sống một cuộc đời giữa vô cùng năm tháng
Chỉ một lần gặp bạn, bạn yêu thương
Chẳng muốn kỷ niệm về tôi là một điệu hát buồn
Tôi chọn bài ca của mùa hạ nắng
Tôi chọn bài ca của người gieo hạt
Hoắm nay mầm, mai sẽ thành cây
Khô đau đầu nhiều, tôi chọn niềm vui
Là suối mát lòng tôi gởi bạn
Một cuộc đời – một bài ca duy nhất
Tôi chẳng muốn điệu hát buồn là kỷ niệm về tôi.



QUÁCH TẤN

Ngập ngừng
Thêm mặn sương gieo trắng
Dàn nho nắng đọng vàng
Ngập ngừng con bướm lượn
Xuân sang rồi? chưa sang.

Giọt trúc đào
Vườn sớm mưa thừa tạnh
Trúc đào hoa đọng hương
Đôi hoàng li rửa cánh
Từng giọt rụng kim cương.



Việt Phương
Chuyển ngữ

Christmas Day In The Morning

By Pearl S. Buck

He woke suddenly and completely. It was four o'clock, the hour at which his father had always called him to get up and help with the milking. Strange how the habits of his youth clung to him still! Fifty years ago, and his father had been dead for thirty years, and yet he waked at four o'clock in the morning. He had trained himself to turn over and go to sleep, but this morning it was Christmas, he did not try to sleep.

Why did he feel so awake tonight? He slipped back in time, as he did so easily nowadays. He was fifteen years old and still on his father's farm. He loved his father. He had not known it until one day a few days before Christmas, when he had overheard what his father was saying to his mother.

"Mary, I hate to call Rob in the mornings. He's growing so fast and he needs his sleep. If you could see how he sleeps when I go in to wake him up! I wish I could manage alone."

"Well, you can't, Adam." His mother's voice was brisk. "Besides, he isn't a child anymore. It's time he took his turn."

"Yes," his father said slowly. "But I sure do hate to wake him."

When he heard these words, something in him spoke: his father loved him! He had never thought of that before, taking for granted the tie of their blood. Neither his father nor his mother talked about loving their children--they had no time for such things. There was always so much to do on the farm.

Now that he knew his father loved him, there would be no loitering in the mornings and having to be called again. He got up after that, stumbling blindly in his sleep, and pulled on his clothes, his eyes shut, but he got up.

And then on the night before Christmas, that year when he was fifteen, he lay for a few minutes thinking about the next day. They were poor, and most of the excitement was in the turkey they had raised themselves and mince pies his mother made. His sisters sewed presents and his mother and father always bought him something he needed, not only a warm jacket, maybe, but something more, such as a book. And he saved and bought them each something, too.

He wished, that Christmas when he was fifteen, he had a better present for his father. As usual he had gone to the ten-cent store and bought a tie. It had seemed nice enough until he lay thinking the night before Christmas. He looked out of his attic window, the stars were bright.

"Dad," he had once asked when he was a little boy, "What is a stable?"

"It's just a barn," his father had replied, "like ours."

Then Jesus had been born in a barn, and to a barn the shepherds had come...

The thought struck him like a silver dagger. Why should he not give his father a special gift too, out there in the barn? He could get up early, earlier than four o'clock, and he could creep into the barn and get all the milking done. He'd do it alone, milk and clean up, and then when his father went in to start the milking he'd see it all done. And he would know who had done it. He laughed to himself as he gazed at the stars. It was what he would do, and he musn't sleep too sound.

He must have waked twenty times, scratching a match each time to look at his old watch -- midnight, and half past one, and then two o'clock.

At a quarter to three he got up and put on his clothes. He crept downstairs, careful of the creaky boards, and let himself out. The cows looked at him, sleepy and surprised. It was early for them, too.

He had never milked all alone before, but it seemed almost easy. He kept thinking about his father's surprise. His father would come

in and get him, saying that he would get things started while Rob was getting dressed. He'd go to the barn, open the door, and then he'd go get the two big empty milk cans. But they wouldn't be waiting or empty, they'd be standing in the milk-house, filled.

"What the--," he could hear his father exclaiming.

He smiled and milked steadily, two strong streams rushing into the pail, frothing and fragrant.

The task went more easily than he had ever known it to go before. Milking for once was not a chore. It was something else, a gift to his father who loved him. He finished, the two milk cans were full, and he covered them and closed the milk-house door carefully, making sure of the latch.

Back in his room he had only a minute to pull off his clothes in the darkness and jump into bed, for he heard his father up. He put the covers over his head to silence his quick breathing. The door opened.

"Rob!" His father called. "We have to get up, son, even if it is Christmas."

"Aw-right," he said sleepily.

The door closed and he lay still, laughing to himself. In just a few minutes his father would know. His dancing heart was ready to jump from his body.

The minutes were endless -- ten, fifteen, he did not know how many -- and he heard his father's footsteps again. The door opened and he lay still.

"Rob!"

"Yes, Dad--"

His father was laughing, a queer sobbing sort of laugh.

"Thought you'd fool me, did you?" His father was standing by his bed, feeling for him, pulling away the cover.

"It's for Christmas, Dad!"

He found his father and clutched him in a great hug. He felt his father's arms go around him. It was dark and they could not see each other's faces.

"Son, I thank you. Nobody ever did a nicer thing--"

"Oh, Dad, I want you to know -- I do want to be good!" The words broke from him of their own will. He did not know what to say. His heart was bursting with love.

He got up and pulled on his clothes again and they went down to the Christmas tree. Oh what a Christmas, and how his heart had nearly burst again with shyness and pride as his father told his mother and made the younger children listen about how he, Rob, had got up all by himself.

"The best Christmas gift I ever had, and I'll remember it, son every year on Christmas morning, so long as I live."

They had both remembered it, and now that his father was dead, he remembered it alone: that blessed Christmas dawn when, alone with the cows in the barn, he had made his first gift of true love.

This Christmas he wanted to write a card to his wife and tell her how much he loved her, it had been a long time since he had really told her, although he loved her in a very special way, much more than he ever had when they were young. He had been fortunate that she had loved him. Ah, that was the true joy of life, the ability to love. Love was still alive in him, it still was.

It occurred to him suddenly that it was alive because long ago it had been born in him when he knew his father loved him. That was it: Love alone could awaken love. And he could give the gift again and again. This morning, this blessed Christmas morning, he would give it to his beloved wife. He could write it down in a letter for her to read and keep forever. He went to his desk and began his love letter to his wife: My dearest love...

Such a happy, happy Christmas!

THE END

Buổi Sáng Giáng Sinh

Lời người dịch: Pear Sydenstricker Buck sinh ngày 26/6/1892 tại Hillsboro, West Virginia, U.S. Mất ngày 6/3/1973 (80 tuổi) vì bệnh ung thư phổi, tại Danby, Vermont, U.S. Vừa nhà văn, vừa dạy học, bà là con của đôi vợ chồng nhà truyền giáo làm việc tại Trung Hoa. Họ về Hoa Kỳ sinh bà và đưa bà sang Trung Hoa lúc bà chỉ mới 3 tháng. Năm 19 tuổi bà trở về Hoa Kỳ học tại Randolph-Macon Woman's College ở Lynchburg, Virginia. Bà trở lại Trung Hoa năm 1914 khi hay tin mẹ bệnh nặng. Năm 1924 bà về lại Hoa Kỳ lấy bằng Master từ trường Cornell University. Hầu hết cuộc đời của bà là sống ở Trung Hoa cho đến năm 1934 (42 tuổi). Tên Trung Hoa của bà là Sai Zhenzhu. Thế cho nên bà rất rành tâm lý

của người Á Đông, nhất là người Trung Hoa. Trong những tác phẩm của bà, có những tác phẩm viết về cuộc Cách Mạng Văn Hóa của Trung Hoa với cái nhìn đầy thông minh, hóm hỉnh lẫn chua xót. Là một trong những nhà văn lớn của Hoa Kỳ, bà được giải thưởng Pulitze về tiểu thuyết *The Good Earth* (Đất Lành), 1932; huân chương William Dean Howells, 1935; và giải Nobel Văn chương năm 1938.

"Buổi Sáng Giáng Sinh" (*Christmas Day in the Morning*) là một trong những truyện ngắn đặc sắc của bà. Câu chuyện để lại cho người đọc dư vị ấm áp, ngọt ngào, khó quên.

Pear S. Buck (Việt Phương dịch)

Ông thức giấc một cách nhanh chóng bất ngờ. Bây giờ là bốn giờ sáng, khoảng thời gian mà bố ông thường gọi ông dậy để phụ một tay vắt sữa bò. Lạ lùng quá, thói quen đó vẫn bám lấy ông từ trẻ đến giờ! Bố ông đã qua đời 30 năm rồi, nhưng hể cứ đúng bốn giờ sáng là ông lại thức giấc. Ông đã tập thay đổi thói quen đó để cố gắng đi vào giấc ngủ lần nữa, nhưng sáng nay, bởi vì ngày Giáng Sinh, ông không muốn ngủ tiếp. Có điều gì đó huyền diệu trong ngày Giáng Sinh? Những đứa con của ông nay đã lớn và cũng dọn ra ở riêng. Bỏ lại ông và người vợ sống âm thầm với nhau. Ngày hôm qua, bà đã bảo: "Đừng tia những cảnh cây nghe anh, ngày mai hãy làm. Em đang mệt Robert à." Ông nghe lời vợ, thế là cây thông vẫn còn nằm yên ở lối đi sau nhà.

Không hiểu sao đêm nay ông thấy quá tĩnh táo? Bầu trời vẫn còn tối, trong và đầy sao. Dĩ nhiên là không thể nào có ánh sáng của của mặt trăng lúc này, nhưng những ngôi sao thì thật là kỳ diệu! Ông suy nghĩ rất lung về điều đó, những ngôi sao dường như lúc nào cũng lớn và sáng hơn trước bình minh của ngày Giáng Sinh. Bây giờ có một vì sao chắc chắn lớn và sáng hơn bất kỳ những vì sao khác. Ông mừng tượng vì sao đang di động, như ông đã di động trong một đêm năm nào.

Dạo ấy, Robert chỉ là một cậu bé 15 tuổi sống cùng bố mẹ trong nông trại. Robert rất yêu thương bố. Cậu không biết được điều đó, cho đến một ngày kia, trước Giáng Sinh vài bữa, khi cậu tình cờ nghe được những lời bố cậu nói với mẹ.

"Mary à, anh rất ghét khi gọi Rob dậy mỗi sáng. Con nó đang lớn như thổi, nó cần ngủ nhiều em ạ. Nếu em có thể thấy nó thềm

thường giấc ngủ như thế nào khi anh lên đánh thức nó, em cũng như anh thôi! Ước gì anh có thể tự làm việc một mình được."

"Đúng rồi, anh không thể làm một mình được đâu Adam à." Giọng mẹ cậu nhanh nhẩu. "Và lại, nó cũng không còn bé nữa. Đã đến lúc nó phải tập làm việc cho quen rồi đó."

Bố cậu nói chậm rãi. "Ừ, nhưng thiệt tình anh rất ghét khi phải dựng đầu con dậy."

Khi nghe được những lời như thế, cậu bỗng phát giác ra rằng: bố rất yêu thương cậu! Sẽ không còn những sáng ưỡn ẹo trên giường để rồi phải được nhắc nhở thêm vài lần nữa mới chịu dậy. Cậu trỗi dậy sau đó, chuệnh choạng mặc áo quần lại, mắt vẫn còn nhắm chặt, nhưng cậu đã quyết tâm đứng dậy.

Đó là một đêm trước ngày Giáng Sinh, năm mà cậu bé Robert mới 15 tuổi, đã biết suy nghĩ về những ngày sắp tới.

Cậu ước sao có được một món quà đặc biệt hơn mọi năm để tặng bố. Mỗi năm, cậu thường đến đại một cửa tiệm rẻ tiền nào đó và mua tặng bố một chiếc cà vạt, là xong. Đối với cậu, như vậy là đủ lắm rồi, chiếc cà vạt cũng dễ thương chán, để rồi khi đem ra tặng bố, cậu lại mong bố mẹ rồi rít bảo rằng bày đặt làm chi cho tốn tiền, hãy để dành dùng vào việc khác tốt hơn.

Cậu xoay nghiêng người, khuynh tay chống đầu, phóng tầm mắt ra ngoài cửa sổ rằm thượng. Những ngôi sao lung linh sáng. Chưa bao giờ cậu thấy được những vì sao sáng rực như bây giờ. Có một vì sao sáng bật hẳn lên, lấp lánh dị thường khiến cậu nhủ thầm đó chính là ngôi sao của Bethlehem.

Có một lần cậu đã hỏi bố khi còn là một chú bé con: "Bố ơi! Hang lừa là gì vậy bố?"

Bố cậu trả lời: "Đó là cái chuồng cho lừa ở, giống như cái chuồng bò của chúng ta vậy con à."

Và Chúa Giê-su đã được sinh ra trong hang lừa. Cũng trong hang lừa đó, những chú cừu xinh xắn và những nhà thông thái đã đến chào đón Chúa Hải-đồng với những món quà Giáng Sinh! Cậu chợt nghĩ ra một sáng kiến. Tại sao cậu không tặng bố một món quà đặc biệt, nơi chuồng bò ngoài kia? Cậu có thể thức dậy rất sớm, sớm hơn bốn giờ sáng, cẩn trọng lên đến chuồng bò, làm tất cả những công việc vắt sữa một mình. Đúng vậy! Cậu sẽ làm một mình, vắt sữa xong, rồi chùi dọn sạch sẽ đầu vào đấy, cho đến khi bố cậu đến để bắt đầu công việc, ông sẽ thấy mọi việc đều được hoàn tất. Lúc đó ông hẳn biết ai đã làm.

Cậu nhìn đắm đắm vào những ngôi sao rồi cười một mình. Đó là công việc mà cậu sẽ làm và cậu không được quyền ngủ say li-bì nữa.

Cậu phải thức giấc 20 lần, quẹt diêm mỗi lần để nhìn vào chiếc đồng hồ cũ kỹ của mình - nửa đêm, và một giờ rưỡi, rồi hai giờ sáng.

Đúng ba giờ thiếu mười lăm, cậu trỗi dậy mặc quần áo. Xong, cậu bò xuống cầu thang, cẩn thận với từng miếng gỗ kêu lên kiu-kịt, rồi cậu cũng ra được khỏi nhà. Ngôi sao lớn đang sà xuống, treo lơ lửng trên mái chuồng bò, ngôi sao ánh lên màu hoàng hồng. Mấy con bò nhìn cậu bằng những đôi mắt lơ lơ ngái ngủ và đầy ngạc nhiên. Trời cũng vẫn còn sớm đối với chúng.

Cậu mang cỏ khô đến cho từng con bò. Sau đó cậu lấy những bình và thùng đựng sữa tới.

Cậu mỉm cười, nghĩ đến bố. Sữa vẫn chảy đều. Sữa tuôn ra, ào ào vào bình chứa như hai giòng suối chảy mạnh. Sữa sủi lên từng lớp bọt trắng xóa, bốc mùi thơm ngào ngạt. Công việc nhẹ nhàng hơn cậu tưởng nhiều. Vắt sữa lần này không phải là công việc vất. Đó là một cái gì khác, một món quà cho bố, người đã yêu thương cậu. Khi công việc chấm dứt, sữa đã đầy hai thùng. Cậu đẩy hai thùng sữa lại và đóng cửa buồng chứa sữa một cách cẩn thận. Kiểm soát then cài lần nữa. Đầu đó xong xuôi, cậu đặt chiếc ghế đầu lại chỗ cũ, cạnh cửa ra vào, máng những bình sữa được cậu chùi rửa kỹ càng lên, rồi bước ra khỏi chuồng bò. Cậu lên nhanh vào nhà, để lại cánh cửa chuồng bò đã được cài then nằm im lìm sau lưng.

Trở lại phòng, cậu chỉ còn một phút để cởi quần áo ra trong bóng đêm rồi nhảy lên giường, vừa đúng lúc, cậu nghe tiếng bước chân của bố cậu đang tiến lên thang gác. Cậu trùm chăn kín cả đầu, cố dồn nén nhịp thở đang dồn dập trong người. Cánh cửa phòng mở ra, cậu nằm im không nhúc nhích.

Giọng bố cậu gọi. "Rob ơi! Bố biết hôm nay là ngày Giáng Sinh, nhưng chúng ta phải dậy thôi con à."

"Ừm... Dạ!" Cậu nói bằng giọng ngái ngủ.

Bố cậu nói. "Bố ra ngoài lấy sẵn những dụng cụ trước để chúng ta bắt đầu công việc nhé."

Cánh cửa phòng đóng lại và cậu vẫn nằm yên, cười thầm trong bụng. Chỉ cần vài phút nữa thôi là bố cậu sẽ biết được những công việc cậu đã làm.

Những giây phút chờ đợi dường như bất tận - mười, mười lăm, cậu không biết bao nhiêu phút đã trôi qua sau đó - rồi cậu nghe tiếng bước chân của bố một lần nữa. Cánh cửa mở ra, cậu vẫn vờ nằm im.

"Rob!"

"Dạ, Bố -"

"Con thiệt là lẹm đẹn." Bố cậu cười vang, giọng cười ẩn chứa sự xúc động phát ra một chuỗi âm thanh kỳ dị. "Con gạt bố phải không con?" Bố cậu đến bên giường, lòng thương con dạt dào, ông kéo tấm chăn ra.

"Đó là món quà Giáng Sinh, Bố à."

Cậu chồm về phía bố và ôm bố thật chặt. Rồi cậu nghe đôi cánh tay của bố chạy vòng quanh thân thể cậu. Trời vẫn còn tối và họ không thể trông thấy mặt nhau.

"Bố cảm ơn con, con trai của Bố. Không ai có thể làm một việc để thương hơn thế nữa con ạ."

"Ôi! Bố à, con muốn Bố biết..."

Cậu không biết nói gì hơn. Trái tim của cậu đã nở ra với đầy ắp yêu thương.

"Tốt, Bố nghĩ, Bố có thể trở về giường đánh thêm một giấc nữa rồi." Bố cậu lại nói sau một chút suy nghĩ. "Không - con trai bé bỏng đã tỉnh ngủ. Bố chợt nhớ ra, Bố chưa bao giờ để ý xem con ra sao ngày con còn bé, khi lần đầu tiên con nhìn thấy cây Giáng Sinh. Bố lúc nào cũng bận rộn trong cái chuồng bò. Nhanh lên con."

Cậu đứng dậy mặc quần áo lại lần nữa và hai bố con cùng bước xuống gần cây Giáng Sinh. Mặt trời rừng mình vươn vai rất vội, che lấp những vì sao đêm qua. Ôi, ngày Giáng Sinh kỳ diệu, trái tim cậu hình như rộn lên lần nữa với đầy thẹn thùng lẫn hãnh diện khi phải lắng nghe lời Bố kể cho Mẹ cậu những thành tích mà cậu đã làm sáng nay. Rob đã tự mình thức dậy rồi đó em à.

"Đây là món quà Giáng Sinh quý giá nhất mà Bố chưa từng có. Bố sẽ nhớ đến nó mỗi năm trong buổi sáng Giáng Sinh, cho đến hết cuộc đời bố con ạ."

Bên ngoài khung cửa sổ, những ngôi sao lớn đã bắt đầu mờ dần. Ông tung người dậy, xỏ dép và khoát áo choàng vào, bước nhẹ nhàng lên rầm thượng và tìm hộp đựng đồ trang trí cây Giáng Sinh. Ông mang chúng xuống phòng khách. Tiếp đó, ông ra cửa sau mang cây Giáng Sinh vào. Đó là một cây Giáng Sinh nhỏ - từ lúc những đứa con của ông đi xa, gia đình ông không còn chung những cây Giáng Sinh lớn trong nhà nữa - ông đặt nó đứng trên một cái đế chắc chắn. Rồi ông bắt đầu cắt tỉa một cách cẩn thận. Thoắt một cái là cây Giáng Sinh đã tươm tất. Thời gian trôi qua nhanh chóng như buổi sáng năm nào trong chuồng bò.

Ông đến phòng đọc sách và đem lại một hộp nhỏ xinh xắn, bên trong đựng món quà cho vợ ông, một ngôi sao được đính những viên kim cương lấp lánh, không lớn lắm nhưng kiểu cọt thanh nhã. Ông cột món quà lên cành cây rồi bước lui ngắm nghía công trình của mình. Nó thật xinh, xinh lắm và sẽ làm bà ngạc nhiên. Nhưng ông vẫn chưa hài lòng. Ông muốn nói với vợ ông - nói với bà rằng tình yêu ông dành cho bà bao la vô cùng. Đã có lần ông thật sự nói với bà như vậy cách đây lâu lắm, mặc dù ông đã yêu bà bằng một cách riêng, nhiều hơn ông đã từng yêu bà khi họ còn trẻ. Tình yêu có năng lực mang niềm vui thật sự đến cho cuộc sống! Ông hoàn toàn chắc rằng, cũng có kẻ không thật lòng yêu thương bất cứ người nào. Nhưng tình yêu luôn sống trong ông; nó vẫn còn hiện hữu.

Tình yêu đó đã bộc phát trong ông một cách bất ngờ, nó vẫn còn sống mãi, bởi vì đã lâu lắm rồi nó được nẩy sinh trong ông, khi ông biết rằng bố ông yêu thương ông nhiều lắm. Đó cũng chính là triết lý sống của ông: dùng tình yêu thương của mình có thể đánh động được lòng yêu thương của kẻ khác.

Và ông có thể tặng quà từ lần này đến lần khác. Như sáng nay, buổi sáng Giáng Sinh an bình, ông sẽ trao cho người vợ yêu dấu của ông món quà yêu thương đó. Ông có thể viết cho vợ ông một lá thư để bà đọc và giữ gìn suốt đời. Ông bước tới bàn giấy và bắt đầu bằng một lá thư tình cho vợ: Em yêu quý nhất đời của anh...

P.B.



Song An Châu **Mừng Xuân hội ngộ**

Ta cứ tưởng mùa Xuân này chưa đến
Nhưng đông về thoáng chốc đã đi qua
Như thu đến lá vàng bay trong gió
Đã bốn mươi năm đau nỗi xa nhà.

Ta cứ ngắm chậu hoa vàng trước ngõ
Mỗi xuân về để được ấm lòng ta
Mấy ngày vui đầu năm nơi xứ lạ
Ngồi một mình lặng ngắm mấy cành hoa.

Thêm mùa xuân nữa ta đã xa nhà
Mà đường về như không còn xa lắm
Ta đợi chờ nồm nóng mấy năm qua
Mong ngày về quê ta xuân bừng sáng.

Hàng vạn người xa xứ mấy xuân sang
Từ trăm nẻo sẽ về quê ta đó
Tay trong tay cùng phất ngọn cờ vàng
Mừng đất nước trong ngày vui hội ngộ.

Song An Châu
Xuân Ất Mùi 2015

NIỀM RIÊNG GỞI VỀ ĐẤT MẸ

Nhiều đêm nghĩ đến giang san
Nghe hồn giá lạnh vô vàn đau thương
Xứ người nướng nấu thấy buồn
Vời trông đất mẹ quê hương đau lòng
Nước non xa thăm bờ Đông
Sao như gang tấc thấy lòng quặn đau
Đêm đêm nước mắt tuôn trào
Thương dân khổ ải, máu đào còn lan.
Qua rồi máu lửa xóm làng
Chiến tranh tàn phá tan hoang ruộng vườn.
Hết cơn binh lửa đau buồn
Mà nay cơn lốc đau thương vẫn còn
Máu xương đã chất thành non
Nay đà tạm ổn, sao còn máu rơi.
Dân oan kêu cứu tận trời
Đất đai bị cướp, dân thời khóc than
Lửa hờn cháy khắp xóm làng
Từ Nam ra Bắc dân càng kêu ca
Cường quyền nghị quyết ban ra
Đất đai là của “ông nhà nước ta”!
Ai mà tranh đấu kêu la
Là đồ “phản động” vào nhà tù đen
Dân tình kêu cứu bao phen
Như mưa trút xuống lá sen trong hồ.
Buồn thay cái lũ tam vô
Không lo bảo vệ cơ đồ Việt Nam
Toàn phường cướp giết quan tham
Chỉ lo đầy túi không màng đến dân.

Song An Châu

GA, đầu năm 2015



Hoàng Lan **Câu chuyện mười năm**

Mười năm rồi mình xa nhau anh nhỉ?
Ai buồn hơn kẻ ở hay người đi ??
Mười năm rồi em nhiều lần suy nghĩ
Sao vụng về không giữ bước chim đi ? ? ?

Mười năm rồi Anh chờ em tha thứ
Nhưng sao em không nói được thành lời
Để anh vẫn mãi làm thân viễn xứ
Về phương trời xa, xa tí mù khơi

Mười năm rồi em sống đời lặng lẽ
Một mình đi trên đường vắng thênh thang
Mới cảm nhận vắng trắng sầu đơn lẻ
Và mây trời vẫn hát khúc lang thang

Mười năm rồi bước chân em mòn mỏi
Muốn dừng chân để nhớ một tên đường
Muốn mở rộng đôi vòng tay trên lối
Để đón chào người hiểu nghĩa yêu đương

Mười năm rồi ta mới vừa gặp lại
Bên vai anh người tình trẻ thứ hai
Nhưng sao anh vẫn nhìn em sâu lắng
Như gửi thầm lời hối hận ăn năn

Mười năm rồi anh vẫn là thế đó
Vẫn dạt dào như từ thuở quen nhau
Anh ôm chầm gửi lời chào và bảo
Mười năm trôi em vẫn đẹp ngọt ngào

Anh bước đi em ngã ngoài nước nở
Đến bao giờ mình sẽ gặp lại nhau ?
Mười năm rồi , mười năm sau tiếp nữa
Nếu mưa đời mất người giữa phong ba

Thì anh ơi một người còn ở lại
Sẽ ngậm ngùi và sẽ lẩm xốt xa . .



Trần Văn Lệ

Em ơi thơ Tết

Em ơi, anh nói, ngược đầu, nghe:
“Năm mới, mùa Xuân mới, nữa, về
Đừng thấy ở đây trời đất đẹp
Mà quên em nhé những bờ tre!”

Những bờ tre đầu từng xơ xác
Càng nhớ thương về thuở xác xơ
Chịu khổ chịu đau nhiều cái chịu
Quê Hương mình mãi Một Bài Thơ!

Bài thơ, em thấy: con cò trắng
Bay lượn trên đồng lúa mạ xanh!
Em ạ nhiều khi con bướm đỏ
Bên em cũng động tấm lòng anh...

Thời đỏ, thời đen, mình đã vượt
Bờ tre, bụi chuối...không mang theo
Mỗi mùa Xuân ngó ra đầu ngõ
Tưởng tượng như là có ngọn nêu!

Em ngược đầu lên, hãy ngược đầu
Anh hôn em nhé, thật là sâu
Hôn hai hồ mắt em sông biển
Hôn mái tóc còn nét biển dâu...

*Thương chớ tóc thề em, tóc thề...
Che vầng trăng mộng những đêm khuya
Bây chừ dù chẳng còn ngang mặt
Anh thấy em còn mắt đỏ hoe!*

Thương chớ người yêu trong chiến tranh
Bao nhiêu mơ ước lúc thanh bình
Dẫu chưa có được như mình muốn
Cảm tạ Xuân còn biếc lộc xanh!

Em nhé mình đi đi ra vườn
Anh dìu em bước giữa đường hương
Đường hoa đường mộng đường nhân ái
Đường mấy muôn trùng vẫn Nước Non!



***Hãy luôn tự nhủ mình:
"Tôi sẽ không dừng lại khi tôi mệt mỏi, tôi
chỉ dừng lại khi tôi đã hoàn thành. "
Cố lên nào mọi người.***



Trần Việt Cường
Xuân riêng tư

Đông tàn lá rụng đón xuân sang
người hỡi hay chẳng những tủi hờn
đã diết nhớ nhung từng đêm lạnh
giữa tâm vòng xoáy vẫn ngóng trông...

xót lòng viễn khách hoài cố quận
thương kiếp lữ hành mãi xa quê
cuối năm viết bài thơ lỡ vận
nâng chén men cay dạ nảo nề...

cuối cuộc hành trình về ga cuối
còn chút yêu thương trút cạn lòng
nhật nguyệt xác xao đời qua vội
nhọc nhằn kiếp sống vẫn quay vòng

không hẹn mà xuân về trước ngõ
chẳng mời hoa cũng nở bên hiên
ghép vội nụ cười bao mảnh vỡ
chờ đón giao thừa chút tư riêng ...



Nguyễn Minh Triết

Ý NGHĨA VÀ VAI TRÒ CỦA VĂN CHƯƠNG LƯU VONG

Trong thế kỷ qua với tình trạng nhiều quốc gia bị thống trị hay bị xâm chiếm bởi những chính quyền độc tài hay đảng trị đã khiến cho nhiều người dân của các quốc gia không may này, nhất là các văn nghệ sĩ phải đào thoát và sống lưu vong nơi xứ lạ quê người. Tình trạng trong đó một tập thể to lớn của những người đồng chủng tộc phải sống xa mảnh đất của cha ông đã làm phát sinh những nền văn chương được gọi là văn chương lưu vong.

Ý niệm lưu vong là một ý niệm mơ hồ có thể có nhiều nghĩa khác nhau nên cần phải được minh định rõ ràng. Trước hết, lưu vong là một ý niệm trong tổng thể về sự lưu động của con người xuyên qua các không gian địa lý và không gian chính trị. Điều này hàm chứa ý nghĩa là tình trạng lưu vong phải bao gồm sự cưỡng bách chuyển chỗ (displacement) vì lý do chính trị hay tôn giáo chứ không phải vì lý do kinh tế. Trong những thế kỷ vừa qua, tình trạng lưu vong thường xảy ra trên bình diện cá nhân hơn là tập thể. Tuy nhiên, có ba cuộc chuyển chỗ tập thể quan trọng được ghi nhận là thứ nhất sự đào thoát ra khỏi quê hương của hơn ba ngàn trí thức Đức trong thời gian từ 1933 đến 1938 khi Đức quốc xã lên cầm quyền ở Đức; thứ hai, các trí thức và văn nghệ sĩ người Hoa phải bỏ trốn khỏi nước khi Mao Trạch Đông chiếm được Trung Hoa lục địa vào năm 1949, và thứ ba là cuộc đi tìm tự do của gần nửa triệu thuyền nhân Việt Nam sau năm 1975 khi Cộng sản xâm chiếm miền Nam Việt Nam.

Nhưng theo Svetlana Boym, lưu vong nhiều khi không cần phải đích thân rời bỏ quê hương bản quán, không cần phải có một sự chuyển chỗ mà vẫn có thể bị ở trong tình trạng lưu vong. Đó là trường hợp của những người sống trong chế độ độc tài, chuyên chính không được tự do tư tưởng và viết lách, nhưng dù thân xác có bị quản chế trong không gian địa lý tâm hồn họ đã luôn luôn ở ngoài biên cương của quốc gia và tác phẩm của họ bằng cách này hay cách khác luôn bày tỏ sự đối kháng lại sự cai trị độc tài của

chánh quyền hiện hữu. Tình trạng này được gọi là “lưu vong tinh thần” (spiritual exile) hay “lưu vong tại chỗ” (internal exile).

Như vậy, ý nghĩa của hai chữ lưu vong bao hàm ý nghĩa chống đối và vì chống đối nên đương sự phải tự ý hay bị cưỡng chế rời bỏ quê hương như là một biện pháp có tính cách đề phòng đề tránh khỏi bị ngược đãi về chánh trị hay tôn giáo.

Ngoài ra, lưu vong cũng còn có nghĩa là một hình phạt của xã hội trong đó người bị xử phạt bị cưỡng bách rời khỏi nơi thường trú đến sống ở một nơi được chỉ định và không bao giờ được đặt chân về quê xưa. Lưu vong như một hình phạt đó là trường hợp của Ovid đã bị Augustus xử phạt lưu đày vì đã dan díu tính dục với con gái của hoàng đế. Một cách chung, lưu vong như một hình phạt thường được áp dụng với mục đích chánh trị như các vị vua hay lãnh tụ chánh trị bị lật đổ bị nhà cầm quyền mới lưu đày ra ngoại quốc. Trong thời thống trị của các vương quyền, nổi bật vì giàu sang hay vì tài ba ở bình diện cá nhân hay tập thể cũng thường dễ bị trở thành đối tượng cho những biện pháp lưu đày. Do đó để tránh bị ngược đãi các người này hay các nhóm người này thường phải tự ý chọn cuộc sống lưu vong. Đó là trường hợp của Voltaire khi trở thành một nhà phê bình nổi tiếng của Pháp khiến mọi người từ nhà cầm quyền cho đến các thế lực chánh trị phải vừa lắng nghe vừa sợ hãi và vì nể nên đã khiến ông cảm thấy cuộc sống không còn được an toàn nữa, do đó ông phải tự ý lưu vong sang đất Thụy sĩ để tránh hậu hoạn. (1)

Vì phải sống xa quê hương nên những người sống lưu vong này dễ có tình cảm nhớ nhà, nhớ quê. Tình cảm nhớ nhà, nhớ quê này hay nói một cách khác là tình hoài hương trong Anh ngữ được gọi là *nostalgia* do hai gốc tiếng Hy Lạp ghép lại là *nostos* có nghĩa là nhà và *algia* có nghĩa là niềm khát khao, nỗi ham muốn mãnh liệt. Vậy tình hoài hương của người lưu vong hàm chứa ý nghĩa phải sống rời xa bản quán và niềm khao khát mãnh liệt được trở về sống nơi chốn cũ. Để bày tỏ nỗi lòng khát khao nhớ về quê hương đó hay để nói lên sự bài bác những đường lối cai trị của nhà cầm quyền tại quê nhà những lưu dân văn nghệ sĩ dùng đến văn chương và nghệ thuật vì văn chương luôn luôn dính liền với chánh trị và mệnh nước. Tất cả những sáng tác phẩm của những lưu dân văn nghệ sĩ đó tạo thành nền văn chương được gọi là nền văn chương lưu vong.

Theo quan điểm của Yale University on Southeast Asia Study Group văn chương lưu vong là một nền văn chương trong đó những văn nghệ sĩ sống ở một nơi mà viết về hoặc dự phóng về những cuộc sống, về những diễn biến ở một nơi khác do sự thôi thúc của tình hoài hương. Nhớ về quê hương của các văn nghệ sĩ là một cuộc quay đầu lại phía sau để tra xét về quá khứ đầy ắp kỷ niệm và về cảnh vật nơi lưu dân đã sống trước kia, đồng thời cũng là sự tiếc nuối không mang được đọc giả theo mình. Theo Nguyễn Hưng Quốc thì người lưu vong sau khi thoát ra khỏi ngục tù quê hương thì rơi ngay vào nhà tù của trí nhớ. Chánh sự hoài niệm này khiến cho tâm thức của lưu dân bị ngưng đọng lại với người xưa cảnh cũ và không bắt kịp được những diễn tiến ở quê nhà khiến họ càng ngày càng xa cách với quê hương.

Riêng về bản chất của văn học lưu vong, Nguyễn Hưng Quốc đã qui định một cách chặt chẽ. Theo ông chỉ có văn học lưu vong khi hội đủ ba yếu tố. Trước hết phải có tác giả lưu vong, tức phải có những người sống ở nước ngoài và viết về những hoài niệm, những lập trường chánh trị của mình đối với quê hương. Thứ hai phải có đọc giả lưu vong, tức là phải có một lượng người đọc đủ lớn để thưởng thức các tác phẩm của các tác giả lưu vong đó. Và thứ ba là cả người đọc lẫn người viết phải có thái độ đối kháng với chế độ chánh trị trong nước.(2)

So với ý kiến của Yale University on Southeast Asia Group thì qui định của Nguyễn Hưng Quốc bao quát hơn và rất hữu lý khi đặt nặng vào yếu tố đối kháng chánh trị vì nếu không có đối kháng với sự cai trị của chánh quyền quốc nội nền văn chương được hình thành ở hải ngoại đó không còn tách cách lưu vong nữa mà chỉ khác biệt với nền văn chương quốc nội về phương diện địa lý mà thôi. Tuy nhiên, điều kiện người đọc cũng phải có thái độ đối kháng chánh trị với nhà cầm quyền trong nước thì sợ rằng khó thể hiện được vì trong quan niệm về tự do dân chủ, quan điểm chánh trị của người đọc không nhất thiết phải đồng nhất với quan điểm chánh trị của người viết.

Ý niệm về lưu vong và văn chương lưu vong tuy hiện hữu từ lâu nhưng không phải lúc nào cũng có ý nghĩa giống nhau. Văn học lưu vong trong tiếng Anh gọi là diaspora, lúc đầu được dùng để chỉ các cộng đồng Do Thái bị xua đuổi ra khỏi đất nước và sống rải rác trên thế giới, lần lần về sau mới dùng để chỉ tất cả các cộng đồng sắc tộc vì một lý do gì đó phải sống ngoài đất nước của mình

nhưng tâm tư luôn hoài niệm về quê cũ. Vào cuối thế kỷ 20 danh từ lưu vong đã được sử dụng khá nhiều. Bước sang thế kỷ 21 thì từ lưu vong trở thành phổ biến không những trong lãnh vực học thuật mà được dùng cả trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

Ngoài ý niệm lưu vong đã có từ lâu, tình trạng văn nghệ sĩ phải sống lưu vong ở hải ngoại không phải chỉ mới đây mới có mà nó đã xảy ra từ xa xưa trong lịch sử của loài người. Các nhà văn, triết gia như Dante, Descartes, Poussin, Hobbles và Pierre Bayle đã từng phải sống lưu vong ở ngoại quốc, trong đó Dante và Hobbles phải sống lưu vong vì lý do chánh trị, và Bayle phải bỏ xứ Pháp mà đi để tránh khỏi bị ngược đãi về tôn giáo.

Các văn nghệ sĩ phải sống lưu vong vì tranh đấu chống độc tài chuyên chính được ghi nhận rất nhiều trong quá trình văn học thế giới. Tại Pháp, Germaine de Stael đã bị Napoleon đệ nhứt lưu đày, Victor Hugo đã phải tự ý bỏ nước Pháp để sống lưu vong vì không chịu được sự cai trị độc đoán của Napoleon đệ tam. Tại Nga, với cuộc cầm quyền của Cộng sản vào năm 1917, hàng ngàn văn nghệ sĩ và trí thức đã phải đào thoát khỏi Xô viết cũng như tại Đức vào năm 1933 và tại Tây ban nha vào năm 1936 khi hai nhà độc tài Hitler và Franco lên nắm chánh quyền tại các nước này. Trong khi đó, các trí thức Algerie chọn cuộc đời lưu vong tại Pháp, các trí thức Iraq phải rời bỏ quê hương để sống lưu vong tại Anh và Mỹ. Riêng các văn nghệ sĩ Việt Nam lánh nạn Cộng sản thì sống lưu vong khắp nơi trên thế giới, trong đó phần lớn hiện đang sống tại Hoa kỳ, Canada, Pháp và Úc.

Các lưu dân bắt đầu cuộc sống mới nơi xứ người nhưng dù sống nơi nào trên trái đất họ cũng luôn hướng vọng quê hương và luôn mong có ngày được trở về sống trên quê cha đất tổ. Các lưu dân không bao giờ dứt lia mối dây tâm linh nối kết họ với cội nguồn. Đối với các lưu dân những động lực chánh trị hay tôn giáo luôn luôn là những động lực mạnh mẽ thúc đẩy họ tin tưởng là sẽ có ngày qui hồi cố quốc. Điều này giải thích tại sao mà những cộng đồng lưu vong người Việt, Hoa, Hàn, Do thái...sống ở hải ngoại thường hay qui tụ và kết hợp chung quanh các ngôi chùa, các nhà thờ hay các nguyện đường và dùng những nơi này như là điểm hội tụ để nuôi dưỡng niềm tin và kết hợp sự tranh đấu cho một ngày được trở lại quê xưa.

Bên cạnh những động lực vừa kể, quê hương đối người sống lưu vong còn là một định mệnh. Trong tâm thức kẻ lưu vong quê

hương và con người là một. Định mệnh của quê hương cũng là định mệnh của kẻ lưu vong. Những bất hạnh của quê hương cũng là niềm đau của kẻ phải sống lưu đầy và hạnh phúc của kẻ lưu vong không thể tìm thấy được ở đâu khác hơn là nơi quê cha đất tổ. Tâm thức lưu đầy này luôn luôn âm ỉ trong tâm hồn của mỗi và mọi người phải sống lưu vong. Sức mạnh của những người lưu vong bắt nguồn từ sức mạnh của nền văn hoá của quê hương mà họ phải rời bỏ. Và sức mạnh này giúp những người sống lưu vong sức đề kháng và bảo vệ những giá trị của nền văn hoá dân tộc.

Tình hoài hương và niềm hãnh diện về sức mạnh văn hoá dân tộc nơi các lưu dân là một yếu tố tâm lý đè nặng lên cuộc sống tâm linh và luôn tiềm tàng trong cuộc sống của họ. “Căn nhà” mà người lưu dân bỏ lại nơi chốn cũ và “căn nhà tha hương” mà người lưu dân muốn kiến tạo nơi xứ người thường có nhiều yếu tố chung không ngờ, đó là tất cả các lưu dân đều muốn giữ gìn và bảo tồn những dấu vết văn hoá của quê mẹ. Vì muốn giữ gìn và bảo tồn văn hoá gốc các văn nghệ sĩ lưu vong thường hay viết về cuộc sống trong quá khứ nơi quê nhà, thường hay ca ngợi các nét hay đẹp của văn hoá gốc để cổ vũ cho mọi người giữ gìn nó cũng như ghi lại những khó khăn trong cuộc sống hội nhập với văn hoá mới nơi quê người để chia sẻ nỗi lòng với các thế hệ lưu dân đến sau. Mặt khác để tưởng nhớ một thời quá khứ đã mất rất nhiều lưu dân thường viết hồi ký, là những cuốn tự truyện kể lại cuộc đời và những kinh nghiệm sống của tác giả trước khi rời bỏ quê hương.

Đối với văn nghệ sĩ nói chung, những kinh nghiệm của cuộc sống lưu vong còn là những chất liệu sống động được dùng để dựng nên nhiều tác phẩm giá trị. Lịch sử văn học thế giới cho thấy cuộc sống lưu vong trong nhiều trường hợp là một môi trường tốt cho văn học và chất liệu lưu vong cũng đã được sử dụng để tạo nên nhiều tác phẩm nổi tiếng.

Một trong các nhà văn lưu vong nổi tiếng là Victor Shklovsky (3). Ông là một nhà văn Nga vẫn được các tác giả phương tây cho là người sáng lập ra chủ nghĩa hình thức Nga đồng thời là một nhà lý thuyết về sự sống cách ly (theorist of estrangement). Ông từng là một đảng viên Cộng sản Nga, nhưng được một thời gian thì ông phải bỏ nước Nga trốn qua Bá linh thuộc Đức quốc để tránh bị bắt. Nhưng khi sống lưu vong, một phần do trở ngại ngôn ngữ, và phần khác do nỗi nhớ quê hương vì thói quen đời sống của ông đã quá gắn bó với lối sống của Nga. Tình hoài hương của ông khi sống tại

Bá linh trở thành đắng cay như khói của các nhà máy hoá học của Đức. Do đó, ông đã xin chánh quyền Xô viết cho ông được hồi hương. Và ông đã được toại nguyện để rồi sau đó phải bị cưỡng bách chối bỏ chủ nghĩa hình thức do ông sáng lập và âm thầm trở thành một người “lưu vong tại chỗ” đi tìm quên thực tại trong thuật sống cách ly.

Lý thuyết sống cách ly thường được xem như là một tuyên ngôn độc lập của nghệ thuật, một tuyên ngôn tự trị của nghệ thuật đối với cuộc sống hằng ngày. Trong bản văn “Art as a Device” (Nghệ thuật như một Phương sách) Shklovsky cho thuật sống cách ly là một phương sách trung gian giữa nghệ thuật và đời sống. Làm cho mọi vật thành lạ lẫm, nghệ sĩ không chỉ chuyển dịch các sự kiện hằng ngày vào khung cảnh nghệ thuật, mà họ còn trả cảm tính lại cho đời sống, tái sáng tạo thế giới, và làm cho nó thành mới. Thuật sống cách ly làm nghệ thuật thêm tánh chất nghệ thuật và làm cuộc sống hằng ngày thêm sống động và đáng sống.

Đối với Shklovsky tình hoài hương trong một cộng đồng lưu vong tưởng tượng và thuật sống cách ly là những trọng đề trong các tác phẩm của ông. Trong tác phẩm *Letters Not about Love*, “Những bức thư không phải thư tình” lại là những bức thư nói về tình yêu và về những tình nhân có cuộc sống lưu vong. Trong tác phẩm này, Alya, một người tình theo chủ nghĩa hình thức, cảm ông không được đề cập đến tình yêu trong các thư gởi cho nàng mà chỉ được thảo luận các vấn đề văn học mà thôi. Những bức thư được hứa không đề cập đến tình yêu đó lại phá bỏ lời hứa rất nhiều lần. Đối với Shklovsky, tình yêu không cần đền đáp của ông dành cho Alya phản ánh mối quan hệ của ông với thành phố Bá linh, nơi ông đã một thời sống lưu vong. Ông cũng không thể nào quên được sự khác biệt văn hoá giữa Đức và Nga mà ông đã cảm nhận được trong những ngày sống lưu vong tại đó. Trong khi ông không thể cảm thấy thoải mái trong bộ Âu phục thì trong một bức thư gởi ông, Alya lại rất đàn bà, cho biết là cảm thấy rất sung sướng được sống trong căn chung cư mới, rất mê các kiểu y phục thời trang và đủ các thứ sản phẩm của Tây Âu. Đối với Shklovsky, Alya là tượng trưng cho văn hoá Tây Âu chứ không phải là văn hoá Nga dù hai nền văn hoá đều có những cội nguồn gần giống nhau.

Điều này cho thấy là lý thuyết sống cách ly và cuộc sống lưu vong thực tại không nhứt thiết phải đi đôi với nhau. Bá linh có thể là địa điểm lý tưởng cho các nhà phê bình hiện đại, nhưng đối với

Shklovsky, một lưu dân nghèo kiết, trung tâm tiền phong của nước Đức nơi lui tới của các văn nghệ sĩ Tây Âu và Nga lại là một đe dọa cho sự sinh tồn của một trí thức lý thuyết gia Nga theo chủ trương sống cách ly như ông. Lối sống hằng ngày của Tây Âu có thể rất tốt cho nghệ thuật nhưng không thích hợp cho đời sống ông, lối sống đó đã đập vỡ ông, làm ông luôn luôn nóng nảy, nó làm tan loãng khối băng trong người ông... Do đó mà ông đành chấp nhận trở về Nga để làm người “lưu vong tại chỗ” hơn là sống bơ vơ lạc lõng nơi xứ người.

Một thi sĩ lưu vong Nga khác là Joseph Brodsky (3) từng bị mật vụ KBG bắt giam, tù đầy rồi đào thoát và sống lưu vong ở Mỹ đã sử dụng các chất liệu của quá khứ và của cuộc sống xa quê hương một cách tài tình trong các văn bản của ông. Tài tình đến nỗi đã đem lại cho ông danh dự tối cao là đoạt giải Nobel về văn chương. Giống như Shklovsky, Brodsky cũng ủng hộ thuật sống cách ly (art of estrangement) vì theo Brodsky thuật sống cách ly là một phương cách đối kháng. Trong ngôn ngữ của Xô viết trong thập niên 1960, cuộc sống tách rời quê hương là một hình thức chống đối lại sự Xô viết hoá. Bóng ma của các khẩu hiệu Mác xít về giá trị của cuộc sống vật chất mà Brodsky muốn yểm trừ trong các thi phẩm của ông hiện diện trong hầu hết các tác phẩm của ông. Và lòng hoài vọng cố hương đã làm ông tôn vinh quê hương bỏ lại và quê hương tạm dung như là những đế quốc bao che cho thi ca. Quê hương mới là nơi an toàn cho sự sinh tồn của thi sĩ, còn quê hương bỏ lại phía sau là nguồn cảm hứng muôn đời cho thi ca. Trong các đế quốc này, không có ai bị lưu đày vì thi ca là lý do tồn tại của đế quốc. Luật lệ vĩnh cửu của các đế quốc này là tiếp thu và cho mọi lưu dân được nhập tịch. Đối với Brodsky, sự di trú vào đế quốc này không phải là một sự chọn lựa mà còn là một định mệnh của mọi người có cuộc sống lưu vong.

Ngoài ra, Brodsky cũng cho ngôn ngữ thi ca Nga là một bộ máy giúp trí nhớ cho người chủ trương sinh tồn, và ngôi nhà duy nhất mà người thi sĩ vô gia cư hậu cách mạng còn có được là ngôi nhà thi ca. Ngôn ngữ thi ca không phải là một nghi lễ mà là một căn bản cho quê hương xách tay (portable homeland) của những người phải sống lưu vong. Brodsky đã luôn mang bên mình một quê hương xách tay làm bằng những bài thơ sáu âm tiết như là con ốc cuộn tròn trong vỏ ốc, và chánh quê hương xách tay này đã được ông bảo vệ với tất cả nhiệt tình của một người ái quốc.

Mặt khác, ông cũng cho sự lưu vong làm sự cải tiến về phong cách nghệ thuật bị chậm lại, và do đó làm cho văn nghệ sĩ lưu vong dễ trở thành có khuynh hướng bảo thủ hơn. Tình hoài hương của Brodsky không những gắn liền với những hình thức thi ca kinh điển của Nga mà còn liên hệ đến những phương thức đọc và thưởng thức văn chương, những phương thức thực hành văn hoá linh thiêng của nền văn chương đối kháng mà ông đã tiên nhiệm từ lúc trẻ khi sống ở thành phố Leningrad bên Nga. Trong các văn bản liên quan đến thuật sống cách ly, Brodsky luôn luôn nhớ về và khơi lại một cộng đồng trong tâm tưởng của những bạn bè thân thương ở Leningrad. Những người bạn của ông, những người lưu vong tại chỗ, đã âm thầm chống lại các hình thức tập thể hoá của chánh quyền Xô viết bằng cách tạo dựng một cộng đồng cho riêng họ trong khu bếp chung chật chội trong đó những con người ăn mặc xóc xệch nhưng hãy còn nét sang trọng cùng tưởng vọng về một nền văn minh đã mất, một nền văn minh không phải chỉ gồm có bánh mì buổi sáng và vòng tay ôm buổi tối.

Vì vậy, nhiều người không đồng ý cho Brodsky là một thi sĩ hậu hiện đại, mà chỉ là một thi sĩ hoài hương hiện đại (nostalgic modernist). Mặc dầu những hoài vọng của ông trong thi ca có tánh cách toàn cầu nhưng hình thức hiện đại kinh điển của Brodsky vẫn còn nhuộm màu sắc địa phương tính Leningrad. Và màu sắc địa phương tính thân thương này bằng bạc trong khắp các bài thơ bằng tiếng Nga của ông. Tuy nhiên, khi các bài thơ này được dịch sang Anh ngữ thì màu sắc đặc biệt đó bị biến mất và trở thành nhịp điệu trang nghiêm giống như các nhà thơ hiện đại Anh Mỹ.

Vì những bất toàn của chuyển ngữ như vậy nên Brodsky trong cuộc sống lưu vong, ban đầu sáng tác bằng tiếng mẹ là tiếng Nga, nhưng về sau ông đã tự dịch và sáng tác các tác phẩm mới của ông bằng Anh ngữ. Chuyển ngữ đã đóng một vai trò quan trọng trong các tác phẩm của Brodsky. Trong lãnh vực này Brodsky đã có nhận xét rất đặc biệt về sự chuyển hướng sáng tác bằng Anh ngữ. Theo ông, đó không phải là một đại họa cho sự tàn lụi của tiếng mẹ đẻ mà còn là một phương cách để truyền bá và bảo tồn kiến thức văn hoá. Theo ông, thi ca là chiếc xe chuyên chở kỷ niệm, những dòng thơ là những đường rầy của hệ thống chuyên chở công cộng, và những ẩn dụ trong thơ là một cách để trao gởi ý nghĩa của thi ca đến người đọc.

Trong bản văn viết bằng Anh ngữ “In a Room and a Half” ở lời đề tặng cha mẹ là Alexander Brodsky và Maria Volpert vừa qua đời ở Nga mà chánh quyền Xô viết không cho ông về dự đám tang, Brodsky đã giải thích vì sao ông dùng Anh ngữ để viết dù cho cha mẹ ông không biết tiếng Anh:

“Tôi viết những dòng này bằng Anh ngữ vì tôi muốn cho họ một bờ lề (margin) của tự do; bờ lề của tự do mà bề rộng tùy thuộc vào số người muốn đọc những dòng này. Tôi muốn Maria Volpert và Alexander Brodsky đạt được thực tại bằng những tín hiệu nước ngoài về lương tâm, tôi muốn những động từ di động Anh ngữ sẽ diễn tả những hành động của họ. Những dòng này sẽ không làm phục sinh họ, nhưng vẫn phạm Anh ngữ có thể ít ra chứng tỏ là con đường thoát từ cái ống khói của lò hoả thiêu là tốt hơn Nga ngữ... Cầu mong Anh ngữ cho họ trú ngụ....” (4)

Giống như Brodsky, các lưu dân đa số có thể nói hai ngôn ngữ, nhưng dù nói lưu loát thể nào đi nữa những người lưu dân vẫn không tránh khỏi sự phát âm tiếng địa phương với ít nhiều âm sắc ngoại quốc. Sự bất lợi về ngôn ngữ này là một trở ngại lớn cho các người viết văn lưu vong khi muốn dùng tiếng địa phương để sáng tác. Đối với văn thi sĩ sự phải dùng một ngôn ngữ khác hơn là ngôn ngữ mẹ là một sự thách thức to lớn, khi viết văn hay làm thơ họ mất đi khả năng truyền đạt rung cảm trước thiên nhiên và cuộc sống của họ đến với người đọc địa phương, điều này làm mất đi sợi dây liên lạc của họ với cuộc sống chung quanh. Nhà văn nữ lưu vong Eva Hoffman trong tác phẩm *Lost in Translation* xuất bản năm 1989 đã từng tự hỏi: “Cái gì sẽ xảy đến cho tôi trong cái thế giới mới mẻ này?” và bà đã tự trả lời là: “Tôi không hiểu. Tôi không thấy được những gì tôi đang nhìn, không hiểu những vật đang ở trước mắt tôi. Tôi không còn ngôn ngữ nữa, và tôi chỉ còn một nỗi nhớ với đầy âu lo và một nhận thức là trong tình trạng tôi đen và trống rỗng này tôi thực sự không còn hiện hữu nữa”. (5)

Tuy có nhiều bất lợi và thử thách, cuộc sống lưu vong nhiều khi lại là mảnh đất màu mỡ cho sự tăng trưởng và phát triển độc lập của nghệ sĩ. Đó là trường hợp Remedios Varo, một nghệ sĩ người Tây ban nha lánh nạn chiến tranh tại quê nhà và sống lưu vong ở Mỹ tây cơ. Varo đã nhờ cuộc sống lưu vong mà tìm ra được bản thể và tìm được con đường nghệ thuật. Varo đã cho biết vì bị mất gốc rễ và sống lưu đầy khỏi quê hương nên bà đã dần thân vào việc tự phát triển kiến thức, một cuộc hành hương tâm lý và tinh

thần để tìm về những cội nguồn sâu xa và khả tín. Nhờ sống lưu vong cuộc đời bà đã được trau chuốt vì được tiếp xúc với nhiều ngoại lực. Nhờ sống rời xa sự đoạ dẫm của các nhóm siêu thực và được sự tĩnh lặng trong cuộc sống lưu vong bà đã tìm được cho mình một đường lối sáng tạo nghệ thuật riêng biệt mang những nét độc đáo của riêng bà. Đối với các văn nghệ sĩ lưu vong Việt Nam trong một giới hạn ta có thể nói cuộc sống lưu vong đã giúp cho Nguyễn Mộng Giác hoàn thành và phổ biến được 2 bộ trường thiên tiểu thuyết Mùa Biển Động và Sông Côn Mùa Lũ và một số văn nghệ sĩ khác cũng nhờ đó mà sáng tác được một số tác phẩm có giá trị như Võ Phiền, Nhã Ca, Andre Lâm ...

Ngược lại với các văn thi sĩ, các họa sĩ và nhạc sĩ phải sống lưu vong thường dễ tiếp tục cuộc đời nghệ thuật và hội nhập vào khung cảnh văn học của địa phương hơn vì họ không phải dùng đến văn viết. Khác với văn viết, hội họa và âm nhạc là những ngành nghệ thuật dễ lưu chuyển (transportable). Ngoài ra, các người làm hội họa và âm nhạc cũng quen đi đây đi đó để học hỏi và phát triển ngành nghề. Cuộc sống xa quê và môi trường nghệ thuật địa phương nhiều khi lại chạnh là những động lực kích thích sáng tác. Một vài trung tâm nổi tiếng của thế giới có sức hấp dẫn các họa, nhạc sĩ nói riêng và văn nghệ sĩ nói chung lui tới là Paris và New York. Tại các trung tâm nghệ thuật này, nhiều tác phẩm nghệ thuật của nhiều tài năng xuất chúng đã ra đời và lưu truyền muôn thuở. Các tác phẩm vang danh hiện đại của Picasso đã được sáng tạo tại Paris thay vì tại Barcelona; tác phẩm *Broadway Boogie Woogie* cũng được Mondrian cho ra chào đời ở New York thay vì tại quê hương Hoà Lan của ông.

Mặt khác, đời sống lưu vong nhiều khi lại rất có lợi cho phái nữ. Janet Wolff trong một cuộc thảo luận về ảnh hưởng của cuộc sống lưu vong đối với các nữ văn nghệ sĩ đã nhận định là sự chuyển chỗ rất có lợi cho phụ nữ trong việc sáng tác. Trước hết, cuộc sống nơi xứ lạ làm khởi xuất được nhiều quan niệm mới về nơi sống mới và sự tương quan giữa các nơi chốn với nhau. Ngoài ra, sự chuyển chỗ cũng làm cho nữ văn nghệ sĩ lưu vong thay đổi chánh mình như thay đổi bản ngã, thay đổi các thói quen dài lâu, tập uốn mình sống trong khung cảnh xã hội mới, khám phá ra những cách diễn đạt mới... (5)

Theo thiển ý, những nhận xét của Janet Wolff không những đúng cho phụ nữ mà cũng có thể áp dụng cho mọi văn nghệ sĩ lưu vong.

Nhờ biết thay đổi và hội nhập với môi trường nghệ thuật mới mà rất nhiều văn nghệ sĩ đã thành công và tạo được nhiều ảnh hưởng trong lãnh vực văn học nghệ thuật. Rất nhiều văn nghệ sĩ đã để lại nhiều dấu ấn trên nền văn học nghệ thuật của nơi họ sống lưu vong. Breton và các người theo chủ thuyết siêu thực sống lưu vong đã tạo được nhiều ảnh hưởng đáng kể trong khung cảnh sống mới ở hải ngoại. Max Beckmann đã để lại nhiều tác phẩm giá trị được hình thành bên ngoài nước Đức. Tương tự, Hans Hoffman, Joseph Albers, De Kooning, Arshile Gorky... đã tạo nên nhiều phong trào cách tân trong nền văn học nghệ thuật Hoa kỳ.

Nhưng đó là những trường hợp ngoại lệ, không phải tất cả các văn nghệ sĩ lưu vong đều thành công và tạo được ảnh hưởng trên nền văn hoá tiếp cư. Trong thực tế có rất nhiều văn nghệ sĩ lưu vong vì hoặc hoàn cảnh sống khó khăn, hoặc vì trở ngại ngôn ngữ, hoặc vì cả hai đã phải giã từ thế giới văn học nghệ thuật. Đối với những người còn tiếp tục viết và những người viết mới, một vấn đề khác cũng thường làm họ băn khoăn không ít là chỗ đứng của họ ở đâu trong hai nền văn học: trong nền văn học gốc nơi họ từ bỏ ra đi hay họ thuộc về nền văn học địa phương nơi sống lưu vong.

Nền văn chương lưu vong nói chung và các văn nghệ sĩ lưu vong nói riêng thường hay bị xem như một đứa con hoang vô thừa nhận. Vô thừa nhận vì một mặt, nền văn chương lưu vong này không thể được coi là thuộc nền văn chương của quốc gia tiếp cư vì phần lớn nền văn chương này được viết bằng ngôn ngữ mẹ của lưu dân. Mặt khác, nền văn chương nơi quê hương gốc của lưu dân cũng không muốn thừa nhận vì nền văn chương này chống đối chế độ và nằm ngoài biên cương địa lý nên nền văn chương lưu vong không được coi là thuộc vào dòng chánh của nền văn học dân tộc. Tuy vậy, đôi khi vì mục tiêu và lợi ích chánh trị nền văn chương lưu vong lại biến thành đối tượng cho sự tranh dành tánh cách chánh thống.

Đây là một vấn đề từng gây nhiều tranh cãi, nền văn chương nào là dòng văn chương chánh của cộng đồng lưu dân liên hệ, nền văn chương bên trong không gian địa lý đang bị chế độ chuyên chính thống trị hay nền “văn chương xách tay” của cộng đồng lưu dân đó?

Cậu bé dân Cuba Elian Gonzales sống sót trong một cuộc vượt biển tìm tự do năm nào biến thành đầu mối cho sự tranh tụng giữa cộng đồng dân Cuba lưu vong ở Miami và chánh quyền độc tài của Fildel Castro là hình ảnh sống động nói lên sự tranh dành địa

vị chánh thống của hai nền văn chương quốc nội và văn chương lưu vong.

Cậu bé Elian theo mẹ vượt biển tìm tự do trên một chiếc thuyền con chở 13 người nhưng thuyền bị chìm, mẹ của Elian và nhiều người trên thuyền đều chết ngoại trừ cậu bé và hai người nữa sống sót nhờ được tàu đánh cá Mỹ cứu vớt. Cậu bé được thân nhân ở Miami nhận nuôi nhưng cha của cậu bé vẫn còn ở Cuba qua phương tiện truyền thông lên tiếng đòi lại đứa con. Các thân nhân của Elian ở Miami với sự hỗ trợ của các nhân vật chánh trị và tranh đấu cho nhân quyền quyết chống đối không trả cậu bé trở về sống trong ngục tù Cộng sản. Hai bên đều dùng hình ảnh cậu bé bị bầm dập vì cuộc vượt biển thoát chết để kết án bên kia là tàn nhẫn, thiếu chánh nghĩa và cho mình có chánh danh để đòi lại hay tiếp tục giữ cậu bé Elian. Cha cậu bé nhân danh tình cha con để đòi đem cậu bé về Cuba, còn thân nhân của cậu bé ở Miami nhân danh tình người và nhân quyền để muốn giữ cậu bé ở lại Mỹ.

Cậu bé Elian cuối cùng phải trở về với cha, trở về với cuộc sống ngục tù, nhưng điều này không có nghĩa là ước mơ của người mẹ muốn con mình có một đời sống tự do đã thua. Ít ra nhờ sự hi sinh của mẹ, Elian đã thấy được thế nào là tự do, dù ngắn ngủi, để sau này khi lớn lên và ý thức được cuộc sống cậu có đủ kiến thức so sánh với cuộc sống tù đầy nơi quê cha mà noi gương mẹ hay ít ra cũng trở thành một Shklovsky khác mà “lưu vong tại chỗ”.

Trên thế giới hiện có rất nhiều “Elian” văn chương, và các “Elian” này bao giờ cũng ở về phía hải ngoại. Phần đông các lưu dân cho nền văn chương lưu vong mới là văn chương dòng chánh vì văn chương quốc nội bị kiểm kẹp và chỉ huy bởi nhà cầm quyền độc tài, mọi chống đối đều bị đàn áp và tiêu diệt nên văn nghệ sĩ không được tự do sáng tác. Do đó, nền văn chương quốc nội đó không còn được xem là văn chương nữa mà chỉ là những tài liệu tuyên truyền cho chế độ. Khi chế độ toàn trị không còn tồn tại nữa các tài liệu tuyên truyền không có giá trị văn chương đó sẽ bị đào thải và nền văn chương lưu vong mới là nền văn chương tiếp nối dòng lịch sử văn học của dân tộc. Đó chánh là vai trò nặng nề và vinh dự mà các nền văn chương lưu vong phải gánh trên vai.

Một trong các nền văn chương lưu vong đã đóng trọn vẹn vai trò bảo tồn và phát triển văn hoá dân tộc đó là nền văn chương của cộng đồng lưu vong người Estonian. Quốc gia nhỏ bé Estonia nằm sát nách nước Nga đã bị Xô viết chiếm đóng từ đệ nhị thế chiến

khiến cho hơn 80 ngàn người Estonian hay 5 phần trăm dân số lúc ấy đã phải bỏ nước ra đi, đa số là tầng lớp trí thức trong đó có một phần ba số hội viên của hội nhà văn Estonia. Họ định cư phần lớn tại Thụy điển, Hoa kỳ và Canada. Một số nhỏ khác sống rải rác tại các quốc gia như Anh, Đức, Úc đại lợi... Tuy sống rải rác khắp nơi nhưng ngay từ đầu họ đã biết tổ chức nhiều cơ cấu để giữ mối liên lạc và bảo tồn văn hoá dân tộc. Các trường học, các rạp hát, các hội nghiên cứu khoa học, các đoàn thanh niên, sinh viên... được hình thành khắp các nơi có cộng đồng người Estonian định cư.

Để tránh hoạ bị tiêu diệt và tan loãng trong các nền văn hoá của nơi tạm cư, ngay các ngày đầu khi còn ở trong các trại tị nạn nhiều tờ báo tiếng Estonian đã ra đời. Tiếp theo là các đặc san rồi các sách vở của các tác giả nổi tiếng cũng như chưa nổi tiếng đua nhau được ấn hành để phục vụ cho các cộng đồng Estonian lưu vong, đặc biệt là có sự góp mặt của nhiều nhà văn trẻ mới với lối viết có nhiều óc sáng tạo. Riêng một năm 1949, 32 quyển sách gồm sách mới và sách tái bản đã được phát hành trong các trại tị nạn ở Đức. Sau đó, nhiều cuộc nói chuyện về văn học và triển lãm sách báo cũng được tổ chức khắp nơi có dân Estonian tạm cư. Ban đầu, sách được một vài nhà xuất bản nhỏ hoặc tác giả tự ấn hành nhưng về sau việc xuất bản sách được đảm trách bởi vài nhà xuất bản lớn nằm ở Thụy điển, Canada, và Hoa kỳ. Hội các nhà văn trẻ Estonian cũng thành lập riêng một nhà xuất bản để ấn hành sách vở của các hội viên. Các nhà xuất bản này thường tổ chức phân phối sách qua các hội sách (book clubs) nằm rải rác khắp nơi có người Estonian sinh sống. Nhờ đó, sách đã được phân phối rộng rãi đến tay người đọc.

Mặc dù có nhiều khó khăn về kinh tế và phân phối các nhà xuất bản của người Estonian lưu vong này đã với tất cả lòng nhiệt thành yêu nước vượt qua mọi trở ngại để đóng góp công sức to lớn cho việc bảo tồn và phát triển văn hoá của người Estonian. So với một cộng đồng nhỏ bé khoảng 80 ngàn người, trong vòng mấy mươi năm phải sống lưu vong, gần 3 ngàn quyển sách đủ loại đã được phát hành, trong đó có gần một ngàn cuốn là tiểu thuyết và hồi ký là những con số đáng kể. Công tác viết và xuất bản sách này của các lưu dân Estonian trong việc bảo tồn văn hoá rất đáng được ca ngợi vì sau khi bị Xô viết chiếm đóng, sách báo tiếng Estonian hoàn toàn bị cấm chỉ và loại bỏ ở Estonia. Một thập niên sau đó, sự cấm chỉ mới được nói lỏng và nhờ đó 7 quyển sách được xuất

bản tại nội địa Estonia trong khi cùng thời gian 60 quyển sách đã được xuất bản tại hải ngoại. Trong các hồi ký của các nhân vật chánh trị và văn học nổi tiếng, một ước mơ về sự phục hồi một quốc gia Estonia độc lập luôn luôn được thấp sáng. Một hiện tượng đặc biệt là trong số gần 130 nhà văn Estonian có tác phẩm xuất bản ở hải ngoại có rất nhiều nhà văn trẻ và phụ nữ. Những tiểu thuyết của họ thường nhắc nhớ những hoài niệm về quê hương cũng như những khó khăn của cuộc sống lưu vong đã được dùng làm chất liệu cho sáng tác. Ngoài ra, còn có nhiều sách giá trị nghiên cứu về ngôn ngữ, về lịch sử, về văn chương và nghệ thuật của Estonia... (6)

Nền văn chương lưu vong của người Estonia rất đáng được ghi nhận về tánh cách phong phú và kiên trì. Nền văn chương đó đã đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo vệ cội nguồn dân tộc, ngăn chặn sự đồng hoá của kẻ xâm lăng cũng như biểu tỏ sự đối kháng tinh thần chống lại chánh quyền Xô viết. Nhờ đó, sau hơn 50 năm bị đô hộ bởi ngoại bang một quốc gia Estonia đã được xuất hiện trở lại trên bản đồ thế giới khi Đế quốc Xô viết tan rã, và nền văn chương của Estonia đã được phục hồi lại ở quê hương nhờ vào công trình quý báu của cộng đồng Estonian lưu vong.

Một nền văn chương lưu vong khác cũng đáng được tìm hiểu là nền văn chương lưu vong của dân Cuba. Nói chung, các văn nghệ sĩ lưu vong thường gặp phải nhiều vấn đề khó khăn mà quan trọng hơn cả là sự khác biệt ngôn ngữ, sự khác biệt văn hoá, và cơ hội kinh tế lại rất là giới hạn vì số người đọc thường không có nhiều để hậu thuẫn cho văn nghệ sĩ. Nhưng đối với các văn nghệ sĩ Cuba nói riêng và đa số văn nghệ sĩ Châu Mỹ La tinh nói chung các bất lợi trên được giảm thiểu tối đa vì có nhiều lưu dân tuy khác chủng tộc nhưng nói cùng một thứ tiếng là tiếng Tây ban nha. Điều này giúp ích rất nhiều cho các tác giả lưu vong dùng tiếng Tây ban nha để sáng tác vì họ có thể dùng tiếng mẹ đẻ tiếp tục cuộc sống văn chương nơi quê người. Các tác giả này có thể vừa bảo tồn văn hoá của quê hương, vừa đồng thời chia sẻ các hoài niệm, các công trình văn học của mình với độc giả địa phương và thế giới.

Cộng đồng dân Cuba lưu vong đã đến Mỹ từ hơn 50 năm qua và phần lớn sống tập trung ở vùng Miami thuộc bang Florida. Dân Cuba lưu vong đến vùng này làm nhiều đợt, những đợt tị nạn đầu tiên đến đây từ thập niên 1960 sau khi cuộc cách mạng vô sản của Fidel Castro thành công ở Cuba. Sau đó với cuộc đổ bộ của những

người Cuba lưu vong ở Bay of Pigs có sự hỗ trợ của chính quyền Mỹ nhằm lật đổ Castro bị thất bại đã đưa thêm nhiều đợt dân tị nạn Cuba khác đến Miami. Những đợt tị nạn của dân Cuba càng ngày càng đông đảo đã làm cho vùng Miami trở thành một miền đất hứa cho dân Cuba đồng thời cũng biến Miami thành một trung tâm cho nền văn chương lưu vong của người Cuba.

Khác với dân Estonian, cộng đồng Cuba lưu vong không những chỉ phong phú về số sách xuất bản mà còn có rất nhiều báo chí. Để bảo tồn văn hoá và lịch sử Cuba cũng như để hâm nóng tinh thần chống chính quyền Cộng sản do Fidel Castro cầm đầu, từ 1965 nhiều tờ báo tiếng Tây ban nha của cộng đồng Cuba lưu vong được ra đời. Sau đó, các thập niên 1970 và 1980 chứng kiến thêm rất nhiều báo chí đủ loại rầm rộ được khai sinh. Sang thập niên 1990 và đầu những năm 2000 vì các dân Cuba lưu vong được hội nhập lần vào xã hội Mỹ, như là các thế hệ trẻ phần nào đã Mỹ hoá nên số báo được gọi là báo chí lưu vong của người Cuba bị giảm dần về số lượng. Sự kiện có vẻ đáng buồn đó lại làm vai trò của sách vở và báo chí lưu vong thêm quan trọng trong việc nối kết thế hệ lưu dân thứ hai với cội nguồn dân tộc cũng như truyền đạt những giá trị văn hoá truyền thống cho các thế hệ mới này để họ không trở thành người mất gốc.

Theo như bộ sưu tập chưa đầy đủ của thư viện thuộc Đại học Miami, số báo của cộng đồng Cuba tại Miami là khoảng trên 200 tờ. Chánh nhờ sách báo, như là báo chí mà cộng đồng dân Cuba lưu vong tại Mỹ mặc dầu đã hội nhập rất nhiều vào lối sống Mỹ vẫn còn giữ được lối sống, truyền thống văn hoá, và đặc biệt hơn cả là ngôn ngữ riêng của họ. Bằng chứng hiển nhiên là báo chí tiếng Tây ban nha nở rộ tại cộng đồng lưu dân Cuba ở Miami, bên cạnh nhiều nhà xuất bản sách ấn hành liên tục rất nhiều sách vở bằng tiếng Tây ban nha, nhiều đài phát thanh và truyền hình cũng bằng tiếng Tây ban nha. Báo chí và sách vở của cộng đồng lưu dân Cuba là một bằng chứng điển hình cho thấy vai trò tất yếu của văn chương lưu vong trong việc bảo tồn và truyền đạt văn hoá và lịch sử cho các thế hệ lưu dân thứ hai, thứ ba được sanh ra ở xứ người cũng như giúp cho các thế hệ này không quên bản ngã (identity) và không quên quê hương cội nguồn.

Các đài phát thanh và truyền hình cũng giữ vai trò không kém quan trọng trong việc giữ gìn tiếng mẹ. Song song với sách vở và báo chí, đài phát thanh và truyền hình của dân Cuba lưu vong còn

đóng vai trò quan yếu trong việc giữ vững niềm tin sẽ có ngày lật được chế độ độc tài của Fidel Castro để các lưu dân Cuba được trở về cố quốc. Trong các đài này, đài truyền thanh và truyền hình Marti có tiếng nói chống Cộng sản mạnh mẽ nhất đã và đang tạo rất nhiều ảnh hưởng trong cộng đồng dân Cuba lưu vong và cả trong quần chúng của Fidel Castro nhờ những làn sóng phát tuyến mạnh mẽ của đài đã thâm nhập được vào Cuba. (7)

Giống như dân Estonian và dân Cuba, dân Việt Nam cũng đã ồ ạt chạy lánh nạn Cộng sản vào năm 1975 và sống lưu vong tại rất nhiều quốc gia rải rác khắp địa cầu, nhưng phần đông sống tại Hoa kỳ, Canada, Pháp và Úc. Cuộc lánh nạn Cộng sản này đồng thời cũng đưa rất nhiều văn nghệ sĩ và một khối to lớn quần chúng thường ngoạn ra nước ngoài. Nhờ đó, những sinh hoạt văn học nghệ thuật được hình thành trong các cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại tiếp nối các sinh hoạt văn học trong nước trước năm 1975.

Không giống với các di dân khác từ Á châu như Tàu, Nhật, Đại hàn, nền văn chương lưu vong của họ thường chỉ hình thành với lớp di dân thứ hai với sự dùng Anh ngữ làm chuyển ngữ để viết về quê hương gốc qua những hiểu biết do cha mẹ kể lại, các lưu dân Việt Nam đã tạo nên các sinh hoạt văn chương lưu vong ngay ở thế hệ đầu tiên với Việt ngữ làm phương tiện để diễn đạt tình hoài hương và nỗi thao thức của khối người tị nạn đối với quê xưa. Do đó, các tác phẩm của các tác giả lưu vong Việt Nam thường sống động và thực hơn vì được viết với những kinh nghiệm sống của tác giả.

Qua nhiều thập niên hội nhập, nền văn chương lưu vong của Việt Nam đã đi từ những bước chập chững khai phá lúc ban đầu giờ đã thực sự phát triển và lớn mạnh thoả mãn được vai trò bảo tồn và phát huy nền văn hóa Lạc Việt tại hải ngoại. Nền văn chương lưu vong Việt Nam sở dĩ phát triển mạnh được là nhờ khối lượng đọc giả lúc đó to lớn hơn một triệu người Việt sống rải rác khắp nơi ngoài biên giới Việt Nam. Từ vài trăm ngàn người của giai đoạn tị nạn ban đầu đa số vì còn xa lạ và ngỡ ngàng với cuộc sống mới, sinh hoạt văn học chưa thấy xuất hiện nhiều ngoại trừ một số tạp chí được ra đời trong các trại tạm cư. Sau đó có thêm được một vài tờ báo hiện diện rất sớm tại các khu vực có đông người Việt sinh sống. Quá náo nức trước cuộc đổi đời và quá khó khăn trong việc hội nhập ban đầu vào cuộc sống mới, đa số các văn nghệ sĩ Việt Nam không có thì giờ dành cho sinh hoạt văn học nên im hơi lặng

tiếng hoặc bỏ nghề. Mãi cho đến cuối thập niên 1970, đầu thập niên 1980 khi các thuyền nhân Việt Nam ồ ạt bỏ nước ra đi các sinh hoạt văn học Việt Nam ở hải ngoại mới bắt đầu khởi nét rõ rệt trong các cộng đồng Việt Nam lưu vong với các nhà xuất bản, các trung tâm băng nhạc, các nhà sách, các đài phát thanh, các toà báo đứng nghĩa và sự tái xuất hiện của nhiều văn nghệ sĩ cũ cũng như sự lộ diện của nhiều khuôn mặt mới, nhứt là các nhà văn gốc gác miền nam Việt Nam.

Đa số các sinh hoạt văn học của cộng đồng Việt Nam lưu vong được tập trung ở Hoa kỳ và qui tụ vào các khu vực như miền nam California mà trung tâm điểm là vùng Orange County là nơi người Việt Nam tị nạn sống đông nhứt, kể đến là miền bắc California với San Jose, rồi vùng Washington DC và Houston. Ngoài Hoa kỳ, các sinh hoạt văn học của Việt Nam cũng hiện diện tại Canada mà hai trung tâm chánh là Montreal và Toronto. Ở Âu châu thì Paris là nơi qui tụ các sinh hoạt văn học nghệ thuật lưu vong của Việt Nam. Bên kia bán cầu các sinh hoạt văn chương Việt Nam lưu vong cũng hiện hữu tại các thành phố lớn của Úc châu như Sydney, Melbourne.

Nền văn chương lưu vong này gồm đủ mọi khuynh hướng từ khuynh hướng chống Cộng tích cực lúc ban đầu do những xúc động mạnh mẽ của cuộc trốn chạy Cộng sản còn đậm nét trong tâm hồn của người tị nạn, đến khuynh hướng hoài niệm kể lại những kỷ niệm xương máu đau thương của những ngày phải sống trong sự khắc nghiệt của Cộng sản, những phũ phàng, tủi nhục trên đường chạy nạn, những sự đối xử tàn bạo của cán bộ Cộng sản trong các trại tù cải tạo, những thương nhớ ngút ngàn về nơi chôn nhau cắt rún.

Nói về kinh nghiệm đau thương của ngày phải rời xa quê hương để mở đầu cho cuộc sống lưu vong không nhận xét nào đúng hơn nhận xét của Alexander Herzen là thời điểm lịch sử của đời lưu vong thường dừng lại ở giờ phút tách rời quê hương, giờ phút đó mãi mãi là thời điểm khởi hành luôn được ghi nhớ. Thật vậy, thời điểm 30 tháng 4 mãi mãi là thời điểm không bao giờ phai mờ trong tâm hồn của mọi người Việt Nam lưu vong. Do đó, rất nhiều tác phẩm đủ dạng thức đã được ra đời nói về ngày đổi đời tang thương và nghiệt ngã này, nhứt là các hồi ký của các nhân vật chánh trị và quân sự một thời có liên hệ đến chánh trường miền Nam trước năm 1975. Đây là những sử liệu quý giá cho những nhà

ngiên cứu về lịch sử của cuộc chiến quốc cộng Việt Nam sau này.

Lần lần về sau những khó khăn trong việc hội nhập vào cuộc sống của nơi tiếp cư cũng được nhiều người viết đến, đặc biệt là các người viết trẻ và phụ nữ đã đưa các sự kiện đó vào các tác phẩm của nền văn chương lưu vong. Những bài học đau đớn của thể hệ lưu dân thứ nhứt do những ảnh hưởng xã hội và văn hoá khác biệt như những đổ vỡ của gia đình, những hư hỏng của tuổi trẻ, những nỗi cô đơn của người già phải sống giữa những xóm làng gồm những người xa lạ khác tiếng nói, khác màu da... cũng thấy bàng bạc trong các tác phẩm ra mắt trong giai đoạn này.

Bên cạnh cũng có một số sách về biên khảo, nghiên cứu khoa học, triết học, dịch thuật, nhưng riêng về sách phê bình văn học thì rất là thưa thớt. Có phải chăng vì dạng thức văn học này không có vai trò trong công cuộc đấu tranh cho tự do dân chủ nơi quê nhà nên bị các người Việt lưu vong quên lãng?

Ngược lại, thơ lại rất được mùa trong nền văn chương Việt Nam hải ngoại. Số người làm thơ vượt xa số người viết văn xuôi. Ngoài các thi sĩ đã nổi tiếng từ trong nước tiếp tục sáng tác ở hải ngoại còn có rất nhiều người làm thơ mới xuất hiện trên thi đàn, trong có cả những nhà văn trước kia chỉ viết văn xuôi nay cũng làm thơ. Thơ xuất hiện rất nhiều trên các báo chí chuyên về văn học nghệ thuật đã đành, nhưng thơ cũng xuất hiện trên hầu hết các đặc san của các hội đoàn, kể cả các hội đoàn chuyên môn không liên quan gì đến nghệ thuật như hội y sĩ, luật sư, kỹ sư... thơ cũng còn được tìm thấy trên cả các bản tin cộng đồng... Vườn thơ hải ngoại đã mở rộng cửa đón nhận mọi người vào vườn không phân biệt một ai trong đó có những người trẻ làm thơ tình lần đầu, những bà nội trợ, những cựu quân nhân, những giáo sư, những luật sư, những kỹ sư, những bác sĩ... Vườn thơ hải ngoại thực là rực rỡ phong phú với đủ loại kỳ hoa dị thảo. Tất cả những đoá hoa nở rộ đó có ngào ngạt hương thơm hay không xin dành cho thời gian xác định, nhưng chánh sự nở rộ đó đã làm không khí sinh hoạt văn học nghệ thuật hải ngoại náo nhiệt hẳn lên. Có phải chăng các lưu dân Việt Nam với tình yêu thơ truyền thống cộng với sự xúc động của tình hoài hương sâu đậm đã làm cho họ dùng đến thơ để giải tỏ nỗi lòng.

Nhưng dù văn xuôi hay thơ, dù theo khuynh hướng nào thì hầu hết các tác phẩm của nền văn chương hải ngoại này đều hướng về

mục tiêu dùng văn chương để phản ánh thực trạng của quê hương và tranh đấu cho một Việt Nam được tự do dân chủ.

Một tiến bộ kỹ thuật góp phần không nhỏ trong việc phát triển nền văn chương lưu vong Việt Nam là sự ra đời và phổ biến của máy điện toán PC trong thập niên 1980 rồi tiếp theo là sự ứng dụng kỹ thuật quang học laser vào ngành in ấn với lỗi xếp chữ ảnh điện toán (photo typesetting) đã giúp cho việc làm báo chữ Việt trở nên dễ dàng hơn trước vì trước kia các báo chí Việt ngữ và một vài nhà xuất bản sách ở hải ngoại đã phải dùng cách đánh dấu chữ Việt bằng tay rất là nhiều khê và thiếu thẩm mỹ. Mặt khác, sự phát minh các mẫu chữ tiếng Việt để sử dụng trên máy điện toán PC của các chuyên gia điện toán Việt Nam cũng khiến chuyện viết lách và in ấn tiếng Việt trở nên dễ dàng hơn. Thêm vào đó, giá cả một máy điện toán PC lần lần cũng trở thành rất phải chăng, ở trong tầm tay của mọi người, nhờ đó ai cũng có thể tham gia vào lãnh vực chữ nghĩa. Các nhà văn mới cũng như cũ đa số đều có máy điện toán riêng để dùng trong việc sáng tác. Nhờ đó số lượng sáng tác phẩm gia tăng thấy rõ trên các báo chí và với sự ra mắt sách mới được liên tục tổ chức khắp nơi.

Các tiến bộ kỹ thuật này cũng làm cho việc xuất bản sách và sự ra đời của báo chí nở rộ trong khắp các cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Các nhà xuất bản lúc ban đầu một phần vì nhu cầu thị trường và một phần vì trở ngại trong việc in ấn nên chỉ tập trung trong việc tái bản lại các sách cũ đã in ở miền Nam Việt Nam trước năm 1975. Với sự tiến bộ về kỹ thuật khiến sự in ấn trở thành ít tốn kém, các nhà xuất bản mới cũng như cũ đua nhau ra đời để xuất bản các tác phẩm của các tác giả lưu vong. Nhưng theo thời gian con số nhà xuất bản có sách phát hành đều đặn thu nhỏ lại và nay còn khoảng trên 10 cỡ sở. Trong lãnh vực báo chí cũng vậy, khoảng giữa thập niên 1980 là giai đoạn số báo Việt ngữ rất được mùa với khoảng 600 tờ báo cung ứng cho khoảng 600 ngàn đọc giả hải ngoại. Nhưng con số này giảm dần trong thập niên 1990 và nếu không kể các báo của các hội đoàn chỉ còn lại độ 80 tờ báo chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp phát hành đều đặn và có cơ sở vững vàng. (8) Nhứt là từ khi bước sang thế kỷ 21 với sự phổ dụng của internet, các báo chí và các tác phẩm in ấn bằng Việt ngữ càng bị suy giảm rõ rệt.

Trước đó, báo chí Việt ngữ có mặt khắp mọi nơi có đông người Việt tị nạn nhưng đa số tập trung ở Hoa kỳ, đặc biệt là vùng

Orange County nơi có thủ đô của người Việt tị nạn là Little Saigon, kể đến là Úc châu, rồi Canada và Âu châu. Báo chí Việt Nam ở hải ngoại có đủ các dạng thức từ chuyên về thời sự chánh trị đến văn học nghệ thuật, nhưng đặc biệt hơn cả là loại báo phát không. Loại báo phát không này rất phổ biến trong các cộng đồng Việt Nam tị nạn ở Mỹ và Canada. Đó là những tờ báo sống nhờ quảng cáo của các nhà buôn bán xứ hay người Việt. Tờ báo cũng có các bài vở được in xen kẽ với rất nhiều quảng cáo và thường được để tại các cơ sở có đăng quảng cáo trên tờ báo cho mọi người được tự do lấy về đọc. Tuy là báo phát không nhưng cũng có nhiều tờ in ấn mỹ thuật và một số bài vở cũng có giá trị. Các báo này tuy không được xem được có giá trị cao trong việc bảo tồn văn hoá Việt nhưng không ai chối cãi sự đóng góp của nó trong việc phát triển kinh doanh của cộng đồng Việt Nam lưu vong.

Báo chí là nguồn nghiên cứu chánh yếu trong việc tìm hiểu văn hoá và tư tưởng của một cộng đồng trong bối cảnh lịch sử. Các báo chí địa phương tường trình cuộc sống của cộng đồng, từng ngày hay từng tuần. Nhiều thế hệ đã lớn lên với nhiều phần của kiến thức được rút tía từ các báo chí. Các báo chí nói chung, đặc biệt là những báo phục vụ đông đảo đọc giả chịu dần thân là những tờ báo có một vị thế thuận lợi không những phản ánh văn hoá từng ngày mà còn đảm bảo được cho sự trường tồn của cộng đồng nữa. Báo chí lưu vong ngoài vai trò vừa kể còn có thêm những đặc tánh và vai trò của một cộng đồng lưu vong. Đó là phải phục vụ cho mục đích bảo tồn văn hoá và lịch sử của cộng đồng. Khác với sách chỉ có một số đọc giả giới hạn mà đa số là trí thức, báo chí thường có số lượng đọc giả lớn hơn và dễ dàng phổ biến đến mọi tầng lớp quần chúng. Cho nên, vai trò của báo chí lưu vong thật là quan trọng trong việc bảo tồn bản thể và văn hoá của một cộng đồng lưu vong.

Qua kinh nghiệm của các cộng đồng lưu dân Estonian, Cuba và Việt Nam ta thấy báo chí và sách vở quả đã giữ vai trò quan trọng trong việc bảo tồn văn hoá của một dân tộc lưu vong tại xứ người. Tất cả những kinh nghiệm đó cũng xác định là nền văn chương lưu vong là một hiện tượng hiển nhiên. Nền văn chương lưu vong đó bảo tồn tiếng nói của dân tộc tại hải ngoại và tiếp tục nói lên lòng hoài vọng cùng nỗi khát khao của cộng đồng lưu dân đó cho đến khi nào đất nước của họ thấy lại ánh sáng tự do dân chủ. Dân Estonian đã được cái may mắn trở về quê xưa và đem nền văn

chương lưu vong hội nhập lại với dân tộc. Cộng đồng lưu dân Cuba và Việt Nam còn phải tiếp tục tranh đấu cho nên vai trò của văn chương lưu vong vẫn còn cần phải được mọi người quan tâm. So với nền văn chương lưu vong của các nước khác nền văn chương lưu vong của Việt Nam rất rõ nét nhờ ở số lượng người Việt sống lưu vong đông đảo nhưt. Nhờ lợi thế này suốt nhiều thập kỷ qua, nền văn chương Việt Nam lưu vong đã chứng tỏ sức sống mãnh liệt trong việc bảo tồn và phát văn hoá Việt Nam ở hải ngoại cũng như góp phần tích cực trong việc chống đối chế độ bóp chết tự do dân chủ ở trong nước. Nền văn chương lưu vong Việt Nam cũng tỏ ra hữu hiệu trong việc khơi dậy lòng yêu nước để kết hợp các người Việt sống rải rác khắp thế giới lại với nhau và nuôi dưỡng trong lòng họ một tổ quốc Việt Nam không biên cương trải rộng khắp năm châu.

Tuy nhiên, qua kinh nghiệm của cộng đồng lưu dân Cuba với hơn 50 năm sống lưu vong, cộng đồng người Việt Nam lưu vong phải chuẩn bị tích cực hơn nữa trong việc đương đầu với sự kiện là thế hệ Việt Nam thứ hai, thứ ba sẽ càng ngày càng hội nhập nhiều hơn vào nền văn hoá của quốc gia tiếp cư. Các lớp người này càng lúc càng không đọc và hiểu được tiếng Việt. Cho nên nền văn chương lưu vong Việt Nam không phải chỉ tiếp tục viết thuần bằng tiếng Việt như từ trước đến nay mà phải có thêm nhiều báo chí, nhiều sáng tác phẩm mới bằng ngoại ngữ hay dịch ra ngoại ngữ để trước nhưt phục vụ cho nhu cầu bảo tồn văn hoá Việt đối với các thế hệ Việt Nam thứ hai, thứ ba đang sống ở hải ngoại đồng thời giới thiệu nền văn hoá Việt Nam cho thế giới. Sau nhiều thập niên sống ở hải ngoại, số báo chí, số tác phẩm viết hay dịch ra ngoại ngữ, đặc biệt là các sách biên khảo về giai đoạn lịch sử đau thương của dân tộc và cuộc rời bỏ quê hương của cộng đồng Việt Nam lưu vong hầy còn quá ít ỏi.

Một điểm khác nữa là nền văn chương Việt Nam ở hải ngoại cũng cần được mở rộng cửa đón nhận những làn gió mới cho văn chương Việt Nam được thêm khởi sắc và tiến bộ theo trào lưu của thế giới. Nền văn chương Việt Nam lưu vong được may mắn là thành hình và phát triển ở hải ngoại nên có nhiều thuận lợi trong việc tiếp xúc, tìm hiểu, học hỏi những điều mới lạ của văn chương xứ người và thế giới. Cho nên, nền văn chương lưu vong này cần phải có thêm nhiệm vụ tiếp thu các tinh túy của văn học nghệ thuật

của xứ người, đặc biệt là của phương Tây để làm giàu thêm cho kho tàng văn học Việt Nam.

Nói chung, tuy có vài điều cần khắc phục, nền văn chương lưu vong Việt Nam ở hải ngoại đã hình thành và lớn mạnh, đóng trọn vẹn vai trò bảo vệ và phát triển văn hoá dân tộc ở hải ngoại cũng như nối tiếp dòng văn học miền Nam trước năm 1975. Một ngày nào đó khi đất nước được tự do, nền văn chương lưu vong này sẽ đem những tiến bộ và cái hay cái lạ thu hái được nơi các nền văn học xứ người về cống hiến và hội nhập với nền văn chương đối kháng trong nước, đó là nền văn chương của những người Việt lưu vong tại chỗ, những người vẫn luôn thao thức cho vận mạng của quê hương và cảm thấy vong quốc ngay trên chánh quê hương mình. Sự hòa trộn của hai nền văn chương này sẽ làm cho nền văn học Việt Nam tương lai đầy sáng lạng với muôn ngàn sắc thắm của tinh hoa văn học thế giới.

Nguyễn Minh Triết

Tài liệu tham khảo:

(1) Thomas Pavel, “Exile as Romance and as Tragedy”, trong *Exile and Creativity* do Susan Rubin Suleiman chủ biên, Duke University Press, tr. 27.

(2) Nguyễn Hưng Quốc, “Mười lăm năm văn học lưu vong, bản chất và đặc điểm”, *Văn Học* số 47 & 48, 1/1990, trích dẫn bởi Nguyễn Hữu Nghĩa trong bài “Sơ kết 15 năm văn học VN lưu vong” đăng trên *Văn Xã* 3, 7/1990.

(3) Svetlana Boym, “Estrangement as a lifestyle: Shklovsky and Brodsky”, trong Susan Rubin Suleiman, *Sđđ*, tr. 241-261.

(4) Svetlana Boym, *Bđđ*, tr. 253-260.

(5) Linda Nochlin, “Art and the Conditions of Exile: Men/Women, Emigration/Expatriation”, trong Susan Rubin Suleiman, *Sđđ*, tr. 37 và 38.

(6) Mare Lott and Gile Moldre, *A Brief History of the Estonian Book*, Estonian Librarians Association, National Library of Estonia, 1993.

(7) Dựa theo một bài thuyết trình của William E. Brown, Jr. và Cecilia E. Botero “Cuban Exile Newspapers at the University of Miami” đọc tại Library of Congress, May 1997.

(8) Nguyễn Hữu Nghĩa, “Sơ kết 15 năm văn học VN lưu vong”, *Văn Xã* 3, 7/1990, tr. 17/19.



Yên Sơn **Buổi sáng đầu năm**

Sáng đầu năm
Trùm chăn nằm tính số
Lòng rạt rào nhưng đầu óc cứ mông lung
Nhớ lại một thời Bảo Quốc Trần Không
Nhớ bè bạn
Nhớ chiến trường xưa cũ
Chuyện bốn mươi năm xưa
Hẳn nhiên đã là quá khứ
Nhưng sao nỗi đau cứ âm ỷ trong lòng

Dường như hơi gió đông bỗng ngập kín căn phòng
Ngồi bật dậy lục tìm bao thuốc lá
Tay run rẩy vì tâm tư buốt giá
Mắt chợt mờ soi sương bạc bên hiên
Tay ôm đầu rên rỉ như một gã điên
Miệng lẩm bẩm gọi tên những bạn bè đã khuất
Chuyện ra đi
Ngày cuối tháng-tư-một- chín-bảy-lăm
Vẫn luôn ray rứt
Như vết thương mưng mủ chẳng bao giờ lành

Sáng đầu năm nhìn bếp lửa lạnh tanh
Nhà trống vắng nghe âm thanh của gió
Sương rơi mệnh mang che mờ cây cỏ
Từng sợi buồn tí tách giọt cà-phê
Thời gian ơi!
Buồn tái buồn tê
Rơi từng giọt trên mái đầu bạc trắng
Thời gian ơi!
Đã bao mùa mưa nắng
Trải xuống đời nặng từng bước lưu vong

Sáng đầu năm già cố tự thương thân
Đề mong được có ngày cười ngạo nghễ
Nhìn đảng Cộng nô nát tan, đồ bề
Dân tộc vùng lên đuổi thái thú về Tàu
Đất nước mình không ai biết sẽ về đâu
Nếu Việt cộng vẫn dài ngày tồn tại
Đau thương chất chồng
Vạn điều ngang trái
Mong sớm ra đi cùng bầy Thái Thú sang Tàu.



May you have

Enough happiness to make you sweet,
Enough trials to make you strong,
Enough sorrow to keep you human,
And enough hope to make you happy

Cầu cho bạn

***Đủ hạnh phúc để trở nên dịu dàng nhân hậu,
Đủ nếm trải để trở nên kiên cường mạnh mẽ,
Đủ nỗi buồn để biết cảm thông,
Và đủ hy vọng để trở nên hạnh phúc.***



Nguyễn Đức Nhơn **Một kiếp luân hồi**

Ngỡ ngàng tôi gặp lại tôi
Cái thời khát sữa nằm nôi đái dầm
Vạch đường sinh tử trăm năm
Nắng chưa kịp ráo chỗ nằm nhân gian
Tình thì chưa hợp đã tan
Còn khơi nước mắt cho tràn bờ mi
Ta và em đã quên đi
Cái mùa thu chết từ khi trăng tà
Buồn vì ngày tháng mau qua
Mà đường thì vẫn còn xa ngút ngàn
Bình rượu bể, đông tro tàn
Địa ngục nằm dưới, thiên đàng nằm trên
Ta nằm ở giữa chêngh vênh...

Bài ca dao chiều

Dặm ngàn sông núi ngẩn ngơ
Đường quanh mấy nẻo chiều tro bóng tà
Chập chờn giữa đỉnh đồi xa
Khói in mây nóc chòi pha sắc buồn
Nắng chiều thoi thóp bên hiên
Gió ru nhẹ cánh con chiền chiện bay
Véo von giữa đất trời này
Biết đâu rồi cũng một ngày chia xa...

Dòng đời mong manh

Chiều buồn ra hiên ngồi khọng (*)
Mất mớ chẳng thấy được xa
Chỉ thấy con ruồi con muỗi
Đánh mùi bu lại quanh ta

Ngày vui từ lâu đã mất
Tang thương nhuộm trắng mái đầu
Giọt buồn trên môi và mắt
Động nhiều thì rớt vạ thôi !

Hắt hiu hai mùa nóng lạnh
Nghe buồn khô héo thịt da
Mặc tỉnh cho mưa và nắng
Cuộc đời cứ thân nhiên qua

Gió sương lạnh hồn phiêu lãng
Mưa buồn giăng kín tâm tư
Một đời trầm luân bể khổ
Mộng còn chưa biết thực hư !

Biển nổi phong ba, biển động
Đất trời dường cũng ngửa nghiêng
Lạ gì trăng tròn trăng khuyết
Thương hải biến vi tang điền

Một ngày trôi qua lặng lẽ
Bóng chiều thở khói mong manh
Tóc xanh thương màu tóc trắng
Dòng đời một thoáng qua nhanh.

(*) Quê tôi thường gọi con khi là con khọng.

Nguyễn Đức Nhơn



Thái Bạch Vân **Mai Xuân Hy Vọng**

Mai vàng tươi thắm vẫn như xưa-Trở lộc đơm hoa đã lắm mùa.
Vững chí... thân gầy trong bão tố- Bền gan... tâm lạc giữa mù
mưa-Thiên nhai... ai đó không nề sớm-Hải giác... người đây chẳng
ngại trưa. Hy vọng vườn quê thơm gió mới-Hương Xuân ngào
ngạt khê đong đưa.





Kim Oanh
Nhật tháng ngày

Ừ thôi! Nhật lấy tháng ngày
Một tờ lịch cuối tay ai tiếc gì?
Gió về mang giấc mơ đi
Mùa về tuổi mộng xuân thì dễ quên

Ừ thôi! Nhật cánh buồn tênh
Cắm vào bình nhớ lòng mệnh mang buồn
Tiếc thương thời khắc vuông tròn
Ép cánh tan tác tô son khoe đời

Ừ thôi! Xuân chỉ một thời
Khoác màu phai nhạt vẽ vời sắc hương
Ta người đối bóng soi gương
Mất vời khoé mắt bóng tường lặng cảm

Hụt tay ôm giấc mơ say
Cạn ly vẫn thấy bóng ai đáy sâu!

Kim Oanh/ Ustralia



Phạm Ngũ Yên

Nếu để chia tay thì đừng

Khi nàng bỏ đi rồi, trong suốt nhiều năm tôi mơ chỉ một giấc mơ. Là thấy nàng trở về. Những cơn mơ trống hoác nhưng chặt chẽ hình ảnh nàng và những giọt nước mắt rơi không thành tiếng. Làm sao để kiểm soát được việc nhớ tới một người. Lại cũng không thể ép bản thân thôi đừng nhớ về người đó. Tôi không biết phải bắt đầu câu chuyện như thế nào, chỉ biết rằng để trải nghiệm một nỗi đau mà con tim đang chín đủ đau buồn, tôi đã phải thức trắng nhiều đêm. Trong căn nhà ba phòng, con gái tôi và đứa cháu ngoại chiếm hai phòng, còn tôi một phòng. Gần 3 giờ sáng, ai cũng ngủ chỉ mình tôi thức. Con chó ngủ bên cạnh *sổ pha*, lâu lâu nức lên, dường như nó cũng nằm thấy một giấc mơ? Ai đó nói rằng văn chương đi ra từ cuộc đời. Và như vậy thì tôi sẽ ghi lại một vết thương chưa kịp kéo da non và mới vừa đây mùa đông đã trở nên lạnh vô cùng. Tháng mười hai sắp bắt tay với tháng một. Nơi đầu hồi trước nhà, tiếng gió thổi lạnh căm như một hơi thở vừa rụng qua vai. Một phía của bình minh chưa đến. Nhưng một phía kia là bóng tối và tình yêu muốn nhờ gió đêm gọi đến cho nàng. Người đàn bà đang ở thì quá khứ...

.....

Góc đường 24 và Guadalupe, đối diện công ra vào trường Đại Học Austin, Texas (UT) là quán cà phê Medici. Hương vị không đậm đà bằng Starbucks, có mùi giống như cà phê Pháp, nhưng chỗ ngồi thoáng và nhìn được ra đường. Có Wifi và giá cả thì vừa phải, vì khách uống đa số là sinh viên nghèo. Một điểm khiến tôi hài lòng là đối diện ngay với trạm lên xuống của nhiều chuyến xe buýt chạy về hướng nhà tôi. Nếu cần phải làm việc tại đây mà không bận tâm về phương tiện di chuyển, tôi có thể sử dụng xe buýt mỗi ngày. Trong cái góc êm ả nhìn ra con đường dập dề xe cộ và những thanh niên thiếu nữ qua lại từng phút giây, đời sống sẽ trở nên chật chội vì hạnh phúc là một điều có thật và lâu dài. Nó làm cho người ta có cảm tưởng không buồn và không một mình. Chỉ cần đứng lên khỏi chiếc bàn đang ngồi, và ly cà phê trước mặt,

bước ra ngoài, là tôi đã chạm mặt với hạnh phúc. Một lần như vậy, tôi thấy nàng.

Khi nàng quay đầu nhìn lại, từ một trạm xe, tôi thấy tôi băng khuâng một góc đời thơ đại, nơi những tình yêu đuổi theo nhau miệt mài. Ánh nắng cuối ngày, xao xuyến hơn bao giờ. Có những con đường mà người ta đi hoài không hết, nhưng bất chợt vừa dừng lại, đã chạm đến hoàng hôn. Nàng đứng đó, dáng điệu cũng lặng lẽ mơ hồ như trụ đèn đường và con phố chiều nay có mùa đông rất lạ.

Bờ đường lác đác những chiếc lá vàng từ mùa thu. Một băng ghế ngồi bằng sắt cong uốn dợn và một thùng rác công cộng lạnh như chưa từng. Vài hình vẽ bằng sơn xịt do những ai đó nổi loạn phá phách, đậm màu trên những viên gạch đầy rét lạnh căm.

Chiếc áo thun màu tro và chiếc jupe đen ôm sát. Một đôi giày da đen cao cổ gần đến đầu gối. Bên ngoài cùng là chiếc áo jean bạc màu nhẹ tênh. Mái tóc nàng cột về phía sau và hai dây headphone cắm trong hai lỗ tai làm tôn vinh ngắn cổ trắng ngần. Dáng điệu vừa lơ đãng vừa khép kín và đôi vai như chưa từng gánh tròn những bão giông. Những con đường đuổi theo nhau cùng những hàng cây phong trần bụi bặm. Vài người đứng chờ xe giống nàng, nhưng hình ảnh nàng vượt lên, nổi trội. Nàng giống như mới vừa từ khuôn viên trường đại học bước ra. Nhưng hình như dáng vẻ của nàng phản lại điều đó. Nàng không giống với những sinh viên chung quanh vì vẻ bụi đời trên mặt cùng đôi mắt trong suốt. Và những chiếc lá rơi bên đường chiều như giải thích về sự cô độc. Chiếc túi đeo lưng màu cà phê nhẹ tênh, đến nổi tiếng gió mùa vượt qua vai nàng mất hút. Tình yêu cũng chưa hề?

Những dấu giày chưa bao giờ biết nói, nhưng sao rộn ràng tín hiệu? Vật nặng tự thuở nào vẫn dấu biệt trong nó hơi ẩm một thời. Tôi thấy mình yếu đuối và hụt hẫng vì lát nữa đây sẽ mất nàng.

Lần đầu tiên gặp nàng như vậy và không có được một nụ cười. Nhưng hình ảnh đó cứ mãi theo tôi trên đường về. Thì ra, giữa những âm điệu xô bồ, hỗn loạn của cuộc sống vẫn còn có những khoảng lặng đẹp đẽ và bình yên. Lần thứ nhì gặp nàng khi nàng đứng gờ tay mời mọc khách qua đường ghé thăm gian hàng bán hoa của nàng. Nói là gian hàng hoa cho có vẻ trịnh trọng, thực ra đó là những giỏ hoa đặt tạm bợ trên một ngạch cửa từ một shop bán đồ trẻ em có tên là Fanny và Marius. Tôi ái ngại nhìn những

đồ vật bày biện. Nhưng đôi mắt xanh của nàng ngăm nói với tôi là không cần ở ai lòng thương hại.

Có vài chậu hoa màu sắc lạ lùng không biết nàng lấy từ đâu nhưng rất đặc biệt, giống như con người nàng. Một tay nàng đang cầm những xấp giấy màu có in hình một trang trại, có vẽ như khu vườn thì đúng hơn. Những luống hoa mọc ngay hàng dưới ánh nắng nhấp nhô. Một ngôi nhà đường như hiện ra để câu chứng sự hiện hữu của nó với cuộc đời vội vàng. Nàng nói, với một giọng tiếng Mỹ không lưu loát:

- Mời ghé lại xem, các bạn ơi...

Trong này quán cà phê, tôi tần ngần nhìn ra. Nàng mang dáng vẻ không lo âu, cũng không trì kéo. Nàng vừa hồn nhiên, vừa dạn dĩ bên phố đầy người ngược xuôi và ồn ào. Giống như một kẻ chào mời mùa xuân đồng thời cũng gõ vào trái tim người nghe những âm điệu buồn.

Không biết sao, những điều như vậy làm tôi chạnh lòng. Tôi thấy những tháng ngày cô độc không biết làm gì trước một vùng biển bao la tưởng như không phải là của mình, dù tôi đã lớn lên từ đó.

Những năm tháng lang bạt và phiêu muộn biết bao. Bây giờ, dù bình an trên xứ người, nhưng tôi không thể nào quên được ngày xưa. Nơi thành phố biển lớn lên mỗi ngày cùng những cơn mưa nhỏ xuống đời day dứt. Tiếng mưa làm trời giạt mùa hè ra cửa. Trôi giạt những con thuyền ra khơi. Mặt nước rộng mênh mông và chất đầy nỗi sợ. Đằng sau lưng là bảy sắc cầu vồng.

Từ trên những góc đường của phố cũ, mỗi ngày, các chiếc loa phóng thanh phát đi những lời phù hư, làm ám ảnh tôi suốt nhiều năm như một ký ức sai lạc nầy mầm. Những giấc mơ xa lạ trên xứ người và những tháng ngày để rơi con tinh táo, tôi dấu Vũng Tàu trong lòng. Như dấu một tình yêu ngỡ ngàng, bão gió.

Mười tám năm sống buồn bã nơi quê nhà. Những tiếng ve kêu ran cả một mùa không ai hay. Tôi rời Việt Nam lúc chương trình định cư đang thành hình. Tôi mang những tiếng ve ướt đầm như lệ đời sang Hoa Kỳ. Những bước đi không đành mà nhìn lui thì không muốn. Bây giờ, trước mắt tôi là một hình dáng mong manh nhưng đậm màu một nỗi buồn thật sự. Tháng mười hai chạy đuổi theo mùa đông, cùng tiếng gió rít ngoài cửa quán. Có đôi lúc vì công việc tôi phải về khu Downtown. Những đêm muộn màng lái xe trở về. Thêm đêm lấp lánh ánh đèn như những ảo giác.

Lần gặp thứ ba, kể từ hai tuần trước, cũng vẫn chỗ cũ, nhưng lúc này nàng có thêm một chiếc mũ len trùm đầu. Trời lạnh đột ngột từ chiều qua. Dáng cô độc và bất cần vẫn còn. Nàng nói, sau khi quan sát tôi từ đầu đến chân:

- Rảnh nhì?

- Sao cơ?

- Làm ơn đừng bám theo tôi nữa để tôi bán có được không?

- Xin lỗi, tôi không thể...

- Tại sao?

- Vì cô là người giới thiệu hoa và tôi là người thương lắm. Vì tôi thích cái dáng vẻ của cô.

- Điên quá. Ông có hối tiếc cái thời gian phải bỏ ra như vậy không?

- Không bao giờ. Tôi chỉ hối tiếc nếu cô không chịu nói với tôi với tôi về cái gì đó. Một cái tên chẳng hạn...

- Ông biết gì về hoa và màu sắc của hoa? Nàng chớp mắt.

- Không nhiều lắm. Nhưng tôi biết cô chọn lựa hoa như một người vừa có một trải nghiệm buồn bã. Cái màu sắc dữ dội nhưng cuốn hút cuộc đời.

Nàng cười. Nụ cười không rõ rệt nhưng rất tươi, làm ấm lòng. Trời đổ mưa lất phất tinh cờ. Chung quanh không có chỗ nào để núp tránh. Ngoại trừ quán cà phê tôi vừa ngồi. Một quán bán Pizza nằm kế.

- Tôi phân vân không biết có thể mời cô đi uống nước vào một ngày nào đây?

- Tại sao không hôm nay luôn?

Nàng giống như một người hà tiện lời nói. Nàng ôm xấp Progam trước ngực, theo tôi chạy vào quán. May mắn còn chỗ trống. Quán cà phê nhưng cũng có bán bia, sau 3 giờ chiều. Tôi gọi cho tôi một chai bia còn nàng thì một ly Espresso nóng.

- Ông đang làm việc ở Downtown hả ?

- Chút ít thôi. Tôi vừa mất việc làm nhưng cũng vừa tìm thấy việc làm. Đang bàn luận giá cả và hợp đồng. Vì dù sao cũng đang trong 6 tháng Relax.

- Đúng là dân miền Nam.

- Tại sao?

- Vì thất nghiệp mà còn chơi bảnh. Nàng nhún vai.

- Đó là thói quen chứ không phải bốc đồng. Mà đã là thói quen thì không thể từ bỏ.

Mưa ít, nhưng pha trộn rất nhiều giá rét. Thời tiết lạ lùng vì mùa này rất ít khi mưa. Con đường trước mặt chùng xuống và buổi chiều âm đạm giống như sắp tối. Những dòng nước run run trên mặt kiếng rồi lẫn thành từng dòng, tiếc nuối.

- Có một màu hoa nơi những chậu hoa của cô tôi chưa từng biết tên. Nó ám ảnh tôi khi thấy nó.

- Nó màu gì và ra sao?

- Màu tím đậm. Và nhỏ bằng đầu ngón tay...

- Đó là mận lan.

- Chúng giản đơn nhưng đẹp. Giống cô.

- Coi chừng lắm. Tôi không có giản đơn.

Nàng nói, môi đang cong lại vì chạm vào ống hút. Đôi mắt xanh dừng hư ảo nhé, đêm nay tôi sẽ về tương tự.

- Quê của ông ở đâu? Việt Nam?

- Vũng Tàu.

- Còn tôi Đà Lạt. Hoa mận lan mà ông vừa nói, ở Đà Lạt tràn đây.

- Tôi không biết ở Mỹ cũng có loài hoa này.

- Có chứ. Sao ông không hỏi tôi đã có gia đình hay chưa? Để khỏi hối hận khi lát nữa chia tay với tôi?

- Tôi định hỏi mà không dám. Tôi thích sự lãng mạn.

- Sự lãng mạn của ông vừa tàn phá buổi chiều như hôm nay. Tôi có chồng, và chồng tôi vừa qua đời.

- Xin lỗi.

- Trong hoàn cảnh này, lời nói tệ nhất là lời xin lỗi. Anh ấy chưa vào công dân Mỹ. Vừa mới mất vì uống rượu lái xe... Trong khi tôi cũng sắp hết hạn di trú tại đây...

Nàng nói về người bạn đời, như nói về một người qua đường nào đó. Nàng tóm gọn cuộc đời hiện tại của mình một cách suông sẻ, không vấp vấp, chồng chềnh. Bây giờ người hà tiện lời nói không phải là nàng, mà là tôi. Tôi nhìn mê đắm trên đôi môi màu phượng của nàng, cảm giác những đau đớn ủa về, không phải cho tôi mà là cho nàng.

Đâu đó có tiếng vang động của còi hụ ngoài kia. Tôi hay nàng tự huyền hoặc về những ngôn từ? Và làm sao lý giải về một hoàn cảnh đi gần đến thảm kịch?

Mưa ngớt và đường chiều đông người trở lại. Uống vừa dứt ly cà phê của mình nàng vội vàng đứng lên. Cảm ơn tôi ly cà

phê và rón rén những bước chân như một người vừa đi trên những vũng lầy hấp hối. Tôi nghĩ nàng trên dưới ba mươi tuổi. Người đàn bà ba mươi tuổi không cần sự lãng mạn. Họ chỉ muốn sở hữu.

- Chúc ông sớm tìm thấy việc làm.

- Nhưng tôi chưa biết tên của cô.

- Đầu cần. Chúng ta qua đường, gặp gỡ. Cùng trú mưa và cùng uống cà phê. Bởi vì chung quanh đây không có ai và chỉ tôi và ông là Việt Nam. Cảm ơn những lời khen tặng về mấy chậu hoa.

Khi người đàn bà đi, điều gì đó còn ở lại. Chẳng hạn như mùi hương từ thân thể. Chẳng hạn như ánh mắt lấp lánh nhưng phảng phất những mây trời. Mãi sau này, tôi mới biết không phải mây trời mà là... khói thuốc.

Nàng không đứng bán những chậu hoa sau ngày ngồi quán với tôi. Tôi không biết tung tích nàng. Giống như một cơn mưa rơi xuống tỉnh cờ, người đàn bà đó không còn hiện hữu? Nàng đi về đâu khi mắt vẫn nhìn lơ đãng phía trước? Tôi không tin nàng biến mất dễ dàng và nàng sẽ tồn tại trong một số phận âm áp. Sự gặp gỡ giữa tôi và nàng, dù là một giấc mơ, nhưng tôi muốn đó là một giấc mơ tỏa sáng.

Tôi vốn không để ý đến người khác. Nhưng càng ngày tôi càng tò mò về nàng.

Một đêm, tôi về trễ hơn mọi lần vì gặp gỡ những người chủ hợp đồng và ăn tối cùng họ. Gần mười hai giờ khuya tôi còn lang thang trên đường Congress. Chỗ đậu xe cách nơi đây vài Block đường. Những cảnh trí và màu sắc óng ả từ các cửa tiệm, hàng quán nổi tay nhau bắt tận, khiến đêm dường như dài ra, cuốn hút từng bước chân bộ hành. Đêm lạnh như cả một thành phố được ủ bằng nước đá. Tôi biết tôi sẽ khó lòng quay lưng lại với thời tiết tuyệt diệu của một mùa Lễ lạc. Những thêm đá nghe trên lưng nó tiếng gió và mưa bụi thăm thẳm. Một cây Giáng Sinh khổng lồ được đặt trước điện Capitol. Nó sẽ nằm yên và khoe vẻ diễm lệ của nó suốt nhiều tuần lễ, cho đến qua Tết Dương Lịch. Những chiếc taxi quanh co thả những khách đêm xuống từng ngưỡng cửa tiệm đêm và ai đã thổi tiếng trompet nơi góc đường như một điệu kinh cầu hồn.

Tôi không muốn làm một đứa trẻ để vừa mới đựng tới cái cốc đơn mà đã khóc.

Cho đến khi tôi không còn hứng thú để thả bộ thì tôi thấy ai giống nàng. Lạ Chúa. Nàng không phải đang hòa nhập vào

đêm và giá rét dễ hóa thân thành một sứ giả của đường phố, để khua khoắng một tình yêu ngoài trần thế? Nàng đang bé nhỏ và rất mong manh, giống như một người đang phê thuốc. Nàng nửa nằm nửa ngồi trên băng ghế chờ xe buýt. Rất mệt lả và tái xanh.

Có lẽ mọi câu chuyện đều khởi đầu và kết thúc bằng những cơn đau? Và ai đó nói rằng mùa đông là mùa mà người ta cần yêu thương nhất. Nàng đang oằn oại và khốn đốn trong khi tôi không kinh nghiệm để giúp cho nàng. Có một lúc nàng nhìn tôi, không từng biết tôi trên đời. Tia nhìn giống như màu đêm ướt át đậu trên cánh mạc lan. Nó sâu và cuốn hút. Phải khó khăn lắm tôi mới làm cho nàng bình tĩnh lại. Nàng nhận ra tôi và lặng im như một người câm. Đêm چرا mình vì những cánh lá đầy dựa trên đường.

- Nhìn đủ chưa? Nàng cảm cảm. Tiếng nói không muốn thoát ra hai hàm răng nghiến lạnh. Nếu đủ rồi thì biến đi.

Nếu có ngôn ngữ nào diễn tả sự sống sượng và trần trụi của một người đàn bà chắc là lúc này. Giọng điệu nàng lạnh lùng hơn cả buổi chiều nào cùng tôi trú mưa. Giá mà có lỗ nào mọc ra bên đường để tôi chui vào trong đó.

Tôi đứng chôn chân bên chiếc ghế nhìn đôi chân nàng co lên (có đôi giày bốt đen làm chứng và là hình ảnh chưa biểu lộ sự thâm hại từ nàng). Hai tay ôm choàng đầu gối. Chiếc áo Jean bạc màu nửa mặc nửa đắp hờ lên chiếc ngực run. Không đủ đầu vào đầu. Mắt nàng xanh như biển của tôi ngày nào, chưa bão tố.

- Tôi sẽ không biến đi nếu cô không để tôi đưa về.

- Về đâu?

- Về nhà cô hay nơi nào cũng được. Vì tôi không muốn cô nằm đây. Cảnh sát họ sẽ tìm gặp cô và đưa cô vào một nơi, mà dù đêm có bao la cách mấy, cô cũng sẽ thấy chật chội. Cô chịu không?

Hơi thở nàng yếu ớt. Không phải là gió mùa nhưng đủ làm cho đôi môi run kia vỡ òa bao điều quen lạ? Tôi nghe tiếng gầm gừ trong miệng nàng. “Tôi không về nhà”.

Tôi không có thời gian để tìm đến bãi đậu xe của mình, vẫy vẫy một chiếc taxi trờ qua. Nói đại một tên của khách sạn nào đó. Dù sao tôi cũng không về nhà đêm nay. “Đồ điên”. Đó là tiếng cuối cùng mà tôi nghe được trước khi đặt nàng gọn gàng trong xe. Những sợi tóc thấm đẫm sương mù, bện vào nhau ép sát hai bên thái dương. Nàng ngược mặt nhìn tôi. Tia nhìn trong suốt.

Mọi hoàn cảnh trên đời liên kết với nhau và không cần những lý giải. Đêm qua lâu trong vùng Downtown nhưng tiếng bánh xe vẫn liên lạc đuổi theo dưới đường. Tôi nghĩ về một tình huống trở trêu khi tôi phải đối mặt với nàng trong lúc này. Trên chiếc giường mềm mòng nàng nằm yên như một nàng công chúa ngủ trong rừng. Tôi kéo chiếc chăn len dày đắp cho nàng và định bụng sẽ xuống quầy rượu kiểm vài ly bia uống, vừa chờ sáng. Vừa không muốn nhìn một người đàn bà ngủ.

Quầy rượu vẫn còn lác đác vài dân nhậu đêm. Chúng tôi không quen nhau nhưng mạnh dạn cùng ly và chúc nhau sức khỏe dù ai cũng biết lời chúc vô nghĩa và phù phiếm hơn bao giờ.

Càng uống, tôi lại càng không thể không nghĩ về nàng. Tôi nhớ lại dáng điệu vừa lơ đãng vừa khép kín của nàng. Và nỗi đau nào vừa qua? Tình yêu hay sự đau khổ đã làm nàng gục ngã? Trong khi lòng tôi dấy lên một cảm xúc không muốn rời xa nàng. Phải mất bao nhiêu lâu, bao nhiêu tháng ngày để người ta nuôi trồng nó? Vì nếu đã là cảm xúc thì khó tìm được kết thúc và bắt đầu...

Khi hết vai bia thứ ba thì tôi cảm giác không yên tâm khi nghĩ nàng đang một mình. Tôi trở lên phòng. Có một chút bình minh mờ nhạt hiện ra sau một bức rèm nơi tiền sảnh. Một đêm không ngủ nhưng tôi không cảm giác mệt mỏi. Không thấy nàng nằm trên giường. Có ánh đèn dọi ra từ phòng tắm và tiếng nước chảy. Giống như tiếng đời cam trôi sóng sụt theo những cơn mưa mù lòa. Nàng hiện ra sau một thời gian dài dễ chừng làm tiêu hao mấy chục gallon nước của khách sạn. Rồi ngạc nhiên khi bước ra nhìn thấy tôi. Chiếc khăn tắm choàng sơ sài trên người làm nàng lúng túng. Trong một thoáng tôi cảm nhận mùi hoa Lavender trên tóc nàng.

- Thật là một đêm ngu ngốc phải không?

Nàng nói và ngồi yên ả trên giường. Hai tay nàng thủ trước bụng. “Mấy món quần áo của em đã lấm lem từ tối qua.” Nàng nói. “Anh phải đền cho em”. Lần đầu tiên từ lúc gặp nhau tôi nghe nàng xưng hô như vậy.

- Anh sẽ mua đền cho em bằng số lương thất nghiệp. Tôi cũng đổi cách xưng hô.

- Bởi vậy em mới nói anh bảnh.

Nàng không giống với người đàn bà hồi đêm. Với môi run và chân môi. Nhưng màu mắt nàng vẫn như hai hòn bi làm bằng đá xanh. Nàng ôm chiếc gối trong lòng.

- Em... hút từ bao giờ? Tôi hỏi mà sợ nàng giận dữ.

- Từ khi anh ấy loan báo cho em biết là không có khả năng bảo lãnh em ở lại đây.

- Em tuyệt vọng nhiều đến vậy sao?

Nàng không trả lời. Đôi mắt nhìn về hướng khác. Tôi thấy thực sự nỗi đau của nàng. Như một sân ga không hề muốn gán bó giông nên phải cố nén lòng khi tàu đã rời đi khỏi.

- Không ngờ, bên ngoài, lúc nào em cũng tỏ ra rất mạnh mẽ, nhưng bên trong lại dễ tổn thương.

- Em phải ổn ào như vậy để dấu đi nước mắt. Nàng cười cợt. Khi người ta ngã một lần thì người ta sẽ ngồi lại và không muốn đứng lên.

- Thật sự anh rất đau lòng khi nghĩ em cô đơn một mình.

- Có muốn em trả ơn anh không? Nàng rụt rè hỏi.

Tôi không ngờ nghe câu nói đó từ nàng. Nhưng đó không phải là câu nói tệ hại.

- Vì sao?

- Vì những gì anh làm cho em.

- Không cần. Anh chỉ muốn thấy em cười.

- Đơn giản thế sao?

- Vì như vậy thì anh mới có thể cười. Như vậy có tham lam quá không?

- Đúng là tham lam quá rồi.

Nàng ngồi xích vào phía trong nhường chỗ cho tôi ngồi.

- Ai nói với anh em đang cô đơn?

- Những việc làm của em. Và những đóa hoa của em.

Đứng giữa phố phường mà sao hờ hững...

- Mai một anh sẽ không còn thấy những cảnh mặc lan...

Tôi nhìn nàng. Ở đó, đôi vai non yếu của nàng đang run. Không phải vì lạnh mà vì đang thổn thức.

- Anh ấy mất là một phần do em. Thời gian có vẻ như gấp rút để trở lại Việt Nam của em làm anh ấy căng thẳng.

- Bao giờ thì em phải trở về?

- Lúc đầu tưởng không còn cơ hội. Nhưng vừa may em có một người đàn ông hứa sẽ bảo lãnh em, nếu em chịu kết hôn với ông ta.

- Cho dù như thế nào, anh cũng muốn em hạnh phúc.
- Để coi. Tháng sau em sẽ về Florida. Em có một người bạn gái ở đó. Nó ghi tên em vào một lớp cai nghiện. Nó hứa sẽ giúp em.

Tôi thấy mệt mỏi. Những tia nắng đầu ngày xuyên qua màn cửa, dù vẫn chưa được mở ra để tôi thấy hết bình minh bên dưới. Căn phòng vuông vức như một hộp diêm mùa Giáng sinh, chỉ thiếu có một que diêm thôi đủ làm bùng lên ngọn lửa. Nàng quay mình trở lại. Chiếc khăn tắm bây giờ không che kín hết thân thể và chỉ thêm một cử động nhẹ nữa thôi, người đàn bà sẽ phơi bày ra hết những quanh co khuất lánh. Như một dòng sông không dấu diếm những tháng năm đi qua những bến bờ son trẻ. Còn những buồn bã nào làm nên những trầm tích? Khi dòng sông đó muốn chảy lui về thượng nguồn?

- Anh có ham muốn em không?

Tôi vuốt ve trên ngực nàng. Không có lời nói nào đủ trong hoàn cảnh này.

Trong một ý nghĩa giản đơn nhất, là giữa một trong hai người, cơ hội để ngã vào nhau chính là sự yếu lòng của người kia.

Tôi thấy bàn tay mình ôm lưng nàng. Cái ôm chặt và cần cho một thân thể rã rời sau một đêm dài thức trắng. Nghe cánh tay nàng vòng trên cổ tôi, nặng nề... Thời gian dễ chừng phải đi qua nhiều chục năm.

- Nếu em muốn hôn anh thì sao?

- Nếu để chia tay thì đừng...

- Rồi phải như vậy thôi. Chúng ta sẽ trở về với vị trí của mình.

Tiếng nói nàng nhỏ gần như một lời gió. Đôi mắt nhắm nghiền không đủ lấp kín một màu biển xanh.

Những ngày còn lại nàng bán lại “hành lang hoa” cho một người khác. Tờ Progam đổi mới và ghi lên đó một địa chỉ lạ. Những chậu hoa cũng thôi không còn nằm kê trên ngạch cửa tiệm bán đồ con nít. Hoa cũng giống như người. Đều không thích cô đơn. Chúng lớn lên mỗi ngày bằng cách nghe bước chân của người trông nó. Trong thời gian này, tôi ít khi gặp nàng vì tôi đã vào công việc mới. Nhưng tôi không an lòng vì chưa biết rõ ngày nàng rời khỏi đây.

Sáng hôm nay, tôi đưa nàng ra phi trường về Florida. Trời mưa.

Muôn đời, mưa vẫn là cái có để người ta nhìn về nội tâm mình. Vì bên những tiếng rì rào của mưa, bao nhiêu người đã nối kết thành những trang tình yêu ướt đầm.

Tôi kéo dùm nàng túi hành lý có bánh xe. Nàng không còn mỏng manh mà rất mạnh mẽ trong bộ đồ đen có áo len chùng bên ngoài. Dây thắt cột hông không ôm hết vòng lưng thon. Giày Vascaپی cũng màu đen và mái tóc bay ngược khi hồi hải chạy qua hành lang. Tình yêu đau nhói trong lòng tôi cũng chạy đuổi theo bước chân nàng. Tôi không biết tình yêu ấy- cái tình yêu trái mùa đó- tồn tại bao lâu. Nhưng với nàng chắc chắn là mãi mãi.

Chỉ còn nửa tiếng nữa là nàng sẽ rời khỏi phòng “check in” để bước vào cổng chánh. Bao lâu nữa sương sẽ phủ chặt đường về và gió qua đường vẫn cất vang tiếng hát? Sau lưng chúng tôi, qua một góc parking bằng xi măng có kẻ làn sơn trắng, những chiếc xe nằm nín thở. Có những hành khách vội vàng xuôi ngược, giống như từng cuộc đời xuôi ngược không hề tìm thấy một trạm dừng? Trong giây phút đó, tôi cảm giác như nàng sẽ quay lưng lại với tôi, quay lưng lại với một quá khứ mà sự cô độc mỗi ngày đang đè nặng lên nàng.

Tôi nhìn thấy bóng tôi và nàng dội lại trong bức tường gương phi trường. Nàng đang sửa lại áo khoác ngoài và khăn choàng cổ lát phát. Còn tôi sáng mai sẽ là nỗi cô đơn như đã từng.

- Ngu ngốc.

- Em nói sao?

- Mấy tháng qua anh theo đuổi một người phụ nữ dù biết người đó có chồng?

- Phải. Ngu ngốc thật. Nhưng tình yêu mà em. Anh không thể bắt trái tim mình làm khác được.

- Hãy quên em. Hãy trao tình yêu của anh cho người xứng đáng nhận nó.

Trước khi đứng xếp hàng để chờ đợi đến lượt mình, nàng hôn tôi:

- Anh bảnh lắm. Thật đó...

Nụ hôn tê điếng đủ làm tôi liêu xiêu. Tôi vẫn chưa biết tên nàng. Có cần thiết hay không? Nếu nhớ nàng, tôi sẽ gọi thăm Mạc Lan. Người đàn bà có đôi mắt mở to, trong sáng luôn làm tôi thấy bình yên...

PNY/2014



*tình trong
ý ngoài*

*thích tánh tuệ
minh xuân
kim tiên
vương hồng ngọc
hoàng t. nguyệt khuyết
như ly*

Thích Tánh Tuệ/ Tôi chỉ là...

Tôi chỉ là tờ giấy
Mà uy lực vô song
Trước tôi, người run rẩy
Đổi giọng, đổi cả lòng..

Tôi chỉ là tờ giấy
Mà khiến đời long đong
Ngược xuôi hai dòng chảy
Mãi kiếm tìm, chờ trông...

Đời đen, tôi tẩy trắng,
Trắng- tôi nhuộm thành đen
Đường cong tôi bẻ thẳng
Lạ biến thành thân quen.

Tôi là một mảnh giấy
Người cao thượng.. bỗng hèn,
Kẻ hèn thành.. " thượng đế "
Dù tâm hồn lấm lem..

Ai cho tôi giá trị,
Ai cho tôi quyền năng,
Ai cho tôi tiếng nói,
Ai vì tôi nhọc nhằn ?

Tôi chỉ là mảnh giấy
Thiện, Ác cũng là tôi,
Dù chà tôi dưới đất
Thoáng chốc trào lên ngôi.

Hỏi trên đời mấy kẻ
Thoát được bàn tay tôi ?
Tôi xua Đời lẫn Đạo
Chạy vào trong luân hồi..

Tôi là một tờ giấy
Đời vui, buồn mệnh mông...
Chỉ ai Luôn Tỉnh Thức.
Hết bị tôi quay mòng!

Minh Xuân/ Lửa Đông Xuân

Cao Nguyên tình xanh hôm nay trở gió
Sương trắng loang màu làm ướt áo em
nghe buốt lạnh thấm sâu vào da thịt
Nhưng lòng em...sao lửa đốt anh ơi!

Có phải tình yêu như là ngọn lửa?
Cháy râm ran trong nỗi nhớ không ngừng...
Dù ngoài đường tuyết trắng vẫn đang rơi
Trong giá lạnh lửa luôn hùng hực cháy...

Anh ra đi đã bao mùa trần trở?
Lạnh đất trời, lạnh cả mảnh tim cô
Trong cô đơn...em nhớ quá anh ơi!
Anh dừng lại, quay về cùng em nhé!

Cao nguyên tình xanh...sẽ vàng nắng Hạ
Bầy Goldfinch rộn rã hát tình ca...
Chào đón anh...đường lữ hành sẽ tận
Và khuê phòng...ấm lại những ngày vui...

Hãy về mau xin đừng làm khách lạ
Vì vẫn còn em thấp lửa đợi chờ
Vì vẫn còn em trong lạnh vẫn mơ
Ngày đầu ái đêm mặn mà ấm lửa

Mặc ngoài kia tuyết mù rơi trắng xóa
Thấp lại lửa lòng mai đón chào...xuân

@Goldfinch WA State Bird.

MinhXuân538/ seattle

Kim Tiên/Thơ Xuân

GIỌT XUÂN...

Hãy rót hồn ta một chút xuân
Tỏ lên xác úa những thu vắn
Hòa thơ thánh thót nồng hương tỏa
Quyện nhạc du dương ngát vị ngần
Dệt thắm đời ta cung hạnh phúc
Ươm hồng số kiếp đoạn gian truân
Xuân ơi.. ghé lại bờ nhân nghĩa
Tuyết hời.. đừng lưu bên thể trần..

XUÂN TRẦN AI

Xuân của trần đời Tết của ai
Xuân lòng hoang vắng dạ phôi phai
Tuyết rơi lạnh buốt tình nhân thế
Bảng giá nhân thì kiếp vắn ai
Đong nửa mệnh sầu hương cách biệt
Xứ người úa phận vị men cay
Nỗi niềm giăng mãi cung mơ nát
Tâm sự trắng trời phím mộng lay

VƯỜN TRẦN

Có ai ghé thể gian
Chẳng một lần lệ tràn
Bởi mảnh vườn nhân loại
Giông bão luôn giăng ngang.
Rồi mai này rời khỏi
Cũng chỉ chiếc áo quan
Cớ sao sân si mãi
Để vườn trần ngổn ngang

Kim Tiên Oslo Na Uy

Vương Hồng Ngọc

Chiều cuối năm

Buổi chiều trắng như choàng khăn lụa mỏng
Bóng hoàng hôn mờ ảo giữa tàn Đông
Cánh nhạn côi trên nền trời tím thẫm
Vẽ đầy thêm đường viễn xứ quanh mờng

Năm đã tàn. tháng lụn. chiều đang mơn
Người có về kịp giây phút đón/đưa
Nụ thủy tiên rung cánh chào năm mới
Khói trầm bay gợi thức một hương xưa

Nỗi lòng nào cho đón/đưa cũ/mới
Tháng ngày qua như ảo ảnh khói sương
Môi rung nhẹ trên từng trang ký ức
Đặt nụ nào cho thỏa nỗi nhớ thương

Thuyền đời trôi trên dòng sông xuôi chảy
Mỗi khúc quanh chiếc bóng lại chao nghiêng
Chắt chiu giữ từng môi cười mắt lệ
Mỗi ảnh hình một bóng nhớ rất riêng

Chiều cuối năm quay nhìn ngày tháng cũ
Giọt sương về nhòa một góc trời xa
Chén trà thơm nâng mời riêng chiếc bóng
Đã thủy chung trên mỗi bước đời qua

Những giọt lệ đã làm cay mắt ướt
Những nhật phai nhuộm úa nét môi cười
Những bão dông làm lao đao chiếc bóng
Gửi hết vào tờ lịch cuối vừa rơi.

ht. Nguyệt Khuyết **Xuân chờ**

thân hoa cỏ chờ bao lâu chẳng muộn.
gió đông về rồi lại sẽ bay đi
chim én nhỏ vẫn mơ khung trời cũ
bông tuyết rơi che nắng mới xuân thì

bên khung cửa em nhìn ra ái ngại
anh ở đâu biên tái hay sơn đầu
thu chín vàng qua, đông tàn xuân lại
trời đất mệnh mông sương gió dãi dầu

bên khung cửa ngày lạnh thâm se sắt
đêm lạnh lòng và bóng tối không màu
bờ hiu quạnh chính là lòng co thắt
em chờ anh giữa giang vĩ giang đầu

mặc nước ngược xuôi sóng to gió lớn
nỗi nhớ anh còn lớn gấp vạn lần
thân hoa cỏ chờ bao lâu chẳng muộn
bông tuyết bay thương nhớ lại bội phần.



Như Ly/Đời bồng vô thường

Tình em quyện vào anh bám rễ
Là nụ cười hơi thở của anh
Những gian khổ cùng nhau chia sẻ
Vượt bão giông tới bến an lành

Khi mỏi mệt... em đẩy anh ả
Dựa sát đi thả lỏng tâm tư
Quên tính toán mưu sinh vất vả
Kề gối tình ngọt tiếng em ru

Trời nắng lửa... em là ngọn gió
Gởi nụ hôn trên tóc bồng bênh
Đưa anh đến bên dòng suối nhỏ
Lấp cho đầy cơn khát mộng mênh

Bờ vai rộng mùi hương quen thuộc
Nép sau lưng ôi ... thật dễ thương
Ta không hẹn, nhìn về phía trước
Trong mắt nhau đời bồng vô thường.



photo by nguyen ngoc hanh



Nguyễn Mạnh An Dân Ngày Xuân nhớ lại

2.45 chiều, ngày 29 tháng Chạp âm lịch, đầu năm 1975, Tiểu đoàn trưởng 2/46, Thiếu tá Nguyễn Hữu, không thông qua âm thoại viên, trực tiếp gặp các Đại đội trưởng thuộc quyền trên tần số nội bộ và gọi tất cả đến gặp ông tại Bộ Chỉ Huy Tiểu đoàn: “Các cậu đến gặp tôi ngay bây giờ”. Giọng “ông già” chậm và rõ, cách nói vẫn là một kiểu ra lệnh nhưng không phải là thứ lệnh khô cứng, lạnh lùng như vẫn thường có ở một cấp chỉ huy ngoài mặt trận. Đơn vị vừa được rút về mấy giờ trước từ Trà Cao sau hơn nửa tháng lặn lội suốt một tuyến dài qua các mật khu lầy lội Trà Cú, Phước Chi. Tiểu đoàn trừ bố trí phòng thủ căn cứ Trâm Vàng và hai đại đội tác chiến còn lại rải dọc theo mép rừng cao su, cách quốc lộ và xóm nhà một đoạn ngắn và cách gia đình lớn không quá nửa tầm súng cối 60. Ngày cuối năm, vị trí đóng

quân nhẹ nhàng. Không ai nói với ai nhưng tất cả ngầm hiểu: dưỡng quân, ăn Tết.

Trâm Vàng là Bộ Chỉ Huy tiền phương, là điểm tiếp liệu chung cho nhiều quân binh chủng trong chiến dịch hành quân Campuchia nhiều năm trước. Căn cứ rất rộng với một lô cốt vuông vức được xây âm dưới lòng đất bằng xi măng cốt sắt làm Trung Tâm Hành Quân và một vòng tuyến với bờ đất cao đủ chỗ rải quân cho một tiểu đoàn đầy đủ quân số. Căn cứ vẫn thường bị pháo và thỉnh thoảng đặc công vẫn bò vào quấy nhiễu nhưng đối với một đơn vị bộ binh, quanh năm hành quân lưu động thì về Trâm Vàng là nghỉ ngơi, hưởng phúc.

Tết nhưt có khác, phòng hành quân có một chút gì vui vui, lạ lạ. Lổ thùng đạn đại liên xếp vuông với tấm poncho phủ gọn ở trên như một cái bàn thấp cùng mấy hộp bánh mứt Bảo Hiên và mấy chai rượu bọc giấy hoa như làm cho căn hầm sáng và đẹp hơn. “Phòng họp” lổ nhỏ những người; các âm thoại viên đang lui cui kéo giấy ráp nối máy móc vào trụ en - ten cao nhòng trên nóc; Chỉ Huy Trường Hậu Cự, Sĩ Quan Ban Một, Sĩ Quan Tiếp Liệu và các Hạ Sĩ Quan chuyên môn gần như có mặt đầy đủ trong những bộ quần áo hồ cứng thẳng tưng đang tươi cười chào hỏi những người mới đến. Ngày cuối năm, đơn vị được “ra hành quân” là một dịp lớn để mọi người vui với nhau một chút. Tiểu đoàn trưởng không cầm bản đồ, không hỏi han tình hình quân số và trang bị, không nhắc cái này, la điều kia như thường ngày, chỉ kêu lấy ra năm chai rượu, nhìn các Đại Đội Trưởng bằng ánh mắt triu mến, nói “Mỗi cậu một chai, giao thừa lai rai một chút cho ấm bụng” và hắt đầu ra dầu cho mấy anh em phục vụ “dọn tiệc”. Trà được bung tới, bánh được mở ra. Mấy sĩ quan hậu cứ lễ nghĩa và bóng bẩy chúc Tết sớm, mấy sĩ quan tác chiến rồn rảng cười nói. Buổi tiệc tất niên bất ngờ, đạm bạc nhưng vui. Lính mà, vậy là tốt rồi, được ngồi thoải mái với nhau vài tiếng đồng hồ, nói năm điều bảy chuyện, uống hóp nước, ăn chút bánh mà không phải nom

nớp lo âu cho sự an nguy của chính mình và của đơn vị là tiền trên đời rồi, là số một rồi.

Giữa cuộc vui, Tiểu đoàn trưởng chậm rãi cho biết đã liên lạc với phòng ba chiến đoàn, không có kế hoạch gì đặc biệt, ông kết luận: “Chắc mình ăn Tết ở đây” và âu yếm nhìn các Đại đội trưởng trẻ, độc thân của mình, nói thêm, giọng ấm áp: “Cậu nào có bạn gái hay người quen biết gì nhấn hậu cứ mời lên chơi cho vui, không để gì được nằm gần lộ như thế này đâu!”. Các Đại đội trưởng mau mắn đáp lại: “45 làm gương trước đi, mời chị lên chơi”. Tiểu đoàn trưởng cười cười: “Có, chiều nay bà ấy và mấy cháu sẽ có mặt, mười sáu năm rồi tôi chưa bao giờ được ăn Tết ở nhà, cũng chưa bao giờ được ở trong một căn hầm nào đẹp như thế này, cả nhà ăn Tết ở đây cũng tốt, năm mới mấy cậu ghé chơi”. Giọng Tiểu đoàn trưởng đều đều, không có vẻ gì than vãn, trách oán nhưng có chút nao nao, buồn buồn. Lúc chia tay, ông đi với các Đại đội trưởng ra tận cửa hầm, dặn nhỏ: “Dường quân ở đây, dặn em út lục soát, mở đường cẩn thận, nhưng cứ lờ cho anh em họ la cà ra xóm một chút, Tết nhứt chắc không đến nỗi nào đâu”. Ông nói với theo khi mọi người đã đi được một đoạn ngắn, giọng nghiêm lại: “Nhớ kiểm soát kỹ, tuyệt đối không được để em út say sưa, phá làng phá xóm”.

@

51 Tùng, Đại đội một, trở về vị trí đóng quân của mình. Lại hậu cứ, lại bánh, rượu và báo Xuân. Câu chuyện vui vẻ và thân mật; một ít giấy tờ phải ký, một ít tình hình quân số và tiếp liệu được trình báo, nhưng phần lớn là những lời thăm hỏi, chúc mừng. Hạ sĩ quan quân số, Trung sĩ nhất Thế, hỏi nhỏ khi Tùng đang lật lật mấy tờ báo Xuân: “51 cần tôi ghé Phú Nhuận không?”. Tùng suy nghĩ một chút rồi cười cười gật đầu: “Ồ, nhấn giùm cô ấy sáng mùng Một tôi đón ở Gò Dầu, quán Đồng Nội, chốc nữa tôi sẽ viết mấy chữ nhờ ông chuyển hộ”. Thường vụ đại đội, hạ sĩ quan tiếp tế, hạ sĩ quan chiến tranh chính trị bàn bạc rất lâu với nhau và cùng kéo đến gần Tùng: “Chắc mình nghỉ ở đây, có chút tiền phự
112 Tin Vaên

cấp Cây Mùa Xuân Chiến Sĩ, chúng tôi định chiều mai tăng khẩu phần ăn xôm xôm một chút, đại đội ăn chung với nhau một bữa, 51 nghĩ sao?”. Tùng gật đầu: “Được, nhưng nhớ đừng gom hết lại một chỗ, các trung đội quay quần bên phòng tuyến của mình, Ban Chỉ Huy, súng cối và BK tách riêng ra một chỗ khác, coi chừng bị pháo, tôi sẽ xuống từng chỗ với anh em.”

Buổi chiều cuối năm im ả, bên xóm vắng tiếng trẻ đùa và xe cộ qua lại trên đường với dáng vẻ vội vàng, hối hả như đang chạy đuổi với thời gian. Các nhân viên hậu cứ lần lượt từ giả. Tùng đi suốt một vòng tuyến, từng lúc dừng lại chỗ này chỗ kia nói chuyện với những người lính đang ăn vội bữa cơm chiều, anh ngồi chơi với anh em một lúc lâu đợi cho các toán tiền đồn vào vị trí xong mới chậm rãi trở về hầm chỉ huy của mình. Kế hoạch đón Tết vừa riêng vừa chung đều làm Tùng thấy vui. Mấy năm liền, tuy mang tiếng là hòa bình, ngưng bắn nhưng chưa năm nào đơn vị được rời vùng hành quân và ngày đầu năm nào Tùng cũng chỉ có thể hút với anh em một điếu thuốc, nhấp với họ chút rượu chắt chiu trong những nắp bình đồng sóng đồ ngay tuyến phòng thủ giữa mặt trận. Ý nghĩ về một bữa cơm đơn vị làm Tùng thấy ấm lòng, anh nghĩ đến lá thư viết vội cho Thiên Kim vừa gửi trung sĩ nhất Thế với lời tái bút vui vui: “Khi nào nghe lơ xe hô lớn Gò Dầu nghe bà con là em xuống xe, nhìn bên trái sẽ thấy anh đứng đón, nhớ đừng tìm ông có râu cao bồi, coi chừng lộn với ông nào khác. Tết nhứt anh sẽ làm đẹp để đón tiểu thư.”

Lần đầu Thiên Kim lên thăm Tùng ở đơn vị, nghe anh em nói với nhau “cô lên, cô lên” nàng đã thẹn đỏ mặt và chờ lúc không có ai mới phụng phịu cự nự người yêu: “Cô chắc là chữ mây ông lính dùng gọi các bà vợ người chỉ huy của họ, em là gì của anh mà cũng cô cô trong này, kỳ cục”. Tùng đã cười ha hả trêu lại nàng: “Cô là tiếng ngắn gọn, dễ nghe và nhiều ý nghĩa nhất trong các tiếng, em không chịu cho gọi như vậy anh em họ sẽ kêu bằng bà người yêu của ông Trung úy nghe còn dễ sợ hơn nữa, tùy em quyết định đi” và Thiên

Kim đã chịu thua, đã tiếp tục làm “cô lên” bất cứ lúc nào có thể.

Ước mơ của người lính thật đơn giản, ông Tiểu đoàn trưởng muốn được đoàn tụ cả nhà trong hầm chỉ huy qua với nhau một cái Tết gia đình; ông Đại đội trưởng muốn những người lính có thể ngồi ăn chung với nhau một bữa cơm bên bờ tuyến có chút thịt cá phụ trội và những lời thăm hỏi chúc mừng năm mới. Chuyện như đã chắc trong tầm tay mà cũng không thực hiện được. Trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ tiếp đó, nhiều sự việc bất ngờ đã xảy ra. Kế hoạch không đến từ Chiến đoàn, Sư đoàn, nó đến từ một chỗ cao hơn.

Tám giờ tối ngày 29, Tiểu đoàn 2/46 nhận lệnh yểm trợ đơn vị bạn thi hành công tác. Đại đội công sự nặng thuộc Tiểu đoàn 25 công binh chiến đấu kéo đến, có Tiểu đoàn trưởng, Sĩ quan tham mưu quân đoàn, Sĩ quan chuyên môn Cục Công Binh đồn đốc và kiểm soát. Máy phát điện được mở lên, xe ủi, xe xúc, xe cầu hụ tới hụ lui. Lệnh phải hoàn tất một ụ thuyết trình đã chiến kiên cố và gọn đẹp trước sáu giờ sáng.

Trong đêm, Trinh sát Sư đoàn, Trinh sát Trung đoàn, các Tiểu đoàn 1 và 3/46, một số Tiểu đoàn Địa Phương Quân thuộc hai Tiểu khu Tây Ninh và Hậu Nghĩa nhận được lệnh chuyển quân. Toàn bộ các điểm trọng yếu chung quanh khu vực Trâm Vàng đều có lực lượng lục soát và án ngữ. Chưa có tin tức chính xác nào được phổ biến nhưng căn cứ vào lệnh điều động, mọi người đều có thể tiên đoán một giới chức rất quan trọng sẽ đến thăm căn cứ Trâm Vàng.

Sáu giờ sáng ngày 30 tháng Chạp, Tiếp liệu Tiểu đoàn 2/46 với lệnh cấp phát đặc biệt từ Phòng 4 Sư đoàn và phương tiện chuyên chở của Tiểu đoàn 25 vận tải đã có mặt và trang bị bổ sung cho toàn đơn vị. Những đôi giày bố, nón sắt, giày ba chạc và khăn quàng cổ mới được cấp phát ngoài cấp số. Tiểu đoàn 2/46 nhận lệnh kiểm tra quân phục, quân số, trang bị và lục soát, lập các toán án ngữ bảo vệ toàn bộ khu vực trước khi tập trung tại tọa độ XT ... trước 10 giờ sáng.

Những khẩu lệnh quân trường được hô to: “Bên trái làm chuẩn, cao trước thấp sau, Trung đội hàng dọc, Đại đội hàng ngang”, Tiểu đoàn được tập hợp thành một khối hình chữ U dưới sự điều động của Tiểu đoàn phó. Tiểu đoàn trưởng và Ban Tham Mưu đang chuẩn bị thuyết trình trước phái đoàn Trung ương tại Trung Tâm Hành Quân mới vừa hoàn tất trong đêm trước. Tin tức chính thức cho biết: Đại diện sư đoàn 25/BB, Tiểu đoàn 2/46 được vinh dự đón tiếp Nguyên thủ quốc gia và phái đoàn chính phủ thăm viếng và ủy lạo nhân dịp Tết dân tộc.

Băng đạn được tháo ra, sáu lần thao tác an toàn súng được lập lại. Đội hình sẵn sàng trong tư thế chờ đợi. Một chút kiêu hãnh, một chút xót xa. Máu của biết bao anh em đồng đội đã đổ ra ở Suối Đá, máu của biết bao anh em đồng đội khác đã đổ ra để dành lại từng tấc đất, từng bụi cây trước khi cầm được ngọn cờ tổ quốc lên bờ đất đỏ nát của căn cứ 82 và còn nhiều nữa ở Phú Thứ, ở Phước Tân, ở Cần Đăng, Trại Bí, Dầu Tiếng, Phú Hòa Đông, Chà Rầy, Hồ Bò, Trung Lập Tiểu đoàn 2/46 từng đổ máu, từng hy sinh nhưng chưa bao giờ lùi bước và cũng chưa bao giờ không chu toàn nhiệm vụ dù nhiều khi cái giá phải trả ra thật đáng đau lòng. Người lính 2/46 đã làm hết sức mình, họ không hiểu biết gì nhiều, không đại ngôn lớn lối tự khoát cho mình một lý tưởng, một mục đích gì to lớn, vĩ đại. Họ chỉ cố gắng chu toàn nhiệm vụ của những người lính nhỏ nhoi vì anh em đồng đội, vì đơn vị, vì quân đội và vì tổ quốc của mình. Họ không chờ đợi và cũng không hề biết sẽ có ngày hôm nay. Họ chỉ làm những gì phải làm, vậy thôi.

12 giờ 30, đợt khách đầu tiên ào tới. Những cận vệ vòng ngoài gùm gùm, M18 cặp nách, bố trí khắp nơi; những chuyên viên rà mìn, máy móc rề rề rà tìm từng gốc cây, bụi cỏ.

12 giờ 45 đợt khách thứ hai ào tới, máy vi âm được lắp ráp đủ đã có sẵn, chuyên viên quay phim, chụp hình chạy tới chạy lui. 1 giờ chiều Nguyên thủ quốc gia tới. Quân cảnh, tùy tùng đông nghẹt. Kèn trống rộn ràng. 2/46 Hành Khúc

vang lên “2/46 lừng vang chiến công, về đây chung sức đắp xây quê hương, một lòng vì dân đoàn ta chiến đấu, quyết đem thân mình bảo vệ quê hương. Long An giúp dân, giúp dân, giúp dân; Tây Ninh trấn biên, trấn biên, trấn biên, đây Campuchia xông pha bao lần...”

Những lời chào mừng bóng bầy được đọc lên, những lời khen ngợi rườm rà được nói ra; những cái bắt tay, những lời thăm hỏi máy móc được lập lại. Người lính im phất trong hàng, trong một giây phút, hình như lòng quặn lại, mắt mờ đi. Loáng thoáng đâu đó là hình ảnh mẹ già, vợ trẻ, con thơ, mái nhà tranh, khu xóm nghèo và những xôn xao ngày Tết không trọn vẹn; rồi đâu đó hình như có tiếng hô xung phong, những tiếng nổ, máu, những xác người, những anh em đồng đội nằm xuống, những người khác tràn lên, lại những người nằm xuống... Cứ như thế, nhập nhòa giữa những bóng bầy hào quang là những hồi ức buồn thảm. Lại trống, lại kèn, những người lính thoáng vui rồi chợt buồn. Chiều ba mươi, giờ này đây, hàng ngàn anh em đồng đội, những người đã bắt ngờ nhận lệnh, đã mò mẫm di chuyển, đã căng mắt bố phòng suốt đêm qua và đang ghìm súng bảo vệ ở đâu đó giữa hiểm địa, rừng sâu. Người lính không có giờ giấc, không biết tháng ngày, chiến đấu và hy sinh. Đằng sau mỗi vinh quang là những gian khó và thảm kịch. Người lính không hề có tròn nét môi cười, không biết thế nào là trọn vẹn niềm vui. Quân kỳ có thêm một giây biểu chương màu Bảo Quốc, người lính ưỡn ngực, ngấn đầu nhưng trong lòng thoáng chút xót xa. Buổi lễ chấm dứt, những người khách lên xe, người lính ở lại. Ba lô lên vai và những ngày mới sẽ đến. Còn một đêm nữa là năm mới.

@

Đại đội 1 về tới truyền phòng thủ lúc 5 giờ 30. Bữa cơm chung dự định sẽ bắt đầu vào lúc 6 giờ. Poncho đã được trải ra, thịt quay, chả lụa đã đựng đầy nhiều nón sắt. Hình như có bánh chưng, dưa kiệu, mứt gừng, mứt bí và vài món linh tinh khác. Bình nhất Vinh, thằng em phục vụ thân thiết lảng xăng chạy tới chạy lui báo cho Tùng biết diễn tiến việc

116 Tin Vaên

chuẩn bị ở từng trung đội. Tùng nói “kiếm cho tao cái ly, năm nay ăn Tết đàng hoàng một chút, cứ nắp bình đồng hoài coi không được”. Vinh đáp lớn “Xong rồi 51, sáng nay em hỏi mua lại cái ly cả phê ngoài quán, định trả tiền nhưng bà chủ nói tặng ông sĩ quan uống rượu Tết cho vui” và cười cười, bước lại gần Tùng, nói nhỏ, giọng có vẻ ngượng:” “Chốc nữa em sẽ hát tặng Trung úy bài “Xuân Này Con Không Về”. Tùng nhìn người lính trẻ: “Cậu hát được à? Sao lâu nay không thấy ngheu ngao cho vui. Tốt lắm, nhưng đâu phải chỉ mình tao “không về”, hát tặng chung anh em đi”. Vinh dạ dạ và nói thêm, giọng nhỏ lại “Em cũng hát cho em nữa”. Tùng nói: “Đúng, hát tặng chung tất cả chúng ta”. Hai thầy trò đều cười vui, nhưng bài hát đó không bao giờ được hát .

5 giờ 45, súng cá nhân nổ rất hướng rừng cao su phía xa, cùng lúc, mưa pháo phủ ngập căn cứ Trâm Vàng. Chiến thuật mới: tấn công các đơn vị hành quân lưu động bằng bộ binh và khóa miệng các căn cứ hỏa lực, các đơn vị yểm trợ bằng pháo kích. Chưa có tin tức chính thức nào từ Chiến đoàn. Tiểu đoàn ra lệnh các đơn vị trực thuộc phân tán con cái bố trí dọc mép rừng cao su để tránh pháo và chờ lệnh. Bữa cơm tất niên của Đại đội 1 vừa được bày biện đã vung vãi vì sức nổ, mảnh đạn và sỏi cát của trận pháo kích. Những người lính bụng trống vượt bờ đất lao về phía trước giữa những tiếng nổ.

6 giờ chiều, Tiểu đoàn trưởng 2/46 gọi các Đại đội trưởng nhận lệnh hành quân tại bìa rừng cao su phía sau căn cứ Trâm Vàng. Sĩ quan Ban 3 đưa phóng đồ hành quân vờn vờn chỉ có một vòng tròn đỏ cách điểm xuất phát 2 cây số về phía Cầu Khởi. Tiểu đoàn trưởng ngắn gọn thông báo tình hình và ban hành những chỉ thị cần thiết. Theo đó, Tiểu đoàn X/49, đơn vị hành quân án ngữ bảo vệ an ninh cho buổi lễ đón tiếp thượng cấp đã bị tập kích trên đường rút lui sau khi hoàn tất nhiệm vụ. Liên lạc vô tuyến với X/49 đã hoàn toàn bị gián đoạn và khả năng có thể là đơn vị bạn đã bị tổn thất nặng và đang tản lạc trong khu vực hành quân. Nhiệm vụ của

2/46 là tiến về hướng được ghi nhận đã có giao tranh, giải tỏa áp lực địch, tìm đón những binh sĩ bị thất lạc, tải thương và gom nhặt xác những chiến sĩ đã hy sinh.

Tiểu đoàn trưởng dẫn tới dẫn lui: “Cẩn thận tối đa. Chắc chắn có nhiều người của mình tản lạc trong khu vực, đừng ngộ nhận tác xạ lầm quân bạn nhưng cũng đừng lơ là đề địch quân trà trộn tập kích”. Ông nói thêm trước khi các Đại đội trưởng trở về vị trí chuẩn bị điều động đơn vị di chuyển, giọng rất buồn: “Bảo em út cố gắng, rất nhiều anh em đang cần đến mình. Tết nhứt tôi biết, nhưng tình hình không thể trì hoãn được. Ráng lên.”

Trời tối dần, đơn vị di chuyển chậm chạp, từng lúc phải dừng lại bố trí, quan sát, nhận dạng và đón người. Những binh sĩ thất tán mừng rỡ gặp lại quân bạn nhưng trạng thái căng thẳng, hoảng hốt biến họ thành ngẩn ngơ, lơ lửng và những lời trình bày của họ lộn xộn, rối ren, trùng lặp về diễn tiến của trận đánh và không ai chắc chắn được điều gì về số phận đơn vị của mình. Điều ghi nhận rõ nhất là trận đụng độ rất khốc liệt và phần thất lợi về phía quân bạn.

9 giờ 30 đêm, những đơn vị đầu tiên tiếp cận khu vực giao tranh. Trời tối đen, không khí lặng lẽ, lạnh lẽo. Những ánh hỏa châu nhấp nhoe, lung linh vội sáng vội tắt trên một khu vực tiêu điều, xác xơ vung vãi những cành cây đổ vì đạn pháo kích của cả hai phía. Những xác người đầu tiên được tìm thấy. Không ai có thể xác nhận được hình dạng và lý lịch của những chiến sĩ bất hạnh này.

9 giờ 40, Tiểu đoàn cho biết Chiến đoàn đã tái liên lạc vô tuyến được với Tiểu đoàn X/49. Đơn vị bạn bị đột kích, hai đại đội bọc hậu bị cắt đứt khỏi đội hình chung và bị thiệt hại nặng chưa liên lạc và kiểm kê được. Tiểu đoàn bị pháo kích và hệ thống liên lạc bị hư hại nhưng đã tái hoạt động trở lại. Đơn vị bạn đã về đến vị trí an toàn dù quân số không đầy đủ.

Lệnh dừng quân và phòng thủ đêm được ban hành. Những người lính lăm lũi đào hào, căng mìn. Những toán tiền đồn lạng lẽ tiến về phía những vị trí được chỉ định. Người

118 Tin Vaen

lính mệt mỏi mở bao cơm sấy nguội lạnh và lạnh lẽo mờ mịt dùng bữa cơm chiều. Không khí im ắng, nặng nề; người người lặng thầm, chịu đựng. Đêm cuối năm, vài tiếng đồng hồ nữa là giao thừa, năm mới. Rừng đêm, bất trắc và tử khí. Người lính uống vội hớp nước, nằm lăn ra đất nhìn lên trời cao tối tăm, cao thăm cổ quên những thực tế đau lòng, ráng dỗ giấc ngủ chờ đến phiên được kê dậy, đổi gác.

10 giờ 30, Tiểu đoàn gọi các đại đội; đại đội gọi các trung đội để hỏi nhau cùng một câu hỏi: “Có nghe thấy gì không?”. Tiếng rên. Rất nhiều tiếng rên đau đớn và thê thiết, xa có, gần có. Các thương binh rải rác đâu đây có lẽ vừa qua cơn tê điếng lúc đầu cộng với khí lạnh trời đêm làm họ không còn chịu đựng được nữa. Tiểu đoàn trưởng gọi ý, không phải ra lệnh: “Ráng cho biết kích dò theo tiếng kêu lên đón anh em về được không? Lạnh thế này, chờ đến sáng chắc chết hết”. “Không được, mình cơ động đã gài cùng khắp, lạnh quàng không giúp được ai mà hại thêm đến anh em mình”. Các Đại đội trưởng đồng loạt trả lời, trách nhiệm với đơn vị buộc phải từ chối nhưng lòng đau như cắt, đứng ngồi không yên. Tiếng rên như những vết đâm xé ruột những người hiện diện.

11 giờ 20, binh nhất Vinh mò tìm đến hầm chỉ huy, dúi vào tay Tùng chiếc bình đồng nặng nặng, thì thầm: “51 làm hớp rượu cho ấm”. Tùng mở nắp bình rượu, Vinh cười khề và nói tiếp: “51 dùng đỡ nắp bình đồng, chiều nay có cái ly, lúc chạy qua bờ đất rớt lại nhưng pháo rất quá, em không dám quay lại lấy, 51 thông cảm”. Tùng cầm tay người lính trẻ bóp nhẹ: “Được rồi, không sao”. Vinh dục “51 uống đi”. Tùng cầm bình rượu định uống nhưng rồi ngừng lại, bảo Vinh: “Cậu ra gọi ông Thường vụ vào làm với tôi vài nắp, tôi không muốn uống một mình”.

Người Thượng sĩ già nhẹ nhàng đến ngồi bên Tùng, nói nhỏ, cố tỏ vẻ bình thản, dùng dụng nhưng giọng nói run run, xúc động: “Tôi mới đi một vòng tuyến, hết nghe tiếng rên rồi, chắc chịu hết nổi. Chết lảng xẹt, sao không ráng một chút nữa cho biết năm mới với người ta!”. Tùng nói: “Thôi,

mình không làm gì được, có đau lòng cũng vậy thôi. Phú cho trời đi. Ông làm với tôi chút rượu cho ấm. Tôi tưởng ở Trâm Vàng nên định sáng mai cho ông về hậu cứ chơi với bà ấy và mấy cháu một bữa cho vui không ngờ mình ở đây. Tôi rất tiếc.” Tùng uống một nắp rượu và chuyển cả bình và nắp cho người đối diện. Người Thượng sĩ già cầm bình rượu, run run kê miệng bình sát vào nắp, cẩn thận rót nhẹ cho rượu khỏi đổ ra ngoài, nói nhanh trước khi đưa nắp rượu lên ực một hơi: “Cảm ơn 51 đã nghĩ đến nhưng không sao đâu, quen rồi, mấy chục năm nay có bao giờ tôi được ăn Tết ở nhà đâu, mẹ cháu và sắp nhỏ cũng quen rồi, không chờ và cũng không hy vọng sẽ có tôi ở nhà. Thêm một năm nữa cũng đâu có sao!”.

Tùng uống với người lính già phụ tá gần nửa bình rượu. Có tiếng bước chân khe khẽ và tiếng gọi thì thầm kêu nhau đổi gác. Tùng nói: “Thôi, ông về nghỉ đi, bảo khẩu trưởng súng cối thay ông đốc canh, tôi cũng còn thức đây, để tôi coi ngó anh em cho”. Người Thượng sĩ già đứng dậy, nói nhỏ “Mùng tuổi 51” rồi nói lớn hơn một chút “51 nghỉ đi, tôi không ngủ được, nói vậy chứ Tết nhứt mà, cũng nóng ruột. Tôi sẽ kiểm soát anh em canh gác cẩn thận”.

12 giờ 05 đêm, Tiểu đoàn trưởng gặp các Đại đội trưởng trên máy, nói gọn bốn chữ “Chúc mừng năm mới”. Các Đại đội trưởng cũng lập lại mấy chữ tương tự và hỏi thêm: “Chiều nay rồi chị và mấy cháu tính sao, 45?”. “Không biết, gấp quá tôi dặn bà ấy đưa mấy đứa nhỏ về Sài Gòn nhưng không biết giờ đó còn đón được xe cộ gì không? Không khéo mấy mẹ con đón giao thừa lêu bêu ngoài đường không chừng. Tôi đã gọi hậu cứ nhờ tìm mà chưa thấy ai báo gì, cũng kẹt.”

12 giờ 10 Tùng gọi các Trung đội trưởng chúc mừng năm mới, nhận lại lời chúc rồi sang tần số nói chuyện với Thắng, chàng Trung úy có người yêu là nữ sinh viên Chính Trị Kinh Doanh thời còn là lính mới tò te ở trường Chiến Tranh Chính Trị, hai người đã đính hôn và cũng giống như Thiên Kim, cô nàng thường lên đơn vị thăm Thắng bất cứ lúc nào có thể. Bận chiến đấu và đồng canh, Tùng nói

120 Tin Vaên

chuyện với Thắng tự nhiên, thoải mái: “Ông có hẹn cô ấy mai lên không?”. “Có”, Thắng đáp và nói thêm “ 10 giờ sáng, quán Đồng Nội, còn ông?”. “Cũng có, cũng quán Đồng Nội 10 giờ sáng”. Thắng cười cười và nói, giọng lo lắng: “Đã liên lạc được với thằng X/49 cũng nhẹ gánh. Không biết mai mình có ra sớm được không?”. “Hy vọng ra sớm”, Tùng nói nhưng thật tâm anh không nghĩ như vậy, và thực tế đã chứng minh không phải như vậy.

5 giờ 30 sáng ngày mùng Một tháng Giêng, Tiểu đoàn 2/46 cuốn mìn, lấp hồ, rời vị trí đóng quân đêm, mở rộng đội hình án ngữ và lục soát toàn bộ khu vực. Mười chín thương binh nặng nhẹ, mười một tử thi được tìm thấy, hai mươi bốn binh sĩ thất lạc được đón về.

11 giờ sáng ngày mùng Một. Chiến đoàn cho biết đã kiểm kê đầy đủ quân số Tiểu đoàn X/49. Tiểu đoàn 2/46 chấm dứt nhiệm vụ tìm đón binh sĩ thất lạc, gom xác, tải thương và nhận nhiệm vụ mới: hành quân truy kích địch. Lệnh hành quân chỉ định 5 mục tiêu, lộ trình tổng cộng 11 cây số. Cuộc hành quân không chạm địch, không tổn thất nhưng kéo dài 5 ngày. Ngày mùng Năm tháng Giêng, Tiểu đoàn 2/46 được rút về làm lực lượng trừ bị cho Chiến đoàn tại căn cứ Đức Dũng, gần ngã ba Phước Hiệp.

@

Đại đội nhận tuyến phòng thủ, Thường vụ phân chia khu vực trách nhiệm cho các Trung đội rồi trở vào gặp Tùng ở hầm chỉ huy: “Mới mùng Năm, chưa hạ nêu, vẫn còn Tết, 51 muốn nói chuyện với anh em không tôi tập hợp?”.

Tùng hỏi Vinh “Mấy chai rượu hậu cứ mang lên còn không?”. Vinh đáp “Còn, 51”. Tùng dặn Thường vụ tập hợp đại đội rồi quay lại nói với Vinh: “ Cậu đi mời mấy ông 50, 52, 53, 54 tới chơi và chuẩn bị hát “Xuân Này Con Không Về”. Vinh cười, đưa tay gãi gãi đầu và nói, về bên lều: “Em sẽ đi mời mấy thẩm quyền kia ngay, còn vụ Xuân Này Con Không Về, 51 cho em đổi lại là Đồn Vắng Chiều Xuân. Bài kia buồn quá em sợ mới làm mấy câu đã khóc không hát được hết”. Tùng thấy nghèn nghẹn những vẫn

gượng cười, vỗ nhè nhẹ lên vai người lính trẻ, dễ dãi: “Muôn đồn vắng thì đồn vắng.”

Hôm đó Tùng đã nói chuyện rất lâu với những anh em sinh tử của mình, chia xẻ với họ nỗi niềm về cả một thế hệ nhiều kiêu hãnh và cũng đầy bất hạnh, uống với họ những nắp rượu đắng cay và kết luận với hy vọng một cái Tết vui hơn, đầy đủ hơn. Hy vọng đó không bao giờ có, năm âm lịch chậm sau dương lịch hơn ba mươi ngày, đã đầu tháng 2 năm 1975, không đầy ba tháng sau là thảm kịch 30 tháng tư. Thời gian không dài nhưng tai biến và dâu bể đã liên tục xảy ra cho một đơn vị bộ binh tác chiến giữa giai đoạn khó khăn, sinh tử cuối cùng. Nhiều anh em đã không còn, Trung sĩ nhất Võ Siêng, quyền Trung đội trưởng Trung đội 3 đã hy sinh ngày 27 tháng tư; người khách, người bạn chiến đấu, Trung úy Nguyễn Đức Thắng đã vĩnh viễn lìa xa anh em đêm 28 tháng tư; Thiếu úy Nguyễn Trung Còn, Trung đội trưởng trung đội 1 nằm lại giữa cánh đồng bùng ba tiếng đồng hồ trước khi đơn vị không còn biết một nơi nào còn có quân bạn để tìm đến chiều ngày 29 tháng tư. Đại đội 1, Tiểu đoàn 2/46 không bao giờ còn có dịp ăn với nhau một cái Tết, cho dầu là chỉ để uống với nhau chút rượu đắng trong nắp bình đồng bên bờ tuyến phòng thủ.

Nguyễn Mạnh An Dân



Trần Yên Thụy
Vẫn ngỡ còn nhau

Ngọn gió lạc thổi qua vùng nhớ
Cánh chim bay rơi xuống sân đời
Chim và gió không hề hò hẹn
Lại gặp nhau thời khắc chia đôi

Em tóc rối giữa chiều không gió
Anh ngả nghiêng chân mỗi bước về
Em và anh đầu cầu chưa nối
Nhìn nhau không thể nói nên lời

Cánh chim quen đường bay của gió
Gió nhớ ai quán quít nắng chiều
Chiều chậm rơi như chờ em tới
Em gọi anh khản tiếng lâu rồi

Anh vẫn đó, vẫn đây như gió
Em khác gì chim nhỏ cánh mềm
Vẫn nhớ quá cầu xưa thiếu ván
Hai đầu ngăn cách lạc vào đêm.



Thylanthảo **Ý tình thương nhớ**

Áp ủ đời con, đôi tay Mẹ
Tâm lòng của biển thật mênh mông
Sống bên cạnh Mẹ từ thơ trẻ
Bóng mát đời con - một cánh hồng
Còn nhớ những ngày vui sương gió
Quê hương quẩn quại lửa bom cay
Mẹ thương, Mẹ nhớ thằng con nhỏ
Sống giữa làn tên lửa họa tai
Đêm nghe tiếng súng dòn tan nổ
Mẹ nguyện cầu xin chữ bình yên
Quê hương thôi hết cơn cuồng nộ
Trả lại yên vui, xóa lụi phiền
Con về phép mẹ vui mừng lắm
Tiu tít làm cơm Mẹ ép ăn
Đậu xanh Mẹ nấu cháo sò huyết
Tình Mẹ cho con thật vô vàn
Chén cháo sò bây giờ hương vị
Vẫn còn rõ nét ở trong con
Bàn tay Mẹ - Thịt sò ngon ngọt
Thương nhớ tràn dâng - Lạnh thấm hồn...
Nặng gió bước đời đen da thịt
Mẹ hiền ve vuốt tóc thẳng con
Lẽ ra tuổi của thời đi học
Bỏ bút cầm gươm ...chuyện mất còn!
Bây giờ đất lạ trời xa lạ
Bóng Mẹ lòng con vẫn khắc in
Mâm cơm dọn sẵn còn đâu nữa
Âu yếm thân thương ...dáng Mẹ hiền
Nhiều đêm thức giấc con buồn nhớ
Nước mắt rơi rơi ... tủi ý nhà
Giặc dữ, quỷ ma còn kinh sợ
Một đời ly xứ mãi thương xa,...



dạ dung
Trăng vẫn nghiêng

trăng không nghiêng mà lòng em ngửa
giọt từ tâm hứng máu tim mòn
thêm năm nữa là thêm buồn nữa
tuyết đã tan, hơi lạnh vẫn còn

những thăng trầm theo năm thêm tuổi
em theo anh từ thuở trăng tròn
đừng, đừng trách trăng nghiêng anh nhé
vì tim em có thăng bao giờ

cây hoa tuyết còn trơ cành nhánh
huống gì em thân cỏ cây mềm
trời xứ bắc anh ơi lạnh quá
và trăng nghiêng trong nỗi nhớ thầm

dòng sông say chạm bờ ly biệt
em cạn dòng lệ nhớ còn rơi.



Đỗ Bình **Tiếng hát quê hương**

Ở Pháp những ngày cuối năm đường phố khắp nơi rực sáng những ánh đèn màu lóng lánh muôn sắc như ngàn hoa để đón những ngày lễ lớn của tôn giáo đó là Ngày Giáng Sinh và Ngày Tết Dương Lịch. Ngày Giáng Sinh ngoài tính thiêng liêng của tôn giáo người Pháp còn xem ngày lễ này như ngày sum họp gia đình, những thành viên trong gia đình dù ở phương xa trong ngày này đều trở về với mái gia đình chung vui, tặng quà lẫn nhau. Trong mùa vui, tôi chạnh nhớ đến những mùa Noel năm xưa ở quê nhà mà lòng bỗng xao xuyến nhớ về Noel Sài Gòn thuở nào. Đang suy tư hoài niệm bỗng tiếng điện thoại reo lên, bên kia đầu máy là tiếng nói đứt đoạn của nhà văn Nguyễn Thùy,, anh báo tin nhạc sĩ Việt Dzũng, một trong các thành viên sáng lập Phong Trào Hùng ca Việt Nam từ 1985, và hiện là Phong Trào Trường, đã qua đời lúc 11 giờ 15 phút sáng 20 tháng 12 năm 2013 tại bệnh viện Fountain Valley-California, hưởng thọ 55 tuổi. Nghe hung tin người nghệ sĩ đa tài Việt Dzũng qua đời tôi bàng hoàng, vì mới đây nhà báo Kim Long vừa gợi cho tôi xem đoạn youtube NIỀM VUI GIÁNG SINH (2012) do Trung Tâm ASIA thực hiện. Tiếng cười nói của Việt Dzũng trong màn ảnh còn âm vang thế mà người nhạc sĩ mang cho đời những niềm vui đã vội ra đi! Nhà văn Nguyễn Thùy bên kia đầu giây nói đề nghị viết mấy lời phân ưu nhạc sĩ Việt Dzũng để đăng trên các Diễn Đàn, rồi anh đọc .:

«Việt Dũng đã ra đi! Buồn!!! Nơi bên kia, xin anh hướng về chúng tôi, phù trợ chúng tôi trên đường đấu tranh cho quê hương, đất nước thêm hùng, thêm mạnh. Nơi xa, xin tiễn đưa anh với tất cả nhớ thương và nhớ ơn.

Đỗ Bình, Sơn Khôi, Nguyễn Thùy cùng anh chị em nghệ sĩ Câu Lạc Bộ Văn Hóa VN Paris. ».

Tôi đồng ý ngay, và sẽ viết ít dòng cảm nhận.

Nói đến Việt Dzũng người nhạc sĩ có những nhạc phẩm về quê hương : "Lời Kinh Đêm"...

*"Thuyền trôi xa ..về đâu ai biết ?Thuyền có về ...ghé bến tự do ?
Trời cao xanh ... hay trời oan nghiệt, Trời có buồn ... hay trời vẫn
làm ngơ ? Người buông xuôi về nơi đáy nước Người có mộng một
nắm mơ xanh ? Biển ngậy ngô hay biển man rợ Biển có buồn hay
biển chỉ làm ngơ ...?"*

Lời thơ ray rứt đượm chút triết lý nhân sinh như than trách tạo hóa và thương xót cho số phận con người. Những hình ảnh trong ca từ dựa trên tâm cảnh của người vượt biển, được dàn trải trên cung bậc thành giai điệu buồn mênh mông làm xao xuyến những tâm hồn cùng cảnh ngộ. Bài thơ được người nhạc sĩ tài hoa phổ đã chấp cánh đến với công chúng hải ngoại, và được công chúng đón nhận như một lời tâm sự của mình. Ca khúc đã diễn tả cảnh trời biển gặp nhau lúc hoàng hôn, màu biển loang loáng bạc. Sự lặng thinh của biển làm tăng nỗi tuyệt vọng của những con người khốn khổ khát khao tự do, ôm ấp niềm hy vọng mơ ngày đến bến bờ tự do. Biển cả muôn đời vẫn mênh mông thăm lặng và ẩn chứa một sự hải hùng như đang rình rập, đe dọa những con thuyền mong manh chờ đợi những con người bất hạnh, bất chấp mọi hiểm nguy để tìm đường trốn hiểm họa CS đang xảy ra trên quê hương!

Giữa trời nước bao la thân phận của con người càng bé nhỏ, bồng bênh như bọt sóng, cũng bấp bênh theo con thuyền trước gió bão, sóng cuồn! Đạo ấy những ca khúc viết về người tị nạn vượt biên rất nhiều nhưng lại ít có phương tiện để phổ biến đến công chúng! Những Ca khúc đi vào lòng người, ngoài cái dịp may được phổ biến nó còn đòi hỏi ca khúc phải có tính nghệ thuật thì mới thực sự ở lâu trong tâm hồn người thưởng ngoạn.

Những nhạc sĩ như Việt Dzũng, Nguyệt Ánh, Nguyễn Hữu Nghĩa, Hà Thúc Sinh, Trần Chí Phúc, Nam Lộc, Trầm Tử Thiêng, Phạm Duy...vv....đã gom tim óc diễn tả cảnh vượt biên, tạo thành những nhạc phẩm nghệ thuật để cống hiến cho đời. Nhưng có lẽ ca Khúc : Chút Quà Cho Quê Hương đã đưa tên tuổi người nhạc sĩ trẻ Việt Dzũng mới bước vào con đường sáng tác đã mau chóng vang đi khắp nơi. Ca từ và giai điệu làm thổn thức hàng triệu con tim ở hải ngoại, và làm bùi ngùi những tâm hồn những người còn

ở lại nơi quê nhà. “Một Chút Quà Cho Quê Hương” là một ca khúc hay, xuất sắc của Việt Dzũng, nhạc phẩm đẹp cả lời lẫn giai điệu được mọi người yêu thích cho đến tận hôm nay.

Nhạc phẩm ra đời vào đúng thời điểm mà người Việt trong nước ô ạt bỏ bước ra đi tìm tự do trốn chế độ CS, còn người Việt tỵ nạn hải ngoại bắt đầu gửi quà về cho thân nhân đang nghèo đói ở quê nhà. Ca từ như một bài thơ thống thiết, diễn tả cái thực trạng của tâm hồn những người tỵ nạn đành phải xa quê hương, chia lìa người thân. Ca từ là những giọt nước mắt dầu trong tim được ngân lên trong giai điệu buồn chan chứa tình thương, như chia sẻ nỗi niềm u uất của những người tỵ nạn xa xứ. Những lời ca sau đây:

“Em gởi về cho anh dăm bao thuốc lá Anh đốt cuộc đời cháy mòn trên ngón tay ... Gởi về cho mẹ dăm chiếc kim may Mẹ may hộ con quê hương quá đọa đầy ... Gởi về cho chị hộp diêm nhóm lửa Chị đốt cuộc đời trong hoang lạnh mù sương Gởi về cho mẹ dăm gói trà xanh Mẹ pha hộ con nước mắt đã khô cạn Con gởi về cho cha một manh áo trắng Cha mặc một lần khi ra pháp trường phơi thây Gởi về Việt Nam nước mắt đông đầy Mơ ước một ngày quê hương sẽ thanh bình ...”

Đây là những câu thơ mang ngôn ngữ hình tượng. Hình ảnh người mẹ ngồi vá quê hương là hình ảnh đẹp trong nghệ thuật trừu tượng của tạo hình, nó diễn tả niềm đau tột độ của người mẹ Việt Nam nhìn thấy bầy con xâu xé, tranh giành, đay đọa và giết nhau !

« Em gởi về cho anh dăm bao thuốc lá, Anh đốt cuộc đời cháy mòn trên ngón tay... »

Những tù nhân CS trong các trại tù. Những ai đã từng bị tù CS chắc hẳn không quên những ngày đói cơm, manh áo cũng không che đủ thân, hưởng chỉ là mẩu thuốc lá, cục đường được xếp loại xa xỉ phẩm ! Thuốc lá trở thành báu vật đối với những ai đã từng quen dùng nó để suy tư, để gặm nhấm nỗi cô đơn. Ở đây tác giả không diễn tả sự thèm hơi thuốc mà dùng khói thuốc như một ẩn dụ để diễn tả sự mòn mỏi của người tù, có người bỏ xác trong các trại tù, sự đợi chờ ngày được tự do tan như khói thuốc đốt dần cuộc đời !

Vào tháng hai năm 1994 ở thế kỷ trước, Việt Dzũng cùng một phái đoàn Người Việt tỵ nạn ở Mỹ sang Genève, Cao Ủy Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc, Thụy Sĩ, chúng tôi ở Pháp gồm: có

Hòa Thượng Thích Minh Tâm, GS Lại Thế Hùng, TS Trần Bình Tĩnh... và một số Nhân sĩ người Việt tị nạn ở Thụy Sĩ.. Mục đích của buổi hôm đó là tiếp kiến vị đại diện Cao Ủy Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc, Tranh đấu cho Các Thuyền Nhân bị chối từ quy chế Tị Nạn, cưỡng bách hồi hương vì các trại tiếp nhận đã được lệnh đóng cửa không tiếp người tị nạn.

Hôm đó mưa tuyết phủ trắng trước sân phủ Cao Ủy, tôi thấy nhạc sĩ Việt Dzũng chống hai nạng gỗ, mặc chiếc áo khoác không dày lắm, tôi sợ anh bị lạnh vì không quen thời tiết mùa đông Âu Châu, nhất là ở Thụy Sĩ. Anh cảm động và cảm ơn tôi, và nói là không lạnh vì trước khi về định cư ở Cali anh cũng đã đi nhiều nơi trên xứ Mỹ nên đã quen với cái lạnh. Tôi ngưỡng mộ Việt Dzũng từ dạo ấy, một con người dẫn thân không những cho quê hương mà cho ngay chính những đồng bào của mình còn kẹt lại trong các trại tị nạn ở Á Châu. Những năm sau đó, nhiều lần Nhóm Hưng Ca qua Âu Châu và có ghé Paris cùng Cộng Đồng Người Việt Paris tranh đấu cho Nhân Quyền VN, với những khuôn mặt trong nhóm Hưng Ca : Huỳnh Công Ánh, Nguyễn Hữu Nghĩa, Nguyệt Ánh, Việt Dzũng và Tuấn Minh, Đào Trường Phúc, Huỳnh Lương Thiện, Trương Sĩ Lương, Xuân Nghĩa, Tuyết Mai, Lưu Xuân Bảo...v.v..

Ở Paris với sự tham dự của Tổng Hội Sinh Viên VN Paris, người chủ tịch của Tổng hội SV Paris ngày đó là nhạc sĩ Lê Như Quốc Khánh, được sự trợ giúp đặc lực của kỹ sư Trần Ngọc Giáp, người bạn thuở sinh viên cùng thời với người anh hùng anh Trần Văn Bá, phụ trách Ca Đoàn Lam Sơn của Tổng Hội ngày đó là kỹ sư Phương Khanh, một người rất đa tài... nhóm Câu Lạc Bộ Văn Hóa VN Paris cũng góp mặt: Danh ca Thanh Hùng, nghệ sĩ Thúy Hằng , Nhạc sĩ Trịnh Hưng và tôi, chúng tôi cùng Nguyệt Ánh, Việt Dzũng và các bạn đồng hát những bài ca tranh đấu cho Nhân Quyền VN trên quảng trường Nhân Quyền Trocadéro.

Việt Dzũng là người dẫn thân nên đã hoạt động liên tục không ngừng nghỉ trong nhiều lãnh vực. Nhà văn Nguyễn Thùy viết mấy lời cảm ơn anh, vì Nguyễn Thùy cũng là một thuyền nhân đến muộn. Trong nhiều năm Việt Dzũng cùng các bạn đã làm những buổi văn nghệ gây quỹ cho các con tàu với người vượt biển như Cape D'Anamur, chương trình SOS Boat People. Tôi quý mến Việt Dzũng vì anh là những Hậu Duệ của gia đình Lĩnh, tiếp nối truyền thống của ông, cha, biết ơn và vinh danh những người đã hy

sinh vì nước, nên đã ca ngợi Người Lính VNCH qua nhiều chương trình văn nghệ nói về Lính và tổ chức những buổi văn nghệ giúp anh em TPBVNCH.

Sau năm 1975 anh em TPBVNCH như bầy chim trúng đạn tan tác khắp nơi, họ bệnh tật, nghèo đói, ẩn mình sống trong những xóm nghèo tăm tối, hẻo lánh. Những dấu đạn, vết tích của chiến tranh mà có thời được vinh danh là chiến tích Anh Hùng thì nay với chế độ mới đó là những tàn tích « nợ máu, phản động ». Họ sống trong âm thầm và trong số ấy có rất nhiều người già yếu đã ra đi ! Cứu giúp TPBVNCH là một cách nhớ ơn, một nghĩa cử đẹp về tinh thần, làm xoa dịu nỗi đau mất mát một phần thân thể của những người đã vì sự tự do quê hương. Với những điều cao đẹp mà Việt Dzũng và các bạn đã phụng sự cho quê hương, và cho tha nhân nên tôi ngưỡng mộ. Từ ngày bỏ nước ra đi đến ngày ra đi đã 38 năm, thời gian khá dài so với một đời người thế mà Việt Dzũng chưa một lần trở lại quê hương, anh giữ trọn những điều anh đã viết, đã nói, dù thời gian qua đã có quá nhiều thay đổi mà lòng anh vẫn son sắt trọn một đời cho lý tưởng TỰ DO. Giờ đây anh chọn một thế giới xa, một cõi vĩnh hằng để an nghỉ, vứt bỏ nhưng ưu tư trần trở muộn phiền chốn thế gian. Dù anh ra đi nhưng những nhạc phẩm của nhạc sĩ Việt Dzũng viết về quê hương vẫn còn ở lại trong lòng người ly hương. Nguyện cầu cho linh hồn anh Việt Dzũng đời đời an nghỉ ở Nước Trời cùng Thiên Chúa.

Đỗ Bình/ Paris



Phạm Tương Như **Nhà dưới – Cửa sau**

tản văn

Tính đến tháng này tôi đã sống xa nhà cả nửa vòng trái đất hơn bốn mươi năm, mấy năm tạm cư du học thời còn trai trẻ và bốn mươi năm định cư nơi xứ người! Chữ "định cư" và "xứ người" tôi không biết nên chấm than (!) hay chấm hỏi(?) hoặc chỉ một dấu chấm dứt câu gọn băng. Tôi sinh ra ở làng quê, hốc bà tổ, đến năm học "Đệ thất", lớp 6 là đã phải sống 9 tháng xa nhà mỗi niên học. Điều làm tôi ngạc nhiên, càng về già càng lầy lẹn là mỗi khi nhớ nhà, mà tôi hay nhớ nhà lắm, tôi thường nhớ đến hình ảnh "Nhà Dưới- Cửa sau", mặc dù tôi sống quây quần cùng Ba Má, anh chị em ở "nhà dưới- cửa sau" vốn vẹn có 11 năm tròn và bảy lần 3 tháng lẻ...trong những năm Trung học đệ nhất và nhị cấp.

Tôi không dám lạm bàn về nhà cửa của người miền Bắc "ngàn năm văn vật" hoặc người miền Trung "Hoàng thân quốc thích", chỉ mách đôi điều về nét đơn sơ, xập xệ trong những căn nhà thôn quê, bên cạnh dòng sông, con rạch hay ruộng ao thường thấy của người Nam "sông nước miền Tây", như nhà Ba Má tôi chẳng hạn.

Chiều chiều ra đứng cửa sau

Trông về quê Mẹ ruột đau chín chiều

Không phải chỉ có những cô gái lấy chồng xa mới thất thểu nhớ nhà, ra đứng cửa sau của căn nhà dưới để với trông về quê Mẹ rồi hoá thành Ca dao. Tất cả chúng ta đều có lúc ngậm ngùi thương từng con chữ ấy! "Nhà dưới" ở quê mình quả có khác cái "family room" mà chúng ta đang có nơi phương trời Tây. Vào nhà dưới thường phải bước qua ngạch cửa, nơi Ba từ ngoài vườn mới vào, ngồi nghỉ mệt chờ ăn cơm trưa hoặc Mẹ ngồi ngóng ra đường, đợi con đi học về; có khi là nơi để các con chùi chân vì lội mưa, dính sinh bùn. Nhà dưới luôn có cái tủ đựng chén, đĩa, muống, dưa...tiêu muối, nước mắm, bên cạnh là vài cái tin chứa muối hay gài mắm cá, mắm ba khía hoặc dưa mắm. Có cái lu hay khạp da bò chứa gạo, lon sữa bò đựng gạo, cái bếp với vại bộ ba-ông -táo đen đuôi như ông lợ nổi (không thấy mấy ông tắm rửa gì dù là ngay ngày 23 tháng chạp, phải lên trời "mét" chuyện thể gian). Nhà dưới còn có bàn tròn với cả chục cái ghế đầu 4 chân bằng gỗ tạp dùng làm bàn ăn cơm gia đình, có thể thêm 1 hay 2 bộ

ngựa gỗ, chắc chắn sẽ treo cái võng để Mẹ đưa võng ru con Út hoặc Ba nằm ngủ trưa. Nhà dưới không thể thiếu quây củi, được cất, chẻ từ những cành cây khô, bẹ dừa già rụng ngoài vườn. Tôi thích nhất vẫn là những bó lá dừa khô, cột bằng dây chuối vừa một ôm người dùng để nhóm lửa hoặc làm cây đuốc soi đường cho hàng xóm về nhà những đêm tối trời. Tôi nhớ những đêm trăng mờ thoi tuổi dại, mê chơi nhà hàng xóm về khuya, khi đi ngang bờ trâm bầu giữa đồng không mông quạnh là chúng tôi hè nhau chạy...và tưởng chừng đang nghe bước chân ma rượt theo sau lưng.

Hồi còn ở bậc Trung học, những cuối tuần đạp xe trên con lộ đá lỏm chồm từ tỉnh lỵ Vĩnh Long về quận Chợ Lách, tôi phải qua phà “Đình Khao”, qua 3 xã Bình Hòa Phước, Phú Phụng, Vĩnh Bình. Lòng tôi thật nôn nao khi gần tới nhà. Vừa tẻ khỏi lộ đá, tôi say sưa nhìn hàng dừa đang lả ngọn che dù, mấy cây cau đang nhón đọt, cổ chột trời xanh và nhất là mấy dây khói lam chiều trên nóc nhà dưới bay ngoằn ngoèo, vắt ngang mấy đọt cây đang im lìm say nắng. Những vạt khói quyện hồn tôi thả bổng lên cây. Tôi cũng nhớ lần đầu vợ yêu dấu của tôi phải về Việt Nam thăm Ba bệnh nặng. Nhớ nàng quá tôi phải thi thăm.”Chắc em thổi buổi cơm đầu, Lá dừa nhóm lửa khói nhậu mất anh. Cửa sau, cầu nhúi quần quanh. Trúc Tre bóng Mẹ, vườn xanh, khói mờ ...”. Tự nhiên nhớ vợ, hóa ra nhớ nhà!!

Riêng căn nhà dưới của Nhạc gia tôi cũng làm mất giá phi công “lù khù” dễ như chơi! Lần đầu đưa Ông, Bác và Ba Má tôi đi coi mất vợ. Hỏi thăm và ghé vào trại cura, cũng là nhà của hôn thê. Hai gia đình đang trịnh trọng, y phục chỉnh tề, ngồi vào bàn giữa, dùng trà nước, bánh ngọt... bỏ quên tôi ngồi một mình bên bộ divan. Vậy là chàng phi công trẻ “lù khù” hiên ngang đi vòng qua nhà dưới, vào tận mấy phòng ngủ phía sau hai tấm màn vải thêu hoa, gặp người đẹp và hỏi” sao em không ra chào Ba Má ?” Tôi thấy mặt mày người yêu và mấy cô em vợ xanh như tàu lá chuối, nhất là Út “Trời ơi! Sao dám vô đây. Ba Má thấy là chết!!!” Mãi về sau Ba Má vợ tôi biết chuyện, chỉ cười ngất. Ông Nhạc tôi còn phán “Nó bay khắp nước Mỹ, khắp xứ mình, thì còn biết sợ ai?”

Cửa sau của căn nhà dưới thường hướng về bên nước. Nhà bếp, cửa sau, sàn nước, cầu nhúi... thường kê bên nhau, chỉ cách nhau một hàng lu chứa nước mưa, một trong các lu nước có đáy nắp được trang bị thêm một cán múc nước bằng gáo dừa. Đây là

xứ sở của Mẹ, của Chị, hình tượng người phụ nữ Việt Nam đảm đang, cao cả, một đời chỉ biết hy sinh cho chồng con. Hình tượng Mẹ ngồi trên bộ ván và áo các con và Ba ngồi nơi bàn ăn đọc báo, quan tâm chuyện thời sự, lo cho mấy thằng con đi lính là hình ảnh dễ thương còn mãi trong lòng tôi. Tôi không có Chị, nên chính bản thân từng giúp Má giặt giũ, nhóm lửa nấu cơm, thậm chí phụ làm cỏ vườn, tắm em... Mùa nước rong có khi tôi công mấy đứa em ra đến ngoài lộ đá cho chúng đi học.

Cửa sau cũng là nơi anh em tôi trốn đi chơi, tới khuya mới lên về, dùng thanh sắt dẹp mở cái móc nhỏ, rón rén chui vào mừng đã căng sẵn trên bộ ngựa gỗ.

Những khi Ba Má vắng nhà thì “nhà dưới- cửa sau” cũng là nơi tôi và các bạn trai gái hàng xóm tập các tuồng cải lương, tập đàn ca tài tử....đề rồi có đứa yêu nhau, giang hồ khắp các chiến trường, lại về nhà cưới cô hàng xóm “ hồi nhỏ thì gọi mảy tau, lớn nên chồng vợ chung nhau một giường”

Cửa sau nhà tôi hiện tại, người yêu trồng nhiều thứ hoa trái. “Tháng ba hoa cải trở vàng. Lòng tôi ngờ ngợ nhớ hàng rẫy xưa....” . Người yêu cũng mặc áo bà ba, đội nón lá, lom khom cắt tỉa, bông cải vàng cả ruộng sân...sao tôi không có cảm giác đang ở đâu đó nơi “nhà dưới- cửa sau” nhà mình ???

Phạm Tương Như

***Đừng cố gắng là thánh nhân, bằng không
tính thánh thiện của bạn sẽ không thực là
thánh thiện***

***– tự hào trong điều đó sẽ làm mọi sự thành
xấu đi. OSHO***

Đà Lạt miền xanh thương nhớ

Phạm Tương Như

Gió đàn nhánh lá hát vui
chim kêu gọi bạn chơi vui giọng buồn
nhớ em, Đà Lạt rung rung
thông ru nước nở, cây rừng mù sương
câu dây, thác nước gọi thương
chồng chảnh em té xuống đường thơ anh
biết rằng em ở miền xanh
lá cây màu áo biếc cành gió đưa
nụ hoa chen lá mới vừa
có con bướm đậu say sưa nhụy đài
tóc bay, nón lá lệch vai
ai nghiêng dáng liễu thêm dài ước mơ
trên ngàn nắng lụa giăng tơ
quanh co lối cỏ, đôi bờ cheo leo
dã quỳ vàng ối đỉnh đèo
bướm hoa hờ hững trôi theo tháng ngày
em còn đón ngọn heo may
anh còn góp nhặt tàn phai đáng chiều
có qua Thung Lũng Tình Yêu
giữ gìn anh đáng diễm kiều thướt tha
mùa này Đà Lạt nhiều hoa
biết bao nụ nhớ mặn mà môi em
gửi anh một chút khát thèm
câu thơ ý nhị, đính kèm vần... Y
Xuân Hương gợn sóng xuân thì
ai qua vấp bóng người đi chưa về
Thở than, Than Thở nhiều khi
Đôi thông hai mộ tiếc gì nợ duyên
lắng nghe gió hú sơn tuyền
tù và buồn thương vào huyền sử ca
thác ghềnh vọng lại âm ba
bước chân du tử mờ xa, tình gần
đất trời nắng gió băng khuâng
ta đây, em đó mấy tầng nhớ nhung??
bạt ngàn đỉnh gió rừng thông
nhịp tim tình tự mặn nồng miền xanh.



Mây Ngàn Xuân cao nguyên

Mai đào trước ngõ nắng lung linh
Những ngày binh lửa ở quê mình
Là trai thời loạn theo tiếng gọi
An gia Quốc thái xuân thanh bình.

Đất trời xa lạ núi rừng xanh
Xuân về hoa nở, Sóc đu cành
Bàng bạc mây trời chim én lượn
Ta buồn đứng ngắm mái nhà tranh.

Nhuộm đỏ bụi đường màu áo trận
Phố thị miền cao gió xôn xao
Rực rỡ cúc vàng khoe nắng mới
Hồn nhiên sơn nữ vẫy tay chào.



Nguyễn Phú Long
Cù Minh Khánh

Nguyễn-Phú-Long
ĐỘC ẨM

Vừa nghe vừa uống thấy chưa say
Thì cứ nhần nha lại rót đầy
Bạn hữu vắng rồi không kể lễ,
Tri âm đâu nữa khỏi cầm tay
Nâng ly nhắm nháp quên thời khắc
Độc sách ê a giết tháng ngày
Độc ẩm cảm hơi trên đất khách
Lúc điên, nốc cạn.. ái chà cay!

Cù Hòa Phong
Họa bài ĐỘC ẨM

Chuồn chén đường trần thể mới say
Trần ai cứ rót cứ đong đầy
Cho ta say khướt mờ thương tưởng
Giữa chốn khê khà đỡ bản tay
Thiên hạ không ngờ trên đất khách
Ta đây túy lỵ mãi muôn ngày
Còn người còn việc còn thủ đêm
Đốc cạn uống càn giảm đắng cay!



Hoàng T. Thanh Nga ***Mùa Xuân năm tuổi***

Gần tết. Bến xe bến tàu tưởng chừng sắp bung vỡ bởi lượng người ùn ùn kéo đến gấp bội ngày thường, tao tác gồng gánh như chạy loạn. Nhà nước xã hội chủ nghĩa thất bốp tối đa nhu cầu đời sống con người trên mọi lãnh vực, những thứ phải nhập mua bằng ngoại tệ như xăng dầu thì càng eo hẹp hơn, lại thêm xe cộ cũ kỹ thường phải đại tu, nên phương tiện giao thông đối với dân là cực kỳ khó khăn! Nhất là những ngày lễ tết. Không mua được vé xe, mẹ con chị Nụ chen lẫn chí chết lên tàu lửa.

Bỏ dần lại sau lưng thành phố đông đúc ồn ào nóng nực dù đang tiết cuối đông, tàu tiến dần đến địa phận tỉnh Long Khánh. Gió từ những cánh rừng cao su phả vào mặt lạnh lạnh, bớt hẳn cái nóng hầm trong đô thị đông dân, cái nóng khô khốc làm tăng thêm mệt nhọc vã người. Có rời xa thành phố mới cảm nhận được thời tiết bằng bạc từng mùa. Ngồi trên chuyến tàu chợ từ Sài Gòn ra Nha Trang, chị Nụ thong thả tận hưởng cái cảm giác sung sướng râm ran trong từng thớ thịt cơ thể khi lần đầu tiên đi tàu được...ngồi, là bởi chuyến này có thằng con rể đi cùng, sức thanh niên khỏe mạnh, nó trèo tót qua cửa sổ hông tàu nhảy lên giành chỗ cho hai mẹ con và xí chỗ nhét hàng hóa dưới gầm ghế, trên kệ sắt. Có chỗ ngồi trên tàu chợ thật ra cũng chẳng sung sướng là bao, sắp tới ga Long Khánh đây chị sẽ phải chật vật tránh né những bao than, những bó củi to, những lông heo, lông gà vịt giống, thôi thì trăm thứ bả rần của nơi này vận chuyển đến nơi khác, dân buôn lao qua cửa sổ tống lên tàu. Rồi tới ga Phan Rang Phan Rí thì được nước mắm, cá khô, cá nòi, gửi lại chút “hương thơm” vào người tanh tao xốt ngứa, nói chung là ga nào cũng có vài thứ “đặc sản” địa phương. Những con bão hàng hóa quăng lao lên tàu bất kể, nếu không tránh kịp trúng người gây va đập trầy xước thì chịu, chẳng có ai ở đây phân xử, từ sau ngày “giải phóng” luật rừng được áp dụng triệt để trong xã hội mới, học theo cách của bộ đội Trường

Sơn! Tuy vậy, sáu trăm cây số từ Sài Gòn ra Nha Trang có chỗ ngồi chỉ khổ khi tàu dừng ở mỗi ga, sau đó dù sao cũng sung sướng gấp ngàn lần phải đứng chen chúc như nệm, chỉ đặt được một chân trên sàn tàu, rồi khur khur ôm chặt túi tiền cùng giấy tờ. Mất tiền thì “ăn mày”, mất giấy “thông hành” tùy thân thì công an cho vào trại giam biệt tích. Và “khẩn trương” hơn, phải phòng thủ những nơi “trọng yếu” trên cơ thể kéo có kẻ lưu manh lợi dụng tình thế! Hàng hóa tấn vào nhà vệ sinh trên tàu rồi pho mặc còn hay mất cho...trời.

Chị Nụ quay ra cửa sổ lơ đãng nhìn những cánh rừng cao su xanh bạt ngàn, thỉnh thoảng ngắt quãng bởi rừng chuối cũng xanh ngút mắt, thoăn thoắt chạy ngược ra sau. Những cây mai rừng đã bị dân địa phương đào hẳn gốc về chăm sóc cho kịp nở hoa ngày tết, còn tro hốc đất. Xa xa một toán tù “cải tạo” vác cuốc xẽng lăm lăm đi đến điểm lao động, vài gã công an đeo súng theo kè kè. Những người tù giống hệt nhau trong bộ đồ đen mỏng manh bạc màu, gầy gò như nhánh cây khô di động trong cái lạnh se sắt cuối năm, lặng lẽ trước khái niệm thời gian. Họ là những người sĩ quan ưu tú trong QLVNCH trước đây giờ đang tập tành “học tập”, nhưng thực chất là chịu khổ sai trong các trại tù cộng sản. Tuy vậy nhưng họ còn chút niềm hy vọng vào ngày trở về. Chút hạnh phúc nhỏ nhoi lúc gặp vợ con, nhận ít lương thực nghèo nàn cứu đói vào mỗi kỳ thăm nuôi. Quan trọng hơn, họ vẫn hiện diện lầy lắt trên cõi đời này. Nhìn những người tù lặng lẽ dưới kia, chị Nụ nhớ đến chồng rồi cảm cảnh thân mình!... Một ngày cuối năm 1974, chị Nụ háo hức vui mừng biết tin xuân này chồng được về phép ăn tết cùng gia đình. Chị chuẩn bị rộn ràng đón cái tết đoàn tụ hiếm hoi ở thời tao loạn. Những ngày xuân qua nhanh trong huyệt hắc. Anh không về mà có tin báo về. Toán Biệt Kích đổ ra Bắc chẳng có anh cùng trở lại. Đến nay “giải phóng” hơn ba năm vẫn bật vô âm tín. Không biết anh đã đền nợ nước nơi bia rừng góc núi nào, hay cũng đang khổ sai trong tù cộng sản? Sống không thấy người chết không thấy xác! Nỗi đau mất mát của chị phương thuốc thời gian không thể chữa lành, bởi vết thương luôn được khuấy động nhói buốt bằng niềm hy vọng chứa chan, rồi lại thăng thốt trong nỗi tuyệt vọng tột cùng. Chị hằng ao ước cháy lòng được nhận tờ giấy phép thăm nuôi chồng tù như một phép lạ. Chị cảm thấy những bà vợ sĩ quan khác thật hạnh phúc, niềm hạnh phúc nhỏ bé pha trộn

đắng cay cùng gánh nhọc nhằn chất thêm lên vai người vợ, vậy nhưng chị mong mà không được!

Sau ngày mất nước, chị Nụ từ một người chỉ biết công việc nội trợ nuôi dạy con, nay phải lăn lóc ra đời kiếm sống. Thời buổi khó khăn không thuận lợi chút nào cho kẻ xưa nay chưa từng bôn ba tháo vát. May chị có con gái lớn cùng phụ giúp mẹ lo toan gia đình. Diễm đang dạy trong một trường tiểu học ở Sài Gòn, sau “giải phóng” bị điều đi vùng xa nhường chỗ “ngon” cho cán Bắc, nó không cam tâm, thế là ...mất dạy, ở nhà lấy chồng. Khổ thay, chồng cũng thất nghiệp! Vậy nên hai mẹ con đi buôn, thu vén chung một nhà. Đàn bà con gái trẻ đi buôn hàng chuyển luôn có lợi thể nhất định. Nếu chẳng may hàng bị tuồn xuống trạm, Diễm vào năn nỉ van xin, kèm theo nụ cười ánh mắt đung đưa hoặc rơi mấy giọt nước mắt “Điều Thuyền” với gã thuế vụ, thì nhiều cơ may “hàng lậu” được trả lại. Nhưng mấy tháng nay có bầu đứa con thứ hai bụng to nặng nề, Diễm ở nhà để chồng đi thay. Đi cùng con rề chị Nụ đỡ được phần nặng nhọc xách vác, chen lấn lên xe lên tàu. Và thanh niên đi buôn không bị thuế vụ xăm xoi nhiều như phụ nữ. Lợi này bù lợi kia!

Thường thì mẹ con chị đi xe đò, nhưng có những chuyến châu chực rỗng rã mấy ngày nơi bến xe không mua được vé thì phải dùng cách đi chuyển tàu chợ ra Nha Trang, rồi mua vé xe đi tiếp Buôn Mê Thuật, chẳng hạn như chuyến này. Những ngày cuối năm hành khách nhiều gấp bội. Ngoài những người tha phương về quê sớm để đỡ tiền vé xe vé tàu được dịp tăng gấp đôi ba lần một cách tàn nhẫn, dân buôn “tranh thủ” đi nhật chuyến hơn, bởi các “quan lớn” lần lượt về quê miền Bắc ăn tết một số nên thiếu hụt nhân sự, cũng bởi lòng người vui vẻ háo hức với không khí mùa xuân nên kiểm soát lợi lỏng dễ dãi hơn. Dân buôn đi nhiều góp nhặt lương thực từng chút một, mới mong gia đình có những ngày xuân no đầy mỹ mãn, là vì ký thịt ký mỡ, cặp bánh chưng bánh tét, hoặc cao sang hơn thì cây giò cây chả, mọi thứ trên cao nguyên đều rẻ hơn nhiều so với thành phố, nhưng không phải muốn đem về bao nhiêu cũng được, nên phải “tha” từng chút như kiến tha mồi về tổ. Xã hội chủ nghĩa chìm dân xuống đáy vực đói nghèo, chén cơm trắng có miếng thịt miếng cá là điều mơ ước xa xỉ. Miếng ngon hiếm hoi chỉ mong đợi vào ngày tết, nhưng cũng còn cầu may...

Cảnh đi buôn chuyến “hàng lậu” thật vất vả mạo hiểm, nhưng một vốn bốn năm lời. Từ ngày cộng sản vào đây dùng chính sách ngăn sông cấm chợ hầu thắt chặt bao tử dân để cai trị, mọi thứ sản phẩm thiết yếu trong đời sống con người đều là hàng lậu. Dân đi buôn phần đông là vợ “nguy” không tìm được việc làm khả dĩ sống được trong thành phố vì chủ nghĩa lý lịch, phải bôn ba nhọc nhằn nuôi con thơ chồng tù. Các bà đi thành từng nhóm vài ba người, trông coi giúp đỡ nhau trên chặng đường xa. Chuyến nào không có con gái hoặc con rể đi cùng, chị Nụ cũng nhập bọn với họ.

Sau mười mấy tiếng lừ đừ chậm chạp trôi qua từng cung đường, hết chờ tránh tàu đến chờ đổi đầu máy tàu khác, mất nhiều thời gian, cuối cùng khối sắt cũ kỹ rệu rã từ thời Pháp thuộc cũng bò đến bên. Đoàn tàu chạy chậm ở khúc quanh cách sân ga Nha Trang non cây số, mọi người xô nhau chen lấn ra chỗ nổi hai toa tàu nhảy xuống. Cảnh hỗn loạn lúc xuống cũng như lúc lên, người ta xô đẩy dẫm trán lên nhau không phân biệt đó là tay chân hay đầu cổ kẻ đồng hành. Súc vật lúc này được bảo vệ an toàn hơn người, bởi chúng là đồng vốn sinh tử của cả gia đình. Con rể dẫn dò, *mẹ cứ ở yên trên này rồi thấy hàng qua cửa sổ con đón bên dưới...* rồi nó chen ra ngoài... Chị Nụ cúi húi lúi những giỏ hàng dưới gầm ghế, trên kệ sắt, có đến mấy mươi cái vừa bao to lẫn giỏ nhỏ, chị quăng xuống rồi vội vã chen ra. Con rể chạy theo đoàn tàu lăn bánh chậm, vừa chạy vừa gào to cổ động... *mẹ nhảy xuống đi, đừng sợ, có con đỡ...* Tiếng bánh sắt nghiền trên đường ray nghe ròn rợn, chị Nụ bậm môi nhảy bừa. Cú nhảy liều “roi tự do” vào vòng tay con rể.

Sở dĩ có cảnh nhảy tàu hỗn loạn này vì dân buôn không muốn “hội ngộ” với mấy tay quản lý thị trường đón sẵn ở sân ga, hàng dù bị tịch thu hay đóng thuế cũng thê thảm như nhau!

Kêu xe lô chở về phòng trọ nơi khu vực bến xe. Thường khi chị với con gái thuê một phòng ngủ chung, kỳ này phải thuê cho con rể chiếc ghế bố nằm gian ngoài, tốn kém thêm!

Sau khi chất hết mọi thứ vào gian phòng nhỏ hẹp ẩm thấp, chỉ chừa chút lối đi từ cửa phòng lên giường, chị Nụ cùng thằng Hoan đi kiếm cái gì bỏ bụng. Chị định vào hàng quán cho lịch sự chút vì dù sao nó là đàn ông, ngồi lê la quang gánh vỉa hè nhếch nhác thấy cũng tội, nhưng nó gặt phát... *thôi ăn gánh cũng được cho đỡ tốn...* A...thằng này hiểu tính mẹ vợ vốn rất hà tiện. Kêu đĩa com, có ba lát thịt mỏng nằm vênh kiêu ngạo trên mấy cọng rau cải xào

khhiêm tốn, nó bỏ cả ba lát thịt sang đĩa chị. Ôi...thằng con rẻ yêu quý mẹ vợ quá! Chị lại sẻ cho nó vài con tép rang. Đĩa cơm tối nay ngon lạ! Ăn xong chị với nó đi dạo một vòng, gió biển cộng với tiết trời cuối đông thổi hơi lạnh buốt tê tái. Con rẻ nắm tay chị đến lúc gần về đến nhà trọ mới buông.

Chị Nụ ngả mình ra giường duỗi thẳng chân tay, giãn gân cốt. Đi đường dài cả ngày vất vả, tuy mọi việc nặng nhọc đã có con rẻ gánh vác, nhưng cũng rất mệt mỏi, vậy mà sao trăn trở mãi không ngủ được!? Chiếc giường ọp ẹp trải manh chiếu cũ còn “khuyến mãi” thêm vài con rệp cắn đốt ngứa ngáy, cái mùng rách lỗ chỗ buộc túm dây thun, nhưng là tiện nghi hiếm có. Những lần đi xe đò, xe ngủ đêm ở Ngã Ba Thành Nha Trang, người buồn lớn tiền nhiều vào thuê phòng trọ, thường thì mẹ con chị mỗi người chiếm một băng ghế ngủ lại trên xe, tận dụng phương tiện sẵn có, tuy đỡ tốn chút tiền nhưng cả đêm quạt phành phạch rụng tay đối phó với bày muỗi đói, cùng tiếng ồn ào bất tận của những gánh hàng rong chỉ tạm nghỉ vài tiếng đồng hồ giữa đêm, thì việc được ngủ trong phòng trọ là điều sung sướng cần phải tận hưởng.

Nằm nghĩ ngợi lan man, Nụ chợt buông tiếng thở dài! Đi buôn như chị thật vất vả, vậy nhưng chuyển được chuyển mất trắng tay, không an nhàn bảo đảm như những chuyến hàng của vài cô gái trẻ hơ hớ, nhân tình nhân ái với mấy tay tài xế lơ xe khách, không cần “nằm gai nếm mật” ở bến mua vé, tới “tài” ung dung lên ngồi ghế sau lưng tài xế, hàng hóa được giấu ở nơi bí mật trong thùng xe, thoảng hoặc bị moi ra thì “nhà xe” nhanh nhẹn dúi ít tiền cho thuê vụ là qua phà, hoặc đóng mồi lộ từng chuyến, khỏe ru!

Con gái thời buổi này không cần tiết hạnh, đánh đổi phẩm giá để được cái lợi đồng tiền. Nhưng các cô vợ trẻ sĩ quan “ngụy” thì khác, giữ tấm lòng trinh bạch với chồng, thà chịu dài nắng dầm mưa bôn ba nặng nhọc, chịu đựng may rủi chứ không bắt tay thỏa hiệp để làm chuyện cắn rút lương tâm, thấy cũng thật uổng phí xuân sắc. Nghĩ lại mình Nụ thâm nuôi tiếc, nếu còn son như mấy cô vợ trẻ đó chị sẽ chấp nhận phương thức đánh đổi này cho đỡ khổ, bởi cái mất là trừu tượng mơ hồ, cái được là thực tế. Nụ trong “điện” góa phụ...treo, biết có còn chồng hay không mà thủ tiết? Chị đã thử vài lần đong đưa với mấy gã tài xế xe khách lẫn xe hàng nhưng không “đính”, dù tài xế xe hàng thường đã trung niên hoặc già khù, đi xe hàng phải chi trạm nhiều hơn lại không thoải mái bằng xe khách, vậy mà mấy gã vẫn làm cao. Nói cho công

bằng, họ chê Nụ cũng phải. Ở vào cái tuổi ngoài bốn mươi còn háo hức xuân tình, nhưng với phụ nữ trong xã hội đói nghèo lại vất vả lam lũ nên thường héo già trước tuổi! Dung nhan Nụ đã đua kịp Thị Nở tranh giành giải nhất, gương mặt chỉ nổi bật những điểm...xấu, tóc thưa trán trợt, lông mi lông mày không còn để che bớt mí mắt bù lạch vén cao, phô trương nhiều tròng trắng, còn “điểm tuyết” dấu chân chim, thân người thấp bé, gầy gò lỏng không như cánh cò mắc mưa, thật chẳng có gì hấp dẫn! Chả trách không thể dựng kế...”mỹ nhân”.

Đang miên man suy nghĩ bỗng Nụ nghe tiếng gõ cửa nhẹ, rồi tiếng con rẻ thì thào...*mẹ ...Nụ ơi ...chị mở cửa, bóng người lách nhanh vào, nó ngồi xuống giường xuýt xoa...ngoài kia lạnh quá, lại nhiều muỗi nữa, mẹ cho ...ngủ trong này với...* Chả là thuê ghé bố thì không có mừng, cánh cửa gian ngoài khép hờ, gió biển phàn phật mang giá lạnh ngoài trời vào, thấy cũng tội! Chủ nhà khép hờ cửa là để dân buôn dậy sớm ra xếp hàng mua vé xe, rong ruổi tiếp dặm đường xa.

Nụ nằm sát trong quay mặt vào tường, thao thức. Cách một gang tay con rẻ nằm đó, hơi thở nóng ẩm phả mạn sau gáy, lan nhẹ xuống lưng, len lỏi vào lòng. Thằng Hoan ít hơn chị mười lăm tuổi, cái tuổi ngoài ba mươi rần ròi trắng kiện, cuộc sống bất đắc chí khiến nó nhìn già trước tuổi. Chiều nay nhảy tàu rơi vào lòng nó, rồi buổi tối tay trong tay... Chị bỗng nghe rung rung một cảm giác nồng nàn ấm áp. Cái cảm giác ngậy ngật băng khuâng này còn đọng trong lòng, như dây đàn rung mãi chưa hết chuỗi âm vang dai dẳng.

Nụ lặng chìm trong vũng bênh bồng phiêu hốt của bối cảnh oái oăm, nằm im cứng đờ. Chợt bàn tay Hoan đặt lên vai chị dò dẫm, vuốt ve, không thấy động tĩnh gì nó bèn mạnh dạn vòng tay ôm choàng qua bụng. Chị Nụ sững sờ tê điếng không có chút phản ứng, như bị điểm trúng trọng huyệt! Kéo chị quay mặt lại, vành môi Hoan nóng bỏng lướt qua mặt, đậu trên môi, lan man khắp nơi trên cơ thể... Rồi cả thể hình cường tráng con rẻ phủ chụp lên tấm thân mẹ vợ đang run rẩy kích động tột độ. Bờ môi ngút ngát đam mê, hơi thở đàn ông nồng nàn cùng với bản năng động vật lâu lắm rồi chị mới chạm lại, khiến dục tính bùng lên không chế tinh thần cùng thể xác. Chị tê liệt mọi phản kháng, cho dù phản kháng lấy lệ. Nụ chấp chới thăng thốt như người bị bỏ đói lâu ngày bất ngờ

được mời bữa ăn ngon, khiến quai hàm tê cứng, vị giác rối loạn, thần trí mê man!...

Đèo Phượng Hoàng trên đường từ Nha Trang lên xứ “buồn muôn thuở” có tiếng quanh co khúc khuỷu, hiểm trở vô cùng. Những chuyến xe nhiều lần cho hành khách cái cảm giác như người leo núi mệt hết hơi có thể buông xuôi cho rơi xuống vực thẳm bất cứ lúc nào. Hôm nay xe Nụ đi vẫn là chiếc xe cũ kỹ già nua, công trên lưng khối lượng quá tải, ọc ạch khật khừ như người sắp đứt hơi, rồi cũng vượt qua mấy mươi cây số đường đèo hiểm trở tiến dần vào địa phận Buôn Mê. Những cánh đồn điền Café đã qua mùa thu hoạch chỉ còn trơ cành lá, không còn hương thơm bao phủ không gian đến mê hoặc bởi bạt ngàn rừng hoa trắng, hay chuối quả chín đỏ nặng trĩu oằn cành mùa bội thu. Cây Café không có hoa trái trang điểm nhìn đơn điệu trầm lắng, như người đứng chờ vợ giữa khoảng trời trống trải hoài niệm thời gian!

Chị Nụ mỗi tề người vì ngồi cứng đờ không động đậy, quay cổ nhìn ra ngoài. Mọi khi cứ lên xe thì chị ngủ gà ngủ gật cho quên chặng đường xa và để tích trữ sức lực còn xách vác bao to túi nhỏ hàng hóa nặng nề. Mấy chuyến trước chị vẫn vô tư dựa đầu vào vai con rể ngủ, nhưng hôm nay thì khác... Cái cảm giác ngượng ngùng xấu hổ đến vằng vát khiến chị đờ như tượng gỗ. Và đến giờ này chị vẫn hoang mang ngỡ ngàng. Chuyện xảy ra đêm qua là mơ hay thực? Một giấc mơ thăng thốt huyền hoặc! Một sự thực phóng dăng loạn luân!

Bàn tay Hoan tìm tay chị, Nụ định rút về nhưng không kịp, Hoan nắm chặt quá. Nó ghé tai chị thì thầm,...*mẹ... Nụ đừng ngại, Hoan...thương mà, chuyến này về mình đi đường Bù Đăng Bù Đóp nghe, không gặp ai quen mặt khỏi mất tự nhiên...*

Bù Đăng là đường đất đỏ cách Sài Gòn hơn ba trăm cây số, đi giữa bạt ngàn rừng núi, khoảng cách chỉ bằng non nửa đường trường bên ngoài nhưng thời gian đi lâu hơn, nguy hiểm hơn, bởi đường xấu và thường bị cướp. Cướp là người dân tộc thiểu số quá đói khổ, bất mãn chế độ kéo nhau vào rừng làm Fulro. Nói cho công tâm, ban đầu họ định tập trung trong rừng để xây dựng lực lượng nhằm lật đổ chính quyền cộng sản, có cả những người lính VNCH còn nung nấu trong lòng ý tưởng phục quốc gia nhập. Thời gian sau bị bộ đội công an truy quét gắt gao bắt gần hết, chỉ còn một số ít người thiểu số trốn được vì quen đường rừng, lý tưởng ban đầu mất dần, cái đói khiến họ trở thành thổ phỉ. Chị Nụ biết dụng ý

Hoan. Đi đường Bù Đăng xe khách hiem hơi vài ngày mới có một chuyến, tránh được những con mắt bạn hàng quen soi mói, bởi tuyến đường này toàn dân địa phương vùng kinh tế mới đi chợ Buôn Mê mua vật dụng và thực phẩm thiết yếu, hai người họ không phải cần trọng cử chỉ lời nói. Và quan trọng hơn, còn có nhiều thời gian để ở...phòng trọ. Nỗi khao khát đam mê của họ bùng lên như đám cháy rừng trong cơn nắng hạn lại gặp gió to, khó lòng chế ngự. Chị Nụ thấy đề nghị của Hoan cũng hợp lý, là vì mấy chuyến gần đây có vài người quen nhìn chị bằng ánh mắt là lạ, dù lúc đó giữa chị và Hoan chưa xảy ra chuyện gì. Bây giờ thì khác, chị đã “có tật giật mình” khi cảm thấy ánh mắt họ hình như soi thấu hết sự việc. Phụ nữ vốn nhạy cảm!

Những chuyến hàng cuối năm liên tiếp thắng lợi đến tận ba mươi tết mới dừng. Năm nay nhà chị Nụ ăn tết to nhất kể từ ba năm sau ngày “giải phóng”. Ngoài Café nông sản bán bỏ tiền vô âm túi vững dạ, còn lại thực phẩm ăn tết coi như lời thêm. Nồi thịt kho tàu kho sẵn đem từ BMT về, miếng thịt xắt to thấm nước dừa ánh lên màu nâu óng mượt rượi, chỉ cần luộc thêm trứng vịt bỏ vào là xong. Nồi chân giò hầm béo ngậy dòn ngọt vị măng khô. Mấy cây giò thủ dòn sứt. Giò lụa mềm mượt như da con gái. Mấy cặp bánh chưng to mua của nhà bà Quán được tiếng gói bánh ngon rền. Lòng gà mái tơ thịt săn chắc nấu miến ngon tuyệt, ngon đặc biệt với chùm trứng non vàng óng. Rồi bao nhiêu là rau quả, từ xu hào bắp cải cho đến xả lách rau thơm, chuối mít xếp đầy một góc bếp. Ở nhà Diễm làm sẵn mấy keo củ kiệu, dưa món, vại củ hành, vại dưa chua. Rau quả thịt thả chị đã biếu bà thông gia, nội ngoại hai bên mỗi người một ít, thế mà gia đình chị vẫn no đầy phủ phê ba ngày tết với nhiều họ hàng khách khứa viếng thăm.

Những ngày xuân đầm ấm trôi qua. Cây mai già trước sân rụng đầy hoa vàng quanh gốc. Mừng bốn tết chị lại chuẩn bị đi, lấy cơ những ngày này thuế vụ còn khoan hòa dễ dãi với dân buôn, bởi không khí ngày xuân khiến lòng người vui vẻ, và lại nhân lực trạm thiếu vì các “quan” ăn tết chưa trở lại. Diễm ái ngại:

- Mẹ ở nhà nghỉ ngơi thêm vài bữa, tết nhất đi đâu mà vội?

Chị chất lưỡi:

- Thời buổi khó khăn, bởi còn tết nên mới phải “tranh thủ”, với lại có vài chuyến nữa về còn lo con sinh nở, lúc ấy thiếu gì thời gian mà nghỉ?

Thật ra chị Nụ không muốn ở nhà lâu chạm mặt con gái, sự hổ thẹn như ngàn chiếc gai nhọn đâm vào tim nhói buốt. Tự đáy sâu tâm khảm chị biết những việc mình làm theo bản năng thấp hèn là điều vô cùng xấu xa, nhưng giờ đây chị như chiếc lá giữa giòng mặc tình nước cuốn. Như người xây chân, chơi với giữa vực thẳm không có gì bám víu!...

Đạo này chị thường nghe những lời nói bóng gió xa xôi của người quen vẫn gặp trên chặng đường buôn bán, cho thấy họ đã đoán biết chuyện xảy ra giữa mẹ vợ và con rể. Giấy sao gói được lửa? Chuyện này tới tai Diễm làm sao chị nhìn mặt con, rồi lại còn mấy đứa em nó nữa!? Chưa kể thông gia họ hàng. Xấu hổ vô cùng. Có đôi lúc tình mẹ trời dậy trong lòng khiến chị ray rứt khôn nguôi. Cũng có khi Nụ cố tìm lý lẽ nào đó khả dĩ bình vực cho mình, moi óc nghĩ xưa nay đã bao giờ Diễm từng hư hỏng, hỗn láo, khó dạy, để tìm cái cớ ghét bỏ con cho lòng dễ chịu, nhưng không được. Chị cũng biết xót xa con gái lắm, nếu tình địch của con là ai khác có lẽ chị đã nhảy dựng lên xé to xé nhỏ “con quỉ cái” đó ra trăm mảnh mới hả dạ... Một đôi lần chị đã thử đề nghị chấm dứt chuyện loạn luân vô sỉ này với Hoan nhưng không thành, do cả hai phía. Dục tình như ma túy vướng vào khó dứt, nhất là với người phụ nữ hẩm hiu thiếu vắng đàn ông như chị, điều đó dễ hiểu... Nhưng còn với Hoan thì sao? Bề ngoài chị không bắt mắt, bề trong thì “núi đồi phong cảnh” chẳng còn gì hấp dẫn của người phụ nữ năm con. Vậy mà nó vẫn chưa buông có lẽ do cảnh lứa rơm kề cận, con ma dục vọng có cơ hội hoành hành phát tác!

Trên dặm hành trình, những cội mai già vẫn còn chi chít hoa vàng ngát một góc núi đồi bên rừng, chen lẫn giữa nhiều loài hoa dại thắm nồng hương sắc. Trên nhánh cao cây cổ thụ, giò phong lan kiêu sa đón gió. Chùm nắng quái cuối ngày xuyên qua tán lá chập chờn nhảy múa, treu gheo riều cợt một tâm hồn nặng trĩu nỗi ân hận cắn xé từng giây.

Chuyện gì rồi cũng đến đoạn kết! Lúc này chị Nụ cảm nhận được sự lạnh nhạt hờ hững của con rể, mặn nồng cuồng nhiệt lúc trước không còn, nó có vẻ muốn tránh né... Chị đau khổ nhận ra mình là gói mì đỡ dạ khi thiếu bữa. Và mì gói đã đến lúc...ngán quá!

Chị nghe lòng dâng tràn niềm đắng cay buồn tủi... Nhưng lại mừng! Nếu không vậy sao chị có thể quyết tâm thoát ra khỏi vũng lầy tội lỗi. Đáng lẽ chị phải biết giữ gìn nhân cách, cự tuyệt điều

hồ thẹn này ngay từ đầu cho xứng danh người làm mẹ. Chị thật chẳng hiểu mình tại sao như vậy! Hay là, năm nay đúng năm tuổi nên bị xui khiến? Chị lại cảm tình con dê, chửi trách “sư phụ” vùng lên tác quái! Nhưng thôi, có cơ hội quay đầu lại khi mọi chuyện chưa vỡ lở cũng là phước đức! Còn có thể nhìn mặt đám con và người đời, không còn nổi khắc khoải từng ngày lo chuyện đồ bể. Về chuyện này chị Nụ sẽ nói con rể ở nhà chờ vợ sinh nở rồi kiếm việc làm tại chỗ.

Một mùa xuân mới vừa sang, vạn vật hồi sinh sức sống. Mùa xuân rực rỡ nắng vàng đầy lùi những ngày đông buồn ảm đạm lê thê. Chị nhủ lòng, hãy để bóng ma nhớ nhuốc lạng chìm vào quá khứ, dù suốt đời chị không quên được một mùa xuân năm tuổi vô cùng nghiệt ngã.

Hoàng T Thanh Nga

NOV 2014





Cái Trọng Ty Yên hà mấy thuở

thiên phương lạc nhánh yên hà
hạ pha sắc tím ác là véo von
cỏ non xanh ngọc lối mòn
quỳnh thư thuở ấy hồng đôn ngọt môi
rứa là em lãnh cung rồi
du dương sâu động xuân phôi sắc hường
trường giang gợn sóng hoài hương
em dung nhan đốt thiên đường lối quen
nòi tình ngùn ngụt lửa ghen
thắm thâm nhan sắc đòi phen đắm tình
mộng chàng tàn rũ chiến chinh
thế cùng lực kiệt chông chênh số phận
đoá vô ưu đọa thúc cần
miếu đèn lẩn lộn kỳ lân rồi bởi
mơ hồ tiếng giọt nắng rơi
vỡ oà nước biếc ngời ngời dáng sen
xưa phần hương dầu phận hèn
cuộc đời kiến ngộ phụ phen lăm lờ
tôi nợ em buổi tàn rơi
nợ riêng mộng mảnh cuộn đời sang sông
xoá bồi náu giữ đèo bông
lêu bêu thế cuộc đối lòng phụ nhau
em một ngày mãi nghìn sau
bốn phương khảnh tận âu sầu ái ân



Trần Văn Lệ **Uống rượu làm thơ**

Rượu ngon không uống ào ào, ngâm một ngụm nhỏ, hít vào, thở ra. Cũng là Lục Bát, đó, ta! Cũng là Thơ, Phú, ngâm nga sớm chiều!

Tôi và người bạn mến yêu, khui chai rượu nằng hiu hiu rọi vàng. Giả vờ có lúc cũng sang, quên đi đất nước ngồn ngộn chuyện buồn...

Tôi và bạn ngồi uống suông, không mỗi nhấm nháp thấy hơn có mỗi. Ngó mùa Xuân lá xanh tươi, cười khan: Mới Đó Mà Trời Đổi Thay!

...huống gì lòng chúng ta đây, còn đâu nữa nhi những ngày thanh niên! Rồi cầm chai rượu, nghiêng, nghiêng, rượu đo từng giọt và tiền gió bay...

Nghĩ thơ Lục Bát thật hay, từng đôi sáu tám nối dài thiên thu! Mới vô...như nói khai từ, lâu thêm một chút bây giờ đã khuya!

Cờ bay trên phố đêm về. Màu trắng năm mới náo nê phố đêm. Xe vài ba chiếc chạy êm, người vài ba bóng thênh thênh bước thắm...

Rượu ngon cạn hết đầu năm, tay hai đĩa năm nhẹ nhàng, rồi xa. Đường muôn ngã, một ngã ba, còn chi bịn rịn hơi ta hơi mình!



Lam Hà *Chuyện bốn mươi năm trước*

Ngày 29/4/75, Tuần Dương Hạm Hải Quân 5 của tôi đang ở ngoài khơi tỉnh Bình Tuy yểm trợ hải pháo vùng giao tranh, bỗng được lệnh khẩn cấp quay về Vũng Tàu. Về đến mới thấy hầu như tất cả chiến hạm đang hoạt động ngoài khơi ùn kéo về neo đậu nơi đây để giúp dân di tản.

Cảnh rừng người ôm gói bông bẻ, tan tác hoảng loạn, chen lấn lên tàu hôm ấy hết như ngày tận thế đuổi tới phía sau. Quân Bắc Việt đã vào đến Long Khánh... Xe tăng trọng pháo nuốt nghiêng từng tác đất miền Nam. Những thứ theo sau lá cờ đỏ là nỗi khiếp sợ vô cùng của dân. Dân chạy cộng sản. Lần này là chạy ra khỏi đất nước, không như năm 1954 chạy vào phương Nam vẫn còn là quê hương. Dân di cư miền Bắc gọi 21 tháng 7 năm 1954 là ngày Quốc Hận. Hôm nay, cột mốc thời gian sau 21 năm chia cắt ghi dấu một ngày tang thương bao trùm toàn cõi Việt Nam. Và đất nước nhỏ bé gian truân có đến hai ngày Quốc Hận trong lịch sử!

Lúc nguy khốn này tình người, tình quân dân thể hiện rõ nhất. Mọi người trong thủy thủ đoàn tận lực giúp đỡ nâng kéo dân chạy giặc trong bờ túa lên tàu, từ những chiếc ghe nhỏ dập dềnh như lá thu rụng ngập tràn mặt nước. Tiếng người ới ới gọi nhau, pha trộn tiếng trẻ con la khóc, náo động vang rền một góc sông. Mọi người hồi hả lo lắng sợ không đến phần mình được lên. Khi sàn tàu không còn chỗ chen chân với mấy ngàn người, bên dưới nhiều chiếc ghe trống trơn, nhẹ tênh chao đảo, nhưng vẫn còn ghe có một số người chưa lên được. Nhìn xuống, mắt tôi chột chịch vào ánh mắt van nài cuống quýt của một người đàn ông, trên cánh tay trái anh ta ôm đứa bé chừng 2 tuổi, cái cùi tay phải còn tới chỗ khua khua vội vã khăn khăn. Tôi trèo thang dây xuống định kéo cha con anh lên, anh ta dúi vào tay tôi đứa bé, nói nhanh...*anh làm ơn cho tôi gởi thằng con, tôi phải quay về...*Tôi lên tàu giao lại đứa nhỏ cho thằng lính rồi tuột xuống.

Tâm trạng phân vân **Đi** hay **Ở** giằng co khốc liệt trong tôi suốt ngày hôm nay. Tôi đang được đứng an toàn trên con tàu sẽ đi

khỏi nơi đây, trong khi biết bao người dưới kia khao khát cuồng điên đến lượt mình được nắm lấy sợi thang leo lên, có thể rơi xuống nước mất mạng bởi tranh giành chen lấn! Chẳng lẽ tôi khước từ cơ hội ưu tiên quý giá này? Nhưng bỗng tôi quyết định mau lẹ dứt khoát trong một giây, ngay vào thời điểm tàu nhổ neo. Bởi người đàn ông gọi con. Anh ta biết việc ra đi là điều sống còn bức thiết, nhưng đành gởi đứa con nhỏ vô thức của mình cho người xa lạ, vĩnh viễn không hy vọng có ngày gặp lại. Anh cam tâm quay về có lẽ vì anh còn nặng trách nhiệm với cha yếu mẹ già không thể cùng mang theo? Tôi cũng vậy, tôi còn người mẹ già, một mẹ một con sống đơn chiếc từ ngày di cư vào Nam. Tôi còn người vợ trẻ, năng cũng chỉ có mẹ con tôi là người thân duy nhất, lại đang mang thai đứa con đầu lòng sắp sinh, có thể năng đã sinh rồi nhưng vì thời cuộc rối ren tôi không nhận được tin! Tôi đứng dưới ghe vẫy chào tiễn biệt bạn bè, mặc những tiếng réo gọi khẩn thiết...

Về đến Sài Gòn. Nghe trên đài phát thanh đọc lệnh đầu hàng của ông tổng thống một ngày Dương V Minh, lòng người lính thất trận quặn đau như người hấp hối trên giường mơ hồ nghe âm vang hồi chuông báo tử. Hai giọt nước mắt chột lẩn trên khuôn mặt phong trần lính tráng, mặt đấng. Sài Gòn đổi chủ, không thể diễn tả được cảnh tượng lúc này. Đường phố tràn ngập bộ đội việt cộng bùng beo vàng vọt. Chân dép vỏ xe. Đầu nón cối sồn mục. Thân ốm o tiêu tụy trong bộ đồ nhàu nát, hờn hờ tự mãn “như có bác Hồ trong ngày vui đại thắng”. Sự hiện diện của họ làm mất hết vẻ cao sang thanh tú của Sài Gòn Hòn ngọc Viễn Đông. Bọn họ huênh hoang kiêu ngạo nhưng chới vờng ngỡ ngàng trước vẻ giàu sang tráng lệ của đô thị miền Nam. Và có lẽ đang tự hỏi ngàn câu không thể trả lời...

Buồn thay! Dân chúng nhiều người không hiểu đại họa vừa đến, tò mò ra đường đứng nhìn, thậm chí reo hò cổ vũ vì thấy...lạ, vui (?). Họ không hiểu ý nghĩa “giải phóng” ... Là dân sẽ “được” giải phóng no ấm tự do, giải phóng an bình thịnh vượng, giải phóng quyền làm người!...Tiếc thay máu xương bao người trai hùng đã nằm xuống hoặc để lại một phần thân thể trên chiến trường bảo vệ đất nước tự do!

Tôi về đến nhà đúng lúc mẹ đang cuống quýt lo lắng, vợ tôi trở dạ lâm bồn. Vào lúc thời cuộc rối loạn nhiễu nhiễu, ra đường sợ tên bay đạn lạc, vả lại tất cả công sở lẫn bệnh viện hoặc nhà họ

sinh đều “vườn không nhà trống”, lúc hỗn quân hỗn quan mỗi người lo lắng số phận riêng mình không ai đến nơi làm việc. May!...Mẹ tôi xưa là y tá bệnh viện, tuy không thông thạo hộ sinh nhưng lúc này bà phải bình tĩnh đỡ đẻ cho con đầu. Ôn Trời! Ca hộ sinh bất đắc dĩ diễn ra suông sẻ, mẹ tròn con vuông!

Con trai tôi sinh ra giữa ngày 30/4/75, ngày đau thương uất hận phủ trùm toàn cõi Việt Nam! Tôi đặt tên con là...Quốc Hận. Lưu Quốc Hận.

Cái giá phải trả cho quyết định ở lại là những năm lao tù khổ sai, di chuyển nhiều trại cuối cùng “định cư” lâu dài ở trại Ba Sao Phú Lý, là quê mẹ tôi lúc chưa di cư vào Nam. Tôi không có chút cảm xúc nào với “quê” của mình, chỉ thấy vừa e ngại vừa xót xa những người dân lam lũ chân đất, họ quá cùng khổ so với định nghĩa con người, nhưng lại mê muội tự hào về chiến thắng chống Mỹ và quá khịch với “tù ngục”...

Trong tù, hàng ngày phải “lao động” rã rời thân xác, phải “học tập” chính trị đầu đầu, chịu đựng đến buốt nhói tâm hồn bởi lời miệt thị sỉ nhục của những tên gác tù. Một nhòai là vậy nhưng nhiều đêm tôi không thể ngủ vì cơn đói bạo liệt hành hạ, chong mắt nhìn trừng vào bóng đêm ngẫm nghĩ, mình đúng hay sai khi quyết định ở lại??? Ở lại, tôi chẳng chăm lo nuôi nấng được mẹ và vợ con, trái lại để mẹ đau buồn lo lắng khóc ngày khóc đêm đến lòa đôi mắt. Đề gánh nặng đè oằn vai còm cõi vợ mỗi đợt thăm nuôi, nhưng chưa biết tôi có thể giữ được cái mạng mỏng nằng chắt chiu nhọc nhằn tiếp sức cho đến ngày “đoàn tụ” hay không? Bởi một lần kiệt lý sắp ra hồ và một lần cùm biệt giam. Còn nằng, khuôn mặt bầu bĩnh tròn đầy ngày trước nay võ vàng sâu trôm, đôi lúm đồng tiền xinh giờ hóa thành đôi dấu ngoặc đơn ngậm ngùi. Và thật nhứt nhối lòng mỗi khi nghe nằng than thở...*vì cái tên con trong khai sanh, em phải chạy chọt van nài mãi mới xin cho con được đi học vào lớp mẫu giáo. Lão hiệu trưởng cán Bắc chỉ chiết, 30/4 là ngày đại thắng của toàn dân, vui mừng không hết, sao nhà chị này lại đặt tên con phản động thế?...*

Người em duy nhất của mẹ, năm 1954 còn kẹt lại miền Bắc giờ là cán bộ nhà nước, cậu vào trại tù thăm tôi một lần chỉ để đay nghiến...*Anh ngu bỏ mẹ, lính thủy ở trên tàu mà không đi luôn còn lộn xuống làm gì?...*

Mỗi năm cứ tới ngày 30 tháng tư đen trại giam tra tấn tù bằng cái gọi là kỷ niệm ngày thống nhất đất nước, ngày giải phóng

hoàn toàn miền Nam. Những giờ “học tập” chính trị tăng cường để ráo riết “cải tạo tư tưởng” tù binh và rầm rộ tuyên dương chiến thắng ...Họ chà xát ngoáy sâu vào vết thương còn đang tươm máu trong lòng người lính Quốc Gia bị bức tử!...

Nếu ngày ấy ra đi, bản thân tôi không phải hứng chịu đòn thù. Mà giờ đây còn có thể tiếp giúp tiền bạc để mẹ và vợ con được no ấm...

Nhưng ở lại tôi mới thấy nhiều mặt cuộc đời! Mới hiểu rõ hơn nỗi gian truân cơ cực và sự chung thủy của vợ, của người phụ nữ Việt Nam. Ở lại mới nếm mùi “thiên đàng xhen” để chia xẻ cảm giác thống khổ tận cùng của dân Việt thời cộng sản. Ở lại, tôi là một trong những chứng nhân về sự dã man tàn ác của kẻ thắng trong cuộc nội chiến tương tàn. Ở lại tôi mới hiểu thêm tình nghĩa huynh đệ chi binh trong cơn hoạn nạn, chia xẻ với nhau mầu đường nắm muối tiếp chút sự sống, giúp nhau lúc bệnh hoạn kiệt quệ, dù người “khỏe” cũng chẳng hơn gì người bệnh. Và ở lại, tôi mới chứng kiến nhiều người sĩ quan ưu tú xưa kia nay để mất sĩ khí, cam tâm làm “ăng ten” cho cai ngục hãm hại anh em, hưởng chút “ưu tiên” thăm nuôi, mơ tưởng lời hứa cuối sớm về “đoàn tụ”!...Tất cả bản chất xấu tốt của con người bộc lộ hết trong hoàn cảnh khốc liệt này.

Sau tám năm đi “học tập” trở về mẹ tôi đã ra người thiên cổ khi tuổi đời chưa quá sáu mươi. Thiếu thốn cơm ăn thuốc uống dần đến suy nhược thể xác, mẹ tôi như ngọn đèn cạn dầu lụi tắt, nhưng nguyên cơ sâu xa chính là suy sụp tinh thần bởi trông chờ lo lắng thằng con!

Ngày về, tứ cố vô thân kèm cái án “ngụy”, tôi lẫn lóc chợ trời mưu sinh. Còn đâu một thuở oai vệ phong độ trong bộ Worsted trường Võ Bị Quốc Gia, rồi bộ binh phục trắng tinh lính thủy, “lính” phó hạm. Cuộc đời thay đổi bề phũ phàng! Giờ đây với bộ kaki sờn rách, tôi đánh vật cùng bao hàng mỗi sớm mỗi chiều trên chiếc xe đạp cà tàng, vất vả với những thứ thượng vàng hạ cám. Nào là đinh ốc, cờ lê, búa long, con tán, cái muỗng, cái ca, cái “cặp lồng” inox sáng choang hoặc màu xanh tối mang nhãn USA, những thứ xưa kia rất đổi tầm thường với dân miền Nam, bây giờ quý giá sang trọng với dân miền Bắc vì cái mác USA. Thì ra Mỹ Ngụy “xấu” nhưng đồ dùng của họ thì tốt. Dân Nam bị “giải phóng” bóc hết của cải, nghèo túng bán ra mọi thứ để dân Bắc háo hức mua ...

Một buổi trưa tháng sáu, bầu trời giăng mắc những đụn mây xám nặng nề, báo hiệu cơn mưa giao mùa. Vắng khách nhưng tôi cố ngồi nán thêm, lấy miếng nhựa che đậy “gian hàng” rồi dựa gốc cây lim dim suy nghĩ. Bất giác buông tiếng thở dài ngao ngán, không biết cuộc đời rồi sẽ ra sao? Chẳng lẽ tôi phải gắn bó với “sự nghiệp” chợ trời đến chết không có ngày thay đổi, bởi cái “mác” nguy keo sơn dính chặt vào lý lịch như tảng đá kéo chìm một phận người xuống đáy sông. Và tư tưởng ý chí đè sâu chôn chặt đáy lòng không dám “thờ” trong cái xã hội đảo lộn lý lẽ. Tài năng kiến thức bao năm trường học, trường Võ Bị và một kiếp làm người bị mai một thật uổng phí!...

Đang nghĩ ngợi vẩn vơ chợt tôi nghe tiếng rào rào của bánh xe sắt nghiền trên lề đường về phía mình. Một đôi vợ chồng tàn tật bán vé số. Chị vợ cụt hai chân đến gối “ngự” trên mảnh ván gắn bốn bánh xe, miếng đế vỏ xe cột vào hai tay như... đôi giày, đẩy xuống đất di chuyển. Anh chồng trong bộ đồ rằn ri TQLC cũ kỹ bạc màu, một bên ống tay áo phát phơ dưới chỗ, thỉnh thoảng dùng chân đẩy nhẹ xe giúp vợ, tiến về gốc cây ngồi nghỉ dưới bóng mát. Tôi chợt ngỡ ngợ, khuôn mặt khắc khổ người đàn ông này tôi đã gặp ở đâu? Ở đâu nhi???... Dấu hằn thời gian che mờ nét cũ.

Anh ta nhìn tôi, một thoáng lúng kượng, quay đi rồi quay lại len lén liếc, như kẻ gian. Tôi cũng vậy, lén lút nhìn anh ta cũng như... kẻ gian, cố phui bụi thời gian trong đầu tìm kiếm một dấu vết liên hệ. May thay!... Nào trạng còn tốt. Tôi nhớ rồi, cánh tay cụt. Anh ta chính là người đàn ông năm nào giao đứa nhỏ cho tôi mang lên tàu bơ vợ một mình ...

Có lẽ anh cũng ngỡ ngợ tôi nên nở nụ cười méo trên cái miệng móm. Mười mấy năm rồi còn gì, ngày xưa còn trẻ mà nhìn anh đã già khắc khổ huống chi bây giờ, sau thời gian dài ném đủ mùi “thiên đường xã hội chủ nghĩa” thì công tử Bạc Liêu cũng phải xuống sắc nói gì đám tội dân chúng tôi. Anh ngồi xuống, e dè gọi chuyện:

- Anh cho hỏi thăm, có phải hồi trước anh là lính thủy?

Tôi vỗ vai người đàn ông thân mật và hỏi một câu để xác định nghi vấn:

- Phải, còn anh có phải là người nhờ tôi đem đứa bé lên tàu?

Lời nói của tôi như đem lại cho cái thân thể quắt queo tiều tụy kia một luồng sinh khí, mắt anh ngồi lên với tất cả tinh anh còn sót, có

lễ nhìn thấy tôi anh như nhìn lại được đứa con bé nhỏ ngày xưa vẫn luôn khắc khoải trong tâm tưởng, anh vỗ lấy tôi như vỗ được ông Bụt, miệng lắp bắp mà trong khóe mắt ứa ra hai giọt nước:

- Đúng rồi. Đúng là tôi nhờ anh giúp đưa thằng cu Tốt lên tàu... Cảm ơn Trời Phật cho tôi gặp anh. Bây giờ con tôi nó ra sao rồi? Tôi gọi nó đi mà lòng bứt rứt không yên, lo lắng mãi, biết nó có được sống tốt hơn không hay bị sao rồi!?

Câu hỏi của người đàn ông khốn khổ này tôi chẳng thể trả lời. Chị vợ cũng rướn người nhìn chòng chọc vào mặt tôi, căng thẳng chờ đợi. Tôi thật ái ngại, cảm giác như người có tội khi tắc trách một nhiệm vụ được tin cậy giao phó!... Tôi ở lại, rồi từ bấy đến nay không hề có tin tức gì từ bạn bè, kể cả thằng Vinh, người tôi trao đứa bé, nên số phận lưu lạc của nó tôi không biết gì hơn anh. Nhìn nét tuyệt vọng trên khuôn mặt hai vợ chồng người tàn tật quá đau lòng. Tôi an ủi họ mà lòng buồn se sắt:

- Còn sống là còn hy vọng anh à. May chúng ta gặp lại nhau, để tôi cố dò tìm tin tức cháu rồi báo cho anh chị...

Tôi hứa liệu để trấn an họ chứ tôi biết tìm đứa bé bằng cách nào!?

Cuộc đời nhiều khi ta phải tin ở nhân duyên. Như nhân duyên gặp gỡ giữa tôi và vợ chồng người thương binh ấy. Anh Tín bị thương cụt tay trong đợt tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị năm 1972 của một đơn vị Thủy Quân Lục Chiến. Thương tích chưa lành còn nằm trong Quân Y Viện Cộng Hòa, thì được tin ở quê nhà huyện Long Đất - Bà Rịa - vợ anh bị hầm sập đè nát hai ống chân bởi hỏa tiễn 22 ly việt cộng pháo kích, phương tiện cấp cứu chậm trễ ở vùng quê hẻo lánh luôn bị đắp mô đào đường khiến đôi chân chị hoại tử dẫn đến tháo khớp đầu gối. Ngày việt cộng cưỡng chiếm miền Nam, anh biết cuộc đời tàn phế của vợ chồng anh hứa hẹn một tương lai bi đát cho đứa con. Anh không thể cõng vợ bằng con chên trong dòng người ồ ạt chạy loạn nên chỉ bằng con đi. Nhưng một giây cuối cùng đứng trên ghe anh quyết định ở lại, bởi không nỡ nhả tâm bỏ rơi vợ tàn tật nên đành dứt ruột “quảng” con lên tàu cho người xa lạ mang đi! Khâm phục thay nghĩa tình của anh với người vợ bất hạnh...

Cuộc sống dưới quê cùng vườn ruộng không thể thích hợp cho hai kẻ tàn tật, vợ chồng anh bán mảnh vườn nếp nhà ở quê Long Đất, ra ngoại thành Hóc Môn mua mảnh đất nhỏ dựng túp lều, hằng ngày dắt díu nhau lang thang bán vé số mưu sinh. Hôm nay anh chị ra chợ trời định tìm mua tấm bạt che bên liếp vách, kéo sắp

đến mùa mưa, mưa gió tạt tứ tung vào khắp “nhà” rất khổ. Thì gặp tôi...

Cuộc gặp gỡ này chẳng mang lại cho vợ chồng anh chút hy vọng nào về tin tức đứa con. Nhưng anh coi tôi như ông thần có thể ban cho anh phép lạ cùng hạnh phúc. Tôi là ánh sáng lập lòe cuối đường hầm, là mấu chốt duy nhất để bám víu hy vọng, cho dù ngày 29/4 năm đó coi như anh chấp nhận vĩnh biệt đứa con. Giờ đây niềm hy vọng chợt bùng lên. Anh làm như tôi là người luôn đem lại may mắn, trong khi số phận tôi bi đát không kém!

Nhưng tôi may mắn thật! Trong lúc cuộc sống càng lúc càng khó khăn bế tắc thì chương trình HO đem lại cho cựu tù binh cũ nguồn hy vọng tràn trề, là phao cứu sinh cho những người sắp chết chìm trong xã hội chủ nghĩa. Tôi hối hả xúc tiến hồ sơ và lên đường sang Mỹ vào năm 1994. Thật vô vàn cảm tạ ơn trời! Nếu không được đi Mỹ, gia đình tôi vật vờ cuộc sống bấp bênh nghèo đói đến tận đời. Sống trong nghi kỵ của chính quyền, con trai tôi sẽ nối tiếp “sự nghiệp” bù loong con tán lê la góc chợ suốt kiếp không thể ngừng đầu, bởi cánh cửa vào đời khép chặt khi lý lịch (ngụy) vẫn còn bị sôi sục thù hận, ngăn cản bước tiến, dù bao năm qua mỗi thù của kẻ thắng đã được lấy lại dư cả vốn lẫn lời. Và nó sẽ gặp nhiều rắc rối trong tương quan xã hội với cái tên “phản động” do nỗi niềm cảm thán thống thiết của tôi!...

Trước khi đi, tôi đem lại cho vợ chồng anh thương binh Tín tất cả những vật dụng còn dùng được trong gia đình, cả mớ đỉnh ốc nặng nề làm vốn liếng mưu sinh. Nhưng có lẽ anh kéo lê đến chợ trời bán hết thì thôi chứ không thể “kinh doanh” mớ hàng nặng này ... Và cả niềm hy vọng quý giá nhất, là tôi sẽ tìm được tông tích thằng con lưu lạc cho anh.

Qua Mỹ. Tôi không bỏ lỡ bất cứ cuộc hội họp đồng hương, hội chợ xuân trong vùng, hoặc bất cứ đại hội nào do binh chủng Hải Quân tổ chức, mong gặp lại thằng Vinh hoặc đồng đội cùng phục vụ trên chiến hạm năm xưa. Tôi tự gánh trách nhiệm này một phần cũng do cảm phục nhân nghĩa anh Tín, nếu năm xưa anh để tôi kéo hai cha con anh lên tàu thì bây giờ cuộc đời anh đã khác. Và cùng với nỗi bất nhẫn. Cũng đều là quân nhân trong QLVNCH, đổ máu xương phục vụ chung một lý tưởng. Thương binh là người hy sinh ở chiến trường cụ thể hơn đồng đội, chịu đau khổ khi thân thể không toàn vẹn để sống cuộc đời bình thường. Lại thiệt thòi quyền

lợi, không được hưởng qui chế tỵ nạn như người khác. Số phận mỗi con người là sự bất công của thượng đế!

Trời không phụ lòng người! Cuối cùng tôi nhận được tin thắng Vinh sau gần mười năm đăng nhận tin miệt mài trên báo đài. Tôi không gặp được nó trong các dịp lễ hội đồng hương hay đại hội kỷ niệm của HQ tổ chức vì sau khi đến Mỹ vài năm nó sang với vợ. Gia đình vợ Vinh đi vượt biên định cư bên Úc.

Ngày ấy nhận đứa bé từ tay tôi, thấy nó sáng sủa khôi ngô lại cảm thương đứa trẻ lạc loài, Vinh cưu mang nuôi nấng rồi khai nó là con với họ Vinh, bởi nó không biết gì ngoài tên cu Tốt. Vinh đặt lại cho nó cái tên mang ý nghĩa tha hương, Trần Viễn Phương. Vợ Vinh cũng thương yêu đứa trẻ, nó là anh lớn của hai đứa em, sống trong gia đình êm đềm hạnh phúc. Sau hơn 30 năm được nuôi dưỡng ăn học ở xứ sở tự do, nay Phương đã thành tài và có gia đình riêng. Năm Phương 18 tuổi, tuổi trưởng thành, Vinh đã kể cho con nghe về quan hệ gia đình của họ. Phương rất cảm ơn cha về điều này, vì trong ký ức non nớt của đứa trẻ hai tuổi còn đọng lại chút khái niệm của ngày biến loạn mười mấy năm xưa, nhưng không dám hỏi cha.

Từ ngày đi Mỹ tôi vẫn thư từ liên lạc với anh Tín, thỉnh thoảng và ngày lễ tết tôi thường gởi chút tiền nhỏ giúp đỡ, cũng là để anh có khoản bù vào chi phí tem thư gởi đi nước ngoài đôi với anh rất nặng. Nhờ vậy không bị mất tin.

Sau hơn 30 năm, đứa trẻ lưu lạc ngày xưa đem vợ con về mái lều xiêu vẹo, nơi có hai vợ chồng tàn tật run rẩy đứng chờ, nước mắt hạnh phúc rơi trên đôi má cốp nhăn già trước tuổi. Tuyệt diệu thay sự trùng phùng như chuyện cổ tích mà tôi có cơ duyên làm nhân chứng. Nhớ ngày 29/4 năm đó, người đàn ông đứng chết lặng nhìn chiếc tàu từ từ rời xa bến sông, thằng bé nhào người khóc thét, tiếng khóc xé lòng... Giờ đây hình ảnh hai người nghèo khổ tật nguyên sung sướng ôm ấp vuốt ve con cháu lành mạnh tươi đẹp như báu vật, mãi không muốn rời như sợ mất đi lần nữa, khiến ai thấy cũng phải xúc động rơi nước mắt. Coi như thượng đế bù đắp cho số phận khốn khổ của họ chút ấm áp cuối đời.

Tốt không thể lãnh cha mẹ sang Úc nuôi dưỡng vì giấy tờ đã thay đổi tên họ nhiều khê, vả lại vợ chồng anh Tín cũng chẳng muốn làm gánh nặng cho con, gặp lại được nó sau cuộc chia ly tưởng như vĩnh biệt ngày ấy đã là ân huệ của Trời! Mỗi năm Tốt đều đưa

vợ con về thăm và chu cấp tiền để cuộc sống cha mẹ đỡ phần khốn khó. Câu chuyện kết thúc có hậu.

Tàn cuộc chiến chinh. Đất nước tôi biết bao thương binh còn sống lay lắt chuỗi ngày tàn trên mảnh đất xưa đã từng đổ máu xương gìn giữ, hình ảnh người thương binh đứt cơm cho bạn kèm bài thơ Ngồi Xuống Đây ...*tao đứt mày lần cuối, để mai này biết có gặp nữa không, nợ trần gian nợ cơm áo chất chồng, tao buong chãi đời long đong vô định...* của tác giả Giồng Ông Tố (?) khiến lòng người vỡ òa niềm bi ai trầm thống! Trần gian mấy người được hưởng cái kết có hậu như anh Tín?

Tháng tư tới đây, thằng Quốc Hận con tôi tròn 40 tuổi. Cũng là bốn mươi năm lòng người lính cũ khắc khoải ngậm ngùi. Bốn mươi năm chưa thấy ánh sáng cuối đường hầm Việt Nam! Coi cuốn phim tài liệu Last Days in Vietnam lòng người tỵ nạn chùng nạng một nỗi buồn khôn tả. Hình ảnh tao tác đau thương ngày ấy giờ hiển hiện toàn cảnh trên từng thước phim. Cuộc di tản thực hiện ồ ạt vào những ngày cuối tháng tư, nhưng chủ yếu là cho người Mỹ và nhân viên của họ, một số người dân chạy bèn thời cuộc “ăn theo” với vận may ở tòa sứ quán Mỹ, rồi gia đình ly tán vì người lên được trực thăng người kẹt lại, bằng hoàng tráng thốt. Một hòa bình trong đau thương, chia lìa hơn cả chiến tranh!

Cuộc di tản này, riêng HQVN với 30 chiến hạm trong hoàn cảnh khó khăn khảm nặng, gian nan sinh tử không thua cuộc hải chiến bảo vệ Hoàng Sa năm xưa, đã mang được hơn ba chục ngàn đồng bào di tản từ Vũng Tàu, Côn Sơn đến Philippines an toàn như phép lạ!

QLVNCH hào hùng, quân nhân mọi binh chủng chiến đấu can trường. Nhưng là một nước nhược tiểu, thân phận Việt Nam như món hàng trao đổi trong tay nước lớn và cuối cùng bị đẩy vào vòng cộng sản. Đến nay VN ngày càng tụt hậu so với những nước trong khu vực. Tự do nhân quyền là “phản động”. Lòng người dân Việt mãi còn khắc khoải đau buồn mỗi ngày tháng tư đen, ngày mất nước. Vậy mà đã bốn mươi năm chồng chất!

Lam Hà
Feb/2015



Songthy **Ấn bóng trắng Xuân**

Sáng soi vàng vặc trắng rằm
Xuân vừa chạm ngõ, trắng nằm chờ vơ
Xuân gieo muôn vạn ý thơ
Thẹn thùng trắng núp dật dờ trong mây

Gió Xuân đùa cột hàng cây
Trắng buồn vời vợi dáng lay hữu tình
Trắng đêm trừ tịch lung linh
Vén mây thả bóng của mình trên sông

Thần thờ sóng nước mênh mông
Tìm vàng trắng tỏa sáng hồng ba mươi!
Mòng một xuân lại mĩm cười
Trắng xuân ẩn bóng chờ người gọi trắng...



Nguyễn Thị Ánh Sương **Xuân mơ**

Xuân mơ về tỉnh nhỏ
Hồn rục rĩ như mây
Cây già cây thương lá
Hẹn hò và chia xa

Nay ta về qua lối
Mộng tình xanh bao la
Sao lòng sâu mấy đôi
Hoa lá đã thay mùa

Hồn ru tình phai lãng
Sắt se niềm hoài mong
Hoàng hôn buồn nhớ nắng
Nên lạnh lòng trắng sa

Phố nhỏ vẫn mưa qua
Âm thầm đời phiêu lãng
Hồi tình xưa bỗng lạ
Cách chia người với ta

Bên thềm phai sắc tím
Hong tóc ướt ưu phiền
Ta chờ vàng trắng muộn
Xin mộng đời bình yên

Mây không về nẻo cũ
Lãng du vùng trời xa
Một đời mong với nhớ
Cho tình buồn thiết tha

Thôi-người là cát trắng
Ta tựa dòng suối trong
Ra trùng khơi ngát sóng
Cát sông vẫn nguyện lòng



Phạm Tín An Ninh **Đề Tưởng niệm một người Anh**

Sau bốn mươi năm tàn đàn xẻ nghé



Lần cuối cùng tôi gặp lại anh, khoảng tháng 7 năm 1978 tại Nghĩa Lộ. Trong những người tù ốm o đang vác những bó nứa, băng qua khu ruộng khô mà đám tù chúng tôi đang “lao động”, bất ngờ tôi nhận ra anh, khi anh hỏi xin bọn tôi một ngụm nước. Tôi ngờ ngàng đứng nghiêm đưa tay lên chào:

Đại Tá!

Anh nhìn lên, nhận ra tôi và nở nụ cười:

Mi ở đây à? Chừ còn tá với tướng chi mi. Mi khỏe không?

Tôi đưa cho anh lon guigoz nước rồi nắm lấy tay anh. Anh gầy hơn xưa nhiều, chỉ có nụ cười vẫn vậy, không thay đổi. Chưa kịp hỏi anh ở trại nào và vợ con ra sao, thì tên vệ binh hét: “không được quan hệ linh tinh, khẩn trương về trại”. Tôi phụ đưa bó nứa lên vai anh. Bước đi, anh nói vọng lại một câu:

Mi nhớ giữ gìn sức khỏe hi!

Có một thời báo chí và nhiều người gọi anh là “Người hùng Ban Mê Thuật”. Điều đó rất xứng đáng. Khi chỉ có trong tay một tiểu đoàn và được tăng cường Đại Đội 23 Trinh Sát tinh nhuệ, nhờ hàm hồ công sự vững chắc, anh cùng đơn vị đã phải chiến đấu đơn độc nhưng thật quyết liệt can trường trước nhiều đợt tấn công biển người của địch, giết hàng trăm địch quân và bắn cháy nhiều chiến xa T-54, giữ vững vị trí đến sau khi cả thành phố Ban Mê Thuật đã lọt vào tay giặc gần một tuần trước đó. Ngày 17.3.75, một lực lượng địch đông đảo có nhiều chiến xa kéo đến bao vây tấn công để bằng mọi giá phải nhổ cái gai làm chúng vô cùng căm tức. Với hàng ngàn quả pháo, chúng muốn san bằng cái cứ điểm cuối cùng mà đơn vị anh đang tử thủ, quyết sống chết trong căn cứ B50 bên cạnh phi trường Phụng Dực, cách thị xã Ban Mê Thuật 8 cây số về hướng Đông. Anh đã cùng đồng đội vẫn không nao núng, đánh thật đẹp một trận đê đờ. Một số binh sĩ hết đạn, anh ra lệnh cho

thu nhặt súng đạn của địch để đánh lại địch. Rất tiếc, phi vụ tiếp tế thả dù cuối cùng không may rơi ra ngoài vị trí, lương thực và đạn dược đã cạn kiệt. Anh khôn khéo lừa địch, cùng những thuộc cấp sống sót mở đường máu lúc nửa đêm, phân tán thành nhiều toán nhỏ, vài toán rút về hướng Lạc Thiện, vài toán đi về khu làng Thượng thuộc tỉnh Tuyên Đức, riêng anh cùng một toán trên 20 người đến được Phước An, hai ngày trước khi quân ly cuối cùng của tỉnh Darlac này rơi vào tay Cộng sản. Anh và đồng đội đã tạo thêm một huyền thoại trong cuộc chiến tranh Việt Nam.

Đặc biệt, anh cũng là cấp chỉ huy trực tiếp cuối cùng của tôi vào những giờ thứ 25, trước khi Quân Lực VNCH bị bức tử, để những chiến sĩ anh hùng như anh phải đành đau đớn tức tưởi kết thúc binh nghiệp nửa đường.

Vào đầu tháng 4/75, QĐ II&QK2 lần lượt lọt vào tay giặc, sau những cuộc triệt thoái tồ tệt và bi thảm nhất trong lịch sử chiến tranh. Hầu hết quân nhân các cấp thuộc các Sư Đoàn và Tiểu Khu thống thuộc còn sống sót đã tiếp tục di tản vào Bình Tuy, Vũng Tàu, Sài gòn. Được lệnh của Bộ TTM truyền đi trên các đài phát thanh, truyền hình, kêu gọi “đến trình diện tại Trại Chí Linh, Trung Tâm Huấn Luyện XDNT Vũng Tàu” để sau đó được bổ sung tái lập một sư đoàn duy nhất: Sư Đoàn 22BB với Thiếu Tướng Phan Đình Niệm tiếp tục làm tư lệnh, đặt dưới quyền sử dụng của Quân Đoàn III.

Không ngờ số lượng đến trình diện thật đông đảo. Đa số là sĩ quan, chỉ có khoảng một phần ba là hạ sĩ quan và binh sĩ. Khi lang thang đi tìm mấy thằng bạn cùng đơn vị cũ, xem ai còn ai mất sau trận chiến Khánh Dương và một số phải di tản theo Tỉnh Lộ 7B oan nghiệt, bỗng tôi nghe trên loa có một giọng Huế quen thuộc gọi tên mình, và yêu cầu đến đây nhà số 4 gặp Đại Tá Võ Ân. Tiếng gọi quen thuộc ấy cũng chính là tiếng nói của anh.

Tôi tìm đến đây nhà số 4, nơi đặt BCH Trung Đoàn 47 (tái lập). Vội vàng tìm gặp anh, để xem người hùng của trận chiến Ban Mê Thuột bây giờ ra sao. Anh ngồi trên dây bàn dài với một vài sĩ quan cấp trung tá, có nhiều vị tôi quen biết. Tôi đưa tay chào, chưa kịp trình diện lời nào, thì anh đã phát tay bảo tôi ngồi:

-Tau được chỉ định tái lập gấp Trung Đoàn 47 này. Mi về đây với tau cho vui. Anh em 23 nhiều lắm. Tụi mình “đánh đấm” tiếp. Thoảng một chút xúc động. Nghĩ mình là một sĩ quan đàn em cấp thấp, cũng chẳng tài cán gì, chỉ gặp gỡ một vài lần và được anh

quí mến. Vậy mà hôm nay, trong cái cảnh chợ chiều, hỗn tạp rồi ren này, anh vẫn còn nghĩ đến mình.

Ba ngày sau, Trung Đoàn 47 BB được tạm tái lập với một quân số mà quan nhiều hơn lính. Một tiểu đoàn có đến 2 trung tá. Cấp đại đội có 1-2 thiếu tá, có vị đã từng làm tiểu đoàn trưởng hay chi khu phó. Có nhiều trung đội được chỉ huy bởi một đại úy với quân số không quá 25 người, mà 50% là sĩ quan. Chắc chắn trên thế giới không có một đội quân nào với bản cấp số kỳ quặc và “ghê gớm” như thế.

Trong hầu hết những bài viết về các trận chiến cuối cùng của QLVNCH, dường như chưa có ai nói đến sự kiện này. Tại sao những sĩ quan cấp tá, cấp úy lại sẵn sàng nhận lãnh những chức vụ quá nhỏ nhoi như thế, trong lúc tình hình nguy ngập, chiến trường đang từng giờ thu hẹp lại, mà mọi bất lợi, hiểm nguy đang chờ họ đối mặt? Hơn nữa hầu hết đều bỏ lại gia đình ở miền Trung mà bây giờ đã thuộc vùng địch chiếm. Bao nỗi ưu tư canh cánh bên lòng. Nếu không phải là “Tổ Quốc, Danh Dự, Trách Nhiệm”, sự mạng cao cả mà họ đã tuyên thệ nhận lãnh khi quì xuống vũ đình trường trong ngày mãn khóa?

Ngay tại BCH Trung Đoàn, ngoài Đại tá Võ Ân Trung đoàn trưởng, còn có đến 4, 5 trung tá. Trung tá Nguyễn Thắng Phùng, chỉ huy trưởng TTHL/SĐ 23BB nhận lãnh chức vụ Trưởng ban 3. Vai trò này anh đã từng làm cách đây trên 10 năm, khi còn mang cấp bậc thiếu úy. Tôi vẫn còn nhớ, khi mới ra trường vài tháng, dắt trung đội biệt phái đến trình diện BCH Trung Đoàn 45BB của Trung tá Võ Văn Cảnh, đóng trại giữa rừng để chỉ huy trận chiến Quảng Nhiêu đang hồi khốc liệt nhất, tôi được gặp Thiếu Úy Nguyễn Thắng Phùng, đang là Trưởng Ban 3 Trung Đoàn. Anh rất vui vẻ, niềm nở hướng dẫn trung đội tôi ra nằm giữ an ninh cho một Pháo Đội Pháo Binh 155 ly, đóng bên cạnh BCH Trung Đoàn. Anh dặn dò chỉ vẽ những điều cần thiết. Chỉ với cấp bậc thiếu úy, nhưng tôi nghĩ anh là một Trưởng Ban 3 nhiều kinh nghiệm, khả năng. Tôi có cảm tình với anh kể từ ngày ấy. Anh đã đảm trách chức vụ này từ khi còn thiếu úy, bây giờ mang đến cấp bậc trung tá, anh lại trở về với cái chức vụ hơn 10 năm trước. Vậy mà anh rất vui vẻ, bình dị, thường thân tình đùa cợt với anh em và chu toàn trách nhiệm của mình. Anh bảo:

Được làm việc với Đại Tá Ân là vui rồi!

Tôi rất nể phục thái độ và tư cách của anh.

Trong BCH Trung Đoàn có một vài vị nguyên là tiểu khu phó, tham mưu trưởng của các tiểu khu. Tôi cũng gặp một anh thiếu tá, nguyên là tiểu đoàn trưởng xuất sắc của một tiểu đoàn ĐPQ tại TK Bình Định. Năm 1971 có một thời tăng phái hành quân cho Trung Đoàn 44 của chúng tôi tại An Khê, còn bây giờ thì anh đang vui vẻ làm đại đội trưởng với quân số chưa tới 80 người.

Tôi được anh Ân thương mến, giao cho một chức vụ cũng không có trong bản cấp số: Sĩ Quan Hành Quân & Tiếp Vận. Thực chất, đó chỉ là một loại “thượng sĩ thường vụ” của Trung Đoàn, chạy ngược chạy xuôi lo đủ thứ việc.

Ngày 17/4/1975, chưa kịp trang bị xong, một số quân nhân chưa có cả súng đạn, Trung Đoàn được lệnh di chuyển xuống Long An, đảm trách hành quân an ninh trong vùng Bến Lức. Ban đêm, từng đoàn xe từ Tổng Kho Long Bình chở vũ khí, quần trang quân dụng xuống để đơn vị vừa hành quân vừa trang bị tiếp. Đạn thì thiếu nhưng súng lại thừa. Một người có thể được trang bị một khẩu M16 và thêm một súng Colt 12 nếu muốn.

Ngày 22/4/75 có khoảng 10 tân sĩ quan hai khóa 29 và 30 của Trường VBQGVN vừa tốt nghiệp “non” tại Trường Bộ Binh Long Thành, đến trình diện. Các anh vẫn giữ đúng nề nếp, cử một đại diện chỉ huy trình diện đơn vị trưởng theo đúng lễ nghi quân cách. Nhìn họ mà tất cả chúng tôi ai nấy cũng đều cảm kích, chạnh lòng. Những sinh viên đã từ bỏ học đường chọn binh nghiệp bảo vệ giang sơn tổ quốc. Bây giờ giang sơn đang như sợi chỉ mảnh trước gió, tổ quốc lâm nguy, vậy mà họ vẫn đến đây, để chấp nhận một cuộc chiến ở giờ thứ 25, trong một hoàn cảnh hoàn toàn bất lợi, khi chưa hề có được một ngày kinh nghiệm chiến trường. Trong những đôi mắt nhuốm chút ít ưu tư ấy vẫn tỏa ra đầy khí phách, sẵn sàng nhập cuộc.

Đại Tá Võ Ấn đến bắt tay từng người một. Im lặng một lúc, anh lấy giọng:

-Thay mặt đơn vị, anh cảm ơn và hoan nghênh các em đã đến trình diện. Các em đã cho chúng tôi một nguồn sinh lực mới, sau thời gian trải qua những mất mát, giao động. Điều đó cũng đã là một góp phần xứng đáng rồi. Anh biết các em chưa nghỉ phép sau khi làm lễ ra trường. Còn đơn vị lại đang trong thời kỳ tái tổ chức. Bây giờ theo thông lệ, anh cấp cho các em giấy nghỉ phép mười ngày, để các em về thăm gia đình. Mong là các em hiểu sự quyết định này của anh.

Hầu hết các tân sĩ quan nhất quyết xin ở lại để chiến đấu cùng đơn vị. Có anh bảo là gia đình ở ngoài Trung, không có ai ở đây. Nhưng tất cả sĩ quan chúng tôi có mặt lúc ấy đều thấy quyết định của Đại tá Ân là có cân nhắc và có tình có lý, nên khuyên các anh nên chấp nhận quyết định của Đại tá, nếu anh nào gia đình ở miền Trung có thể về Sài Gòn tạm nghỉ ngơi chờ lệnh, sau khi hết phép trở lại đơn vị cũng chưa muộn (?)

Ngay chiều hôm ấy, có lệnh bàn giao vị trí cho một đơn vị khác của Quân Đoàn III, chúng tôi khẩn cấp di chuyển đêm xuống giải tỏa áp lực địch tại Quận Cần Giuộc. Theo tin tức, đã có hơn một trung đoàn địch đang trên đường tiến đến uy hiếp khu vực này.

Tất cả chúng tôi đều đến từ Vùng 2, nên không ai biết rành địa thế và tình hình trong khu vực lầy lội này. Để tránh chậm trễ và nguy hiểm, Trung Đoàn được biệt phái một toán Cảnh Sát do một Thiếu Tá chỉ huy, dẫn đường. Khởi hành từ 10 giờ tối, cho mãi 5 giờ sáng đơn vị mới tới địa điểm. Toán Cảnh sát “hướng lộ” đã dẫn chúng tôi đi sai lộ trình. Rất may là tất cả an toàn, không đụng độ với bất cứ lực lượng nào của địch.

BCH Trung Đoàn đóng tại Trường Trung Học Cần Giuộc. Phía trước là đồng ruộng, sau mùa gặt nên đất đã khô và tro những gốc rạ. Tổng Kho Long Bình có lệnh phân tán quân trang quân dụng, nên đã đưa xuống đây cả mấy chục chiếc xe GMC và xe jeep các loại, kèm theo một lệnh miệng: “Mỗi xe chỉ có đầy bình xăng, sử dụng chiếc nào đến hết xăng là bỏ luôn.” Vừa xe, vừa gạo, và quân trang chất thành những đống cao giữa trời, trên những đám ruộng khô.

Trung Đoàn có ba tiểu đoàn, không có đại đội trinh sát và đại đội chỉ huy công vụ. Một tiểu đoàn đóng chung với BCH Trung Đoàn, làm lực lượng trừ bị, hai tiểu đoàn bung ra xa. Trong đó có một tiểu đoàn hành quân tái chiếm xã Mỹ Lộc, một khu trù phú của quận Cần Giuộc, bị một tiểu đoàn địa phương của địch xâm nhập, truy giết các nhân viên xã ấp và các trung đội nghĩa quân.

Giữa một cuộc chiến không nhìn thấy tương lai, và phải chỉ huy một đơn vị như chiếc áo cũ mục nát, được vá víu bằng những tấm vải đủ màu, nhưng Đại tá Võ Ân cùng tất cả chúng tôi đã sống với nhau thật vui vẻ, chí tình. Với tôi, đó lại là thời gian đáng ghi nhớ nhất trong cả mười một năm binh nghiệp. Cái ranh giới chỉ huy

gần như nhỏ lại, để nhường cho cái tình huynh đệ. Điều này có được phần lớn là nhờ vào anh - Đại tá Võ Ân.

Ngày xưa, khi còn chỉ huy các tiểu đoàn, trung đoàn hùng mạnh, tham dự nhiều trận chiến cam go ở Bình Định, Pleiku, Kontum, Quảng Đức, anh vẫn vui vẻ thân tình như hôm nay. Với bạn bè hay đàn em, thuộc cấp lúc nào anh cũng dùng hai chữ “mi, tau”. Sĩ quan trong đơn vị thực sự xem anh như một người anh, hay một ông thầy của thời trung học.

Tháng 11 năm 1973, Phóng viên chiến trường Dương Phục, trong một lần đặc biệt đi theo đơn vị của anh, khi ấy là Trung Đoàn 53 thuộc Sư Đoàn 23BB, đang quần thảo với địch trong một trận chiến vô cùng khốc liệt tại Quảng Đức, đã viết:

“Tôi vác ba lô ra xe và hai tiếng đồng hồ sau có mặt bên cạnh đơn vị có nhiệm vụ tái chiếm hai tiền đồn Bu Prang và Bu Bong đã lọt vào tay địch quân trong cuộc tấn công ngày 4.11 vừa qua.

Trung Tá Võ Ân, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 53 Bộ Binh, trông giống một giáo sư hơn là một đơn vị trưởng tác chiến. Cả bộ chiến phục bụi bậm, bẩn thỉu, và khẩu súng lục Colt 12 đeo lưng lẳng bên hông cũng không giúp anh có vẻ ngoài oai hùng của người lính chiến. Nhưng tất cả những thứ đó chỉ là bề ngoài. Sức chịu đựng bền bỉ và ý chí sắt thép của anh Ân được truyền tụng theo chiều hướng huyền thoại hóa trong trung đoàn.

Án tiếp tôi ngay tại vị trí chiến đấu của Tiểu Đoàn 2/53. Khuôn mặt trẻ trung, nhưng đầy đặn về phong trần, nụ cười chân tình như chỉ những người lính chiến mới biết cười như vậy. Ân bảo tôi :

- *Anh đến chậm mất hai ngày.*
- *Hai ngày sớm hơn đã xảy ra chuyện gì?*
- *Pháo. Địch pháo như mưa, pháo dội vào các đơn vị chúng tôi. Sau pháo, chúng xung phong.”*

Sáng ngày 27 tháng 4 /1975, khoảng 10 giờ sáng. Khi chúng tôi đang ngồi uống cà phê trong một phòng học được dùng làm Trung Tâm Hành Quân, nghe tiếng trực thăng đang đảo thấp một vòng đáp xuống đám ruộng khô phía trước, cách chúng tôi chừng hơn 100 mét. Nghĩ là trực thăng CNC đến làm việc cho Trung Đoàn, Đại Tá Ân bảo tôi lấy một chiếc xe jeep mới toanh, không mui, chạy ra đón phi hành đoàn. Vì trời nóng, nên đa số chúng tôi đều mặc áo thun. Tôi không kịp mặc áo lính, lái xe chạy băng qua

mấy đám ruộng khô và dừng lại trước chiếc trục thẳng vừa đáp xuống. Bỗng bất ngờ, ngạc nhiên khi thấy một người vừa bước xuống, tay cặp chiếc mũ sắt ngực trang có gắn 3 ngôi sao. Theo sau là một vị trung tá trên tay cầm khẩu M-18. Tôi giật mình, nhận ra đó là Trung Tướng Ngô Quang Trưởng. Vợ vàng bước xuống xe, tôi đứng nghiêm đưa tay chào. Ông bước tới gần tôi. Trong tiếng cánh quạt trục thẳng chưa dừng hẳn, tôi nghe ông hỏi lớn: Có Đại Tá Ân trong đó không?

Trình Trung Tướng, có .

Tôi trả lời và mời ông lên xe, nhưng ông từ chối, bảo là ông muốn đi bộ. Có thể là ông có ý cho tôi chạy vào trước để báo cho đại tá Ân, tôi đoán thế.

Tôi vội vã lái xe chạy vào BCH la lớn cho Đại Tá Ân và mọi người biết: Trung Tướng Ngô Quang Trưởng tới thăm chứ không phải phi hành đoàn.

Tất cả vội vã mặc áo và sửa soạn lại tấm bản đồ lớn được treo trên bảng đen (của lớp học). Tôi xếp mấy chiếc ghế lại cho ngay ngắn. Khi Đại Tá Ân chưa kịp bỏ áo vào trong quần thì Tướng Trưởng đã bước vào phòng. Anh chỉ còn kịp đứng nghiêm hô to: “vào hàng, phắc” rồi đưa tay lên chào.

Tướng Trưởng trông khá mệt mỏi, ánh mắt hình như bị mất ngủ. Ông hỏi với một giọng buồn bã:

Tình hình thế nào em?

Đại Tá Ân đưa cây que chỉ bảng lên tấm bản đồ, định trình bày tình hình, thì Tướng Trưởng đưa tay ngăn lại. Ông chỉ nói một câu ngắn ngủi:

Phải cẩn thận. Đừng để hao tổn sinh mạng của anh em một cách vô ích.

Sau khi đưa tay bắt từng người có mặt trong TTHQ, Tướng Trưởng cho biết ông không có nhiều thì giờ vì chỉ mượn được trục thẳng trong một thời gian ngắn, và bảo Đại Tá Ân lái xe chở ông sang thăm ông Quận trưởng Cần Giuộc. Tôi gọi toán cận vệ lên một xe jeep khác chạy theo, nhưng Tướng Trưởng khoát tay, bảo không cần. Sau này Đại tá Ân cho biết, anh Trung tá Quận Trưởng này cũng là một thuộc cấp được Tướng Trưởng tin cậy và quý mến, thời Ông còn làm Tư Lệnh QĐIV.

Cả đại tá Ân và chúng tôi không biết lúc ấy Tướng Trưởng giữ chức vụ gì. Chỉ biết là ông đến thăm anh Ân và dặn dò đôi điều. Anh Ân cũng cho biết là chưa từng làm việc dưới quyền Tướng

Trưởng, có lẽ ông chỉ nghe nói đến anh Ân “người hùng trong trận chiến Ban Mê Thuột”, nên đến thăm và khen ngợi anh như từng khen ngợi những sĩ quan, những đàn em xuất sắc của ông ở Quân Đoàn I, nơi có nhiều cấp chỉ huy lỗi lạc với cái tên chỉ có hai chữ như anh (Võ Ân): Lê Huân, Võ Toàn, Vĩnh Dác, Hoàng Mão, Nguyễn Hóa, Võ Vàng...

Tôi gặp và biết anh Ân lần đầu tiên vào khoảng cuối năm 1972, khi anh mang cấp bậc trung tá, dắt một tiểu đoàn thuộc Sư Đoàn 22BB, từ Bình Định lên tăng cường cho Trung Đoàn 44BB chúng tôi, để giải tỏa Trung Nghĩa, một ngôi làng Công giáo, dưới sự chỉ huy của một vị linh mục, quyết tử chiến với Cộng quân, nhưng vì không đủ hỏa lực nên bị một lực lượng địch cấp tiểu đoàn chiếm hơn nửa làng. Một trận chiến phức tạp, khốc liệt, và cuối cùng anh đã chiến thắng ngoạn mục. Bằng một lối đánh giặc rất đặc biệt, sử dụng toàn súng cối 60 ly thay cho Pháo Bình và phi yểm.

Sau nhiều lần tấn công bất thành, do lực lượng địch trú ẩn bám trụ trong các giao thông hào kiên cố và chống trả mãnh liệt. Lệnh của Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn, tránh tối đa việc sử dụng phi pháo có thể gây thiệt hại cho khu nhà thờ và nhà cửa của dân chúng. Hơn nữa, Pháo Bình khó cận yểm vì khoảng cách giữa địch và dân quá gần, tiền sát viên của ta khó tiếp cận để điều chỉnh cho thật chính xác.

Anh lệnh cho các đại đội tạm rút ra, lựa chọn các binh sĩ trẻ và có năng lực tác chiến, chỉ trang bị súng nhẹ, không mang theo ba lô, chia thành nhiều toán nhỏ, làm lực lượng xâm nhập, tấn công. Các binh sĩ lớn tuổi hay yếu kém theo sau, làm lực lượng tải đạn, tản thương và án ngữ. Anh tập trung cơ hữu và xin chúng tôi tăng cường thêm cho anh nhiều súng cối 60 ly (ít được các đơn vị sử dụng) với đầy đủ đạn dược, cùng một số xạ thủ có kinh nghiệm về loại vũ khí này. Tôi được Đại Tá Phùng Văn Quang, Trung Đoàn Trưởng 44, chỉ định đảm trách công việc này. Anh và tôi cùng hướng dẫn cấp tốc các tiểu đội trưởng cũng như xạ thủ, điều chỉnh súng cối từng mét một. Khi các tiểu đội bò vào tiếp cận các hầm hố của địch, đích thân anh điều động trên 20 khẩu súng cối 60 ly tác xạ theo sự điều chỉnh của các tiểu đội trưởng. Kết quả thật không ngờ. Địch quân bị tiêu diệt bởi các khẩu súng cối 60 ly này, số còn lại bị thương và bị bắt sống, bên ta không có binh sĩ nào tử thương.

Sau trận chiến, trước khi trở về đơn vị gốc, anh gọi tôi ra ăn bữa cơm chia tay, cùng với vài sĩ quan của anh ngoài tiệm Thiên Nam Phúc. Và có lẽ do chiến công này, chỉ một thời gian ngắn sau đó anh được chuyển về Sư Đoàn 23 BB để giữ chức vụ Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 53 thay Đại Tá Trần Văn Chà. Sau này, tôi cũng được nghe kể lại, anh Ân là người chưa từng giữ cấp “phó” bao giờ.

Anh tốt nghiệp Khóa 12 Thủ Đức, là người thăng cấp trung tá sớm nhất và cũng là người duy nhất của khóa mang cấp bậc đại tá. Hầu hết những sĩ quan giữ chức vụ tiểu đoàn trưởng dưới quyền, đều là khóa đàn anh, có người xuất thân trường Võ Bị đồng thời với anh. Nhưng tất cả đều nể phục và kính mến anh.

Ngày 30-4-75, khi Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, chúng tôi đang quây quần trong phòng học được dùng làm TTHQ. Đại Tá Ân gục đầu xuống bàn. Tất cả im lặng. Cái im lặng thật rợn người. Có lẽ trong đầu mỗi người đang suy nghĩ về một điều gì đó. Tôi bước lại ôm vai anh. Trung Tá Phùng lệnh cho gọi tất cả anh em tập họp trước sân trường để nghe anh Ân ra lệnh lần cuối cùng. Anh cám ơn, bắt tay và ôm từng người, chúc tất cả trở về an toàn và gặp lại gia đình. Anh cũng ra lệnh phá hủy tất cả các loại súng ống trước khi rời vị trí.

Anh bảo tôi tập trung tất cả tài xế lái các xe GMC khả dụng chở anh em về cầu chữ Y. Không đủ xe, tôi chạy đi mượn thêm hai chiếc xe đồ. Tôi nghiệp hai anh tài xế đến giờ này vẫn còn chí tình với lính, tình nguyện chở giúp bọn tôi về đến Sài gòn. Tôi đưa anh về nhà (chị Ân thuê để cùng các con tạm trú ở đây, sau khi theo đoàn quân di tản từ miền Trung). Anh bắt tay tôi thật chặt, nhìn tôi rồi bỗng nở một nụ cười, như chưa hề có chuyện gì xảy ra:

-Mi về xem vợ con ra sao. Cần thận hi.

Tôi nhìn anh, chưa biết nói lời gì để an ủi anh, thì lại nghe tiếng anh đùa:

-Que sera sera! Chừ tau chỉ tội nghiệp cho vợ con, còn tau thì phó thác số phận cho ông trời!

Tính anh là vậy đó, lúc nào cũng bất cần, cũng cười đùa, mặc dù trong lòng đang rối như tơ vò.

Chia tay anh, tôi bước đi mà nước mắt lưng tròng. Bước chân nhẹ tênh như không còn cảm giác, và trong lòng bây giờ dường như chỉ là một khoảng trống mênh mông!

Anh bị tù hơn 14 năm. Sang Mỹ cùng gia đình năm 1992 theo diện HO, và chỉ vài năm sau anh qua đời tại Florida, do bị đột quỵ (tai biến mạch máu não). Có lẽ do hậu quả từ những cơn say và nhiều đêm mất ngủ. Anh dùng rượu để có thể tâm tình với hư vô, với những đồng đội đã vĩnh viễn nằm lại ở đâu đó trên các chiến trường xưa, và đã ân hận vì không trả được món nợ máu xương này cho họ.

Anh ra đi, nhưng không hề chết. Tên tuổi Võ Ân vẫn còn vang vọng mãi trong tâm khảm của mọi người đã từng quen biết và sống chết cùng anh. Lịch sử dân tộc chắc chắn còn ghi đậm tên anh. Một người lính đã sống hết lòng với đồng đội anh em, và chiến đấu bằng tất cả danh dự cùng cả trái tim mình.

Phạm Tín An Ninh

(40 năm sau ngày tan đàn xẻ nghé)

Đừng hứa khi đang..... vui

Đừng trả lời khi đang...nóng giận

Đừng quyết định khi đang... buồn

Đừng cười khi người khác...không vui



Võ Thạnh Văn **Trăng cổ nhân**

Có phải trăng mười năm trước
Về soi tiệc rượu đêm nay
Trăng này, trăng xưa bội ước
Về cười thổng hận men cay

Có phải trăng xưa yếu mệnh
Lụy tình treo cổ bên song
Trăng nào, trăng xưa bạc hạnh
Hận tình tự vận ven sông

Có phải trăng xưa bội bạc
Về trau chuốt giọng cuồng ngâm
Phụ tình, trăng xưa đài các
Về khoe xiêm áo xênh xang

Có phải trăng thề cổ độ
Về giảng tình vông truy hoan
Trăng này, trăng xưa dang dở
Về gieo hương sắc tân toan

Trăng nào, trăng xưa lơ lửng
Về phơi hạt bụi đa tình
Lỗi hẹn, trăng xưa lãng đãng
Còn gieo duyên dáng nịch nhân

Kênh kiêu, trắng xưa loi là
Về dâng lá ngọc cánh vàng
Ngạo nghệ, trắng xưa vương giả
Khuya về xé lụa ngân vang

Lãng mạn, trắng xưa điệu hạnh
Mời người nhập hội uyên ương
Trắng nào điêu ngoa thái thậm
Về bung tóc lá nghệ thường

Vuốt mặt đón trắng bầu bạn
Vỗ bàn cười hát nghênh ngang
Tiếp trắng, đeo gương hào sảng
Đốt thơ pha rượu uống tràn

Tài hoa, thách trắng múa kiếm
Quan hoài, nài trắng thổi tiêu
Cầm khái, ép trắng say lịm
Mềm lòng, trắng khóc cô liêu

Trắng tao nhân, hề, thất chí
Trắng mặc khách, hề, ưu nhiên
Trắng tráng sĩ, hề, phóng khí
Trắng cố nhân, hề, miên miên

Phù hư dật sĩ
Võ Thanh Văn



Đào Lê
Soi gương
thấy một tấm nhìn

Hoa cười hay tự tâm vui
Yêu em hay tự thương người tri âm
Thương sông nước chảy âm thầm
Thương mây lãng đãng về trăm góc trời
Thương em bé mồm môi cười
Đóa sen từ Mẹ bùn tươi nét nhìn
Thương cây biếc lá hoàn sinh
Hằng hà ngọn cỏ hữu tình ngậm sương
Nhìn xa thương quá con đường
Ta và bạn hữu vẫn vương lối về
Tha phương mơ ở trời quê
Càng thương cánh gió, trắng thê, ruộng xanh
Nhớ chùm trái chín đeo cành
Mùi hương lúa mới, mái tranh quê nghèo
Đầu cành nửa mặt trăng treo
Xa xa chót núi cheo leo đáng người
Chinh phu, chinh phụ một thời
Mùa binh lửa dậy đốt đời gái trai
Vô thường hoán chuyển hình hài
Đời như cây lá đổi thay bốn mùa
Vì người chẳng chịu chào thua
Thân tâm tự tại, kế thừa chân kinh
Vườn tâm nở trọn nụ tình
Yêu thương nhân thế như mình với ta
Muôn hoa hương sắc mặn mà
Là bao sắc giới vị tha yêu người !



Lưu Thái Dzo
Tạp ghi

NỤ CƯỜI & TIẾNG KHÓC CÒN ĐÓ

Nhân kỷ niệm 20 năm hoạt động của Văn Bút Nam Hoa Kỳ, tôi ghi lại những kỷ niệm vui buồn của tôi được cụ thể hóa bằng Nụ Cười và Tiếng Khóc là hình ảnh, đối với tôi, khó phai mờ theo thời gian.

Tôi không nhớ rõ ngày, tháng năm tôi trở thành Người Con Chính Thức của Gia Đình Văn Bút Nam Hoa Kỳ. Nhưng chắc chắn tôi đã được Gia Đình thân thương đó nâng đỡ, bảo bọc trên mười năm nay. Sở dĩ tôi khẳng định khoảng thời gian này, là vì tôi đã “Trình Làng” Đứa Con Tinh Thần đầu tiên mang tên “Vòng Bay Định Mệnh Một Loài Chim” vào ngày Chủ Nhật 11 tháng 03 Năm 2001 tại Le Croissant D’or, Houston, Texas (nay là Tiệm Phở Thái Bình Dương). Buổi Tổ Chức đã được Văn Bút Nam Hoa Kỳ và nhiều Hội Đoàn khác như: Đài Phát Thanh Saigon-Houston, Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, Nhóm Chủ Biên Tạp Chí Văn Hóa Việt Nam v.v... nhiệt tình yểm trợ mọi mặt, đưa đến thành quả tốt đẹp. Tôi hãnh diện và vui mừng được gặp gỡ những Văn Thi Hữu trong và ngoài Văn Bút, như: Nhà Văn Lão Thành Doãn Quốc Sỹ, Nhà Thơ Tô Thùy Yên, Lan Cao, Nhà Văn Nguyên Nhung, Phạm Quang Tân, Nhà Báo Dương Phục, Vũ Thanh Thủy, Hồng Vân... Thật là một niềm vui lớn cho tôi khi Quý Vị trao tặng những cái bắt tay nồng ấm, những nụ cười hân hoan, cảm mến.

Niềm vui lớn khác, gần đây, là Buổi Ra mắt Thi Phẩm “Vòng Bay Cuối Một Loài Chim” đã được thực hiện vào ngày 22 tháng 02 năm 2012 tại Nhà Hàng Saigon Maxim do Văn Bút Nam Hoa Kỳ đứng ra tổ chức (Nội Dung Buổi Sinh Hoạt đã được tóm lược trong Tin Văn Số 13).

Tôi còn gắn bó với Văn Bút Nam Hoa Kỳ trong Buổi Giới Thiệu tập Thơ “Vụn Vặt” của Trạch Gầm, Nhà Thơ Quân Đội, đến từ California, được tổ chức thành công vào ngày 27 Tháng 07 năm

Tin Vaên 173

2008 tại Hội Quán Radio Saigon Houston. Nhà Văn Nguyễn Mạnh An Dân đương kim Chủ tịch Văn Bút Nam Hoa Kỳ, phụ trách phần giới thiệu Thi Phẩm. Tôi giới thiệu tác giả. Đặc biệt, Nhà Báo Nguyễn Đạt Thịnh đã phát biểu cảm tưởng về Thơ và Người Thơ Trạch Gầm. Một bài nhận xét dí dỏm, nhưng sâu sắc, thiết thực, đã được trên 200 tham dự viên hoan hô nhiệt liệt .

Tôi không quên ghi tiếp Buổi Họp Mặt Giới Thiệu Thi Phẩm cuối cùng “Giọt Sữa Đất” của Nhà Thơ Phương Triều vào ngày 10 Tháng 09 Năm 2006 tại Hội Quán Diamond, đường Wilcrest, Houston. Trên 80 người làm thơ, làm văn và yêu văn thơ, đa số là thành viên Văn Bút Nam Hoa Kỳ, đã hân hoan chào mừng Thi Phẩm Giọt Sữa Đất. Chúng tôi chân thành chia sẻ vui, buồn với anh Phương Triều. Vui vì còn nhìn thấy “Đứa Con Tinh Thần” của anh được cử tọa niềm nở tiếp đón. Nhưng buồn vì anh bị bệnh ung thư cổ họng (thanh quản), nên tắt hẳn tiếng nói, chỉ bút đàm. Sau một thời gian không lâu, anh Phương Triều đã từ trần.

Nếu tôi có niềm vui qua sinh hoạt với Văn Bút Nam Hoa Kỳ thì cũng có nỗi buồn tôi muốn chia sẻ với các văn thi hữu là thành viên hay không của Văn Bút. Tôi khóc thương những anh chị em đã ra đi vĩnh viễn, như: các anh Phương Triều, Nguyễn Văn Diễm, Phạm Hy, các em Thu Hạnh, Lan Anh, An Phú Ninh. Tôi xin ghi lại vài giòong thơ hóa lệ tưởng niệm hương hồn một số văn thi hữu trẻ:

*Lan Anh và An Phú Ninh:

Từ ngăn cách bởi âm dương đôi ngã
Vườn Thơ Nhà vắng một An Phú Ninh
Đâu còn nghe giọng thơ Huế rất tình
Và vắng nốt một Lan Anh dễ mến
Lan Anh với thơ lục bát nhuần nhuyễn
Lan Anh trên giường bệnh với cơn đau
Thăng hoa Niềm Tin, vâng Ý Nhiệm Mầu
Giờ lâm tử, dâng thơ làm kinh nguyện .

*Thu Hạnh, Người Em Gái Văn Nghệ, đã phổ thơ em thành nhạc đề Ca Sĩ Hoàng Tường cùng trình bày với bản “Tìm Em” (thơ tôi

do Hoàng Tường phổ nhạc) trong Buổi Ra Mắt Thi Phẩm Vòng Bay Định Mệnh... vào ngày 11 tháng 03 năm 2001.

Đời em trăm lạng giữa đơn côi
Em phổ thơ thành nhạc khác lời
Phải những lời riêng không nói được
Hay dành để nói với ai thôi ?
Em đi như một ánh sao rơi
Để lại đời ta những ngậm ngùi
Ước nguyện Hồn em vui sống với
Nguồn Thơ Huyền Nhiệm đến muôn đời ...

Tôi cầu chúc Văn Bút Nam Hoa Kỳ tiến mạnh và vững chắc trên đường bảo tồn và phát huy Văn Hóa Việt tại Hải Ngoại. Cầu chúc tất cả Văn Thi Hữu trong và ngoài Văn Bút, vui khỏe, hăng say sáng tác, làm giàu cho Văn Học Nghệ Thuật Nước Nhà. Cầu xin cho Hương Linh những người làm, hoặc yêu thơ, văn, hưởng hạnh phúc tuyệt đối trong Cõi Vĩnh Hằng.

Lưu Thái Dzo

***Cái gì mua được bằng tiền, cái đó rẻ.
Ba năm học nói, một đời học cách...
lắng nghe.***



Nguyễn Lập Đông
Cái bang

Các bác ơi
Cháu đang ăn nhờ, ở đậu
Chỉ có outcome
Không có income
Con cá sống vì nước
Cháu sống nhờ các bác.

Lạy ông đi qua
Lạy bà đi lại
Cho cháu xin một chút thật thà
Các bác cho cháu mảnh long quá giang
Hay kiến long tại bàn
Thì good nhất
Cháu rách lắm
Rau muống mới gieo
Không biết mọc hay không.

Cháu là người xin tản
Gần vượt khỏi trần gian
Tình yêu như nổi chết
Đều đời đời bất diệt
Trong trái tim gian nan
Thế mới chán!!!



Nguyễn Thị Thanh Dương
Sapa mùa Đông lạnh

Những ngày Sapa nhiệt độ xuống thấp,
Người dắt trâu bò trốn lạnh mùa Đông,
Ngoài phố du khách áo ấm, trùm khăn,
Hàng quán vắng vì người ta trốn lạnh..

Trâu bò ngoan theo người từng bước chậm,
Như cảm thông với chủ nỗi nhọc nhằn,
Từ xã Chung Chải, Sa Pả, Tả Phìn...
Xuống vùng thấp Cốc San huyện Bát Xát

Giữa hai khe núi che ngang tấm bạt,
Ở nơi đây mong ngăn được gió lùa,
Cỏ tươi xanh dự trữ cho trâu bò,
Là gia tài người dân nghèo miền núi.

Trâu bò hãy khoẻ ngày Đông tê tái,
Nhiệt độ bớt lạnh ta dắt trâu về,
Lại cùng nhau trên đồng ruộng gần xa,
Ruộng bậc thang sẽ vàng màu lúa chín.

Hoa Địa Lan đang trồng chờ bán tết,
Cũng theo chân người rời khỏi vùng cao,
Sợ mưa tuyết, sợ gió lạnh hoa đau,
Đau cả lòng người làm vườn trồng trọt..

Thương trâu bò, thương hoa trong mùa lạnh,
Thương rừng thảo quả tuyết phủ nhiều ngày,
Người không sợ lạnh áo cũ sờn vai,
Chỉ sợ lạnh làm mất nguồn thu nhập.

Hàng năm thiếu ăn vào mùa giáp hạt,
Lúa gạo không đủ, thiếu cả ngô khoai,
Vách nhà tre nửa chênh vênh gió lay,
Khe cửa hở lạnh căn nhà trống trải.

Du khách về đây Sapa huyền thoại,
Nhà thờ đá cổ chìm trong sương mù,
Ai mơ lên đỉnh đèo Ô Quy Hồ?
Mơ lên đỉnh Fansipan tuyết phủ.?

Người dân miền núi ước mơ bé nhỏ,
Tuyết sương rơi đủ áo ấm che thân,
Tuyết sương rơi vẫn làm ruộng, làm vườn,
Để mùa giáp hạt không còn đói nữa.

Nguyễn Thị Thanh Dương.

***Chặng đường ngàn dặm
luôn bắt đầu bằng một bước đi.
Đừng a tòng ghen ghét ai đó,
khi mà họ chẳng có lỗi gì với ta.***



Nguyễn Ninh Thuận **Mùa Xuân không quên...**

Còn hai tuần nữa mới đến Tết, thế mà cây Mai trước cửa nhà Minh đã đua nhau nở rộ, hoa vàng rực cả một góc sân. Mọi người đi qua nhà Minh đều trầm trồ lên tiếng:

-Cây Mai nhà Bác Cử năm nay nở hoa nhiều quá...

...Mẹ Minh thường xuyên ngồi đu đưa trên chiếc võng treo ở mái hiên trước nhà. Tay Người thoăn thoắt đan những chiếc áo len cho khách hàng không ngừng nghỉ. Nghe tiếng người lối xóm khen tặng cây mai nhà mình, mẹ Minh ngừng tay, bà mỉm cười nhìn khách nói với mấy người hàng xóm thân quen:

-Chưa đến ngày Tết mà hoa Mai của nhà tôi đã nở rộ hết rồi chị à! Không biết đến đúng ngày Tết có còn được mớ hoa nào để cất chung trên bàn thờ không nữa?!

Người lối xóm tươi cười nói:

-Sao chị không canh ngày để trảy lá Hoa Mai nở đúng vào ba ngày Tết cho đẹp mắt!

Mẹ Minh không vui, bà ôn tồn trả lời :

-Mọi năm ông nhà tôi tính toán ngày tháng để trảy lá nên Mai nở đúng ngày Tết lắm. Nhưng năm nay ông nhà tôi bận về quê sửa chữa, tu bổ lại ngôi từ đường để đến Tết, gia đình chúng tôi kéo nhau về quê ăn Tết vài ba ngày với bà con họ hàng thân thích cho vui.

Thằng Quang, anh của cháu Minh lãnh phần chăm lo cho cây Mai. Chắc cháu nó tính toán sai ngày, nên cháu nó trảy lá sớm hơn

mọi năm, thành ra hoa Mai nó nở sớm hơn mấy ngày, thật đáng tiếc!

Bà hàng xóm chăm chú nhìn kỹ cây Mai của nhà Minh, bỗng bà ta reo lên nói:

-Á! tôi thấy còn nụ nhiều chưa nở lắm chị à... Chắc chắn sẽ có đợt hoa kế tiếp nở đúng vào ngày Tết. Đừng buồn nữa chị ơi! Chúc mừng chị ngày Tết sẽ có nhiều hoa Mai đua nở... Chúc chị thật may mắn. Thôi chào chị tôi đi đây!

Sau mấy phút chuyện trò với chị Tư cuối xóm, mẹ của Minh thu xếp que đan và len sợi vào giỏ xách bước vào nhà. Người chuẩn bị lo bữa cơm trưa cho gia đình... Mẹ Minh đang lui cui làm bếp, bỗng bà nhìn thấy bóng dáng Minh thấp thoáng ở buồng trong. Bà lên tiếng hỏi con:

-Hôm nay sao con đi học trễ thế? Bộ con đau hay sao vậy con!

Tiếng nhỏ nhẹ của Minh từ buồng trong vọng ra:

-Thưa mẹ, Ông thầy Đăng dạy Anh vẫn bị cảm nên lớp con được nghỉ học hai giờ đầu, nên hôm nay con đi trễ vì 10 giờ con mới có lớp học Toán.

Nói đến thầy Đăng, Minh chợt nhớ ra mùng hóa trang vào dịp Tết của toàn trường Đồng Khánh nhân mùa Xuân về. Thầy Đăng là đạo diễn cho hoạt cảnh “ Xuân về trên quê hương “ Thầy thủ vai Chúa Xuân với bộ râu dài quá bụng và áo quần sắc sỡ. Tay thầy chống gậy dẫn đầu với tiếng pháo nổ vang rền.... Lần lượt theo sự sắp đặt của đạo diễn cho thích hợp với chủ đề... Một đoàn người gồng gánh gà, vịt kêu lên inh ỏi, nải chuối, buồn cau, rau cải đủ thứ như một phiên chợ trước Tết thật sự... Chị An lớp Đệ nhất B, trong lớp áo vải bạc màu của người nông phu đang dắt con heo ra chợ bán...

Rồi các bạn gái hóa trang trai, người đóng vai anh nông phu quần ống cao ống thấp, kẻ vác cây, người vác cuốc, cầm cào... Các chị áo bà ba, quần thâm, quần đen... mỗi người một vai, nào là gồng gánh thóc gạo, mạ non, bánh trái v.v... Các cô tươi cười xúng xính trong chiếc áo dài sắc sỡ với dù, nón đủ cỡ... Rồi những chiếc áo tứ thân, màu nâu hay đủ màu sắc với khăn mỏ quạ hay nón quai thao, gò găng... bó sát những tấm thân tuyệt mỹ... Những trang phục của dân miền núi cũng góp mặt với áo đầm, quần tây, áo kiểu phương Tây không thua gì nhau... Ô kia! Những chàng công tử với quần tây sơ mi trắng nếp nổi dài theo đoàn diễn hành quanh

trường. Người thì đội nón phớt, kẻ thì bê rê, nón cối... Một đám rước kiệu vinh quy bái tổ có nhiều lính hầu, chiêng trống inh trời với kiệu anh đi trước vòng nàng theo sau... Xa xa một đoàn đám cưới nhà quê với gánh xôi vò và con lợn béo dẫn đầu... Các em lớp sáu thì đóng vai những đứa trẻ cầm trong tay các món đồ chơi như trái cầu, quả banh, bộ thẻ, chùm dây thun, dây pháo...

Lớp của Minh thì đóng một trong những vai ông đồ, cụ lý, cậu ấm... với khăn đóng áo dài the hay gấm... tay che dù hay chống gậy với râu tóc xồm xoàm trông thật buồn cười... Màn hoạt cảnh cũng không thiếu bóng dáng những anh lính chiến oai hùng đủ các binh chủng Hải Lục Không quân. Đây đủ thiên thần mũ đỏ, mũ nâu, mũ xanh... Với các cây súng và giàn pháo binh, xe tăng thêm nét kiêu hùng của các chị các anh trong vai các anh lính chiến xả thân cho quê hương, đất nước...

Lần đầu tiên Trường Đồng Khánh tổ chức hoạt cảnh thật công phu, vĩ đại.... Các lớp riêng rẽ đóng góp vào, nhưng nó như một mắc xích liên kết với nhau vào hoạt cảnh được trình diễn quanh trường vào dịp trước Tết Mậu Thân... Kỷ niệm đẹp không bao giờ phai nhòa trong ký ức của Minh....

...Thế rồi vào trưa 30 Tết, Mẹ Minh làm mâm cỗ cúng thổ thần đất đai trong nhà. Sau khi thu dọn gọn gàng nhà cửa, cả nhà Minh đón xe đò về Mỹ Chánh ăn Tết và định chiều mùng 2 mới trở về nhà để đón bạn bè trong những ngày cuối Tết còn lại...

... Nhưng hai ngày sao mà xa vời vợi trong cái tan chung của Tết Mậu thân ở xứ Huế... Bọn Cộng Sản đã lợi dụng ngưng chiến trong dịp Tết, dựa vào tiếng pháo đêm giao thừa để tấn công vào thành phố Huế. Họ đã mất tính người, xé bỏ hiệp định ngưng chiến trong ba ngày Tết. Họ ngang nhiên nã súng ào ạt vào các thành phố thân thương hiền hòa của miền Nam Việt Nam, chúng đã giết không biết bao nhiêu người dân vô tội. Trong đó có xứ Huế thân thương của chúng tôi. Chúng giết biết bao là trẻ thơ đang xúng xính trong chiếc áo mới còn thơm mùi vải, hay đang vui chơi khoe với bạn bè bao lì xì, bánh trái mới nhận được... Kìa những đứa trẻ chết tức tưởi miệng đang còn ngậm vú mẹ. Xác những bà mẹ loang lổ máu đào vì súng đạn không buông tha... Họ chết đi trong tư thế đang cúi xuống nựng con với nụ cười trên môi chưa kịp tắt... Đằng kia vài ba cụ già áo dài, khăn đóng gục xuống bàn bên chén trà còn bốc khói, hay bên những câu thơ đối chưa ráo mực. Rồi còn nữa... những đôi mắt tròn tròng như còn suy nghĩ

một nước cờ không tìm ra đến mãi thiên thu.... Ngoài chuồng heo, xác một cụ già cháy sém trong tư thế đang đồ cắm cho con heo cùng chung số phận. Gà vịt thì nằm chết la liệt trong sân với nắm thóc còn trên tay của một người con gái chưa rải ra kịp chỉ vì trái pháo của định mệnh ngăn chặn... Xa xa trên một con đường nhỏ đầy áp người vui xuân nằm chết la liệt. Đáng buồn nhất là một đôi trai gái chết hết sức tức tưởi. Trên khuôn mặt người con gái còn in nét e lệ vui tươi. ... Người thanh niên nắm chặt phong thư tình chưa kịp trao cho người mình yêu thương tha thiết... Không biết khi xuống âm phủ chuyện tình của họ có tốt đẹp không nhỉ?...

...Quê Minh đặt trong tình trạng báo động...

Không khí Tết tắt ngúm khi Radio loan tin Huế bị Cộng sản chiếm đóng. Tin xấu được loan nhanh trong từng phút, từng giờ... Giờ này, Việt Cộng đang ào ạt từ Phú cam tràn xuống. Họ lại từ Cầu Đức bủa vây. Rồi thì ngoại, nội thành cùng tổng tấn công một lượt vì sự nhẹ dạ một số ít người ăn cơm Quốc gia thờ ma Cộng sản... Từng toán đặc công bò lên thành bốn phía để đột nhập vào Thành nội. Họ từ mọi ngã như Cầu kho, Hồ Tịnh Tâm, Gia Hội, Vĩ Dạ, Kim Long tràn ra... Họ coi mạng người như cỏ rác miễn đạt được mục đích là treo cờ và chiếm đài phát thanh để nắm trọn tình thế. Ai chết mặt bầy, thành phố nhà cửa trở thành bình địa cũng mặc. Người dân thành phố Huế ăn Tết bằng bom đạn, súng cối, dèp râu với những khuôn mặt búng ra sữa nhưng lúc nào cũng đờ đẫn sát khí. Với chủ trương “giết lầm còn hơn bỏ sót”... Những kẻ chỉ điểm ra tay tư thù, tư oán bất bớ giam cầm người dân, quân nhân, công chức không có chỗ chứa... Không khí nghi kỵ, lo sợ đè lên cuộc sống hiền hòa của người dân Huế vô tội.... Tính mạng con người cũng coi thật rẻ rúng. Chỉ một viên đạn là rồi đời một kẻ chân tu, nhà mô phạm hay kẻ hiền đức... Quyền sinh sát ở trong tay kẻ khát máu bạo tàn... Sau mấy ngày chiếm cứ thành phố Huế, một màn đấu tố thanh trừng xảy ra... Đó là biển máu trong những ngày chào đón chúa Xuân Mậu Thân về. Hoang tàn đồ nát thật sự đến với thành phố cổ kính thân thương. Nhà cửa tan hoang, sụp đổ... Những hố bom như những cái giếng ngập máu người tanh tưởi. Mùi tử khí xông lên nồng nặc át đi cái không khí se lạnh hiền hòa của xứ Huế mộng mơ. May phước những ngôi nhà còn sừng sững đứng đó để thi gan cùng tuế nguyệt... Nhưng những dấu vết của bom đạn còn khắc ghi đậm nét với thời gian tui

nhục, mắt mát, hờn căm với con tim rỉ máu của tất cả mọi người dân Huế hiền hòa dễ thương...

..Sau bao ngày chiến đấu gian khổ, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa mới dành lại được chủ quyền trên xứ Huế mộng mơ. Qua Radio loan tin khu rừng kia là mồ chôn tập thể của một nhóm công chức trong chính quyền Quốc gia. Khu vườn nọ lại chôn xác các đảng phái chính trị... Đêm không sao cho hết những nấm mồ tập thể chôn đầy xác người dân Huế vô tội...

... Minh nằm đây trong chiếc hầm đất ở ngoài vườn với những bản tin nóng hổi. Nàng đã khóc ròng khi biết tin sân trường Gia Hội là nấm mồ chôn tập thể của dân lành vô tội. Ngôi trường tiểu học thân thương mà Minh đã mài dũa quần trong lứa tuổi ngây thơ Tiểu Học. Ngôi trường còn in dấu vết của thời ngây thơ trong trắng... Cái tuổi chỉ biết đùa vui với bạn bè dưới những cây phượng to lớn. Rồi những màn nhảy dây, chơi ô làng, búng dây thun và trốn tìm sau những thân cây to lớn và những ngõ hẻm kín đáo, nay đã nhuộm máu đào của người dân đã chết tức tưởi dưới họng súng của kẻ khát máu, bạo tàn... Nhà Minh ở đường Mạc Đĩnh Chi, đối diện với trường Tiểu học Gia Hội. Những ngày hè chói chang, oi bức, thiếu làn gió nhẹ, sân trường là nơi tụ tập của đám con nít tụi Minh. Với những cây phượng đầy hoa đỏ ối, cành lá sum sê là chỗ chơi thích hợp nhất cho nhóm của Minh. Thỉnh thoảng hoa phượng rơi rụng tung bay trước gió như đàn bướm lượn trông rất đẹp mắt... Ở nơi đó, bọn Minh hứng được không khí mát mẻ và nhặt những cánh phượng làm đồ hàng mua bán, nấu ăn... Có những lúc tụi Minh trải những tấm nilon ngủ gà, ngủ gật để nghe tiếng ve sầu rỉ rả bên tai. Hay chuyền tay đọc những chuyện cổ tích...

...Một thời gian sau với bao chiến tích oai hùng của các anh lính chiên đã quét sạch Việt Cộng ra khỏi xứ Huế đẹp xinh. Thành phố đã

được các anh lính chiên đem biết bao xương máu để bồi đắp và xây dựng lại trước bao đổ nát hoang tàn... Thành phố từng bước được hồi sinh trước bao khuôn mặt ngơ ngác như từ cõi chết trở về...Số phận người dân ở đây thật là nghiệt ngã. Tất cả đã được diễn tả trong bài hát “ Tiếng Sông Hương “...Mùa Đông thiếu áo, Hè thời thiếu ăn. Trời đầy cơn lụt mỗi năm ”. Thế mà người cùng chung một dòng máu Lạc Hồng lại nở lòng bán rẻ lương tâm. Họ lại chạy theo chủ thuyết độc tài Cộng Sản, đang tâm dày xéo mảnh

đất khô cằn nhưng rất hiền hòa và là chỗ chôn nhau cắt rốn mà người dân ôm ấp, không nỡ dứt áo ra đi...

Gia đình Minh từ quê trở về lại ngôi nhà trước trường Tiểu học Gia Hội. Thật là hú hồn cho toàn gia đình Minh tránh được bom đạn khốc liệt trong những ngày Tết Mậu Thân. Mạng sống toàn thể gia đình Minh được bảo toàn. Nhưng đứng trước những đổ nát vật chất của ngôi nhà Minh cần xây dựng lại, Minh đau xót làm sao! Minh đưa mắt nhìn xung quanh các nhà khác...Nàng thấy những vết đạn còn in sâu vào vách tường, chắc phải một thời gian rất lâu mới phai nhạt đi được những chứng tích của đau thương...! Tầm mắt của Minh dừng lại bên kia đường...Ngôi trường Gia Hội hiện ra với vẻ tiêu điều ảm đạm... Sân trường nhấp nhô những hố sâu chưa kịp sang bằng. Nước mắt Minh chảy dài trên má. Nàng tự hỏi:

-Không biết những xác chôn tập thể có được cải táng chưa? Linh hồn họ có được siêu thoát không?

Một cảm giác rờn rợn xâm chiếm tâm hồn Minh; Nàng tự nhủ thầm:

-Từ nay về sau mình không dám đi đâu về khuya. Đêm tối học bài, mình không dám mở cửa sổ để nhìn phía bên kia đường. Chắc mình phải dọn vào phòng của mẹ xin ngủ chung thôi...

Mình đang đắm chìm trong suy tư kinh sợ... Bỗng giọng u buồn của mẹ Minh cất lên trong thôn thất:

-Mẹ mới được tin hai bà bạn của mẹ đã bị lạc đạn của Cộng Sản chết hôm mùng một Tết rồi con à! Con còn nhớ Chị Tư, hôm trước Tết đã nói chuyện với mẹ về cây Mai trước nhà mình đó không con?

Với nước mắt chảy xuống cho một người bạn chết vô lý vì kẻ dã man, bạo tàn gây ra. Mẹ Minh giọng đứt quãng than thở:

-Con người sống chết chỉ gang tấc... Mới ngày nào chị em còn vui vẻ chuyện trò, nay đã ra người thiên cổ. Đúng như câu kinh Phật “ Sắc sắc, không không...” Thế mà con người không chịu tu tỉnh, lo sửa mình, đừng gieo bao nghiệp chướng nặng nề. Cứ mãi đeo đuổi cái nghiệp ác, cái xấu.. Cứ mãi lờ vào tiếng ra làm cho gia đình kẻ khác tan nát, đau khổ... Họ lại dùng bom đạn để đâm chém nhau... Rồi gian xảo lừa vu vạ cho nhau... Đáng buồn thật!!!

Minh choàng tỉnh trong đau buồn tột cùng... Nàng đến ôm chầm mẹ với lời an ủi:

-Thôi mẹ à! Mẹ đừng buồn mà có hại cho sức khỏe. Con người có số phận hết mẹ à! Trời kêu ai nấy dạ thôi!

Cùng lúc ấy tiếng ba Minh cất lên:

-Hai mẹ con bà trốn đi đâu mà không phụ một tay với tôi và anh Hai con Minh dọn dẹp nhà cửa đi nào!

Anh Hai của Minh cũng lên tiếng phụ họa:

-Minh vào đây phụ anh khiêng cái bàn lên để có lối đi. Nhà cửa gì mà như một bãi chiến trường ngổn ngang đây này!

Minh và mẹ nàng không ai bảo ai, cả hai cùng tiến sâu vào nhà bắt tay dọn dẹp... Tất cả cùng cố quên đi những quá khứ buồn đau... Họ hướng về phía trước để xây dựng cho tương lai sau đó nát hoang tàn...

“...Nhớ lại Tết Mậu Thân năm sáu tám,
Cộng sản bày trò hù chiến cho dân.
Vui đón Xuân, chính phủ chẳng ngại ngần,
Chúng lợi dụng xua quân vào đánh chiếm.

Tổng tấn công, cả miền Nam đột biến,
Khiến ngày vui thành chết chóc tang thương.
Phố thị miền Nam thành bãi chiến trường,
Thương biết mấy nhân dân thành phố Huế.”

Tội ác kia bút mực nào tả xuể,
Thủ đoạn dê hèn Cộng Sản gây ra.
Giết hại người dân, nát cửa, tan nhà,
Nhân dịp Tết thật quả là trọng tội.

Lũ ác kia hãy thật lòng sám hối,
Để người dân còn tình nghĩa thứ tha.
Để cùng chung xây dựng lại nước nhà,
Thật Dân Chủ, Tự Do và Hạnh Phúc .

Vì dù sao ta cũng cùng cốt nhục,
Chẳng lẽ nào giết hết các bạn sao?
Hãy cùng nhau sát cánh với đồng bào,
Lo xây dựng Việt Nam ta hùng dũng...

Nguyễn Ninh Thuận



Vũ Tiễn Lập

Chuyển ngữ

Thơ Tomas Tranströmer

The Blue House

It is night with glaring sunshine. I stand in the woods and look towards my house with its misty blue walls. As though I were recently dead and saw the house from a new angle.

It has stood for more than eighty summers. Its timber has been impregnated, four times with joy and three times with sorrow. When someone who has lived in the house dies it is repainted. The dead person paints it himself, without a brush, from the inside.

On the other side is open terrain. Formerly a garden, now wilderness. A still surf of weed, pagodas of weed, an unfurling body of text, Upanishades of weed, a Viking fleet of weed, dragon heads, lances, an empire of weed.

Above the overgrown garden flutters the shadow of a boomerang, thrown again and again. It is related to someone who lived in the house long before my time. Almost a child. An impulse issues from him, a thought, a thought of will: "create. . .draw. . ." In order to escape his destiny in time.

The house resembles a child's drawing. A deputizing childishness which grew forth because someone prematurely renounced the charge of being a child. Open the doors, enter! Inside unrest dwells in the ceiling and peace in the walls. Above the bed there hangs an amateur painting representing a ship with seventeen sails, rough sea and a wind which the gilded frame cannot subdue.

It is always so early in here, it is before the crossroads, before the irrevocable choices. I am grateful for this life! And yet I miss the alternatives. All sketches wish to be real.

A motor far out on the water extends the horizon of the summer night. Both joy and sorrow swell in the magnifying glass of the dew. We do not actually know it, but we sense it: our life has a sister vessel which plies an entirely different route. While the sun burns behind the islands.

Căn nhà màu xanh

Đó là đêm với ánh sáng chói lọi như mặt trời. từ cánh rừng nhìn về phía căn nhà với những bức tường màu xanh sương mù. Như thể tôi đã chết mới đây và nhìn thấy căn nhà từ một cánh giới mới.

Nó đã đứng đây hơn tám mươi mùa hè. Gỗ đã được ngâm tẩm, bốn lần với niềm vui và ba lần với nỗi buồn. Khi một người sống trong ngôi nhà cũ nát đã được sơn lại. Từ bên trong người chết vẽ lấy chính mình mà không cần cây cọ.

Ở phía bên kia là địa hình mở rộng. Trước đây là một khu vườn, bây giờ trở thành hoang dã. Cỏ lứt trong yên lặng, am tự cô đại, lãng quăng chữ nghĩa, Kinh điển (Upanishades) cô đại, hải tặc Viking cô đại, đầu rồng, giáo mác, một đế chế cô đại.

Trên khu vườn cỏ mọc ngắt ngầy, bóng của một chiếc hời khăng, ném ra và ném ra lần nữa. Điều này liên quan đến người sống trong căn nhà đã khá lâu trước khi tôi có mặt. Hầu như có một thời thơ ấu. Sự xúc động từ người đó, một tư tưởng, tư tưởng của trí óc: "sáng tạo. . . vẽ. . ." như để thoát khỏi số phận của mình qua thời gian.

Căn nhà giống như tranh vẽ của trẻ thơ. tuổi thơ lớn dần trong quên lãng mà con người sớm từ bỏ. Mở cánh cửa, bước vào! Bên trong nổi bật khuôn lõng lõng trên cao, nhưng sự an bình ngự nơi những bức tường. Phía trên giường có treo một bức tranh diễn tả con tàu với cánh buồm mười bảy, biển động và gió lộng khó tàn trên khung mạ.

Nơi đây luôn luôn sớm. trước ngã tư đường, trước những lựa chọn không thể thay thế. Tôi biết ơn cuộc sống này! Và tôi ghi nhớ những lựa chọn thay thế. những phác thảo sẽ được thành hình.

Tiếng động cơ xa dần làm mặt nước mở rộng chân trời của đêm hạ. Những niềm vui và nỗi buồn nổi lên trong lãng kính của hạt sương. Chúng ta không thực sự biết điều đó, nhưng chúng ta cảm nhận được: Đời sống của chúng ta là một con tàu đi qua những ngổ rề bất ngờ. Ngoài kia mặt trời đang đốt cháy đằng sau những hòn đảo.

Vũ Tiến Lập



Hoàng Xuân Sơn

Tím trời

qua buồn
sinh thức phương namthỏ cơn luân vũ
cho rằm đoái thiên
mùa mai
trắng rập xuống miền
con đường ô hạng
nằm riêng phía này
hát hồi
mấy độ rung tay
hợp
tan
rời cũng theo bầy
lạc duyên

Người Người

khoanh tay
giữa lúc người cười
vươn vai giữa lúc
người rơi xuống
đường
người người
tán. tận đẳng phương
người tụ lại theo nhạc
phường bát âm
chẳng phải cuộc tang thương nhằm
bởi tại người lỡ
cuộc trăm năm về
cuộc tàn
khóa hòng mù mê



Như phong Bóng đời

Ta đóng cửa nhốt nỗi buồn thiên cổ
Lắng nghe hồn mình lạnh buốt trăm năm
Trong bóng tối nghe ra từng nhịp thở
Một trái Tim buồn trần trở ăn năn

Ta đóng cửa ngâm mình trong cốc rượu
Tri kỷ bên trời cát bụi nhớ thương
Nghe xót xa đau giữa chốn vô thường
Nên thả hồn bay qua mây trùng dương

Ta đóng cửa ôm quăng đời tui nhục
Khát nợ tình em, khát nợ quê hương
Ta nén đòn đau đến hồi ngã gục
Diêm Vương sai người gõ cửa đưa đường

Ta đóng cửa nghe hồi kinh cứu rỗi
Lời kinh vọng về từ cõi vô ưu
Cứu một linh hồn trầm luân khốn khổ
Giữa gió mưa đời chất ngất đau thương

Ta đóng cửa ngồi nghe hồn sám hối
Chuyện tử sinh và lý lẽ vô thường
Mỗi ngày qua bao nhiêu người đã chết
Nếu có luân hồi cũng lắm đoạn trường

Ta đóng cửa nghe đất trời vô tận
Mãi quần quanh quanh quần xoay vòng
Con người mãi yêu thương ghét hận
Nên suốt đời cứ mãi long đong.



Linh Vang Và mưa vẫn rơi

Ở tiệc cưới, tình cờ Tuyền nghe một người ngồi cùng bàn kể chuyện cho người bên cạnh ông ta về một người khác ở xa.

“...Hắn là phó quận trưởng trước 75 mà giờ chuyện vợ con tang thương lắm. Ly dị có 3 đứa con, tiền chu cấp nuôi con làm hắn điên cái đầu. Làm có đồng nào là bị vợ lôi ra tòa đòi trả thêm. Hắn chán quá, làm liều, không thèm đi làm nữa, để khỏi bị chặn tiền từ cái *check* lương, ở chung chạ với bạn bè, làm bậy bạ lấy tiền mặt, sống qua ngày, vợ cũ không biết. Đó là chính con vợ hắn bỏ hắn, có bồ mới và cũng có con với người ta rồi. Thấy hắn gọi sang kể lể tội lắm anh ơi. Dân 75, từ ngày qua Mỹ là đi học miết, có đủ thứ bằng, mới lấy vợ chừng 10 năm nay, ai dè khổ như thế!”

Tuyền hơi nghi nghi, có khi nào là Hoành...? Cũng cự phó quận trưởng. Cũng học cao học rồi tiến sĩ, rồi đi làm có tiền và lấy vợ. Nhưng không lẽ hoàn cảnh của anh lại bất hạnh đến như thế! Tuyền chú tâm lắng nghe xem người đàn ông đó có nói thêm gì nữa không. Thì ngay lúc đó, người đàn ông nói tiếp:

“Thằng Hoành nói hoài, tui may mắn hơn hắn, đi cải tạo về còn vợ con, bây giờ vợ chồng, con cái dâu rể cháu chắt ở chung một nhà rộng lớn, vui vẻ. Còn nó thì không có cái nhà để ở, mang tiếng là dân qua năm 75! Bằng đó chữ nghĩa mà còn thua thằng 190 Tin Vaên

HO mới qua như tui. Ở nhờ vả như thế thì ai cho ở hoài, họ cũng khinh khi ra mặt chứ!”

Người kia xem ra rành đời sống bên Mỹ, nói:

“Xứ này dính vào cái vụ Child Support (1) là không ngóc đầu lên nổi!”

Người đàn ông lại chắt lưỡi nói:

“Con vợ trẻ quá! Cái ngữ ấy thì sống với nhau không bền là cái chắc!”

Tuyền nghĩ thầm. Vợ của Hoành rất trẻ. Quả đúng là Hoành rồi! Sao đời lại ra nông nổi đến thế!

Tuyền ngồi im thin thít. Hai người đàn ông nói thao thao qua lại đó quả là không biết Tuyền là ai. Tuyền không dám nhìn thẳng vào mặt họ, vờ hốt nắm đậu phộng rang trên cái đĩa, đưa từng hột vào miệng nhai, giả vô tình như không để ý họ đang nói chuyện với nhau, về một người nào đó ở xa.

Lúc đó, chồng của Tuyền đang ngồi lắng nghe trên sân khấu một ca sĩ Việt hát giúp vui một bản nhạc lời Mỹ. Anh không để ý mấy ông Việt Nam ngồi chung bàn đang nói chuyện gì, vì anh không hiểu tiếng Việt, chỉ biết sơ vài tiếng để chào hỏi thôi. Cô ca sĩ mồm non phát âm lời tiếng Anh không rõ, anh phải chăm chú lắng nghe là vì vậy. Anh vô tình không biết Tuyền đang bị một cái sốc mạnh. Tuyền đang lúng túng. Đầu óc Tuyền đang nhớ về dĩ vãng.

Ngày đó, Hoành có nhiều tham vọng. Muốn học thật cao, sẵn ý mình có khả năng học. Trai tài, gái sắc. Hoành chủ trương lấy vợ trẻ, đẹp. Tuy là quen Tuyền nhiều năm, cũng nói yêu thương, nhưng Hoành không có ý định lấy Tuyền làm vợ. Tuyền thì vẫn ngây thơ tin nếu Tuyền làm đủ mọi cách để Hoành phụ thuộc vào Tuyền, thì trước sau gì Hoành cũng sẽ hỏi cưới Tuyền. Tuyền lo cơm nước, học đủ món ăn Việt để nấu cho Hoành ăn, giặt giũ áo quần, làm đủ mọi thứ chuyện để Hoành rảnh rang mà học hành. Ngay cả việc Tuyền vào thư viện tìm giùm tài liệu để Hoành viết *reports*. Tuyền đi shopping sắm từng cái áo cái quần, đôi giày đôi vớ cho Hoành. Ngay cái bánh xe mà xẹp lốp, cũng Tuyền đứng lui cui bơm hơi!

Tuyền và Hoành tình cờ quen nhau ở tiệc sinh nhật của một người bạn. Hoành là bạn cùng lớp với Ân, bạn trai của Thảo, Thảo là bạn của Tuyền. Bạn cùng lớp nhưng thật ra Ân nhỏ tuổi hơn Hoành nhiều và chỉ hơn Tuyền và Thảo vài tuổi. Khi Tuyền

cặp với Hoành, các chị của Tuyền không hiểu sao Tuyền lại thích một người đàn ông lớn tuổi như vậy. Hoành hơn Tuyền 9 tuổi. Tuyền chỉ trẻ, có làn da trắng, không đẹp cho lắm, tuy vậy cũng có nhiều thanh niên cùng trang lứa để ý, lại nữa đạo ấy hoàn cảnh người Việt là trai thừa gái thiếu. Ấy vậy mà Tuyền mê Hoành. Sau vài tháng quen biết là Tuyền dọn vô ở hẳn căn phòng nhà Hoành, vì Hoành thêm ăn đồ ăn Việt mà đàn ông con trai như Hoành lại không biết nấu nướng. Hoành nói, anh mê cái món cá kho của Tuyền, khẩu vị giống như mẹ anh thường nấu (bà còn kẹt lại ở quê nhà). Các chị khuyên em không được-Tuyền kêu là Tuyền đã lớn rồi, muốn tự lập-dành bó tay. Cha mẹ họ ở bên Việt Nam không biết. Vì không ai bên này dám nói, sợ ông bà buồn.

Thấy Tuyền ở chung với Hoành lâu mấy năm như vậy mà không nghe chuyện cưới hỏi, các anh chị của Tuyền cũng hồi hộp, sốt ruột, sợ em mình không chừng bị gạt cả tình lẫn công. Đó là chưa kể tuổi thanh xuân của em mỗi ngày mỗi trôi qua trong nỗi vô tình của trời đất. Các chị cứ hỏi, nó có tính toán gì không? Tuyền không biết trả lời sao. Tuyền hỏi Hoành có tính toán gì không, thì chính Hoành cũng nói thẳng, còn bận học, chưa nghĩ tới, chưa tính toán gì. Hỏi có thương Tuyền không thì Hoành nói có, nhưng Hoành không chắc chuyện ngày sau sẽ ra sao. “Anh sợ anh sẽ không chung thủy với em!” Tuyền nghe nói vậy buồn lắm, nhưng lại cố nghĩ anh nói như vậy nhưng không có ý như vậy, vì đâu còn ai chăm lo săn sóc anh bằng Tuyền. Tuyền không mong là anh sẽ cảm động rồi hỏi cưới Tuyền, mà mong là anh thấy sự cần thiết có Tuyền bên cạnh anh, rồi một ngày anh sẽ tự động làm việc ấy. Tuyền đi làm thêm để lo chi phí cho hai người. Thức khuya, dậy sớm. Vừa học vừa làm. Còn Hoành thì học toàn phần, không đi làm gì cả, lệ thuộc hẳn vào tiền *grants* (2) và tiền vay mượn, *loans*. Dĩ nhiên là phải túng thiếu. Tiền của Tuyền đi làm lấp vào chỗ hổng đó.

Họ sống có khác chi một cặp vợ chồng trẻ còn nghèo. Vợ đi làm nuôi chồng ăn học. Chừng chồng vinh hiển thì vợ sẽ hưởng bổng lộc theo. Tuyền tự an ủi mình, cái tờ hôn thú chỉ giúp người đàn bà cảm thấy an tâm hơn, chứ thật ra chẳng có nghĩa lý gì nếu họ muốn chia tay. Nhưng ở đây, Hoành lại không hứa hẹn gì cả. Nên không ai có thể trách cứ Hoành được. Chỉ có Tuyền là mong một ngày được Hoành đeo cho nhẫn cưới vào ngón tay thon thon của nàng.

Có những mầm mống sở Khanh rõ ràng như thế mà Tuyền vẫn khờ vẫn sống với Hoàn cho tới ngày Hoàn bỏ Tuyền đi lấy vợ ở một tiểu bang khác. Tuyền nghe bạn bè nói phong phanh, đó là một người con gái trẻ đẹp, nhỏ hơn Hoàn gần hai chục tuổi, vừa xong trung học và không có ý muốn học cao, mà Hoàn quen trong lúc đi phỏng vấn xin việc ở tiểu bang nơi cô ta ở. Thế là công lao lâu nay của Tuyền một sớm một chiều đã trở thành là công dã tràng se cát! Tuyền đau khổ lắm nhưng phải ngậm hột thị không dám hé răng than vãn với các chị của nàng, sợ lại làm các chị buồn, vì đã không chịu nghe những lời các chị khuyên bảo trước đây.

Đó là thời gian cuối năm dương lịch, năm đó trời mưa dầm dề, mưa ào ào như trút nước và rồi rỉ rả ngày này qua ngày khác. Cảnh vật thật âm ảm, thê lương. Âm ảm ngoài trời, âm ảm trong lòng. Mà cái âm ảm trong lòng Tuyền thì còn kinh khủng hơn. Có một khoảng trống vắng khó tả. Tưởng chừng như có thể buông xuôi tất cả. Người Tuyền cứ như lơ lơ lửng lửng trên không! Tâm sự nặng trĩu mà không cởi mở cùng ai được. Ngay cả bạn bè, vì Tuyền sợ chúng chê cười.

Không bao lâu Tuyền cũng đi lấy chồng để lấp khoảng trống vắng đó. Sống nhiều năm với một người đàn ông mà không cưới hỏi, ở vùng này, ai cũng biết chuyện nên Tuyền khó quen với người đàn ông Việt nào khác nữa. Đạo đó dư luận (cộng đồng Việt) còn khắt khe đến như thế. Tuyền đành phải nhận lời lấy cái tên Mỹ trẻ măng cùng sở. Trẻ và đẹp trai. Trẻ hơn Tuyền hai tuổi và đẹp trai hơn Hoàn nhiều. Tóc óng ánh vàng. Mắt xanh da trời. Lại chịu Tuyền hết cỡ. Tuyền giờ không phải làm tội mọt cho ai cả mà còn được chồng hầu. Chồng tháo vát lo được việc nhà, cơm nước như phần lớn đàn ông Mỹ, nhưng khổ nỗi là Tuyền không quen ăn đồ ăn Mỹ, nên rồi lại phải nấu nướng đồ ăn Việt cho mình nàng ăn.

Khi nghe tin Tuyền ở bên này lấy chồng Mỹ, lấy người dị chủng, cha mẹ nàng buồn lắm. Ông bà vẫn mong các con có chồng Việt, vợ Việt, vì họ quan niệm, rồi cũng có ngày đưa nhau về Việt Nam ở hay ít ra cũng về thăm ông bà chứ. Tuyền phải giải thích là Paul rất thương yêu chăm sóc nàng, vả lại Tuyền cũng sợ đàn ông Việt Nam nữa. Ông bà vẫn không hiểu tại sao Tuyền lại sợ đàn ông Việt Nam. Vì tuy là Tuyền có giải thích nhưng câu giải thích lại không rõ ràng. Tuyền đâu dám cho ông bà biết sự thật: con gái

như Tuyền vì si tình mà đã ăn ở chung với một người đàn ông trước khi cưới hỏi.

Tình nghĩa lâu ngày cũng sâu đậm. Vợ chồng Tuyền có hai đứa con: một gái, một trai. Michelle 8 tuổi và Michael 5 tuổi. Bố Mỹ, mẹ Việt, con hai giòng máu thật đẹp. Mới nhìn thì cứ tưởng là con Mỹ, vì cũng tóc vàng, da trắng, mắt to, mũi cao. Nhưng nhìn kỹ thì cũng có chút nét Á Đông thanh nhã. Hai đứa nhỏ dẫn đi đâu thường được thiên hạ trầm trồ khen ngợi, làm Tuyền cũng hãnh diện lắm.

Paul chí thú làm ăn, ngoài việc làm thảo chương điện toán cho tiểu bang, anh còn mua nhà cũ sửa lại để cho mướn. Anh đã lai rai làm cái việc đầu tư đó hồi chưa lấy Tuyền. Rồi địa ốc lên giá, mười căn nhà đã giúp anh có một số vốn khá lớn. Từ khi có thai đứa con đầu lòng, Tuyền không đi làm. Mới đầu thì tính nghỉ khoảng hai, ba năm chờ cho con lớn một chút, rồi mới đi làm lại, sau đó lại thấy không cần thiết phải đi làm nên Tuyền không nghĩ chuyện đi làm nữa. Bây giờ thì coi như học có cái bằng để cất cho vui thôi. Nói thì nói vậy, chứ Tuyền biết những năm sau khi các con lớn một chút, chừng đó chắc chắn là cần tới nó. Tuyền có thể hướng dẫn các con trong chuyện học hành. Lúc này Tuyền lo chờ con đi học, đi bơi, đi học đàn dương cầm, vĩ cầm, đi chơi thể thao. Tuyền tham gia hội phụ huynh học sinh ở trường, cũng hăng say trong nhóm thiện nguyện gây quỹ cho thư viện địa phương, hay sốt sắng làm công quả ở chùa.

Hai ngày lại có một bà người Việt tới dọn dẹp nhà cửa và nấu đồ ăn Việt cho Tuyền. Mỗi tuần Tuyền đi ăn trưa với đám bạn gái còn đi làm. Họ kể cho nhau nghe đủ thứ chuyện. Nên tuy ở nhà mà Tuyền không cảm thấy bị cô lập với cái thế giới bên ngoài. Paul đi làm về thì tắm rửa cho con, phụ việc nhà. Paul nấu đồ ăn Mỹ cho anh và cho hai con.

Gia đình Tuyền có hạnh phúc. Nếu hạnh phúc là điều đơn giản tự mình cho như thế đó. Vợ chồng yêu thương nhau, không gây gổ. Con cái ngoan ngoãn, biết nghe lời. Đi thưa về trình. Đôi khi Tuyền cũng tự hỏi, nếu như Tuyền lấy Hoành thì liệu nàng có được hạnh phúc như thế này hay không. Hay cả một đời cứ phải làm toi mọt cho Hoành? Và quên bản thân nàng?

Tuyền dạy các con nói tiếng Việt với mẹ. Đêm dỗ chúng ngủ bằng những câu ca dao mà ngày xưa khi nàng còn bé mẹ nàng vẫn hay dỗ nàng ngủ. Chúng biết hát những bản nhạc Việt quen

thuộc, biết nghề ngao... Công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra, một lòng thờ mẹ kính cha, cho tròn chữ hiếu mới là đạo con...Con mèo mà trèo cây cau, hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà. Chú chuột đi chợ đường xa, mua mắm mua muối giỗ cha chú mèo...Bóng trắng trắng ngà, có cây đa to, có thằng Cuội già, ôm một mối mơ...

Có lần chơi với đám bạn Mỹ hàng xóm, hai đứa trẻ đã có thể nói tiếng Việt lén với nhau về một đứa bạn Mỹ mập nào đó. Tuyền bắt gặp và la con không được nói xấu sau lưng bạn, nhưng rồi Tuyền lại cười nói nhỏ với chúng:

“Các con có thấy là biết thêm được tiếng Việt có lợi không nè?”

Mùa hè rồi, Tuyền đã bắt đầu dạy Michelle học đọc và viết tiếng Việt. Con bé học mau. Nó đã có thể viết những câu tiếng Việt ngắn ngắn để dặn nằng làm cái này cái nọ cho nó. Đôi khi nó viết không bỏ dấu, hay không phân biệt được dấu hỏi, dấu ngã, mà đều cho dấu hỏi. Tuyền đọc mà tức cười quá, nhưng vẫn nói với con, tốt quá rồi, từ từ rồi mẹ sẽ nhắc dần cho con nhớ. Nó cũng thích nói tiếng Việt với nằng, vì biết như thế thì mẹ sẽ vui, mà mẹ vui thì nó tho thê cái gì mẹ cũng gật đầu hết. Nằng nói với con gái, “con phải viết chữ tiếng Việt cho giỏi để mà viết thư cho ông bà ngoại, chứ ông bà ngoại không đọc được chữ tiếng Mỹ đâu”. Nằng tự hứa là một ngày nào đó nằng sẽ đưa các con về Việt Nam thăm ông bà ngoại.

Trời mưa. Đường xa lộ về khuya vắng vẻ. Paul vừa lái xe vừa nghe nhạc, loại nhạc êm dịu. Thấy vợ yên lặng nhắm mắt, Paul tưởng vợ ngủ nên anh cũng không hỏi han gì. Anh vừa vặn thêm sưởi cho vợ được ấm áp. Tuyền biết điều này, vì một luồng hơi ấm vừa tỏa vào người nằng, thoải mái. Tuyền thấy cảm động, thương chồng. Hoàn thành không bao giờ làm những điều nhỏ nhặt ấy với nằng.

Tuyền miên man nghĩ chuyện xưa, chuyện nay. Chuyện xưa bây giờ chỉ như là giấc mơ thôi. Với Tuyền, hiện tại với gia đình nhỏ của nằng mới là quan trọng. Chuyện vừa nghe được đêm nay, Tuyền nhủ thầm, quên đi, không phải là chuyện của mi nữa đâu, Tuyền ơi!

Tuyền mở mắt, người rục rịch nhẹ. Bấy giờ chồng nằng mới lên tiếng:

“Gần về nhà rồi! Thấy *honey* ngủ thật ngon! Sợ hai đứa nhỏ không chịu đi ngủ mà còn đợi em về.”

“Cái đám cưới này dài tiệc xa quá!”

Chỉ mấy tháng sau đó, vào một ngày cuối tuần đi chợ VN, Tuyền nhặt được tờ báo Việt khi đứng chờ ở quầy tính tiền. Ngẫu nhiên Tuyền thoáng thấy được cái títt đăng ở trang đầu tin về một người Việt Nam ở tiểu bang C vì chuyện phải trả tiền nuôi con cho vợ cũ, hận vợ cũ dùng tiền đó để ăn chơi, nuôi bồ, mà người đàn ông đó đã giết cô vợ trẻ. Tuyền cúi xuống đọc kỹ lại. Tuyền lạnh người, hoa mắt lên. Tên họ của người đàn ông trên trang báo đó là của Hoành! Tuyền trả tiền, rồi vội bước ra khỏi cửa tiệm mà quên không xách mấy túi thức ăn. Không nghe tiếng của cô đứng tính tiền đuổi theo: Chị ơi, chị quên...Tin à, em chạy theo kêu cái chị áo tím ấy đi, chị đã bỏ quên không lấy đồ!

Ngoài trời mưa vẫn rơi...như chưa từng dứt. Những hạt mưa đột nhiên nặng hột đã trút đổ xuống người Tuyền, làm tóc đầu áo quần nàng ướt mem. Tuyền không còn biết cái lạnh là gì cả, vẫn đi trong mưa. Tuy là cả bao năm nay Tuyền không gặp lại Hoành, chuyện quá khứ đã chôn vùi trong đông tro tàn, nhưng bỗng dưng hôm nay mọi hình ảnh cũ như khơi sống lại, như mới hôm nào, như mới hôm qua. Tuyền cảm thấy như nàng vừa nghe tin một người thân của nàng đang lâm vào hoạn nạn. Tuyền biết dù người đàn ông đó đã đối xử không tốt với nàng, đã làm nàng khổ đau, nhưng Hoành mãi mãi vẫn có một chỗ đứng trong một phần đời của nàng, trong trái tim của nàng. Trái tim đó vẫn biết đau nhói. Như bây giờ. Như vừa bị một nhát dao. Đau, đau quá!

Linh Vàng

***Một ngày qua là một ngày bạn mất đi
Nhưng một ngày trôi qua trong hạnh phúc
là bạn “được”***



Lan Cao **Đêm nguyệt thực**

Đêm nay
Trắng màu đen
Vì trái đất buồn che ánh sáng.

Mặt trời
Vô dụng trước không gian
Dầu oanh liệt
Vẫn có giờ thất thế.

Ngôi sao
Đèn hay mắt tiên nữ
Nhấp nháy nhìn trời nghiệp chương Hằng Nga.

Mười sáu
Đẹp nào hơn con gái
Đóa hoa trắng lụa ngọc cung đình.

Sao giờ
Ai ghen hờn phủ tội
Ngẫu nhiên thịt da non
Máu em chảy rơi quanh vùng sám hối
Bước lang thang mắc bẫy vô hồn.

Mâm nguyệt thực
Dâng đất trời chốc lát
Xôn xang lòng trinh nữ mắt giai nhân.

Từ huyết mộ
Áo trắng bay phép lạ
Chuyển không gian sống lại thời gian.

Tái hiện thực
Vẫn Hằng Nga muôn thuở
Đời reo vui
Tắm tối đã tan rồi.



Lê Hữu Minh Toán
Răng chừ

(cảm hứng từ Yên Sơn)

Răng chừ ngày tháng qua mau
Chút se sắt lạnh cơn đau trái mùa
Đèn khuya nghiêng ngả gió lửa
Mình ta với bóng đôi bờ quạnh hiu

Răng chừ núi cũng buồn thiu
Cây khô nước mắt chim kêu lạc bầy
Hoàng hôn đậu giữa chân mây
Nhớ ơi! Khói bếp hương cay quê mình...

Răng chừ bạc kiếp phù sinh
Nổi trôi phiến ngọc khối tình Trương chi
Mặt mùa sông nước chia ly
Bên tê khuất bóng bên ni xa hình

Răng chừ chân bước gập ghềnh
Tròn tay ôm giữ suối tình lênh đênh
Ta ngồi gọi nắng bình minh
Mặt trời chừ đã ân mình phương mô?



Trần Quốc Bảo **Con Lân đen**

Cha Sở đặt tên cho Đoàn Lân của chúng tôi là Hắc Kỳ Lân, nghĩa là Con Lân Đen. Thật ra, cái đầu lân không đen, nó gồm đủ màu sắc sắc sỡ: xanh đỏ trắng tím vàng – chỉ người múa lân đen mà thôi. Đen thì đen, chứ Đoàn Lân của chúng tôi phải kể là đoàn nổi tiếng nhất Miền Đông Hoa Kỳ. Còn cái duyên do nào mà có “người múa lân đen” ? thì hờn hờn, sẽ xin trình bày ở phần sau. giờ tạm đi vài dòng quảng cáo con Lân Đen đã:

Nổi nhất của Hắc Kỳ Lân là cái đầu lân, khéo tay làm lấy mà đẹp như thứ thiệt, lại cầu kỳ nữa, mắt có gắn đèn pin nhấp nháy nhấp nháy, liếc qua liếc lại, mũi thỉnh thoảng xì ra tí khói, nội cái đuôi bằng nhung đen, có vẩy ngũ sắc là “người anh em” đã chơi trội quá cỡ rồi!

Cái nổi thứ hai của Hắc Kỳ Lân là múa tới đâu, đớp tiền tới đó, nghĩa là nó “mồi địa” tài tình lắm. Cứ mỗi dịp Tết Nguyên Đán, Lân dạo một vòng quanh tỉnh múa mừng tuổi bà con, sin sin cũng xấp xỉ đôi ba ngàn đô là thường. Năm ngoái, nổi con húng bắt tử, đoàn Lân xông đại vô nhà Thượng Nghị Sĩ Brown múa loạn một hồi, làm cho bốn năm cái xe cảnh sát hết hồn áp tới chóp đèn lia lịa; vậy mà Hắc Kỳ Lân bữa ấy đớp được của người Nghị sĩ trọn một thiên, 10 giấy Franklin mới tỉnh!, thiệt là ầu tả mà gặp hên quá xá!

Chính nhờ con “Lân Đen” làm ăn phát đạt như vậy, cho nên Cộng đoàn chúng tôi, mỗi năm đều tổ chức Tết free cho bà con, không ai phải đóng góp gì cả, thỉnh thoảng dư dả chút đỉnh

thì chi vào việc uỷ lạo các gia đình mới tới định cư để lấy thảo với bà con đồng hương, hoặc sắm quà Tết đi thăm viếng chúc Tết các Cụ Cao Niên trong các Viện Dưỡng Lão. (Cái sáng kiến múa Lân gây quỹ này được thực nghiệm ở vùng chúng tôi thấy có kết quả tốt, vậy xin quảng bá để bạn trẻ các nơi biết, tùy tiện nơi đâu áp dụng được, thì vừa mua vui ngày xuân, lại vừa đem lại chút lợi ích chung cho cả Cộng Đồng).

Nổi tiếng sau con Hắc Kỳ Lân là Lân Chợ Lớn. Lân này gồ ghề lắm, đầu lân mua tận New York, nghe nói giá tới trên ngàn đô, anh em trong Đoàn đều là người Việt gốc Hoa xuất thân từ Chợ Lớn, tay múa, tay trống, tay địa, v.v... thầy là nhà nghề, đã từng biểu diễn màn Lân leo cây, chúc đầu xuống, làm đứng tim dân Mẽo hết cả. Sở dĩ Đoàn Lân Chợ Lớn tài nghệ chuyên nghiệp như vậy, mà “yếu” hơn Hắc Kỳ Lân, là vì “các chú” đoàn viên quá hăng say chuyện business. bận bù đầu sáng đêm lo nấu nướng trong các China Restaurant, Trung thu hoặc Tết nhất tìm không ra lấy một mạng, mấy chú ham kiếm tiền chứ đâu ham hồ gì chuyện múa may văn nghệ.

Đệ tam kỳ lân, là con Lân Bé-By. Lân này của cộng đồng Salem. Hồi xưa, mấy em ở miền đó thấy người ta múa lân, cũng ngứa chân muốn múa cho vui mà không có đầu, bèn lấy cái rổ lớn, úp xuống, rồi khoét mắt, khoét miệng, dán giấy, cắm sừng, đeo râu vào... biến chế thành cái đầu lân nho nhỏ, đẹp và thật là ngộ nghĩnh. Ấy vậy mà không ngờ lại nổi tiếng như cồn, nổi là vì lân Bé-By này chỉ chuyên múa trên sân khấu, múa trong nhà, mà vì vậy có hình trên Ti-Vi, trên báo chí nhiều lắm. Kỳ Tiểu bang diễn hành năm ngoái, anh Lân Bé-By được thành phố mời múa trên cái xe truck bé tí trông dễ thương cách gì!

Lân Chợ Lớn và Lân Bé-By là những đoàn Lân chi “múa chùa” chơi vui vậy thôi, chứ không làm ăn kỹ lưỡng như con Hắc Kỳ Lân,

Và bây giờ tôi xin kể hầu quý vị câu chuyện, phải gọi là huyền thoại, về Hắc Kỳ Lân, con Lân Đen độc đáo này.

Cách đây gần bốn thập niên, nghĩa là hai năm sau khi gia đình tôi rời trại Indianatown Gap (PA) để về vùng Bảy Núi lập nghiệp. Thành phố này khi ấy có lối 40 gia đình Việt Nam tị nạn, một phần ba là Công giáo. Thoạt đầu, chúng tôi đi Lễ Mỹ, cứ mỗi weekend là xi-pông-xo tò tò đem xe tới rước đi Lễ, phải đi hai nhà thờ, một Lễ gọi là Lễ xã giao, xong rồi tà tà cuộc bộ qua nhà thờ

Công giáo Mỹ dự Lễ chính thức. Mãi cho tới khi dân ta sắm được xe hơi, cái màn treo căng ngồng ấy mới chấm dứt, có nghĩa là “Thank you, sir, tụi tôi có xế rồi, xờ để tụi tôi tự do muốn đi đâu thì đi”. Chúng tôi thành lập Cộng đồng Công giáo và kéo nhau đi Lễ nhà thờ Việt Nam, có Cha sở giảng dạy đàng hoàng.

Lễ Sinh Nhật năm ấy, Cha Sở có ấn phong của Giám mục, nên được kể là lễ Sinh Nhật đầu tiên thành lập Giáo xứ Việt Nam. Cha con chúng tôi họp nhau mấy bữa bàn soạn việc tổ chức Lễ Giáng Sinh sao cho long trọng. Thật ra, hồi đó Giáo xứ chưa có quỹ, mà anh em chúng tôi thì còn rách cả đám, nên chương trình tổ chức Sinh Nhật rất đơn giản, đại khái là: buổi chiều, mấy đội bóng chơi thể thao với nhau (Đội chân đất đá với Đội chân không, chả ăn cái giải gì cả!), buổi tối thì có văn nghệ vườn (con hát bỏ nghe chơi), 10 giờ Thánh Lễ, 12 giờ tiệc Giáng Sinh.(bữa ăn nửa đêm của đại gia đình Giáo Xứ)

Cái vụ tiệc tùng này có dính vợ chồng chúng tôi vào. Ban tổ chức khoán trắng cho gia đình tôi công tác dứt lò 3 con gà tây, và làm mấy hũ nước xốt. Vâng, thì chúng tôi hoan hỉ nhận lời, mặc dù từ bé tới giờ, ở Việt Nam tôi chỉ đớp gà ta, chưa hề xơi một chú gà tây nào cả.

Suốt ngày 24 áp Lễ, tôi hi hục đánh vật với 3 chú gà, nào quét nước màu, nào dứt vào lò, trở qua, trở lại, mỗi chú ngồi chơi trong lò tới 5 tiếng đồng hồ. Vợ tôi thì lui cui làm nước xốt, bả mua đại ba bốn thứ xốt Mỹ chế sẵn, hòa chung vào với nhau, rồi phi tiêu tôi hành mỡ, tí nước mắm nữa, trộn chung thành một thứ xốt “Việt Mỹ thân thiện”, nếm thử thấy đậm đà thơm ngon lắm.

Đến tối, khi thực phẩm đã sẵn sàng, vợ tôi rửa tay, quay lại hỏi:

- Mấy giờ rồi anh?

- Tám rưỡi. (Tôi dục) lẹ lẹ lên! Em chỉ còn nửa giờ trang điểm thôi đấy nhé. Đây lên nhà thờ 40 phút nhưng mình phải tới sớm để còn đem thức ăn vào hội trường.

- Ok, Ok! Xong rồi, anh đem mấy thứ này ra xe trước đi... O, ...này... đêm nay mình muốn em bận màu gì?

- Gì cũng được! (Tôi trả lời buông xuôi). Bà khoác cái Coat ra ngoài, nó che hết ráo, ai đâu biết màu mè khi gì.

- Chán anh!

Không nhìn lại, nhưng tôi biết vợ tôi nguyền tôi một cái áo để, bả tong tả đi vào phòng tắm, tôi nghe tiếng chân bước có hơi nặng.

45 phút sau, nghĩa là quá thời biểu 15 phút, vợ tôi mới sửa soạn xong. Chúng tôi vội vã lên xe. Và để cướp lại thời gian, tôi rồ máy ép ga cho xe vọt ào ào.

Ra đầu xa lộ, vợ tôi nhìn sang tôi hỏi:

- Bộ anh không thay đồ sao?

Tôi dúi tàn thuốc lá vào cái hộp nhỏ xíu, lắc đầu. Vợ tôi thở dài nhè nhẹ:

-Anh sao lúc nào cũng xập xệ!

- Gì xập xệ?

Tôi trả lời vắn tắt và tổng ga thêm cho xe dọt tới 75 miles.

-Anh, coi chừng cảnh sát nó thổi anh!

- Vợ tôi cảnh cáo chưa dứt lời thì từ trong đường nhỏ, một xe cảnh sát chớp lóe đèn, hụ còi rượt theo. Thê là tôi bị nó dán cho một cái ticket, thẳng cha cảnh sát lừ lừ như ông Hộ pháp, ngó mắt cảm tình. Cái giấy phạt có độ gang tay mà nó ghi chép gì rề rề lâu đến cả hai chục phút.

Sau đó, chúng tôi tiếp tục lên đường. Vợ tôi phàn nàn luôn mồm:

- Chết, trễ rồi! trễ quá rồi!

Khi xe lên đầu dốc Fort Hill, nghĩa là được quá nửa đường, từ xa tôi thấy một anh Mỹ đen đứng sát lề đường, bên gốc cây cột điện giơ tay xin “hít chai”.

Xe tôi lướt qua cái ào. Sức mấy tôi cho “anh đen” này quá giang. Mặt mũi nó thấy khiếp! Với lại, tôi đang có chuyện gấp mà! Nhưng liền đó vợ tôi đập vai tôi hỏi hả nói:

- Ngưng lại anh! Ngưng lại chờ dùm người ta kìa.

- Ủa, cái gì? (tôi trả lời, và phản ứng tự nhiên là đạp thắng rề xe vào lề đường). Cái gì? Cho nó “hít chai” hả? Sao vậy?

Khi xe ngưng lại, vợ tôi giải thích:

- Anh không thấy nó cầm cái bảng emergency sao! “Need A Ride Home ! My Wife is Having A Baby”, Trời! tội nghiệp người ta, mình phải chờ dùm ông ấy về, vợ sắp đẻ mà chồng còn đứng đường đón xe thì nguy cấp quá. Thôi, bê gì chúng mình cũng trê Lẽ đêm, đành mai dự Lễ sáng cũng được.

Tôi nhìn kính chiếu hậu, thấy anh Mỹ đen tay ôm một cái bánh xe hơi, chạy nước rút đến xe tôi. Tới nơi, vừa thở vừa nói:

- Tôi ở cách đây chừng 10 miles, bánh xe tôi xẹp phải đi fix lại, vợ tôi lại sắp đẻ, khẩn cấp quá! tôi phải về ngay để đưa nó vào bệnh viện. Xin ông bà giúp tôi...

Vợ tôi nhanh nhẹn mở cửa xe, toạc xuống băng sau và ra hiệu cho anh Mỹ đen ngồi trước, bên cạnh tôi. Rất tỉnh ý, tôi hiểu ngay vợ tôi đã cẩn thận ngồi cạnh 3 chú gà tây đút lò với một con dao phay to bản sắc như nước. Rất lễ độ, Jack (anh Mỹ đen) quay lại xá vợ tôi:

-Tôi vô cùng cảm ơn bà. Bây giờ tôi xin chỉ đường cho ông.

Jack chỉ cho tôi quẹo xe vào đường nhỏ, đồ dốc ngoằn ngoèo, rồi chạy tuốt luốt vào một khu rừng rậm rạp, tối hù. Vợ tôi bấy giờ khiếp vía, bà nói với tôi bằng tiếng Việt:

-Lạy Chúa, sao nó chỉ vào đường này, em sợ quá!

Anh Mỹ đen thì chần chẫn không hiểu câu nói của bà, nhưng tôi biết nó cảm thấu được sự lo sợ của một người đàn bà nên nói:

- Xin ông bà đừng sợ hãi. Tôi là người Công giáo, tôi tin và sợ Đức Chúa Trời. Đêm nay là đêm Christmas, tôi không thể đem 4 đứa con đi Lễ được vì vợ tôi nó đau đẻ, có lẽ sẽ sinh con đêm nay, khi tôi coi xe thì bị xẹp bánh, tôi lại không có bánh xe phụ, đành vác đi sửa, và vì thế phải phiền ông bà cho về.

- Tôi chia bao thuốc, rất tự nhiên Jack rút một điếu hút ngon lành, nói tiếp:

- Tôi ở miền quê, làm việc cho một nông trại. Tôi bị “lay off” 8 tháng nay, gia đình tôi hiện sống rất bí đất,... nhưng tôi biết Chúa rất yêu thương chúng tôi, Chúa sẽ nuôi và gìn giữ gia đình tôi.

Nói đến đây, giọng Jack trở nên nghẹn ngào, anh ta trầm giọng như thì thầm khẩn nguyện – “Lạy Chúa là Cha nhân lành, Chúa giáng trần để ban sự sống sự bằng yên cho nhân loại, xin Chúa cho gia đình con sự sống và sự bằng yên. Xin Chúa nhận lời con cầu xin”.

Xe tôi chạy một hồi nữa. Trong xe hoàn toàn im lặng. Mỗi người theo đuổi ý nghĩ riêng trong đầu mình. Khi thoát ra khỏi cánh rừng, Jack chỉ cho tôi ngưng lại trước một căn nhà Trailler khá rộng và đẹp, đó là nhà y. Bốn đứa nhỏ Mỹ đen tông cửa chạy ra, ôm lấy Jack hôn, nói meo meo:

-Sao Dad đi lâu quá vậy? “Mom” đau bụng la quá trời làm tụi con sợ quá à!

-Dad có mua bánh mì về cho tụi con ăn không? Nhà hết food rồi Dad biết không?

-Dad, baby đói sữa, nó khóc nè Dad!...

Jack hôn con, tay khệ nệ ôm cái bánh xe. Anh ta mời tụi tôi vô nhà. Tôi tính đông luôn cho được việc, nhưng vợ tôi có vẻ đã hoàn hồn, bả tỉnh bơ:

-Anh, vô thăm vợ Jack chút đi!

Chúng tôi vào nhà. Thấy traller dọn dẹp rất khang trang. Ở một góc phòng là bàn thờ Công Giáo, bày tượng Thánh Giá, tượng Đức Mẹ Maria, ... Những điều Jack nói quả là sự thật hết cả. Jack mở cửa phòng ngủ giới thiệu vợ, một bà Mỹ đen mặt mũi phúc hậu, bụng vượt mặt, tay cầm tràng chuỗi, bà vừa rên la nho nhỏ vừa lâm râm đọc lời cầu nguyện. Vợ tôi xáp tới nắm tay bà, nói vài lời hỏi thăm và trấn an. Rồi bà quay lại tôi nói với một vẻ sành sỏi chắc chắn:

- Để em ở đây nói chuyện, anh ra giúp Jack thay bánh xe lẹ lên; bà này chắc sắp sanh tới nơi rồi; gấp lên.

- Tôi phóng người ra ngoài, rồi chỉ chớp mắt cái xe của Jack đã hoàn toàn sẵn sàng. Vợ tôi dìu Betty (vợ Jack) ra xe, bả ôm thêm một bọc đồ lớn cho Betty nữa. Jack ôm hôn con, dặn dò đứa lớn ở nhà coi em. Anh ta bắt tay vợ chồng tôi, khom rạp người xuống cảm ơn rồi lên xe phóng lẹ.

Chúng tôi cũng trở đầu xe đi ra. Xe chạy được một đổi, vợ tôi lại dõ chứng, bà bảo tôi trở lại traller.

- Ủa, lại cái gì nữa đây?

- Em quên cái này. Mình chịu khó vòng xe lại chút.

-Ồi giới ôi! Thật đúng là cái nợ...

Tôi nhần nhỏ, nhưng vợ tôi không trả lời, bả xoa tay nhè nhẹ nơi vai tôi, cử chỉ vuốt ve ấy có nghĩa là “Thôi mà! Thôi mà anh!...” cũng có thể là “Chiều em chút đi! Chúa dạy yêu thương...bộ mình không thương em sao?” – Vâng, thì con xin vâng lời vợ con! Chiều ý để vợ con được mọi sự như ý. Thế là tôi de xe cái rụp, lại làm cho 4 đứa con của Jack tông cửa ra đứng trở mắt ngạc nhiên. Nhưng người ngạc nhiên nhất chính là tôi khi tôi thấy vợ tôi khoi khoi bụng một con gà tây đem vào cho 4 đứa con Jack.

- Trời đất! Trời đất! Gà của Cộng đồng chứ phải của mình đâu, bộ em là mẹ người ta sao ngang nhiên quá vậy?

Vợ tôi làm như bả điếc, cứ lù lù đi. Khi trở ra xe tôi thấy mặt mũi bả tươi tỉnh hẳn lên. Bà nói: “Mấy đứa nhỏ đòi tội nghiệp, em không biết làm sao khác hơn được. Thôi, để chúng mình xin lỗi Cộng đồng, đền lại Cộng đồng. Minh và em trình lên Cha Sở vụ này, chắc Cha không la đâu”.

Rồi những ngày tiếp theo sau đây những chuyện gì xảy ra đã xảy ra.

Nghĩa là Jack và Betty có thêm một thằng Boy đen chùi chùi, thằng con thứ năm. Mười ngày sau Jack được gọi đi làm việc lại. Chuyện thiếu một con gà tây trong bữa tiệc đêm Sinh Nhật, chúng tôi thật có lỗi với ban Tổ chức, song là chuyện nhỏ mọn, vợ chồng chúng tôi đã được sự thông cảm và an ủi của Cha Sở. Dù vậy, chúng tôi cũng loáng thoáng nghe được đôi lời trách móc nặng nề của người này kẻ khác trong cộng đồng.

Và sau chót, việc cuối cùng đã xảy ra, là hai tháng sau, vợ chồng anh Mỹ đen bỗng con tới nhà thờ Việt Nam xin Cha Sở Rửa Tội, đúng hôm tụi tôi đang cần tuyển lựa một tay “múa lân” cho ngày Tết Nguyên Đán gần tới. Biết được chuyện đó, thế là Jack tỉnh nguyện, phải nói là anh ta năn nỉ: “Xin Cha và Cộng Đồng Việt Nam cho tôi làm một cái gì đó để tôi đóng góp phần tôi cho sinh hoạt của Cộng đồng Việt Nam”.

Từ đó, chúng tôi có Jack, Betty một gia đình Mỹ đen ghi tên trong Cộng đồng Giáo xứ Việt Nam. Cũng từ cái Tết năm đó tiếp đến nay, con Hắc Kỳ Lân của chúng tôi hoạt động hăng say.

Cứ mỗi độ Xuân về là anh bạn da đen Jack Kenneth, tức là “Con Lân Đen” của chúng tôi, nó múa mết nghỉ!

Còn cái vụ “con gà tây” hồi đó, thì cho đến nay trong Giáo xứ ai cũng rộng lòng bỏ qua và quên đi rồi, nhưng riêng vợ chồng Jack & Betty thì không thể quên được, quý bạn đọc biết tại sao không? - Tại vì họ đặt tên cho thằng Boy đen là “Turkey Kenneth” để kỷ niệm chuyện “con gà tây” đó mà!

Mới hôm qua, Jack nói bô bô ở giữa sân nhà thờ:

-Ê, Tết này tui cho thằng Turkey nó cầm đuôi Lân được không?

- Được chớ sao không!

Chúng tôi đều biết một cách sâu xa rằng, họ là Mỹ đen, da họ đen, nhưng tâm hồn họ trong trắng dễ thương, dễ yêu, dễ mến vô cùng.

Trần Quốc Bảo/ Richmond,VA



Túy hà Miệt vườn

Em dân chợ Lách chợ lòn sang
Còn anh sanh ở đất Ba Càng
Hai đầu xa lạ sao vẫn nhớ
Cái phút đầu tiên học nói ngang

Em về Mỹ Thuận chờ anh nhé
Bến Bắc không gian rất lạ lòng
Đâu phải như là dân miệt dưới
Tình trao nghĩa gởi mé bụi lùm

Nghe câu vọng cổ bên bờ vắng
Lại nhớ người xa vẫn chưa về
Tần ngần tần ngần trông ngọn sóng
Lục Bình hoa tím thiệt nhớ ghê

Ghé vội lều tranh che vách Đước
Mua thêm xị Đế ngát hương nồng
Nhìn mắt lá rằm cô bán rượu
Tự dung thương điệu Lý bông bong

qua bắc cần thơ thăm chợ cũ
Nhà Lồng tóc mái sợ trời đông
Cô gánh trái cây đi như chạy
Ngại lỡ chuyến đò chiều sang sông

Ngờ ngợ người xưa theo coi thử
Có phải mười năm vẫn nhuyển như
Hóa ra rất lạ mà không lạ
Người giống người đôi nét thực hư

Chợ chiều vắng khách như biên tái
Quán cóc còn nguyên bụi ghế bàn
Nồi mấu nhà binh thời lính cũ
Đập bàn gọi rượu thử lá gan

Lá gan thiếu mật từ mất nước
Chai cứng cộng thêm cục với hòn
Đôi tai lắng xẹt nghe bụi chạy
Gió bay rượu cạn nỗi nhớ còn.

Men rượu nếp than ngày xưa cũ
Có còn hững má gái chân quê
Riêng anh đời đã như chén mễ
Làm sao hốt hết những nhiều khê.

Thôi đành cạn nốt hờn vong quốc
Giữa trời đất cũ lại hôn mê.
Em về chợ Lách còn lòn được
Anh nhớ Ba Càng nghe tái tê.



Phạm Trần Anh **"Tâm Hồn Thơ"** **Lưu Nguyễn Đạt**

Thưa quý vị,

Hôm nay, chúng ta cùng có mặt nơi đây để xẻ chia, đồng cảm với một 'Tâm Hồn Thơ' Lưu Nguyễn Đạt. Chúng ta đã bước vào 'Cõi Thơ' bao la bất tận, muôn ngàn thi tứ giao hòa cùng ngôn ngữ thi ca trác tuyệt một 'Trời Thơ', của một Văn Thi sĩ tài hoa đã "Phải Lòng Chữ Nghĩa" để tôn vinh ân ái, ca tụng tình người, xiển dương tình đất nước, ngợi ca thiên nhiên tạo hóa vô cùng vô tận. Quý vị cũng đã nghe tác giả tâm tình của cả một đời người 'Kết sinh' trong Thi tập "LỜI CỦA CÁT" để tìm về "Cái Bản Lai Diện mục" của chính chúng ta.

Thưa quý vị, Kể từ khi chúng ta cất tiếng khóc oe oe để có mặt trên cõi đời này, thì ai trong chúng ta cũng một lần tự hỏi: Chúng ta từ đâu đến, Chúng ta đến đây để làm gì và khi chết, chúng ta sẽ đi về đâu? Tùy theo niềm tin tôn giáo, cuộc sống tâm linh của mỗi người để chúng ta có những định hướng cho cuộc đời mình. Chúng ta mỗi người có một cuộc sống với một nghề nghiệp và đam mê một sở thích mà chúng ta theo đuổi, chúng ta chu toàn bổn phận của một người con, một người chồng-một người vợ, một người cha-một người mẹ. Đối với tha nhân, chúng ta mở rộng tình nhân ái, thể hiện từ tâm với những người không được may mắn như mình và cuối cùng đối với đất nước, chúng ta chu toàn bổn phận của một công dân-góp phần tranh đấu cho dân chủ tự do, cho quyền sống làm người của đồng bào Việt Nam chúng ta ở trong nước. Bên cạnh những đa đoan, tất bật của cuộc sống đời thường thì ai trong chúng ta cũng một lần nghe để rồi nhập tâm câu hát "Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi, để một mai trở về cát bụi...Ồi...cát bụi...". Theo thi sĩ Lưu Nguyễn Đạt của chúng ta thì 'Cát là đơn vị nhỏ bé nhất khi nó vỡ mảnh từ triền cao núi biếc. Nhưng cát cũng có thể kết sinh thành bờ cõi, thành chất liệu lát đường;

chuyển hoá thành thủy tinh khởi sắc; thành tấm gương trong sáng; thành lăng kính viễn xuyên'. Đặc biệt, cội thơ của Lưu Nguyên Đạt “Hàm ẩn tình người, tình yêu ân ái, tình yêu thiên nhiên và tình yêu đất nước hòa quyện lại, thấp thoáng đó đây một chút triết lý, một chút hiện thực cuộc đời. Người đọc chợt cảm nhận, chợt tìm lại chính mình để rồi nở một nụ cười hoặc thoáng một nỗi buồn vu vơ vô cớ...”. Chúng ta cùng lắng đọng tâm tư để nghe Lưu Nguyên Đạt thổ lộ trong bài thơ mà tôi cho là tiêu biểu, đặc trưng của “Thi Ca Lưu Nguyên Đạt”:

Tôi chỉ một mối tình
Và chỉ một quê hương
Mối tình đó là em
Quê hương kia em đó...

Tôi chỉ một nỗi niềm
Và chỉ một lòng tin
Tình yêu là biển cả
Đời ta là giọt sương...

Tôi chỉ một con đường
Và chỉ một bước đi
Tiến hay lui cũng vậy
Em mãi mãi đâu đây...

Tôi chỉ một dòng thơ
Hạt cát cùng nước ẩn
Em là nguồn bất tận
Và góc rẽ ân cần...

Tôi chỉ một nỗi nhớ
Từ trước cả thời gian
Từ khi em nhân loại
Từ duyên kiếp hồng hoang...

Chúng ta vừa nghe “âm hưởng vang vọng cuộc hành trình thiên-nhân-địa, mà con người là trục nối giữa đất và trời; giữa hà tì và tuyệt đối; giữa đồ vớ và nguyên vẹn; giữa bất toại và lý tưởng tuyệt mỹ. Vậy, **LỜI CỦA CÁT** chính là âm hưởng vang vọng

cuộc hành trình thiên-nhân-địa, mà con người là trục nối giữa đất và trời; giữa hà tì và tuyệt đối; giữa đồ vỡ và nguyên vẹn; giữa bất toại và lý tưởng tuyệt mỹ”.

Thơ “Thánh hóa Tâm hồn, Thánh thiện đời thường để thăng hoa cuộc sống nhân sinh chốn Ta Bà ngán ngao ngao ngán này”. Thơ Lưu Nguyên Đạt không chỉ ‘Vị Nghệ thuật’ mà còn ‘Vị Nhân sinh’ nữa. Thi sĩ đã giải bày tâm tư: “Thơ, vốn nội tâm, là niềm vui, nỗi buồn từ cuộc sống. Thơ vào đời và đời cũng nhập thơ. Như dòng nước với nụ cười; như hơi thở của sóng với. Trong thơ, biển cả đã đổi màu, huyền biến vu vơ, trong tầm mắt và chiều sâu của hồn người thi sĩ. Tình yêu cũng vậy, qua lời lẽ ẩn vùi nhiệt độ, đã hoá chất thơ thành thứ ánh sáng tuyệt mỹ, sau và trước cả mọi bình minh, như tia nắng cuối cùng giữa lòng đêm và ngọn lửa rừng vừa chột tắt, khi vạn vật còn hoang mê, chìm đắm, và chữ nghĩa còn lang bạt, lạnh nguồn.” Thế nhưng bên cạnh đó, thi sĩ của chúng ta cũng có một ‘Mối Tình Lớn’ nói theo Thi sĩ Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu là mối tình đối với đất nước.

Trong khi tập đoàn CSVN bán nước thì Lưu Nguyên Đạt nói lên cái sĩ khí của một sĩ phu thời đại trước vận nước long đong:

“CHÚNG TÔI CÒN HỒN NƯỚC...”

Anh bán nước chúng tôi còn hồn nước
Gửi gắm đây từng mảnh vụn tâm nguyên
Lòng khao khát giữ điều linh tại ngục
Khiến nô dân sực nhớ lại nhân quyền
Anh bán đảo biển sau và tổ quốc
Từng cột ranh, từng núi tản đồi nghiêng
Từng ngọn suối hoang mang nay bắc thuộc
Nhưng không sao bán nổi cả linh thiêng
Anh bán đứng bao nhiêu thể hệ Việt
Bằng hận thù và lừa lọc u mê
Bằng dọa nạt từ đỉnh cao đảng phiệt
Khiến toàn dân chậm tiến mãi lết lê
Anh bán nước chúng tôi còn hồn nước
Mạch sông kia vẫn thao thức kết sinh
Ngày khởi nghĩa triệu triệu dân ao ước
Sẽ bùng lên như nắng mọc muôn hình...

Thưa quý vị,

210 Tin Vaên

Đó chính là “Hồn Việt” trong thơ Lưu Nguyên Đạt. Trong mỗi chúng ta đều tiềm ẩn một ‘Chứng Tử’ yêu nước thương nòi, một ‘Gene Yêu nước’ mà suốt tiến trình lập quốc, mỗi kho Tổ Quốc Lâm Ngụy, Sơn Hà Ngụy Biến, toàn dân Việt Nam muôn người như một sẽ đứng vùng lên “Hát Vang VN, Còn VN triệu con tim là còn triệu khối kiêu hùng”.

Trước đại họa mất nước do kẻ nội thù, tập đoàn Việt gian Cộng sản, đã phơi bày bộ mặt thật “Bất nhân Hại dân Bán nước” thì trong một tương lai không xa, toàn dân Việt Nam sẽ đứng lên đập lời sông núi, chuyển đổi lịch sử để Tổ Quốc Việt Nam Trường Tồn, Dân tộc Việt Nam bất diệt.

Trân trọng kính chào quý vị,

PHẠM TRẦN ANH

***...người tốt sẽ cho bạn hạnh phúc...
Người xấu cho bạn kinh nghiệm...
Người tồi tệ nhất cho bạn bài học
Và người tuyệt vời nhất sẽ cho bạn...kinh
nghiệm***

TRẦN BÌNH ĐỂ XEM LẠI CHÍNH MÌNH

Hãy "Chửi" Chính Mình! Tại sao phải chống Cộng và chống thế nào?

San Nguyễn chuyển gửi

Thưa quý thân hữu:

Thực sự tôi không biết tác giả Trần Bình này là ai? Nhưng khi được đọc những điều ông nói ra trong bài viết này thì quả là quá trung thực, làm đau lòng người có nhân cách, vì chính cá nhân tôi đã được thấy tận mắt, nghe tận tai những điều trung thực này, qua hơn 32 năm liên tục trong vai trò đã được yêu cầu làm tư vấn về pháp luật thực dụng hay được yêu cầu đóng vai trò trung gian hòa giải những sự bất đồng, nhưng vì sự hèn nhát của tôi, chỉ sợ bị thiên hạ chửi rửa tôi là cái đồ vợ đũa cả nắm, đồ cáo gian, đồ đi bêu xấu đời tư của thiên hạ, đồ vạch áo cho người xem lưng v.v...nếu tôi cả gan dám viết ra những điều trung thực này. Tuy nhiên cũng có người đề nghị tôi là cứ viết ra những sự thật này, nhưng đừng đề tên thật của tôi, mà dùng tên biệt hiệu. Đối với cá nhân tôi, viết một bài tường thuật sự thật mà đề tên biệt hiệu thì không có giá trị gì, thà đừng nên viết còn hơn là viết. Do đó, những bài tôi viết về đề tài pháp lý thực dụng hơn 32 năm qua, tôi luôn luôn đề tên thật của tôi và tôi phải hết sức thận trọng, không dám nêu lên một số điều trung thực hữu ích này, mà tác giả Trần Bình dám viết ra đươc đây. Vậy tôi xin chuyển bài viết này đến quý thân hữu đọc, để cùng với tôi hoàn toàn khách quan, suy xét kỹ càng xem những điều nào trung thực và hữu ích trong bài viết này, thì chúng ta hãy cùng nhau lấy đó làm một bài học xây dựng cho thế hệ trẻ mai sau, để có được một đời sống nhân cách tốt đẹp hơn. PT. NMS.

@

Andy Newens góp ý:

Hãy "Chửi" Chính Mình! Tại sao phải chống cộng và chống thể nào?

Lâu lắm rồi mới được đọc một bài viết thật trung thực, chúng ta phải can đảm nhìn nhận những lỗi của chúng ta tự gây nên. Chính những lầm lỗi này mà nhiều gia đình gặp phải bởi những người trong gia đình, như cha, mẹ, vợ, không biết giải trí cách nào, dẫu rẻ hay con cái chịu lòng cha mẹ cắn răng làm thế. Nhưng làm sao thay đổi? ... những bạn nào có ý nghĩ gì hay, trong việc thay đổi chúng ta hãy can đảm nói lên cho tất cả cùng góp ý. Tôi cảm ơn người bạn chuyển bài này .. xin chia sẻ cùng các bạn

TN Thuận chia sẻ:

Cảm ơn tác-giả Trần Bình về những nhận-xét chính-xác và cần-thiết cho tập-thể người Việt hải-ngoại trong nỗi mong làm được chút gì cho quê-hương và đồng-bào. Ngoài ra, mỗi người nên rà soát lại mình để chỉnh-trang những điều đáng trách nơi bản thân mình. Nghĩ cho cùng, làm sao ta có thể xây-dựng gì cho đất nước khi chính bản-thân mình thiếu nhân-cách xây-dựng mà chỉ có những dáng vẻ "việt kiều" rẻ tiền.

Xin ân-cần giới-thiệu cùng quý thân-hữu một tiếng kêu-gọi thức-tỉnh lương-tâm. NVT - TNThuận

TRẦN BÌNH

Hãy "Chửi" Chính Mình!

Gửi các bạn ở hải ngoại:

Các bạn chửi Cộng Sản 32 năm nay chưa thỏa lòng sao? Đã hơn 32 năm, các bạn cứ tiếp tục chửi bới, và chế độ hà khắc ở VN vẫn tiếp tục tồn tại.

Hiện nay, ngay từ trong nước, đã có nhiều nhà dân chủ đứng lên bất chấp nguy hiểm để đấu tranh, điều này đã bộc lộ rõ những nhược bộ và yếu kém của chế độ. Nhưng sao đến giờ vẫn chưa có một phong trào dân chủ đủ mạnh để thách thức chế độ?

Câu trả lời: bao năm qua, ta cứ mãi lo "dịch vận": Nói xấu, chửi bới chế độ hoặc kêu gọi chế độ tự thay đổi, mà không lo "dân

Tin Vaên 213

vận":

Cùng cố sức mạnh dân chủ của cộng đồng hải ngoại để thúc đẩy "dân vận" trong nước và bước cuối cùng là tạo nên một sức mạnh toàn dân buộc chế độ phải thay đổi.

Như vậy, rõ ràng là thất bại không phải là do "địch" mạnh, mà do "ta" yếu. Nói rõ hơn, dân trí Việt Kiều, nhất là trong số những người hay về VN, quá yếu kém nên đã không thể thúc đẩy một phong trào dân chủ toàn dân ở trong nước.

Người trong nước thì bị bùng bít thông tin nên mù mờ về khái niệm dân chủ pháp trị đã đành, còn người Việt nước ngoài, những người đã định cư ở những xứ có nền dân chủ pháp trị cao nhất trên thế giới, thì sao?

Một sự thật đáng buồn: ngoại trừ một số ít trí thức hiếm hoi (tỉ lệ cao hơn ở các nước Châu Âu) có thể viết lách, lý luận và còn chút ưu tư đất nước, còn lại đa số Việt Kiều mặc dù đã tiếp cận với nền văn minh dân chủ Phương Tây đã lâu nhưng đã chẳng học hỏi được gì, bởi đa số họ vốn xuất thân từ một lối sống ẻo lả nửa Tây nửa phong kiến, khi ra được nước ngoài (dù là vượt biên, HO, con lai hay diện ODP) đều chỉ biết có một mục tiêu duy nhất là đồng tiền chứ không biết trau dồi tri thức (lười đọc sách, chỉ nghe nhạc hoặc xem Video).

Họ còn cư xử giữ lấy những cái "Việt Nam" lẽ ra phải bị đào thải từ lâu. Họ sợ lớp trẻ quên tiếng Việt nhưng lại không biết lo rằng coi chừng tiếng Anh của chúng chưa đủ để tiếp cận tinh hoa văn hóa của phương Tây. Họ còn thích nghe những bản nhạc than khóc náo nùng ẻo lả muôn thuở kiểu Việt Nam vốn có khả năng làm con người mềm yếu, mất tính chiến đấu (kiểu băng nhạc TN Paris) mà trước năm 1975 đã góp phần vào sự bại trận của miền Nam.

Ngoại ngữ kém cỏi (tiếng Mỹ, Pháp...) cũng là một đặc điểm nữa của cộng đồng Việt Kiều. Không phải là điều đáng ngạc nhiên khi dư luận Mỹ (và ở các quốc gia Châu Âu khác) cho tới giờ này vẫn biết rất ít về công cuộc đấu tranh dân chủ của người Việt hải ngoại. Bởi vì trong đa số VK, khả năng viết, nói và đọc ngoại ngữ rất kém, cho nên không thể trao đổi tư tưởng hoặc truyền đạt thông điệp của mình cho người bản xứ.

Có một sự việc đáng buồn nhưng ít ai biết từ mấy chục năm qua, đến gần đây mới lộ ra. Ở New Orleans, US, nếu không có cơn bão Katrina vừa rồi, thì đâu có ai biết là rất nhiều người Việt định

cư ở New Orleans không biết nói tiếng Anh và không thể tiếp xúc với Cảnh Sát khi có việc cần. (đây là những người qua đây từ 1975 đã có cơ nghiệp vững vàng, chứ không phải những người mới qua). Ở những nơi tập trung đông người Việt như California, Georgia, Texas, và vùng Washington DC, mọi giao dịch đều dùng tiếng Việt, kết quả là trình độ ngoại ngữ của người Việt rất kém. Đã không tiến bộ, thì phải thụt lùi. Lỗi tư duy, lý luận và cách hành xử của Việt Kiều giờ này chẳng khá hơn bao nhiêu khi còn ở Việt Nam. Hãy xem xét những hoạt động "văn hóa" của Việt Kiều ở hải ngoại. Có mấy ai đọc sách, suy tư, hoặc viết lách khi rảnh rang. Họ chỉ biết, từ năm này qua năm khác (1984 đến giờ) khi rảnh thì đón mua băng TN Paris để nghe đi lại nghe lại những bài nhạc "quê hương" cũ rích chỉ thay đổi có ca sĩ trình bày và để nghe ông NNN và cô "đào" dài chân mặc váy ngắn (và rất ưa "phô" nó ra) NCKD nhai đi nhai lại ba cái chuyện đàn ông đàn bà ghen tuông nhảm nhí, thiếu vắng chiều sâu về tâm lý xã hội cũng như nghệ thuật hài hước.

Tương tự như vậy, giới Việt Kiều rất "mê" HL và VS với những trò hề rẻ tiền được lập đi lập lại muôn thuở: ông ọo già gái, già giọng Phú Yên, giọng Bắc, giọng Quảng, lời lẽ chợ trời thô tục.

Những thứ giải trí thô lậu này xem ra vô bổ vô hại, nhưng thật ra là tai hại rất nhiều cho công cuộc đấu tranh dân chủ, vì chúng vô tình đóng góp vào chiến dịch "địch vận" của CSVN ngay trong lòng cộng đồng Việt Kiều. Nếu bạn là một cán bộ địch vận CS, còn gì mừng cho bằng khi những kẻ ngày xưa đã từng lớn tiếng tự nhận là "tị nạn chính trị" phải hy sinh cả tính mạng bản thân và gia đình để "đi tìm bến bờ tự do", giờ này chỉ biết chạy đôn chạy đáo kiếm tiền, cơm ngày 3 bữa no nê nằm ểnh ngựa trên sa lông thưởng thức những băng nhạc hề nhảm nhí, những bản nhạc than khóc hay ca tụng (rỗng tuếch) quê hương đất nước và hề có dăm ba ngày nghỉ và dư vài ngàn đô là đem về VN "thả", xây nhà cất cửa, du lịch, ăn nhậu - đàn bà thì khoe khoang đồ trang sức quần áo, đàn ông thanh niên thì đi tìm gái, lấy vợ "hai, hoặc ba".

Mỗi năm, hàng triệu người Việt về thăm quê, ngoại trừ một vài trường hợp hiếm hoi chuyển tải một số tài liệu dân chủ vào trong nước, còn đại đa số là về VN để vung tiền đô la, khoe khoang, hưởng thụ, giải trí. Thậm chí còn buôn lậu nữ trang hoặc ma túy. Khi về VN, họ cố tình ăn mặc cho "ra về VK", họ đòi hỏi

tiện nghi này nọ, chê bai đường xá, nhà cửa ở VN thiếu tiện nghi. Chẳng trách sao người Việt trong nước vẫn đang nhìn Việt Kiều qua lăng kính "đô la". Dưới mắt họ, Việt Kiều là những "chủng loại" lạ lùng chẳng giống ai từ nước ngoài về, có rất nhiều tiền đô và cách ăn mặc, cư xử, dáng dấp ngoại hình không giống người trong nước (mập, trắng trẻo, xem "sang" hơn, hay đeo cái "bao tử (túi đựng tiền xu) ở bụng, đeo nhiều vòng vàng nữ trang hơn...), khi nói chuyện thì giả bộ quên tiếng Việt hoặc bập bẹ vài chữ tiếng Anh cho ra vẻ.

Về khía cạnh nhân đạo, không thể khoe khoang hưởng thụ ngay trên quê hương mình vốn vẫn đang rất nghèo với hàng chục triệu người dù phải làm việc cật lực mà mỗi ngày không kiếm được hơn một đô la (khoảng 16 ngàn VNĐ). Nói thẳng ra, đây là hành động vô lương tâm.

Về khía cạnh dân chủ, cách hành xử nhố nhăng của đa số Việt Kiều khi về nước đã vô tình phá hoại (undermine) sự nghiệp đấu tranh của các nhà dân chủ trong cũng như ngoài nước. Đất nước còn nghèo, người VN

cần tiền để mưu sinh. Tiền đô có thể giảm cái đói nghèo tạm thời. Nhưng để đổi đời, người Việt Nam cần một chế độ dân sinh dân chủ. Để được như vậy, người Việt trong nước cần những tấm gương dân chủ để noi theo, chứ không phải những tấm gương "đô la" qua lối hành xử nhố nhăng của Việt Kiều hiện nay.

Chùng nào mà người dân trong nước nhìn mỗi Việt Kiều về nước như là một biểu tượng của tinh thần trung thực, nhân ái, công bằng, tự do và dân chủ, trái ngược với hình ảnh mà họ thấy từ những cán bộ Đảng giáo quyệt, tàn ác, tham lam, độc đoán, thì chùng đó sự nghiệp dân chủ cho Việt Nam mới hy vọng có cơ hội.

Không bắt buộc mỗi Việt Kiều về nước phải là một "chiến sĩ dân chủ". Nhiều Việt Kiều bây giờ không màng đến chuyện chính trị vì lý do này khác. Đây là tự do cá nhân của họ, ta không thể bắt buộc. Tuy nhiên, với tư cách là một người Việt Nam sống ở những xứ sở dân chủ có nền dân trí cao độ, họ có trách nhiệm phải thể hiện một lối sống văn hóa xứng đáng với người dân và xứ sở đã cuu mang giúp đỡ họ trong những ngày khốn cùng chân ướt chân ráo mới nhập cư. Chính xã hội mang tính trung thực, năng động, nhân đạo, công bằng, dân chủ cao độ của người dân Tây Phương đã giúp cho người Việt định cư ở nước ngoài có thể hội nhập và thành đạt nhanh chóng.

Vậy thì những người Việt này sau khi thành đạt rồi phải có trách nhiệm, phải học hỏi và thực hành tinh thần này mỗi nơi, mỗi lúc.

Khi ở bản địa thì không được gian lận, luồn lách qua mặt luật pháp (kiểu giả nghèo xin foodstamps, giả ly dị để xin trợ cấp single parents, đi làm tiền mặt để trốn thuế...) để khỏi phá vỡ nền dân chủ quý giá mà chúng ta đang thừa hưởng.

Khi về Việt Nam thì hãy là tấm gương sáng về đạo đức, dân trí để hầu khai sáng dân trí và vô tình hay hữu ý thúc đẩy một lộ trình tự do dân chủ cho Việt Nam.

Mỗi Việt Kiều, khi về Việt Nam, phải hòa đồng (chứ không hòa nhập) với người trong nước. Phải ăn như họ. Phải mặc như họ. Phải chịu đựng cái họ phải chịu đựng và phải vui cái vui của họ. Tuy vậy, không đánh mất mình và luôn tận dụng mọi cơ hội để noi gương sáng dân trí.

Không cần thiết phải dấn động đến các vấn đề chính trị, nhưng phải gieo trồng hạt giống của tư tưởng dân chủ. Đây là con đường tuy dài nhưng thực tế và chắc chắn.

Hãy làm "dân vận" bằng những hành động cụ thể nhất có thể làm được.

Nếu bạn đồng ý với bài viết này, hãy email hay đi mua ngay một máy in rẻ tiền, một xấp giấy in, và in bài viết này gửi tới địa chỉ của những người quen (hay không quen) của bạn ở Mỹ, Úc, Pháp, Đức, Nga..., nhất là những người mà bạn biết rằng hay về VN thăm thân nhân hay du lịch.

Đừng sợ mất lòng. Hãy đánh thức lương tâm, khai sáng dân trí của Việt Kiều để mỗi Việt Kiều bình thường khi về nước sẽ là một biểu tượng của tinh thần trung thực, công bằng, nhân ái, tự do và dân chủ.

Trần Bình

RỘNG ĐƯỜNG DƯ LUẬN



NGƯỜI TRÍ THỨC DƯƠNG NGUYỆT ÁNH

BS Trần Văn Tích

Trong vụ tranh tụng giữa hai tờ báo
Sàigòn Nhỏ và Người Việt, Bà Dương
Nguyệt Ánh đứng về phía Sàigòn

Nhỏ. Sự lựa chọn này biến Bà thành một trí thức, theo suy nghĩ
của cá nhân tôi.

Malraux cho rằng trí thức không những chỉ là người cần đến sách mà còn là người sẵn sàng dấn thân và sắp xếp cuộc đời theo một tư tưởng.¹ Sartre cho rằng trí thức là người vào một lúc nào đó của cuộc đời, đã can thiệp vào chuyện chẳng dính dáng gì đến mình cả.² Một nhà bác học thành công trong việc chế tạo bom nguyên tử không phải là một trí thức. Nhưng vào thời điểm ông nhận chân rằng vũ khí hạt nhân là một nguy cơ cho nhân loại và kêu gọi các đồng nghiệp cùng ký tên vào một bản tuyên ngôn chống đối việc sử dụng nó thì ông trở thành trí thức. Sản xuất bom nguyên tử là vấn đề thuộc khoa học và kỹ thuật, sử dụng bom nguyên tử là vấn đề thuộc chính trị và đạo đức. Người trí thức tỏ thái độ, nhà khoa học tìm phát minh. Tuy nhiên dấn thân đòi hỏi trách nhiệm và lương tri.

Lương tri là tình cảm nội tâm thúc đẩy con người làm những việc phải làm, đáng làm. Các quyết định đạo đức của lương tri lắm khi lại nhân danh một chính nghĩa cao cả, một đạo lý công bằng mà khích lệ con người hành xử không theo lẽ thường : cô Kiều bán mình, Jeanne d'Arc lên giàn hỏa. Ý thức được thể đứng của mình trong xã hội là điều cần thiết để hoàn thành bổn phận, tất nhiên hoàn thành theo chiều hướng tích cực, xây dựng. Dấn thân có sức hấp dẫn của nó mặc dầu khi dấn thân, con người vốn không chờ đợi được tưởng thưởng, thậm chí có khi còn phải chịu tiếng thị phi. Trí thức coi áo choàng người không phải để mong có ngày gặp Giáng Tiên. Trí thức lặn xả vào việc bảo vệ tự do không phải để

218 Tin Vaen

được tự do vì – chỉ nói đến trí thức lưu vong tỵ nạn – bản thân họ đã được tự do rồi.

Nhưng có dẫn thân thì cuộc sống mới có ý nghĩa. Cho nên các vai chính trong những tác phẩm của Malraux, của Camus qua dẫn thân mà thoát ly được tình trạng phi lý của nhân sinh. Dẫn thân cũng tạo cơ hội cho con người vượt lên khỏi mình, giúp con người tránh khỏi chủ nghĩa cá nhân vị kỷ. Dẫn thân khiến con người tự khẳng định để từ đó hoàn tất được những điều hay đôi điều cao cả hơn tự thân. Dẫn thân mang lại bình an cho lương tâm và đưa đến niềm vui của hy sinh. Bởi dẫn thân là trí thức.



Ngược lại, không thể là trí thức những kẻ không ra khỏi cái vỏ ốc thân phận, không thấy được lẽ sống của dân tộc, không xác định được trách nhiệm với xã hội. Suy

tư của người trí thức vừa là sứ mệnh, vừa là bất hạnh. Trí thức là người biết rộng hơn, biết sâu hơn, nhìn xa hơn, nhìn rõ hơn, thấy sớm hơn, thấy mau hơn, nếu so với những người không phải là trí thức. Chính vì thế mà trí thức lo trước khi người khác chưa lo, thấy con đường phải đi trước khi người khác chưa thấy, chọn vị thế phải đứng trước khi người khác chưa chọn được.

Từ trước đến nay, Dương Nguyệt Ánh từng nhiều phen sẵn sàng đặt chân trên con đường khổ nạn của đấng Messie vác thánh giá đòi hỏi nhân quyền cho đồng bào, cho nữ giới, oằn vai gánh nặng khổ đau và vinh dự của người trí thức. Hôm nay, Dương Nguyệt Ánh đã mau chóng chọn phe chọn phái trong vụ Sài Gòn Nhỏ-Người Việt. **Bà lên tiếng rất sớm.** Xưa nay người trí thức thường lắm lo âu cho nên Nguyễn Trãi mới tâm tình :

Nhân sinh thức tự đa ưu hoạn

(Trên đời người trí thức thường lắm lo âu hoạn nạn)

Bà Dương Nguyệt Ánh là một nhà khoa học nhưng là một nhà khoa học có tâm huyết. Đối trước một vấn đề thời sự liên quan đến sinh hoạt cộng đồng ty nạn cộng sản, Bà thấy ngay, thấy trước rất nhiều người là mình phải “*m'est mêlée de ce qui ne me regarde pas*” như Sartre ngày nào. Bà đã chủ động tích cực xen vào, dính vào một chuyện chẳng liên hệ gì đến Bà.

Chẳng những chỉ lên tiếng – nhiều người khác cũng lên tiếng – Bà Dương Nguyệt Ánh còn **đóng góp cụ thể bằng hiện kim**. Hành động này tạo khích lệ cho người khác, nâng tinh thần cho tha nhân. Số tiền Bà đóng góp cho Quỹ Pháp Lý của Cô Lữ Anh Thư không quan trọng – có người đóng góp nhiều hơn Bà – nhưng nó tạo thành một chất xúc tác cho phản ứng tặng đỡ trong cộng đồng, do uy vọng của Bà trước công luận.

Cung cách lên tiếng của Bà Dương Nguyệt Ánh **mực thước, trầm tĩnh** dẫn rằng Bà đã phản ứng trong tâm trạng kích động của một người ty nạn thường xuyên nghĩ đến nghĩa tự do, luôn luôn mang nặng lòng ái quốc. Bà nhận thức chính xác, đúng đắn rằng đây không phải là một vụ tranh khách giữa hai cơ quan thông tin mà đây là một vụ đối đầu giữa chánh và tà, giữa thiện và ác, giữa quốc và cộng. Cùng chiều hướng đó, Bà trình bày cách đánh giá bản thân đối với những giới chức thực thi luật pháp Hoa Kỳ trong vụ kiện tụng. Bà phát biểu chừng mực, cân nhắc. So câu văn Bà viết trong điện thư với lời bình sau đây của một nữ công dân Hoa Kỳ khác, thấy rõ dấu ấn văn hoá dân tộc lưu lại trên trí tuệ nhà nữ khoa học trí thức. Thenjiwe Tameika McHarris, Amnesty International USA Senior Campaigner tố cáo vào dịp Glenn Ford bị xử oan ức ba mươi năm tù mặc dầu đương sự hoàn toàn vô tội: *Glenn Ford is living proof of just how flawed our justice system truly is*. (Vụ Glenn Ford là bằng chứng sống chứng tỏ hệ thống pháp lý của chúng ta thực ra hà tỷ nặng). Trong khi người công dân Hoa Kỳ kết án toàn bộ một nền công lý thì nhà nữ khoa học gia trí thức gốc Việt chỉ nói nhẹ nhàng và điềm đạm về một vài ông toà.

Tôi không bao giờ tự vấn rằng Bà Dương Nguyệt Ánh đúng hay sai khi ủng hộ Sài Gòn Nhỏ. Việc đó không phải việc của tôi. Việc của tôi là hoan hỉ nhận ra rằng 1) Bà Dương Nguyệt Ánh đã xem vụ Sài Gòn Nhỏ là một khía cạnh của đại cuộc chống cộng; 2) Bà đã mau chóng và cụ thể biến kiến giải của mình thành hành động.

Đương nhiên phải có người không đồng ý với Bà Dương Nguyệt Ánh, từ đó, Bà đã chịu ít nhiều tiếng bác tiếng chì. Bên cạnh nỗi *ưu* của người trí thức, Nguyễn Trãi từng xếp cái *hoạn*. Úc Trai đã xem từ vi cho Bà Dương Nguyệt Ánh và xem rất đúng. Khi Sartre cùng Aron được Valéry Giscard d'Estaing tiếp tại Điện Élysée ngày 26.06.1979 nhân dự án thuê tàu sang biển Đông vớt đồng hương ty nạn chúng ta, đảng cộng sản và cánh tả Pháp đã lên án. Bây giờ nếu có đến phiên Dương Nguyệt Ánh nhận được lời nặng tiếng nhẹ thì cũng chỉ là *sự muôn năm cũ* mà thôi.

BS. Nguyễn Văn Tích

20.02.2015

1-Je sais maintenant qu'un intellectuel n'est pas seulement celui à qui les livres sont nécessaires, mais tout homme dont une idée, si élémentaire soit-elle, engage et ordonne la vie. (*Les Noyers de l'Altenburg. Chartres, 21 juin 1940. Gallimard*).

2-(...) se sont mêlés “de ce qui ne les regarde pas”. (*Plaidoyer pour les intellectuels. Situations VIII, 1972, p. 377. Gallimard*).

Source: vibao langvan.

Thả một lời nói vui về và tốt bụng:

chỉ trong giây lát chúng bay đi.

***Nhưng để lại vô vàn gợn sóng lăn tăn,
xoay tròn mãi.***

Mang hy vọng, niềm vui, an ủi

trong mỗi con sóng xô bờ.

***Bạn sẽ không ngờ được sức mạnh của một
lời nói tốt bạn cho đi***



Nhìn lại hội họa hiện đại chủ nghĩa
Mặt phẳng trong tác phẩm hội họa
hiện đại chủ nghĩa
Clement Greenberg

...Nghệ thuật của chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa ảo giác (illusionist) đều xem nhẹ phương tiện, chúng dùng nghệ thuật để che giấu nghệ thuật. Chủ nghĩa hiện đại lại dùng nghệ thuật để thu hút sự chú ý vào nghệ thuật



Những giới hạn cấu thành phương tiện của hội họa - bề mặt phẳng, hình dạng của mặt vẽ, những đặc trưng của sắc tố - được những bậc thầy của nghệ thuật cũ đối xử như những nhân tố tiêu cực, chỉ có thể được thừa nhận một cách ngầm ẩn hay gián tiếp. Họa sĩ hiện đại chủ nghĩa lại đi đến nhìn nhận những giới hạn ấy như những nhân tố tích cực, được thừa nhận công khai. Những bức tranh của Manet trở thành những tác phẩm đầu tiên của chủ nghĩa hiện đại chính bởi tính bộc trực mà cùng với điều này, chúng làm nổi bật bản thân bề mặt của bức tranh. Các họa sĩ trường phái Ấn tượng, sau Manet, từ bỏ lớp sơn lót và phép đánh bóng, để con mắt hoàn toàn yên tâm rằng những màu sắc trong tranh đích thực được đổ ra trực tiếp những tuýp màu, lọ màu. Cézanne hi sinh tính chất “giống như thật”, hay yêu cầu vẽ “đúng”, để đưa các họa tiết và bố cục vừa khít với hình chữ nhật của toan vẽ theo một cách công nhiên.

Dù vậy, áp lực từ chính tính chất phẳng như là yếu tính của mặt vẽ vẫn là nền tảng quan trọng nhất trong tiến trình sáng tạo mà từ đó, nghệ thuật hình họa tự phê bình và định nghĩa chính mình ở thời kỳ của Chủ nghĩa Hiện đại. Chỉ duy có tính chất phẳng này là đặc thù và đặc quyền của hội họa. Khung viền của mặt vẽ là điều kiện giới hạn, hay quy tắc, đây là điểm chung với sân khấu; màu sắc là một quy tắc hoặc phương tiện, mà điều khắc hay sân khấu cùng chia sẻ. Mặt phẳng hai chiều là thứ duy nhất mà hội họa không chia sẻ với bất kì loại hình nào khác, và vì vậy mà hội họa hiện đại chủ nghĩa định hướng chính mình vào tính chất phẳng ấy như thế ngoài ra, nó không làm việc gì khác nữa.

Những bậc thầy của nghệ thuật cũ ý thức được việc phải bảo tồn tính toàn nguyên của mặt phẳng bức tranh: nghĩa là, phải biểu đạt sự hiện diện dai dẳng của tính chất phẳng dưới ảo giác sinh động nhất về không gian ba chiều. Mâu thuẫn hiển nhiên như là hệ lụy từ điều này - sự căng thẳng biện chứng, để sử dụng một cách diễn đạt thời thượng nhưng thích hợp - lại có ý nghĩa bản chất đối với sự thành công trong nghệ thuật của họ, mà thực ra điều này cũng đúng với trong mọi nghệ thuật hình họa. Những nhà Hiện đại chủ nghĩa không né tránh cũng không cố giải quyết mâu thuẫn ấy;

đúng hơn, họ đảo ngược những thuật ngữ của nó. Người xem phải nhận thức về bề mặt những bức tranh của họ đầu tiên, thay vì sau đó, và phải nhận thấy được trong sự phẳng này chứa đựng những gì. Trong khi với những bức tranh của một bậc thầy của nghệ thuật cũ, người ta có xu hướng muốn nhìn ra cái ở *trong* (cái được chứa đựng) bức tranh trước khi nhìn nó như một bức tranh, thì đối với những bức tranh của chủ nghĩa Hiện đại, ngay từ đầu, người ta đã nhìn nó như một bức tranh. Đương nhiên, đó là cách thưởng thức tốt nhất mọi bức tranh, dù là nghệ thuật cũ hay nghệ thuật hiện đại chủ nghĩa, nhưng Chủ nghĩa Hiện đại, đặc biệt hơn, coi đó là cách thưởng thức cần thiết và duy nhất, và sự thành công của chủ nghĩa hiện đại khi áp đặt được cách thưởng thức này là thành công của sự tự phê phán...

Không gian ba chiều là địa hạt của điêu khắc; vì quyền tự trị của mình, hội họa, trên hết, phải lột bỏ tất cả những gì cùng chia sẻ với điêu khắc... Ngay khi hội họa hiện đại chủ nghĩa thể hiện bản sắc của mình chính ở sự kháng cự tính điêu khắc thì nó đồng thời vẫn tiếp tục truyền thống, những đề tài của truyền thống, bất chấp tất cả những biểu hiện bề ngoài có vẻ như tương phản với điều này. Sự kháng cự đối với điêu khắc đã bắt đầu từ trước khi Chủ nghĩa Hiện đại xuất hiện. Hội họa phương Tây, khi nỗ lực tạo ra ảo giác theo kiểu chủ nghĩa hiện thực, đã mắc nợ lớn với điêu khắc, thứ nghệ thuật vốn ngay từ đầu đã dạy cho hội họa làm thế nào để tạo khối và mô hình nhằm gợi ra ảo giác về hình nổi, thậm chí làm thế nào bố cục ảo giác ấy để nó đồng thời còn đem đến một ảo giác bổ sung về không gian chiều sâu. Tuy nhiên, một vài trong số những tuyệt tác của hội họa phương Tây đã hiện hữu như một phần của nỗ lực suốt bốn thế kỉ nhằm kìm nén và loại bỏ tính điêu khắc. Khởi nguồn ở Venice vào thế kỉ thứ XVI và tiếp nối ở Tây Ban Nha, Bỉ và Hà Lan vào thế kỉ XVII, nỗ lực ấy ban đầu nhân danh màu sắc. Vào thế kỉ thứ XVIII, danh họa David tìm cách hồi sinh thứ hội họa mang tính điêu khắc như một phần nỗ lực nhằm bảo vệ nghệ thuật hình họa trước xu hướng trang trí nhấn mạnh vào mặt phẳng mà sự nhấn mạnh vào màu sắc dường như là nguyên nhân dẫn đến sự hình thành thứ mỹ thuật trang trí này. Tuy vậy, sức mạnh những bức họa đẹp nhất của David (phần lớn là chân

dung) lại nằm nhiều ở màu sắc cũng như những yếu tố khác. Và Ingres, học trò của ông, dù lệ thuộc vào màu sắc bền bỉ hơn rất nhiều, lại có những bức tranh nằm trong số những tác phẩm nhấn mạnh vào mặt phẳng nhất, mang ít tính điêu khắc nhất trong lịch sử hội họa phương Tây từ thế kỷ XIV. Đến giữa thế kỉ thứ XIX, mọi khuynh hướng hội họa giàu tham vọng đều quy tụ (dưới sự khác biệt của mỗi khuynh hướng) về con đường phi điêu khắc.

Chủ nghĩa Hiện đại, vẫn tiếp tục đi theo định hướng đó, càng tự ý thức sâu sắc hơn về chính mình. Cùng với Manet và những nhà Ấn tượng Chủ nghĩa, câu hỏi về sự đối đầu giữa sắc màu và đường nét không cần giải đáp nữa, thay vào đó là câu hỏi về sự đấu tranh giữa kinh nghiệm thị giác thuần túy và kinh nghiệm thị giác đã được biến đổi hay biên tập lại bởi những kết hợp sáng rõ. Nhân danh chính kinh nghiệm thị giác thuần túy, hiểu đúng theo nghĩa đen, chứ không phải nhân danh màu sắc, các họa sĩ của Chủ nghĩa Ấn tượng đã đặt cho mình nhiệm vụ phải làm xói mòn, phải hủy bỏ các phương thức đánh bóng, dựng khuôn và tất cả những thứ khác có thể mang tính điêu khắc trong đó. Tương tự cách David phản ứng lại Fragonard nhân danh tính điêu khắc, Cézanne, và những họa sĩ Lập thể sau ông, cũng phản ứng lại Chủ nghĩa Ấn tượng. Nhưng một lần nữa, cũng như phản ứng của David và Ingres trước đó, khi lên tới cực điểm, lại dẫn đến sự ra đời của một thứ hội họa thậm chí còn ít chất điêu khắc hơn cả trước đó, cuộc phản cách mạng của chủ nghĩa Lập thể lại tạo ra một thứ hội họa còn “phẳng” hơn bất cứ cái mà gì mà hội họa phương Tây đã từng nhìn thấy trước đó, kể từ danh họa người Florentine là Cimabue (1240-1302). Đó là thứ hội họa “phẳng” đến nỗi nó hầu như không thể chứa đựng được những hình ảnh có thể nhận diện được...

Hoa-Giang trích dịch

Nguồn: *Clement Greenberg, “Modernist Painting”,*



BẢN HÙNG CA VỀ NHỮNG NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG CHIẾN TRANH

Lam Thu

Tiểu thuyết đồ sộ "Những người nuôi giữ bò câu" là sự đan xen giữa hư cấu và lịch sử, ngợi ca nghị lực sống phi thường của những người phụ nữ.

Tên tác phẩm: **Những người nuôi giữ bò câu**

Tác giả: Alice Hoffman

Dịch giả: Lê Đình Chi

Alice Hoffman là tiểu thuyết gia đương đại người Mỹ, nhưng cuốn sách lớn của bà lại dựng trên nền lịch sử của Israel cổ đại. Năm 70, chín trăm người Do Thái đã cố thủ tại Masada – nơi có pháo đài do vua Herod Đại Đế xây dựng – trong nhiều tháng ròng để kháng cự sự chiếm đóng của quân đội La Mã. Theo sử gia cổ đại Flavius Josephus kể trong cuốn Cuộc chiến tranh Do Thái, những người trong pháo đài Masada bị vây hãm đã quyết định chết trong tự do chứ không chịu để người La Mã bắt giữ. Khi chiến đoàn Roma xông vào thì trong pháo đài chỉ còn hai người phụ nữ

và năm trẻ em sống sót. Do đó, pháo đài Masada trở thành biểu tượng cho lòng mong muốn tự do của người Do Thái.

Dựa trên sự kiện lịch sử đó, tiểu thuyết của Alice Hoffman nói về câu chuyện đầy ám ảnh của bốn người phụ nữ mạnh mẽ, giàu sức sống và nghị lực phi thường. Mỗi người bị số phận đưa đẩy đến Masada theo những con đường khác nhau.

Tiểu thuyết gồm bốn phần chính, mỗi phần được kể qua giọng của bốn nhân vật nữ của truyện. Phần một có tên Mùa hè năm 70. Con gái người sát thủ. Câu chuyện mở đầu qua lời Yael. Mẹ Yael mất khi sinh cô, cha cô là một sát thủ chuyên nghiệp không bao giờ tha thứ cho con gái về cái chết đó. Tuổi thơ thiếu thốn tình mẫu tử đè nặng lên Yael. Khi Jerusalem thất thủ, Yael theo cha và một gia đình sát thủ tìm đường băng qua sa mạc để đến Masada. Nơi đó, cô có cơ hội soi vào nội tâm mình. Đó cũng là nơi đem đến cho Yael người cô yêu, tước đi những gì cô đã đánh cắp và đưa cuộc đời cô ngoặt sang một trang khác.

Phần hai mang tên Mùa hè năm 71. Vợ người thợ làm bánh. Nội dung của phần này được kể bởi Revka - vợ người làm bánh trong làng. Revka là một phụ nữ hết mực yêu thương chồng con. Bà chỉ mong được sống yên ổn cuộc đời bình dị, bên người chồng lúc nào cũng khắc chữ "R" lên mỗi ổ bánh ông làm. Chiến tranh loạn lạc khiến bà thành góa phụ, nhà cửa tan nát, gia đình lưu lạc. Trên hành trình tha hương, bà tận mắt chứng kiến quân lính Roma tàn bạo giết chết con gái mình. Revka dẫn hai đứa cháu trai thơ dại đến Masada, và ở đó bà tìm được những người phụ nữ mở lòng san sẻ gánh nặng cùng mình.

Mùa xuân năm 72. Người yêu của chiến binh là phần ba của tiểu thuyết. Nhân vật chính trong phần này là Aziza - con gái của một chiến binh - được nuôi dạy trở thành kỵ sĩ ngang tàng, một cung thủ cự phách. Cô được cha dưỡng nuôi dạy như một chiến binh đích thực, nhưng số phận khiến cô không thể bộc lộ con người thật của mình với người mình yêu. Nhờ sức mạnh nội tại, Aziza vượt lên trên những định kiến để bảo vệ mẹ, em trai, em gái, đồng thời tìm ra được bổn phận của mình.

Người phụ nữ thứ tư tên Shirah kể câu chuyện Mùa đông năm 73. Phù thủy xứ Moab. Shirah sinh trưởng ở Alexandria, am hiểu sâu sắc về những phép thuật và phương thuốc cổ đại, một người phụ nữ mạnh mẽ đến khó hiểu. Đây cũng là nhân vật có sức quyến rũ trong tác phẩm. Bà thấp thoáng xuất hiện trong số phận của

Yael từ những trang đầu, chẳng đường lưu lạc đã cho họ gặp nhau, nhận ra nhau ở khung cảnh khốc liệt nơi pháo đài Masada. Shirah bị mang tiếng là phù thủy, mang trong mình một sinh linh nên bà bị ruồng rẫy. Nhưng sự kiên cường, thủy chung của Shirah giúp bà vượt qua tất cả để chờ đợi tình yêu lớn duy nhất của đời mình; đồng thời tiếp thêm sức mạnh cho những phụ nữ khác ở pháo đài: Yael, Revka, Aziza. Họ cùng trở thành những người nuôi giữ bò câu, nắm giữ bí mật nguồn cội và thân phận, biết yêu thương, hy sinh, quả cảm vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt để bảo vệ những gì mình yêu quý.

Sau khi xuất bản năm 2011 tại Mỹ, tác phẩm được báo giới dành nhiều lời khen ngợi. Tạp chí People viết: "Cuốn tiểu thuyết lịch sử hạng nhất, bản anh hùng ca về chiến tranh, đam mê và bản năng sinh tồn kỳ diệu của con người, đặc biệt là người phụ nữ". Còn tờ USA Today đánh giá: "Alice Hoffman đã đan dệt hư cấu và lịch sử trong Những người nuôi giữ bò câu. [...] Tài hư cấu của Hoffman vẫn luôn đáng ngưỡng mộ, còn lịch sử đã mang lại cho cuốn tiểu thuyết này một sức ám ảnh ghê gớm".

Tác giả Alice Hoffman sinh năm 1952 tại New York, Mỹ, tốt nghiệp khóa viết văn (Viết sáng tạo) của Đại học Stanford. Bà là một trong những tiểu thuyết gia Mỹ đương đại xuất sắc, với 21 tiểu thuyết, 3 tuyển truyện ngắn, 8 tập truyện thiếu nhi đã được xuất bản. Tác phẩm của Alice Hoffman được độc giả Mỹ ưa thích như *Here on Earth* (Tạm dịch: Ở đây, trên thế gian này) được đưa vào Câu lạc bộ Sách của Oprah, tiểu thuyết *Practical Magic* (Phù phép) được chuyển thể thành phim điện ảnh bởi hãng Warner Bros, tác phẩm *At Risk* (Vực nguy hiểm) được chọn vào danh mục sách cần đọc của nhiều trường thuộc hệ thống giáo dục của Mỹ; hay tiểu thuyết *Incantation* (Thần chú) được tờ *Publisher Weekly* bình chọn là một trong những cuốn sách hay nhất của năm.

Để hoàn thành *Những người nuôi giữ bò câu*, Alice Hoffman đã dành 5 năm viết. Tác phẩm được Toni Morrison - nữ nhà văn giành giải Nobel năm 1993 - nhận xét là "một đóng góp lớn cho văn học thế kỷ XXI".

Lam Thu

Hát với Solidarność (1)

Trong một **Đêm Giáng Sinh** đầu thập niên 80, từ Genève, trên bờ hồ Léman Thụy Sĩ, một nhà thơ Việt Nam tị nạn Cộng sản, mang theo mảnh đất quê hương thân thiết khi vượt biên, đã "**hát với anh chị em Ba Lan, hát với Việt Nam tôi**"... **Hát với Solidarność**, một bài thơ đã được đài Âu châu Tự do (Radio Europe Libre) giới thiệu với nhân dân Ba Lan đang tranh đấu "**cho Hy Vọng, Mùa Xuân, Phẩm Giá Con Người**". Lúc đó, anh chị em Ba Lan, Công đoàn **Solidarność**, bị chế độ "phát xít đỏ" do Liên Xô cưỡng đặt đàn áp khốc liệt. Báo mật vụ công an cộng sản Ba Lan đã lên tiếng công kích tác giả bài thơ và buổi phát thanh của đài Âu châu Tự do. Thính giả người Ba Lan đã cắt bài báo đó rồi kín đáo gởi cho đài rồi đài chuyển cho tác giả. **Hát với Solidarność** được bà Hoàng Nguyên, một thuyền nhân tị nạn Cộng sản định cư tại Genève Thụy Sĩ, chuyển dịch ra tiếng Pháp. Bài thơ gây nên sự xúc động sâu xa nơi nhiều người đọc, như là cộng đồng Ba Lan lưu vong cùng giới trí thức, nhà văn, nhà thơ Pháp. Cố triết gia Leszek Kolakowski (1927-2009), nguyên phát ngôn nhân Phong trào Dân chủ Đối lập, cố vấn cho **Solidarność**, dạy tại trường đại học Oxford, cho biết ông đã đọc bài thơ đó giữa mùa đông ở Anh quốc trong lúc quê hương còn bị đọa đầy khổ nhục. Tháng 6 năm 1999, ông đã đọc một bài diễn văn quan trọng khai mạc Đại Hội Thế Giới Văn Bút Quốc Tế ở Varsovie, nước Ba Lan hậu cộng sản. Dịp đó là lần đầu tiên ông gặp nhà thơ Việt Nam. Từ Vatican, Đức Giáo Hoàng Jean Paul II gởi lời cảm ơn và khích lệ tác giả bài thơ cùng người dịch. Văn thư bày tỏ xúc động và cảm tình còn đến từ hai nhà văn triết gia Simone de Beauvoir và Raymond Aron, nhà thơ Pierre Emmanuel, hai hội viên Hàn Lâm Viện Pháp, nhà văn Jean d'Ormesson và nhà thơ Léopold Sédar Senghor (cựu tổng thống Sénégal), sử gia Tadeusz Wyrwa, nhà trí thức Paul Thibaud, giám đốc chủ biên tạp chí Esprit, mục sư Eric Fuchs, giáo sư Khoa Thần học đại học Lausanne, v.v. Hai mươi lăm năm sau, **Hát với Solidarność** được phổ biến để chào mừng Hội Nghị Quốc Tế về Quyền Lao Động Việt Nam diễn ra tại trụ sở Thượng viện giữa thủ đô Warszawa (Varsovie) của nước Ba Lan Tự Do, từ ngày 28 đến 30 tháng 10 năm 2006. Hội Nghị đó được sự đồng tình bảo trợ của nhiều nhà lập pháp Ba Lan, Công đoàn Đoàn Kết

Solidarność và Ủy Ban Bảo Vệ Công Nhân Ba Lan. Phát ngôn nhân đảng Thăng Tiến (bất hợp pháp đối với chế độ CSVN), nữ luật sư Lê Thị Công Nhân được mời tham dự Hội Nghị, dự định sẽ đọc một bài tham luận về cái gọi là “luật lao động” của chế độ CS Hà Nội và tình trạng những quyền lợi chính đáng của công nhân Việt Nam không được bảo vệ. Nhưng công an CS đã trắng trợn vi luật và dùng vũ lực ngăn chặn bà Lê Thị Công Nhân đáp máy bay để đi Ba Lan. Đầu tháng tư năm 2010, bài thơ **“Hát với Solidarność”** của thi hữu Nguyễn Hoàng Bảo Việt được nữ thi sĩ Małgorzata Bąbelek (Gosia Bąbelek) dịch sang tiếng Ba Lan, cùng với bài thơ **“Những Đêm Tháng Mười”**. Một tuần sau đó, ngày 10 tháng 4, Tổng Thống Ba Lan và phu nhân đã tử nạn khi máy bay rớt xuống gần phi trường Smoleńsk, trên đường đi Katyn dự lễ Tưởng Niệm hai vạn tù binh và tù nhân dân sự Ba Lan bị thảm sát theo lệnh của Staline. Rất đông những người tử nạn máy bay (gần 100 nạn nhân) từng đóng góp hào hiệp đời họ cho công cuộc tranh đấu giành lại độc lập, tự do dân chủ, công bằng xã hội và nhân phẩm. Họ đã một thời, đông đảo ở lứa tuổi thanh xuân, chung góp sức, bẻ gãy được xiềng xích đế quốc cộng sản quốc tế, mà tàn dư vệ tinh hàng đầu là Cộng sản Hà Nội thỏa hiệp với đế quốc Trung Cộng, hiện còn tác động vô cùng khốc hại trên đất nước Việt Nam. Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam và Trung Tâm Nhà Văn Việt Nam Lưu Vong, với sự tán đồng của Ủy Ban Bệnh Vực Nhà Văn bị Cầm tù Văn Bút Thụy Sĩ Pháp Thoại, đã ủy nhiệm nhà thơ Nguyễn Hoàng Bảo Việt viết điện thư và bưu thư Chia Buồn với chính giới và bạn hữu Ba Lan. Kèm theo mỗi bức thư Chia Buồn là hai bài thơ **“Hát với Solidarność”** và **“Những Đêm Tháng Mười”** (đọc Bản Tin LHNQVN-TS **“Tháng Tư Đen Việt Nam chia buồn với Tháng Tư Đen Ba Lan”**).

Chúng tôi xin được giới thiệu cùng quý bạn đọc bài thơ **“Hát Với Solidarność”** với các bản dịch tiếng Ba Lan, tiếng Pháp và tiếng Anh. Bản Tin hôm nay đăng Phần (1), gồm có bài thơ **“Hát Với Solidarność”** và bản dịch tiếng Ba Lan. Phần (2), gồm có bài thơ **“Hát Với Solidarność”** và hai bản dịch tiếng Anh và tiếng Pháp sẽ đăng trong Bản Tin tiếp theo.

“Hát Với Solidarność”, chúng tôi muốn cùng với tác giả bài thơ và bạn đọc hải ngoại gởi về Việt Nam những tín hiệu của niềm Tin chung - tin vào sự tất thắng cuối cùng của Chính nghĩa Dân tộc và Nhân bản. Trên đất nước bất hạnh và giữa lòng Dân tộc bất khuất

đó, mỗi ngày càng xuất hiện thêm những người Việt Nam thật lòng yêu nước thương đồng bào. Bất chấp sự leo thang trấn áp cực kỳ tàn bạo của chế độ độc tài cộng sản những lạm từ cuối thế kỷ hai mươi đến đầu thế kỷ hai mươi mốt. Chỉ có tiếng nói và ngòi bút, họ tiếp tục kiên cường tranh đấu cho **Nhân Quyền**, cho **Tự Do** và **Dân Chủ**, cho **Hy Vọng Mùa Xuân**, **Phẩm Giá Con Người**. Như những người bạn đa số vô danh hai mươi, ba mươi năm trước ở Ba Lan, Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc, Đông Đức, Liên Xô... với những bàn tay trần quyết tâm ôm lấy sứ mệnh lịch sử cùng đi tới.

Sắp hết năm, với những lời **Cầu Nguyện Bình An**, tâm tưởng chúng tôi hướng về những tù nhân chính trị, ngôn luận và lương tâm Việt Nam. Hướng về thân nhân, gia đình của tất cả tù nhân nói trên. Hướng về những nhà dân chủ đối kháng độc tài, bệnh vực Nhân Quyền - những vị **tu sĩ**, các tầng lớp **công nông, giáo chức, sinh viên, văn giới, nhà báo** hay **luật sư** - đang bị hành hạ, làm nhục hoặc lưu đầy ngay trên quê hương thân yêu của mình. Hướng về:

Đằng sau những cánh cửa sổ
Khép vội trước mũi súng sát nhân
Sài Gòn đâu đã thất thủ
Thầm thì những lời ru con
Thay cho tiếng nói
Giặc đã cưỡng đoạt
Trên tháp chuông tro vơ
Thập tự giá phô tẩm lòng nhân ái
Dưới mái chùa hiu vắng
Hạnh từ bi nở ngát tòa sen
Bóng đen bày quạ dữ
Bay vây quanh.

(Chúng) tôi đếm
Bấy nhiêu ngọn nến
Bao nhiêu nhánh mặt trời Tự do
Sẽ mọc lại.
(Chúng) tôi đếm
Bấy nhiêu giọt sương long lanh
Bao nhiêu chuỗi cười ròn rã

Bao nhiêu lớp người nô lệ
Sẽ đứng lên.
(Kẻ Sổng Sốt – Thơ NHBV 1978)

Genève ngày 24 tháng 12 năm 2010 –
Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam ở Thụy Sĩ
Ligue Vietnamienne des Droits de l'Homme en Suisse
Vietnamese League for Human Rights in Switzerland

Nguyễn Hoàng Bảo Việt chuyển

** Polska: tên nước Ba Lan.*

** Năm 1920, Lénine đã xua đạo quân Bolchéviks vào tận Varsovie. Hồng quân phải rút lui sau khi bị thảm bại trước cuộc kháng chiến anh dũng của dân tộc Ba Lan*



BÙI BẢO TRÚC

Sách dạy tiếng Anh “MẤT DẠY”.

Tôi không biết làm cách nào mua được hai cuốn sách dạy tiếng Anh hải hùng đó, vì tôi chỉ được đọc có một hai trang của những cuốn sách này, do một người bạn gửi cho xem qua internet. Mấy trang sách ấy lại không được gửi kèm với bìa nên tôi không biết soạn giả là những ai, và do cơ sở nào xuất bản. Nhưng tôi tin là chúng phải ... có thật và có được bán, lưu hành tại Việt Nam.

Trên mỗi trang của một cuốn có ba cột. Cột thứ nhất là những câu tiếng Anh. Cột thứ hai là phiên âm những câu tiếng Anh đó, và cột thứ ba là phần dịch những câu đó sang tiếng Việt.

Phần tiếng Anh có thể được lấy từ một cuốn sách dạy tiếng Anh nào đó của một tác giả nước ngoài. Vì thế, đóng góp của soạn giả chỉ là phần phiên âm, và dịch nghĩa những câu tiếng Anh sang tiếng Việt.

Phần dịch nghĩa từ tiếng Anh sang tiếng Việt không có gì đáng nói, vì với một cuốn tự điển Anh Việt, người ta có thể hoàn tất việc đó không khó khăn bao nhiêu. Thêm nữa, những câu Anh ngữ trong sách (bài số 13) không phải là những câu hành văn phức tạp gì cho cam, chỉ là những câu mệnh lệnh thường gặp trong Anh ngữ. Chính phần phiên âm những chữ tiếng Anh để giúp người dùng sách phát âm cho ... đúng mới là chi tiết đáng nói ở đây.

Nhưng phần phiên âm đó có đúng không?

Câu trả lời là không. Phát âm như sách chỉ dẫn thì có bố Mỹ cũng chịu thua, không cách gì hiểu nổi.

BÀI 13. MỘT SỐ CÂU MỆNH LỆNH THƯỜNG GẶP		
Bring me tea(coffee, water...)	Bờ rinh mì tí(cốp phi, quơ tờ...)	Mang cho tôi tách trà (cà phê, nước)
Wash fruits(hand, dishes..)	Woát phờ rút(hen, đít..)	Rửa hoa quả (rửa tay, rửa bát)
Give the all papers away	Giv dơ ô pâyphờ ơwây	Vứt những giấy tờ này đi
Throw this trash away	Thờu đít tras ơwây	Vứt chỗ rác này đi
Arrange the cloths	Ơrên dơ cờlâu	Sắp xếp lại quần áo
Take after the baby	Thếch áptờ dơ bắybì	Chăm sóc đứa bé này nhé
Take after the kitchen	Thếch áp tờ dơ kít chừm	Đề mắt đến phòng bếp
Cook the lunch	Cúc dơ lăn	Nấu bữa trưa đi
Prepare the breakfast	Pờ ri pe dơ bờ rếch phốt	Chuẩn bị bữa sáng
Wake up at 6 o'clock	wếch ắp ắt sích o cờ lóc	Thức dậy vào lúc 6h nhé
Turn off electricity before you sleep	ton ơp ê lếch trích si ty bì pho ju sờ líp	Tắt điện trước khi bạn đi ngủ
Cut chicken	cắt chích cừm	Cắt thịt gà
Cut pawpaw	cắt pơ pơ	Gọt đu đủ
Put fish into the fridge	pút phít in tu dơ phờ ri dờ	Đẻ cá vào trong tủ lạnh
Put the dish into the cupboard.	pút dơ đít in tu dơ cấp bô	Đẻ đĩa vào tủ đựng bát

Thí dụ bờ rinh mì quơ tờ; woát đít; pút phít in tu dờ phờ ri dờ; ơrên dơ cờlâu... thì nhất định là ta nói ta nghe, Mỹ nói Mỹ nghe là cùng. Những câu phát âm đó là gì vậy? Xem cột thứ nhất thì đó là các câu bring me water; wash dishes; put fish into the fridge; arrange the cloths (đáng lẽ phải là clothes vì cloth là vải chưa may thành quần áo, không có số nhiều).

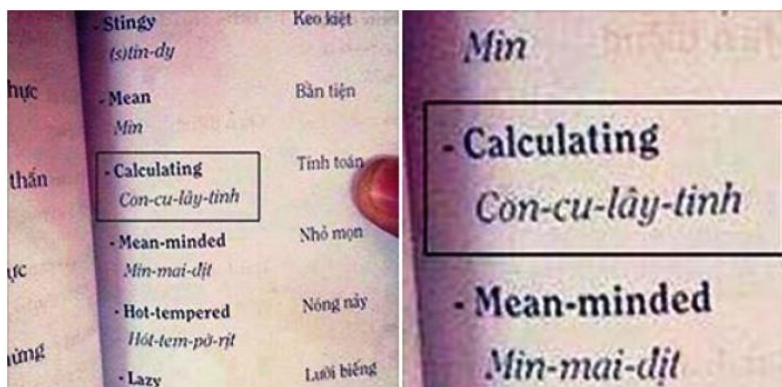
Rốt cuộc xin chút nước, nhờ rửa mấy cái chén bát, yêu cầu bỏ cá vào tủ lạnh, xếp quần áo thì người được nhờ làm những việc đó

234 Tin Vaên

cứ thế mà đứng ngây người ra mà im lặng thở dài, nghiêm và buồn cả buổi mà thôi.

Người soạn cuốn sách dạy tiếng Anh rõ ràng là người không biết nói tiếng Anh. Người này không hề biết rằng tiếng Việt không có một số âm rất thường gặp trong tiếng Anh. Vì thế, người ta không thể dùng các âm Việt ngữ để phiên âm tiếng Anh. Thêm vào đó, những âm cuối của những tiếng trong Anh ngữ đều bị soạn giả bỏ qua, không ghi xuống, cho dù đó là những danh từ số nhiều (fruits, dishes, papers...) hay những âm cuối của lunch, cupboard, hand, trash, arrange... Soạn giả cũng không biết phân biệt những nguyên âm dài, ngắn và do đó cũng không chỉ dẫn cho người dùng sách những chỗ nhấn (stresses). Rõ ràng là ông ta chưa bao giờ nghe nói hay biết tới, nói chi tới chuyện biết sử dụng những ký hiệu phiên âm quốc tế (international phonetic symbols). Bởi thế nên mới có cái mệnh lệnh nghe ghê rợn là pút dơ đít in tu dơ cấp bo và woát đít.

Một cuốn sách khác (chắc là thế vì cách trình bày có hơi khác) lại còn ghê rợn hơn cả cuốn kia. Thí dụ chữ calculating thì được phiên âm thành con-cu-lây-tinh. Âm đầu của chữ này không hề có âm “o” trong cách phát âm của người Anh cũng như người Mỹ. Nhưng nó đã được phiên âm là “con” thay vì là “can” mặc dù “can” cũng đã là không đúng. Ngay ở dưới là một compound adjective (tính từ kép) mean-minded thì được phiên âm thành min-mai-đít.



Đọc trang sách này, tôi rùng mình khi nghĩ tới cách phiên âm của

soạn giả dùng cho danh từ calculator. Rùng mình vì không biết tại sao nó phải “la to” như soạn giả có thể sẽ phiên âm theo kiểu phiên âm của ông ta.

Đó là cách phiên âm gì vậy? Học Anh ngữ bằng cách phiên âm ấy thì nói tiếng Anh như thế nào và cho ai nghe đây? Nói tiếng Anh như Nguyễn Tấn Dũng chẳng?

Tiếng Anh gì mà sexy quá vậy? Sexy hay mất dạy đây? Thế mà chỉ vừa mấy tuần trước, báo chí trong nước đã nhặng lên rằng trình độ tiếng Anh của học sinh Việt Nam được coi là cao nhất Đông Nam Á.

Sách dạy tiếng Anh mà như vậy thì trình độ nhất tiếng Anh với ai đây?

TỘI NGHIỆP LỤC BÁT.

Lục bát là thể thơ đặc biệt của người Việt Nam. Người Hoa không có lục bát. Ở Đông Nam Á, chỉ có Thái Lan có lục bát với cách gieo vần giống như lục bát của chúng ta. Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu và nhiều tác giả khác trong văn học Việt Nam đã sử dụng lục bát trong các tác phẩm của họ. Người bình dân trong những câu hò, câu lý, trong ca dao cũng đã đến với lục bát. Nhà phê bình văn học Nguyễn Hưng Quốc cho rằng thơ lục bát dễ làm, nhưng làm được một bài lục bát hay thì rất khó. Dở một chút thì lục bát thành vè ngay.

Nhưng có thật là lục bát dễ làm không?

Ở bậc Trung học trước năm 1975, ngay ở năm đầu, tôi nhớ là học sinh lớp Đệ Thất cũng đã được dạy về luật thơ lục bát: chữ cuối của câu sáu phải vần với chữ thứ sáu của câu tám; chữ cuối của câu tám phải vần với chữ cuối của câu sáu, và chữ thứ sáu của câu sáu phải vần với chữ thứ sáu của câu tám ... và cứ như thế tiếp tục trong suốt 3254 câu của truyện Kiều.

Cách hiệp vần lục bát như vừa nêu ra ở trên thoạt nghe thì có vẻ khó nhớ, nhưng chỉ cần lẩm nhẩm mấy câu đầu của truyện Kiều là nhớ ngay cách hiệp vần lục bát:

Trăm năm trong cõi người TA

236 Tin Vaen

*Chữ tài chữ mệnh khéo LÀ ghét NHAU
Trải qua một cuộc bể DẦU
Những điều trông thấy mà ĐAU đốn lòng*

Trong những câu trên, TA vần với LÀ; NHAU vần với DẦU, với ĐAU. Tuy dễ như vậy, nhưng hình như không phải người Việt Nam nào cũng biết cách hiệp vần của thơ lục bát. Mới đây, một cựu học sinh của một trường Trung học danh tiếng ở Sài Gòn trước đây cũng đã lạc vận một cách tệ hại trong mấy câu gọi là lục bát của ông:

*...Áy ơi, áy hãy vào ĐÂY
Cho em đổi lại cái QUẦN chút COI
Cái quần duy nhất của EM
Hôm qua anh lấy về BẾN ấy rồi ...
Hôm nay mưa đổ sục SÙI
Tờ không hong nữa cái QUẦN không PHOI
Bên hiên vẫn vắng bóng NÀNG
Rưng rưng tôi nghiệm cái QUẦN của em*

Trong 8 câu lục bát, chỉ có mấy chữ EM, QUÊN và NÀNG, QUẦN là tạm có thể coi là có vần với nhau mặc dù có hơi khiên cưỡng. Những câu khác thì đều lạc vận. ĐÂY không thể vần với QUẦN; COI không thể vần với EM; SÙI không thể vần với QUẦN; PHOI không thể vần với NÀNG.

Thơ tự do thì không cần phải có vần. Nhưng nếu một câu sáu kể đó là một câu tám thì đó là lục bát và phải theo luật của lục bát và phải hiệp vần.

Mấy câu đó được nghe thấy trong một cuộc họp mặt Tất Niên của các cựu học sinh mấy trường Trung học ở Sài Gòn trước đây. Nguyên đó là một bài thơ lục bát của Nguyễn Bính gồm 42 câu kể chuyện một cuộc tình bi thảm của một thanh niên với cô hàng xóm. Mỗi tình chưa có dịp thổ lộ thì người phụ nữ trẻ qua đời. Bài thơ này đã được ít nhất hai nhạc sĩ phổ thành nhạc. Và một trong hai bản nhạc cũng được sửa lời để hát điệu, thành hai người lấy lộn quần của nhau vì cùng phơi trên một cái cọc giữa hai căn nhà. Nhưng rồi chính lời điệu của bài hát điệu đó cũng lại được sửa lại

thành những câu lục bát lạc vận một cách thảm hại được hát lên trong buổi họp mặt vừa qua.

Tác giả của những lời ca được sửa lại lần nữa với những câu lục bát què quặt ấy, theo bài tường thuật trên báo, cho biết có giữ bản quyền. Việc đó không cần thiết vì lục bát mà như vậy thì sẽ không có ai chôm chia của ông đâu khiến ông phải quá lo xa.

Nếu tác giả chỉ đọc cho vợ con nghe trong bếp thì tôi sẽ không bao giờ có ý kiến. Nhưng vì nó được phổ biến ở một nơi công cộng nên người nghe được quyền có ý kiến và nhận xét.

Có ý kiến vì tôi sợ rằng sẽ có người nghe hay đọc thấy những câu ấy rồi tưởng thơ lục bát là như thế rồi cứ thế mà bắt chước làm thơ lục bát thì tội cho cụ Tiên Điền biết là chừng nào. Bỗng nhớ hai câu bi thảm của Nguyễn Du:

Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như

(Ba trăm năm nữa có dư / Biết còn ai khóc Tố Như Tiên Điền)

Thưa Tố Như tiên sinh, lục bát, thể thơ mà tiên sinh dùng để viết truyện Kiều đã bị thâm sát như vậy thì con số người khóc tiên sinh chắc chắn không phải là nhỏ.

Mà cũng tội nghiệp cho lục bát biết là chừng nào! Ấy là chưa nói tới câu cuối (rưng rưng tội nghiệp cái quần của em) là một câu tuyệt đại cực kỳ nham nhở và dơ dáy.

Nên cũng tội nghiệp luôn cả Nguyễn Bính nữa.

Bùi Bảo Trúc

Triển Lãm Tranh Sơn Dầu

OIL PAINTINGS EXHIBITION
Họa Sĩ: Dương Phước Tấn

Trần Trọng Mối Đến Tham Dự

Được Sự Bảo Trợ:
Hội Văn Bút: Nam Hoa Kỳ
Nhà Văn: Phan Xuân Sinh

December 2014: 26,27,28
Open: 9AM-7PM
Khai Mạc: 11:30AM 26 Tháng 12 2014
Phone: 832-633-7590

The Location: Inside HongKong 4 Mall
11205 Bellaire Blvd, Houston, TX 77072



HÀNH LANG HÔI HỌA và Họa Sĩ DƯƠNG PHƯỚC TẤN

Vào ngày 26-28 tháng 12 năm 2014 vừa qua. Tại hành lang Thương xá Hồng Kông 4 Houston TX. một lần nữa Họa Sĩ Dương Phước Tấn trình làng bộ tranh sơn dầu mới nhất của mình, đây là lần triển lãm thứ ba tại Houston, bất kể thời tiết mưa lạnh khắc nghiệt, buổi khai mạc vẫn thu hút khá đông quan khách, thân hữu và không ít khách vãng lai.



Niềm say mê sáng tác của Họa sĩ Dương Phước tấn chuyển tải trên những gam màu nóng đã làm ấm lại Khán phòng trưng bày tranh và thỏa mãn thị hiếu quan khách. Tạp Chí Tin Văn đã cử Đại Diện tham gia sinh hoạt văn hóa nghệ thuật đầy ý nghĩa này. Thân Kính chúc Họa sĩ Dương Phước Tấn sẽ có thêm nhiều nghị lực dốc tận đam mê để tiếp tục sáng tác làm đẹp cho đời.



Tranh Dương Phước tấn



THƯỜNG NHỚ & GHI ỚN

Giuse HOÀNG VĂN SỬU

Hôm nay là ngày lễ Mồ
Em ra thăm Mồ tìm Mồ của Anh,
Chiều về ngã địa vắng tanh
Gió chiều cuộn cuộn vay quanh thân
gầy.

Hoàng ơi! Mình Thương đến đây
Các con bạn học bạn làm ở xa...

Anh ơi các con chúng ta
Thương Cha đắm lệ làm sao bây
giờ...

Anh ơi! xác lạnh trong Mồ
Trên Mồ cỏ héo bên Mồ mình em,
Mình em trong cối bon chen
Mình em trong cối bon chen thấp hèn.
Vội thực tế miếng cơm manh áo
Để chu toàn nuôi con cháu chúng ta
Em gánh chịu mưa sa gió táp
Để giữ gìn sự nghiệp của Anh
Để cho con cháu của Anh
Với đời chúng sẽ thành danh vẹn toàn,
Anh nhân hạ cung Trời nước Chúa
Còn thương em về độ giúp em
Chu toàn nhiệm vụ Anh giao
Nuôi con khôn lớn dựng nên gia đình
Các con phải trọng chữ Tình
Và chữ Nghĩa nữa mình là Việt Nam.
Đó là tâm huân của Anh
Ôm em nhắc nhở trước khi lia đời
Em xin ghi nhớ đời đời không quên.
Các con ôi ! Yêu Cha thương Mẹ
Hãy cố ngoan để Mẹ hoàn thành...

Ôm các con của Mẹ vào lòng - Mẹ hôn thật lâu...

Maria Trần Thị Thương / Ngày lễ Mồ 2014-Houston



Maria Trần - Thị Thương
Vũ Quốc Hoàng/Vũ Văn Sửu



Chị em chỉ học hành, nay đã bằng được sĩ
Cha mẹ rất vui lòng



Em đứng bên cạnh chị, em sẽ thấy mạnh hơn



Chị ôm em vào lòng, em không sợ



Các con của Trần và Hoàng

CHÀO ĐÓN TÂN XUÂN 2015



Thiệp Mời
Nhân dịp đầu năm
VĂN BÚT NAM HOA KỲ

Trân Trọng Kính Mời Ô/B:

Vui lòng bỏ chút thì giờ quý báu
đến tham dự buổi liên hoan hội ngộ thường niên
của những văn nghệ sĩ dân thân tranh đấu
cho Việt Nam Tự Do.

Với chương trình thi ca nhạc Tình Tự Quê Hương
và phát hành Tạp chí văn học TIN VĂN.
Được tổ chức tại Nhà Hàng THIÊN PHÚ
11360 Bellaire Blvd Houston, TX 77072
Tell: 281-568-1448

Vào lúc 11 giờ trưa ngày Chủ Nhật 29-3-2015
Sự hiện diện của Quý vị là niềm hãnh diện
và khích lệ lớn lao cho Ban Tổ Chức.,

Đại Diện
Phạm Tương Như Kính mời

Điện thoại liên lạc :
281-935-2224 * 713-419-3187 * 281-975-9782
(Xin ủng hộ ẩm thực 25 Mỹ Kim/ 1 người)

Thơ
LAN CAO

Bài Thơ Dâng Tặng Ngài

Nhạc
HOÀNG TƯỜNG

Người về cứu nước lâm nguy. Việt Nam chia cắt, phân ly hai miền.
Đứng lên nắm giữ chính quyền, chính quyền dân chủ, chính quyền tự do.
Sài Gòn viên ngọc Thủ Đô miền Nam hạnh phúc, thăm tô Cộng Hòa.
Cờ vàng ba sọc soi pha Cộng Hòa đệ nhất, Cộng Hòa Việt Nam.
Người về diệt Cộng tham tàn, nâng cao dân trí, mở
mang dinh điền. Con đường, dân chủ đi lên,
tự do tôn giáo nhân quyền nâng cao. Miền Nam
thời đại tự hào. Năm châu kinh nể đi vào Sử xanh.
Người là Tổng Thống vì dân hy sinh
nằm xuống quyết tâm Cộng Hòa. Bây giờ phận nước xối
xa vì ai người biết, còn ta nhớ người. Lên non rồi cũng xuống
đoài. Mất người mất cả nước nhà Việt Nam. Trời ơi! nước mắt nhà
ta, kẻ trong đau khổ, người ngoài lênh đênh. Xin Người phủ hộ cứu
dân, như xưa người đã một lần cứu nguy.



VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI
Vùng Nam Hoa Kỳ
Nhiệm kỳ 2014 – 2017



Cố vấn: Doãn Quốc Sỹ

BAN ĐẠI DIỆN

Chủ Tịch: Túy Hà

Phó CT Nội Vụ: Lưu Nguyễn Từ Thúc

Phó CT Ngoại Vụ: Lê Thị Hoài Niệm

Tổng Thư Ký: Phạm Tương Như

Thủ Quỹ: Mây Ngàn

UV. Văn Nghệ Sĩ Bị Cầm Tù: Trương Sĩ Lương

UV. Giao Tế - Thông Tin : Thu Nga

UV. Tổ Chức: Cù Hòa Phong - Lê Thị Hoài Niệm

HỘI VIÊN HOẠT ĐỘNG

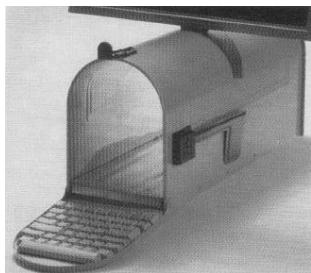
*Dương Phước Luyến *Huỳnh Quang Thế *Huỳnh Vũ Lê Văn
Huỳnh *Huỳnh Công Ánh *Lan Cao *Lê Hữu Minh Toán *Lê Thị
Hoài Niệm *Linh Phương *Nguyễn Thế Giác *Lê Hữu Liệu
*Nguyễn Tuấn Chương * Phan Đình Minh *Thu Nga *Mây Ngàn
*Cù Hòa Phong *Lưu Nguyễn Từ Thúc *Vĩnh Tuấn *Vô Tình
Yên Sơn * Diễm Nghi * Lưu Thái Dzo *Đương Thượng Trúc
*Song An Châu *Võ Thanh Văn *Nguyễn Đức Nhơn *Phạm Ngũ
Yên* Nguyễn Mạnh An Dân* Trương Sĩ Lương *Phạm Tương
Như *Túy Hà. Hoàng T. Thanh Nga- Nhuj7 P{hong- Linh Vang –
Hoàng Lan.

HỘI VIÊN ÂN NHÂN

Lê Thị Thu Cúc

HỘI VIÊN TÌNH NGHĨA

Đặng Minh Hùng - Bích Huyền - Quỳnh Nguyễn - Hoàng Tường -
Kha Lăng Đa - Kim Hà - Linh Du - Nguyễn Kim Long Phụng -
Nguyễn Thanh Ngọc - Tam Thanh - Thanh Hà - Tiffany Nguyễn -
Thái Tầu - Tuấn Trường - Bích Phương - Nhật Hạnh -
Ngô Thu Hồng - Song Thy - Trần Yên Thụy-
Hoàng T. Thanh Nga - Văn Ngọc Thy - Trần Bửu Tú - Út Võ-



THÔNG BÁO CẦN LƯU Ý

@ Bài vở sáng tác đã gửi cho Tin Văn xin đừng gửi ở Báo khác. Tòa soạn toàn quyền không đăng hoặc cắt bớt nếu nội dung bài không phù hợp với chủ trương của Tin Văn (không viết thêm) và có thể hiệu đính nếu thấy cần thiết. Quý Tác giả nào không đồng ý vui lòng ghi chú trên đầu bài viết. Bài gửi đăng theo khổ giấy viết thư 8.5x11.5 không cần lay out trước, gửi qua attachment vui lòng dùng dạng chữ Unicode-Time new roman, cỡ chữ 14 Nếu có hình ảnh minh họa cần scane dạng JPG. Bản thảo không hoàn lại. Sáng tác về văn không dài quá 08 trang về Thơ không quá 03 trang.

@ Tin Văn hân hoan chào mời Quý độc giả và Quý thân hữu cổ động mua ủng hộ dài hạn Tin Văn một năm 4 số là 35 US. Kể cả cước phí. Ngoài USA xin thêm 10 US.

@ Chi phiếu ấn phí, ủng hộ, và quảng cáo, xin ghi gửi Thủ Quỹ Một Ngàn. Ghi chi phiếu theo tên và địa chỉ: **Mr.ĐẶNG XUÂN NGÔ hoặc TONG PHAM**

P.O. BOX 681822 Houston,TX 77268

@ Bài vở sáng tác xin gửi về email:

tuyha81@yahoo.com or vbthinvan@yahoo.com

Ngay sau ngày Tin Văn phát hành. Tòa soạn bắt đầu nhận bài mới (Trong thời gian 45 ngày).

Chân thành cảm ơn Quý Độc giả và thân hữu Cộng tác viên đã theo dõi Thông Báo Này.

Trân Trọng
TIN VĂN



Văn Bút Nam Hoa Kỳ và Tạp Chí Tin Văn Đặc biệt cảm tạ

Quý ân nhân và Quý cơ sở sau đây đã nhiệt tình yểm trợ tài chính và Quảng cáo cho Tin Văn có thêm điều kiện phát triển góp phần phục vụ cho hoạt động văn hóa Việt Nam Hải Ngoại.

Quý Ông Bà: Quỳnh Nguyễn - Tuấn Đào - Tông Phạm - Lập Nguyễn - Ngô Đặng - Trần Bửu Tú- Đào Lê

Quý Cơ Sở:

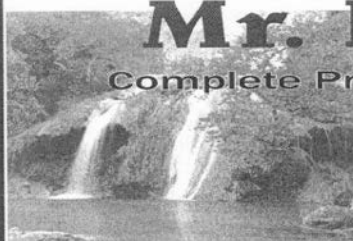
Phương My Video - Leon Vũ Insurance - Neuroreflexology Therapy - Vision Outlet - Cecile Nguyễn Insurance - Cao Nails- Beauty@ Spa Wholesale - JN Nails Supply
Linh Phuong music Productions- Love's Marina&Park
VP.TAX Lena Ngoc Nguyen,EA - Phở Thy



TRONG SỔ NÀY

***Lời vào tập 3/ *Lưu Nguyễn Từ Thúc/ Lời hịch/5/**
***Trương Sĩ Lương / Bốn mươi năm /7/ *Đương Thượng**
Trúc/ Bất chợt xuân /15/ *Mai Thanh Tuyết/ Thư gửi bạn
trẻ /16/ *Liên Hối Nhân Quyền / Je suis Charlie/ 19)
***Trần Văn Tích/ hét bên thắng cuộc /25/ Triều Dương/**
Khai bút /27/ *Nguyễn Hoàng Bảo Việt/ Thắp nén hương
lòng / 29/ *Diễm Nghi / Chùm thơ /34/*Nguyễn Hữu
Nghĩa/ Bài hát chúc Tết /35/*Huỳnh Công Ánh /Bình mai
đón Tết/ 38/*Vô Tình/ Chúc Xuân /39/*Thu Nga/ Năm Dê
/40/*NGƯỜI ĐI THƠ NGÁT HƯƠNG ĐÒI(Tế Hanh -
Quách Tấn - Lưu Quang Vũ)/47/ *Việt Phương/ Truyện
chuyển ngữ /49/ *Song An Châu /Mừng Xuân hội ngộ /58)
***Hoàng Lang/ Câu chuyện mười năm/ 60/ * Trần Văn Lệ/**
Em ơi thơ Tết /61/*Trần Việt Cường/Xuân riêng tư
/63/*Nguyễn Minh Triết / Ý nghĩa và vai trò /64/ *Yên Sơn /
Buổi sáng đầu năm /86/ *Nguyễn Đức Nhơn/ Kiếp luân hồi/
88/ * Thái Bạch Vân/ Mai Xuân hy vọng /90/ * Kim Oanh
/Nhật tháng ngày /91/*Phạm Ngũ Yên/ Nếu để chia tay thì
đừng/92/ *TÌNH TRONG Ý NGOÀI (Thích Tánh Tuệ, Minh
Xuân, Kim Tiên, Vương Hồng Ngọc, HT.Nguyệt Khuyết,
Như Ly)/103/ *Nguyễn Mạnh An Dân/ Ngày Xuân nhớ lại
/110/* Trần Yên Thụy/ Vẫn ngỡ còn nhau/123/
***Thylanthảo/ Ý tình thương nhớ/ 124/ *Dạ Dung/ Trăng vẫn**

nghiêng/125/ ***Đỗ Bình/** Tiếng hát quê hương/126/ ***Phạm
 Trương Như /** Nhà dưới-cửa sau - Đà Lạt /131/*** Mây Ngàn/
 Xuân Cao nguyên/135/ *Cù Minh Khánh/Nguyễn Phú
 Long /Độc ảm/136/
 *Hoàng T.Thanh Nga/ Mùa Xuân năm tuổi/ 137/ ***Cái
 Trọng Ty/** Yên hà mây thuở /147/ ***Trần Văn Lệ /** Uống
 rượu làm thơ/148/ ***Lam Hà/** Chuyện bốn mươi năm
 trước/149/ ***Songthy/** Ấn bóng trắng xuân/158/*** Nguyễn
 Thị Ánh Sương/** Xuân mơ/159/ ***Phạm Tín An Ninh/** Để
 tưởng niệm /160/ ***Võ Thanh Văn/** Trăng cổ nhân/170/
***Đào Lê/** Soi gương/172/ ***Luu Thái Dzo/** Nụ cười và tiếng
 khóc/173/ ***Nguyễn Lập Đông/** Cái bang/176/ *** Nguyễn Thị
 Thanh Dương/** Sapa mùa đông/177/ ***Nguyễn Ninh Thuận/**
 Mùa Xuân không quên/179/ ***Vũ Tiến Lập/**Căn nhà màu
 xanh/186/ ***Hoàng Xuân Sơn/** Tím trời - người người/188/
***Như Phong/** Bóng đời/189/ ***Linh Vang/** Và mưa vẫn
 rơi/190/ ***Lan Cao/** Đêm nguyệt thực/197/ ***Lê Hữu Minh
 Toán/** Răng chừ/198/ ***Trần Quốc Bảo/** Con Lân đen/199/
***Túy Hà/** Miệt vườn/206/ ***Phạm Trần Anh/** Tâm hồn thơ/
 208/ *** Trần Bình/ Sang Nguyễn/** Hãy chửi chính mình/
 212/ ***Rộng Đường Dư Luận/** BS Trần Văn Tích/218/ ***
 Huỳnh Quang Thê/Viễn Kính Văn Học** (Hoa Giang, Lam
 Thu, Nguyễn Hoàng Bảo Việt, Bùi Bảo Trúc)/222/ ***Đương
 Phước Tấn/** Triền lã tranh/239/ ***Maria Trần Thị
 Thương/** Thương nhớ ghi ơn/241/ ***Nhạc lan Cao-
 Hoàng Tường/243/*Thông Báo/** 245/ ***Mục lục /247/****



Mr. Print

Complete Printing Services

- ◆ *Wedding Invitations*
- ◆ *Business Cards; Invoices*
- ◆ *Books; Binding*
- ◆ *Flyers; Labels; Posters*
- ◆ *Graphic Design*

11331 Richmond Ave. Ste. N105
Houston Texas 77082

Tel: 281-556-9299
832-279-9180

Đảm trách mọi dịch vụ ấn loát
uy tín và đúng hạn

PHƯƠNG MY

AUDIO & VIDEO

TRUNG TÂM ▪ BĂNG NHẠC ▪ SÁCH BÁO ▪ KARAOKE

CHUYÊN BÁN SỈ VÀ LẺ

- ◆ Đủ các loại máy Tự Động điện tử
- ◆ Đầu máy Karaoke vi tính 45 ngàn bản nhạc
- ◆ Đủ loại máy DVD - Mixer Karaoke

Audio Systems và Wireless Microphone

**ĐẶC BIỆT MUA 1 MIXER
tặng 1 cặp Wireless Microphone**

Mở cửa 7 ngày:
10am - 9pm

Có đầy đủ DVD-CD của các trung tâm trên toàn quốc

- Phim bộ Việt Nam, Hong Kong, Đại Hàn, và Trung Quốc
- Phim miền Bắc và nam, Cải Lương, Hải Hước và Phóng Sự Việt Nam
- Phim lẻ Hong Kong và Đại Hàn có phụ đề Anh ngữ

Có bán đủ loại máy MASSAGE

Phương My là đại lý chính thức duy nhất của công ty TÂN TỰ
ĐIỂN tại Houston. Quý khách mua ở những cửa hàng khác trong
vùng sẽ không được bảo hành và sửa chữa của công ty
Tự Điện Smart World

KHU HONG KONG
CITY MALL



11205 Bellaire Blvd., #B8, Houston, TX 77072
Tel: (281) 530-9155 / Fax: (281) 530-8379

ĐỜI SỐNG THAY ĐỔI .

**Tôi có thể giúp bảo hiểm của bạn theo kịp
sự thay đổi đó.**

Hãy gọi tôi ngày hôm nay để được xem xét miễn phí
những chương trình bảo hiểm Allstate có thể bảo vệ bạn.
Bạn mới có một cháu bé? Bạn đã mua một chiếc xe mới?
Bạn đang có một đứa con ở tuổi vị thành niên lái xe trên đường?
Có rất nhiều lý do để bạn cần phải hiện đại hóa chương
trình bảo hiểm của bạn. Tôi có thể giúp bạn có được một
chương trình bảo hiểm đúng cho bạn.



Cecile Nguyen

(713) 462-1447

9585 CLAY RD, Ste # 8

Houston

CecileNguyen@allstate.com



Allstate®

You're in good hands.®

Auto
Home
Life
Retirement

Chương trình bảo hiểm tùy thuộc vào sự sẵn có và tiêu chuẩn của bạn. Công ty Bảo Hiểm Allstate và Công ty Bảo Hiểm Tài Sản và Tài Nạn Allstate: Northbrook, IL. © 2007 Allstate Insurance Company



LÊ HOÀNG NGUYỄN
WINNING AGENCY

LENA NGOC NGUYEN, EA
MASTER TAX ADVISOR
ENROLLED AGENT

Power of Attorney to represent clients in the Tax Court



10613 BELLAIRE BLVD. #200
HOUSTON, TX 77072
TEL: 281•498•9009
FAX: 281•498•9018
LENA@WINNINGAGENCY.COM



NTT BEAUTY SUPPLY

11210 Bellaire Blvd., #123
Houston, TX 77072
Tel: (281) 988-5653
Fax: (832) 328-4939

JN NAIL SUPPLY & SPA

12320 Bellaire Blvd., # A8A
Houston, TX 77072
Tel: (832) 328-4841
Fax: (832) 328-4939
Email: JNNail77072@yahoo.com

JN (SHOW ROOM)

11107 Bellaire Blvd., #D
Houston, TX 77072
Tel: (832) 512-6412
Cell: (713) 884-0479



TÂN NGUYEN
Hair & Beauty Salon

- Tóc
- Dịch vụ day spa
- Massage
- Chăm sóc da
- Dịch vụ spa
- Nail art
- Tẩy da chết
- Tẩy lông
- Massage
- Dịch vụ spa
- Tẩy da chết
- Tẩy lông
- Massage
- Dịch vụ spa

Tel: (281) 777-4276
Email: tannguyen72@hotmail.com

TÔ KỲ ĐỨC BUILDER

* Nhận làm Plumbing, Điện, máy lạnh.
* Có license
* Công việc làm bảo đảm
Tel: (713) 367-6207

TIN VUI - TIN VUI - TIN VUI

Kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2011

chúng tôi đại lý sản phẩm hãng ODYSSEY Nail Systems Inc. tại Houston.

- Đèn UV light cho Gel màu **3 Years warranty**
- Cần nhiều đại lý trong vùng
- Gel màu mua **10 Free 1**
- Liquid không mùi (thay thế Solar Liquid)
- Powder, màu trong, tươi, không bị bột như Sola

* Nhận build tiệm, xin phép và pass inspection. Công việc làm bảo đảm
* Có thợ lột gạch, điện, nước, Plumbing cho tiệm và tư gia



**JN NAILS NƠI CUNG CẤP ĐẦY ĐÚ CÁC
MẶT HÀNG PHỤC VỤ NGÀNH NAILS
JN NAILS Beauty Supply & Tony Triển**

Email: JN JNNail77072@yahoo.com

Kính Mời

Xin để tôi giúp quý vị về các nhu cầu bảo hiểm của quý vị.

Xe Cộ - Nhà Cửa - Nhân Thọ - Kinh Doanh
Các sản phẩm và dịch vụ có phẩm chất... của một công ty quý vị quen thuộc.
Xin mời quý vị ghé lại văn phòng hoặc gọi điện thoại cho tôi.



LEON VŨ TIẾN LẬP

Agent

Allstate Insurance Company

13120 Veterans Memorial Drive
Houston, TX 77014

Bus: (281) 866-0343

Fax: (281) 866-0373

www.allstate.com

Allstate Property and Casualty Company, Allstate Life Insurance Company, Northbrook, IL, Allstate County Mutual Insurance Company, Allstate Texas Lloyds Insurance Company, Irving, TX. © 2000 Allstate Insurance Company. Tùy thuộc vào mức cung ứng và hội đủ điều kiện mua bảo hiểm.



Allstate

You're in good hands.

Vision Outlet

8200 Wilcrest, suite 26B (at Beechnut - cạnh Kim Video và Quê Hương Restaurant)
Houston - Texas 77073 - ĐT: (281) 495-1403

- * Nơi phục vụ xứng đáng, chân thật và uy tín từ 10 năm qua
- * Tiệm có đủ mọi hiệu kính trên Thế Giới
- * Contact Lenses đủ loại, đủ màu
- * Bảo đảm giá hạ nhất Houston
- * **GỌNG HẠ GIÁ TỪ \$10.00, 1 CẶP KÍNH \$38.00 (gọng và tròng)**
- * **CÓ MÁY TỐI TÂN CẮT KÍNH LẤY LIỀN (5V)**

- * **LẤY ĐỘ KÍNH CỎ LẠM KÍNH MỚI**
- * **CÓ GIÁ ĐẶC BIỆT CHO GIA ĐÌNH KHÓ KHĂN**
- * **NHẬN LẠM KÍNH GỬI ĐI XA, KHÔNG TÍNH TIỀN CƯỚC PHÍ**



**Coupon
\$10.00**

GIỜ MỞ CỬA:

Mở cửa 6 ngày

Thứ Hai - Chủ Nhật: Từ 10 AM - 7PM

Đóng cửa: Thứ Ba



**Đã được người Mỹ xếp hạng 5 SAO -
Một trong những tiệm BEST của Texas
trong sách Underground Shopper**

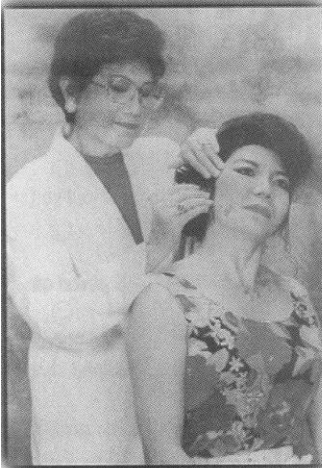
Chúng ta yêu cuộc sống bằng trái tim và nhìn rõ những xuốn sắc thân thương qua đôi kính - Hãy đến VISION OUTLET để được săn sóc xứng đáng

PHẬT MINH Y KHOA ĐIỀU KỲ

NEUROREFLEXOLOGY THERAPY

LIỆU PHÁP PHẢN XẠ THẦN KINH

Bà Lê Thị Thu Cúc



LICENSE NO.MT 4550

8056 Boone @ Beechnut
Tel: (281) 498- 6777 * (713) 301-3645
1- 877- 279-7778

Xin gọi lấy hẹn:

Mon - Fri: 9am - 7pm

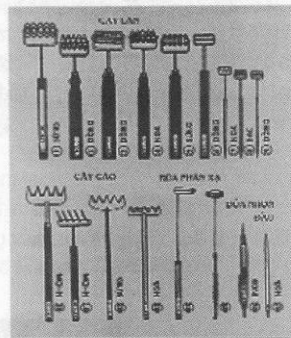
Sat: 9am - 2pm

Sun: Closed

Đã chữa lành được:

- Người mù tìm lại được ánh sáng.
- Người điếc nghe được tiếng chim liu lo.
- Người câm được trả lại tiếng nói.
- Người mù tìm lại được ánh sáng.
- Người bại liệt đi đứng bình thường.

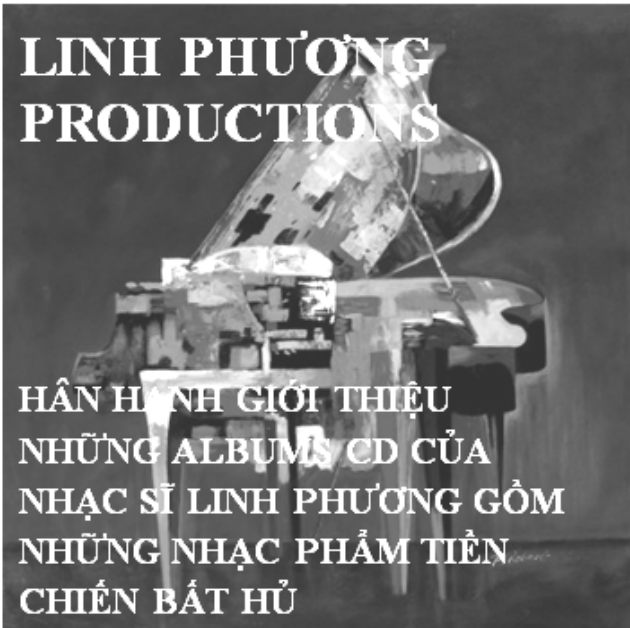
Trích bài viết của lĩnh vực James Vũ đăng trên báo Tin Việt



DỤNG CỤ SỬ DỤNG TRONG XOA BÓP PHẢN XẠ
ĐƯỢC CÀI TIẾN THEO:

* Larouse Medical 1952 trang 679 ảnh 1130
và trang 949 ảnh 1657

* Và tạp chí "The Guide of Acupuncture"



LINH PHƯƠNG PRODUCTIONS

**HÂN HINH GIỚI THIỆU
NHỮNG ALBUMS CD CỦA
NHẠC SĨ LINH PHƯƠNG GỒM
NHỮNG NHẠC PHẨM TIỀN
CHIẾN BẤT HỦ**

Độc tấu dương cầm :

**MƯA TÌNH, MƯA LỆ, MƯA TƯƠNG TƯ,
MƯA DĨ VẮNG, SUỐI MƠ, NHẠC TRỪ TÌNH Á
CHÂU, NHỚ VỀ MIỀN TRUNG, TÌNH YÊU CUỐI
ĐỜI, CUNG ĐÀN THƯƠNG NHỚ.**

GIÓ CUỐN TÌNH XƯA (Giọng ca Huyền Châu)

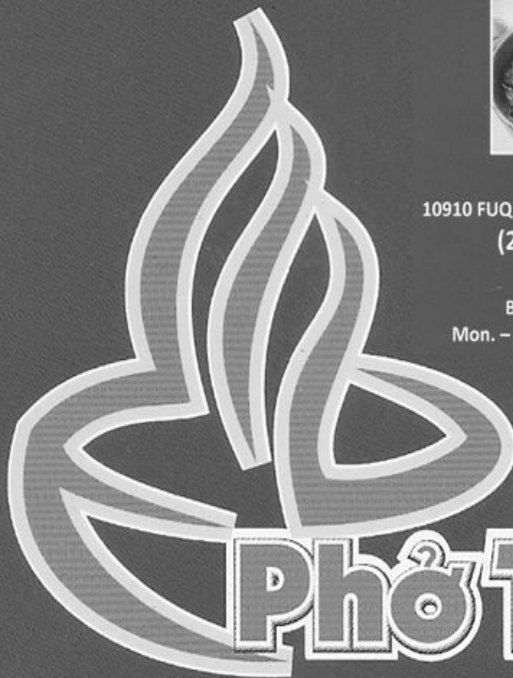
VÁ ĐỜI ĐAU THƯƠNG (Giọng ca Cẩm Vân)

Bâng Khuâng (sang tác Linh Phương- Nguyễn Túc)

**Và giới thiệu trên 30 Albums CD, Sách nhạc, và
các sáng tác của Nhạc sĩ Linh Phương. Xin Mời ghé
trang nhà :**

Linhphuongproductions.net.

Phone : 832-512-4764



10910 FUQUA ST. HOUSTON, TX 77089
(281) 481-8929

BUSINESS HOURS:
Mon. – Sun.: 8:00AM – 8:00PM

KHAI TRƯƠNG THỨ BAY NGÀY 2 THÁNG 2 NĂM 2013

281-481-8929

Chuyên Phở Bắc gia truyền do chính người Nam Định nấu

Có Tái-ướp HƯƠNG VỊ ĐẶC BIỆT

ĐẶC BIỆT: Nạm - hương vị thơm ngon.

Bún Bò Huế - Gà đi bộ khó quên

Giờ mở cửa: 7 ngày một tuần
từ 8AM - 8PM

Cần nam, nữ nhân viên chạy bàn. Xin liên lạc: 832-310-0764 (Bắc Tĩnh)

Trong thời gian khai trương:

FREE TRÁ ĐÀ
NƯỚC NGỌT
(SOFT DRINKS)

Giải khát có thêm:
Tapicca - Smootie
và nước Mía
thơm ngon
tinh khiết



CAO



Nails & Spa
Wholesale

Elegant Design



NAILS BEAUTY & SPA WHOLESALE

NƠI CUNG CẤP NHỮNG MẶT HÀNG MỖI NHẤT

ĐẦY ĐỦ TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ NGÀNH NAILS

HÀNG HIỆU GIẢ HỮU NGHỊ

GHẾ SPA DANH TIẾNG, MUA HÀNG SẼ CÓ QUÀ TẶNG

Địa điểm 1: 6787

Wilcrest Dr. #A

Houston TX 77072

Phone : 281-575-0678

Fax: 832-778-5046

Địa điểm 2: 9820

Gulf Fwy Ste C3-4

Houston TX, 77034

(inside Hongkong 5)

Phone : 713-910-3899

Find us online

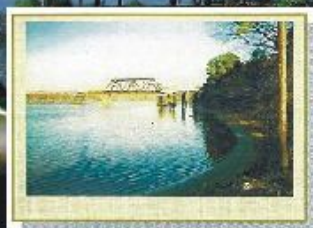
[www..caosupply.com](http://www.caosupply.com)



LOVE'S MARINA INC.

BOATING, FISHING, CAMPING, PICNICKING

Bạn đang ở Houston
Bạn là du khách từ xa đến
Nếu chưa đến thăm
LOVE'S MARINA PARK
là bạn chưa biết mùa hè rực rỡ
của Houston Hữu tình



211 Hwy 90 (old hwy 90)

CROSBY, TX 77532

Tel: 281-328-2159